

TIN 19 VĂN



thông tin - nghị luận - sáng tác văn học nghệ thuật

ĐOÀN KẾT - TỰ CƯỜNG



VĂN BÚT NAM HÒA KỲ / 9-2014

TIN VĂN

Thông tin*ng nghị luận*sáng tác*văn học*ng nghệ thuật



*VBVNHN/Vùng Nam Hoa Kỳ chủ trương
8011 Findlay st. Houston, TX 77017
Email: vanbutnamhoaky@yahoo.com
tuyha81@yahoo.com*

Phụ Trách Tổng Quát: Túy Hà
Thư Ký Tòa Soạn: Phạm Tương Như
Quản Lý: Lê Hữu Liệu

Ban Biên Tập:

Nguyễn Đức Nhơn - Phạm Ngũ Yên - Huỳnh Quang Thế - Lê Thị Hoài Niệm - Vĩnh Tuấn - Yên Sơn - Huyền Vũ - Huỳnh Công Ánh - Lan Cao - Lưu Thái Dzo - Lê Hữu Minh Toán - Lê Hữu Liệu - Linh Phương - Nguyễn Thế Giác - Phan Đình Minh - Thu Nga - Trương Sĩ Lương - Vô Tình - Diễm Nghi - Cù Hòa Phong - Mây Ngân - Lưu Nguyễn Từ Thức - Nguyễn Tuấn Chương - Dương Phước Luyện - Dương Thượng Trúc - Song An Châu - Võ Thanh Văn - Như Phong - Nguyễn Mạnh An Dân - Phạm Tương Như - Túy Hà.

Cộng Tác:

Tô Thùy Yên - Trần Hồng Văn - Vũ Tiến Lập - Nguyên Nhung - Quan Dương - Trọng Đạt - Phạm Thu Liễu - Đoàn Thy Vân - Cái Trọng Ty - Nguyễn Minh Triết - Trần Bang Thạch - S.E.Trần - Tiểu Thu. Nguyễn Lập Đông - Nguyễn Thị Thanh Dương - Thy Lan Thảo - SongThy - Dạ Dung Vũ - Ngô Thu Hồng - Kim Oanh - Trần Minh Hiền - Ngọc Anh - Trần Việt Cường - Nguyễn Phạm Thái - Chu Thụy Nguyên - Trần Yên Thụy - Như Ly - Văn Nguyên Dưỡng - Châm Hồ - Văn Ngọc Thy - Vương Hồng Ngọc - Hoàng Thị Thanh Nga - Thy Lan Thảo - Nguyễn Bá Thận. Minh Xuân 538. Phạm Tín An Ninh.

Phụ trách trang Web: BBT Tin Văn
Trình bày bản văn: Cung Bảo Bình
Hình bìa số này: (Together, điêu khắc Tuấn Nguyễn)



[http:// www.vanbutnamhoaky.com](http://www.vanbutnamhoaky.com)

2 Tin Văn



Lời vào tập

Tháng sáu, đầu hè trời se lạnh, khi cơn mưa lác qua thành phố chạm mái traller xóm Hạ nơi đặt tòa soạn Tin Văn. Tiếng gió lùa như đục giả lòng người.

Tin Văn bài vở chưa đầy, vẫn chưa viết thêm được điều gì khi lòng người đang nôn nao hồi thúc.

Tin trong nước đưa ra: Tuổi trẻ xuống đường chống tàu Cộng xâm lấn lãnh hải. Kêu gọi bảo vệ Tổ Quốc còn giương cao cờ vàng chính nghĩa...

Là tuổi trẻ một thời “khăn quàng đỏ”, là một thời “kế hoạch nhỏ” nuôi quân.

“Sáng mắt sáng lòng” một thời Tô Hữu gã làm thơ hạng bét lại trở thành đệ nhất văn nô, kiêm đồ tể diệt nhân văn giai phẩm, bức hại văn nghệ sĩ cùng thời. Nay thân xác đã bụi tro, còn vong linh chắc đang quần quai trong thiêng đường cộng sản cõi âm. Có một câu hán viết từ ngày kháng chiến:

...dậy mà đi hỡi đồng bào ơi! đã một thời biến thành khúc hát thôi thúc lòng người, đã biến thành khẩu hiệu kêu gọi nhân dân vì đảng hy sinh, bài phong đã thực. Trớ trêu thay tuổi trẻ bây giờ trong lòng quốc nội và một số văn nghệ sĩ

Cũng dùng câu ấy như là khẩu hiệu như là tựa đề cho những bài viết nhưng để hồi thúc lòng người “dậy mà đi” dẹp độc tài đảng trị. Tuyên truyền đã phản tuyên truyền. Chữ nghĩa có sức mạnh riêng của nó, đôi khi nó lại là con dao hai lưỡi.

Dòng Chúa Cứu Thế trong nước kết hợp liên tôn tổ chức họp mặt tri ân Thương Phế binh VNCH đã có hơn bốn trăm người về dự bất chấp khuyến ưngh rình rập cản ngăn.

Tôn giáo không là tổ chức chính trị, nhưng dĩ nhiên phải có ý thức chính trị, ý thức là: còn cộng sản vô thần, còn độc tài đảng trị là người dân bất kể tôn giáo nào vẫn còn bị áp bức. Những thương

phế binh VNCH đã bị gạt ra ngoài lề XHCN. Sống lang thang hang cùng hẻm cụt, sống lẫn với người đã chết nhưng họ nhất định không báo hại một ai mà vẫn kiếm sống bằng sức tàn của mình với những nghề không tên. Các vị lãnh đạo tinh thần không thể làm ngơ, bất chấp mọi đe dọa, ngăn cản vẫn tổ chức ngày tri ân. Hôm ấy có nước mắt rơi và những nụ cười rạng rỡ

Bên cạnh đó một số Cựu Quân nhân tổ chức lễ Truy Diệu Tướng Nguyễn Khoa Nam ở quê nhà. Để thực hiện việc này, họ đã đập lên nỗi sợ hãi, lấy lại hùng tâm của những quân nhân quả cảm, bất chấp những tai họa có thể giáng xuống bất kỳ lúc nào. Đây không phải là bài bình luận nên không thể bàn sâu và lại càng không thể nói rõ tại sao và tại sao những sự kiện này có thể xảy ra khi đảng cộng sản đang cầm quyền.

Quan liêu, độc tài, độc đảng vẫn là tư tưởng chỉ đạo của chính quyền Hà Nội luôn luôn đối nghịch với cụm từ dân chủ-nhân quyền. Như vậy làm sao có tự do tư tưởng, báo chí, truyền thông, nhóm họp, phát biểu, biểu tình...Đệ tứ quyền là một trong những quyền căn bản của thể chế dân chủ trên toàn thế giới, điều này không hề có tại Việt Nam ngày nay.

Nhưng, Tuổi trẻ Việt Nam với kiến thức và ý thức, đã đập lên sợ hãi khi đứng trước hiểm họa xâm lăng của bá quyền phương Bắc. Phải chăng lịch sử có nhiều lần lặp lại. Dù sao vài sự kiện nêu trên cũng có thể xem như ngọn lửa đấu tranh đã được nhen nhúm. Nhưng trái tim cạn kiệt vừa dấy lên một niềm hy vọng.

Riêng với Tin Văn đó là dấu chỉ cho một khởi sắc của ngày qua và nhọc nhằn cho ngày tới.

Khởi sắc vì :...lời tỏ tình đã có người nghe... và nhọc nhằn vì những tờ...hóa đơn in ấn.

Vẫn là ải gian nan cho người cầm bút muốn phổ biến sáng tác đến mọi người.

Bạn viết, bạn đọc và quý thân chủ quảng cáo, xin tiếp tay cho Tin văn có mặt thường kỳ để mọi người cùng có một sân chơi, một diễn đàn tiếp lửa cho những người đang đấu tranh trên chính quê hương mình bất kể thuộc tôn giáo hay thể hệ nào.

***Trân trọng
Ban Biên Tập***

4 Tin Văn



Lưu Nguyễn Từ Thức

TIẾNG SÓNG BIỂN ĐÔNG

Trời Houston sáng nay lồng gió
Cờ vàng bay rực sáng một khúc đường
Bao trái tim Việt
Hòa chung một nhịp
Thét vang rền
Đả đảo bá quyền Bắc phương
Mất rừng rừng
Miếng vang lời ca
Yêu thương
Gởi cho Hoàng Sa đã mất vào tay giặc
Gởi cho Trường Sa dù phong ba bão táp
Vẫn quyết lòng
Gìn giữ máu thịt của cha ông.
Sáng nay
đi giữa những nẻo đường Houston
Mà nghe lòng dậy sóng
Sóng Bạch Đằng vang dội buồm tìm
Ối! Mẹ Tiên
Ối Cha Rồng
Quý ngài có nghe
Tiếng sóng Biển Đông
Đang đêm ngày thét gào réo gọi...

05/2014

Lưu Nguyễn Từ Thức

Hoàng Đạo



Bài này viết năm 1938 tức cách nay 76 năm!

LTS: Bài báo này Hoàng Đạo viết năm 1938 trên Ngày Nay, tròn 76 năm, nhưng giá trị thời sự vẫn còn nóng bỏng. Đảo Hoàng Sa, mà người Pháp gọi là Paracels, đã là nguyên nhân tranh chấp giữa nhiều quốc gia thời ấy. Hoàng Đạo đã bình luận một cách tiên tri, rằng hòn đảo ấy “chỉ là của sức mạnh” Ngày nay, nó còn là kết quả của sự thần phục và tinh thần nhược tiểu.



Bia khắc Việt Nam trên đảo Hoàng Sa

Quần đảo Paracels bỗng nhiên hóa ra quan trọng.

Mấy hòn núi nhấp nhô trên mặt biển Đông, bỏ hoang đã bao nhiêu thế kỷ, bỗng nhiên ai nấy đều đến hỏi han một cách âu yếm lắm.

Nước Pháp và nước An-nam bảo là lãnh thổ của mình và cố tìm trong kho sách một những chứng cứ cổ: Người An-nam đến đảo đã hơn một trăm năm, và vua Gia Long đã có dụ sát nhập đảo vào nước Nam. Và hăng hái đem quân đến.

Nước Nhật không bằng lòng, và cả quyết nói: đảo ấy của người Nhật. Vì có người Nhật được khai khẩn trong đảo. Rồi cũng hăng hái đem quân đến.

Nước Tàu của Tưởng Giới Thạch cũng ra mặt đòi là của mình. Vì từ 1909, Tàu đã sát nhập quần đảo vào lãnh thổ Tàu rồi. Nhưng không hăng hái đem quân đến, vì có muốn cũng chẳng còn quân đâu mà kéo đến nữa.

Vậy quần đảo là của ai?

Lấy mới cũ mà nói, thì nó là của An-nam. Nhưng ở trường quốc tế, người ta không ai theo luật mới cũ cả.

Cho nên quần đảo ấy chẳng là của ai cả. **Nó chỉ là của sức mạnh.**

Rồi đây, Pháp mạnh hơn Nhật, thì nó là của Pháp. Mà nếu Nhật mạnh hơn Pháp, thì nó là của Nhật.

Còn Tàu, **cái nước to mà yếu, thì ai người ta kể đến làm gì cho nhọc.**

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 120, ngày 24/7/1938)

Than ôi!

“Cái nước to mà yếu ấy” giờ đây đã chiếm Hoàng Sa mất rồi!!

12/7/2014

CHUYỆN NGƯỜI - CHUYỆN MÌNH

Nam Giao, TL phụ trách.

LỰC LƯỢNG IRAQ - NGƯỜI KURDS - CÓ THỂ THẮNG PHIÊN QUÂN ISIS

Kể từ ngày mùng 9 tháng 6 năm 2014, quân thánh chiến Hồi giáo ISIS, vì bất đồng đường lối lãnh đạo của tổ chức khủng bố Al-Qaeda, đã tuyên bố tách rời tổ chức và đưa đạo quân hùng hậu khoảng 15,000 chiến binh tiến chiếm Mosul, thành phố lớn thứ nhì của Iraq mà không gặp một sức kháng cự nào đáng kể của quân chính phủ Iraq.

Sau trận này, ISIS đã tịch thu chiến lợi phẩm kếp-sù gồm: hỏa tiễn, chiến xa, trọng pháo, máy bay đủ loại, nói chung là quân cụ ... nhất là hơn ½ triệu Mỹ kim tiền mặt. Tổng cộng chiến lợi phẩm giá trị lên tới 2 tỷ Mỹ Kim, được đánh giá là một tài sản lớn nhất so với tất cả các tổ chức khủng bố khác.

Khi tin trên lan rộng, khiến cả thế giới bàng hoàng, lo lắng, thì Hoa Kỳ chỉ phản ứng cầm chừng. Bộ Trưởng Quốc Phòng, Chuck Hagel, ngày 15-6, ra lệnh đưa HKMH USS George HW Bush tới biển Iran với hàng chục chiến đấu cơ F18, và các loại máy bay khác, nhưng chỉ cất cánh, bay, đáp rầm rầm ngoài khơi vùng vịnh, tuyên bố chờ lệnh thượng cấp và không có ý định oanh kích các mục tiêu trên địa chiến mà quân ISIS đang chiếm đóng.

Có lẽ đám ISIS cho rằng, sự bất mãn của chính phủ Hoa Kỳ đối với Thủ Tướng Iraq, ông Maliki, trong việc điều hành quốc gia vì thiên vị phe Hồi giáo Shiite, nên Hoa Kỳ mới có thái độ hờ hững như thế. Do đó, Thủ lãnh al-Baghdadi thừa thắng xông lên, tiếp tục tiến chiếm các thành phố dẫn tới Thủ đô Baghdad như Baiji, Kirkut, Tikrit, Samarra... khá dễ dàng. Thế nhưng quân ISIS đã bị khựng lại trước sức chống trả quyết liệt của lực lượng người Kurds đang trấn giữ nơi những vùng có nhà máy lọc dầu, khiến cho Thủ lãnh ISIS là al-Baghdadi, sau một thời gian thử lửa, đã rút quân về vùng Mosul, bắc Iraq để trấn thủ và tuyên bố thành lập Nhà nước Hồi giáo (IS), gồm một phần lãnh thổ của Syria và vùng cực bắc của Iraq

làm lãnh thổ của nhà nước Hồi giáo này (IS).



ISIS MỘT TỔ CHỨC HUNG BẠO

Để thiết lập nhà nước Hồi giáo theo đúng giáo luật, ISIS đã buộc trẻ em (tuổi thiếu niên) phải nhập ngũ, được huấn luyện về quân sự và được tẩy não theo giáo luật rất nghiêm khắc; thiếu nữ buộc phải lấy phiến quân ISIS, hoặc phải trở thành nô lệ tình dục. Về tín ngưỡng, họ bắt những gia đình có tôn giáo khác, phải theo Hồi giáo hoặc phải chết.

Trong vài tuần qua, tin về quân Hồi giáo cực đoan ISIS đã thăm sát những người theo Thiên Chúa giáo (TCG) làm cho thế giới bàng hoàng. Họ là Kitô hữu đã sống ở miền bắc Iraq và Syria trong gần hai ngàn năm qua cho tới nay. Tuần trước, người Kitô hữu đã được cảnh báo, hoặc rời khỏi thành phố Mosul và các khu vực khác dưới sự kiểm soát Nhà nước Hồi giáo IS, hoặc họ sẽ phải trả một khoản thuế rất cao do nhóm Hồi giáo ISIS tự đặt ra, hoặc bị xử tử bằng cách chặt đầu rất dã man.

Trong những vùng đã bị quân Hồi giáo ISIS chiếm đóng, rất ít tin tức được lọt ra ngoài, còn tin tức và hình ảnh giết người, do chính họ đưa ra thì chúng ta chỉ thấy được một phần rất nhỏ. Thế nhưng, hình ảnh đó cũng đã nói lên tinh chất dã man và khủng khiếp không thể nào tưởng được.

Trong vài ngày qua những hình ảnh vô cùng "ác độc dã man" đã cho thấy: một bé gái Kitô hữu mới 2 tuổi bị chặt đầu trước mặt mẹ và những người thân (A Christian girl beheaded by ISIS terrorists. There is no doubt that we face genocide.) Một nhóm tám thanh niên Kitô hữu cũng đã bị lôi ra đóng đinh vào Thập tự giá và tra tấn hành hình, cắt cổ liền sau đó.

Rất nhiều Kitô hữu đã trốn thoát được, kể lại là họ bị tước đoạt tất cả tài sản, đồ trang sức, tiền bạc, xe cộ, ngay cả thức ăn và nước uống cũng bị tịch thu, ngoại trừ quần áo đang mặc trên người.

Tin mới nhất tuần qua, ước tính có khoảng 200.000 Kitô hữu sống trong khu vực bắc Iraq, nhưng số người bị sát hại vẫn chưa thể kiểm chứng chính xác. Riêng ở Mosul, họ đang phải trốn trên các dãy núi ở Barren Sinjar với người Yazidis, lánh nạn trong các hang động, chịu sự đói khát bệnh tật, và hàng trăm người khác thì đi lang thang trong sa mạc mà không có ai giúp đỡ.



IRAQ CÓ TÂN TỔNG THỐNG & TÂN THỦ TƯỚNG

Thế rồi, một biến cố quan trọng khác xảy ra là việc ông Fuad Massoum, một chính trị gia người Kurd, được bầu làm tân Tổng thống Iraq vào ngày 24-7, cho thấy Quốc

hội đã chứng tỏ quyết tâm đưa Iraq trở thành một quốc gia đoàn kết theo hiến pháp. Ông Massoum, 76 tuổi, thắng cử với 211 trên 269 phiếu ủng hộ, được xem là một người ôn hòa, mềm mỏng, vốn nổi tiếng vì thành tích giữ được mối quan hệ tốt đẹp với các chính khách Ả Rập dòng Sunni và Shiite. Các bình luận gia thời sự cho rằng: “Việc đắc cử của tân Tổng thống Fuad Massoum đã phá vỡ những bế tắc chính trị trước đây”.

Hoa Kỳ đã gửi lời chúc mừng tới tân Tổng thống Iraq, Fuad Massoum, đồng thời kêu gọi nhà lãnh đạo mới của quốc gia này nhanh chóng thành lập một chính phủ đoàn kết nhằm đối phó với các tay súng Hồi giáo cực đoan ISIS. Theo thỏa thuận không chính thức về chia sẻ quyền lực ở Iraq, thì chức vụ Tổng Thống được giao cho người Kurd; vị trí Chủ tịch Quốc Hội dành cho người Sunni; còn vai trò Thủ Tướng là của người Shiite. Theo hiến pháp, các nghị sĩ có 15 ngày để bầu chọn Thủ Tướng.



Quốc Hội đã bầu ông Haider al-Abadi làm Thủ tướng. Cũng may là TT Maliki vừa tuyên bố không tái ứng cử và ủng hộ tân Thủ Tướng Abadi thành lập nội các đoàn kết Iraq để cứu nước: "Hôm nay tôi xin loan báo với quý vị, để tạo điều kiện thuận lợi cho tiến trình chính trị và

cho việc thành lập chính phủ mới, tôi rút lại việc tái ứng cử để nhường chỗ cho người anh em của tôi là Tiến sĩ Haider al-Abadi." Ông Maliki tuyên bố.

Thủ tướng mới của Iraq, al-Abadi sẽ phải đối mặt với một nhiệm vụ rất gian nan là xây dựng lại sự đoàn kết quốc gia đã bị sụp đổ trong những tháng vừa qua. Ông bày tỏ sự tin tưởng là người dân Iraq sẽ đoàn kết với nhau để đánh bại những phần tử cực đoan, những người đã gây ra rất nhiều chết chóc và tàn phá nước ông và đe dọa tới an ninh của nhiều nước khác trên thế giới.

Một điều chắc chắn rằng, Iraq muốn giữ được sự toàn vẹn thì nhất thiết phải bảo đảm cân bằng quyền lợi của các nhóm sắc tộc, tôn giáo chính là Sunni, Shiite và Kurd... Trong suốt lịch sử gần 14 thế kỷ nay, dòng Shiite và Sunni của Hồi giáo chưa bao giờ ngừng xung đột với nhau mà những gì đang diễn ra tại Iraq là một minh chứng rõ nhất. Những tranh chấp sắc tộc tại Iraq từ lâu là căn nguyên của mọi cuộc khủng hoảng tại quốc gia này. Việc phiến quân Hồi giáo Sunni (ISIS) đang tung hoành ở các tỉnh miền bắc Iraq, xét về nguồn gốc, cũng xuất phát từ những xung đột quyền lực giữa hai hệ phái Shiite và Sunni.

HOA KỲ CỨU TRỢ NHÂN ĐẠO...

Cuối cùng, dưới một hình thức khác, Hoa Kỳ vẫn phải trở lại Iraq, do hai biên cố trên đưa đẩy. Mặc dù Tổng Thống Barack Obama nói sẽ không đưa quân trở lại chiến trường mà ông từng hãnh diện là người chấm dứt cuộc chiến “sai lầm” “ngu xuẩn”, nhưng quyết định oanh tạc những cứ điểm của Islamic State (IS) để ngăn chặn tình trạng “diệt chủng” có thể xảy ra với tập thể thiểu số thuộc giáo phái Yazidi, cũng như để chặn đường tiến của lực lượng Hồi Giáo quá khích này trước cửa thủ phủ Erbil trong vùng tự trị của người Kurds, chứng tỏ ông vẫn không thể ngồi yên.

Song song với những hoạt động quân sự đó, Hoa Kỳ còn lập cầu không vận, thả thực phẩm, nước uống và thuốc men xuống giúp 50,000 người Yazidi đang bị các tay súng ISIS bao vây, truy đuổi, phải chạy trốn trên đỉnh núi Sinjar nằm giữa sa mạc.

Các giới chức hành pháp Hoa Kỳ cho biết tất cả mọi quyết định đều được Tổng Thống “cân nhắc rất kỹ lưỡng” trước khi ban hành, dẫn chứng được đưa ra là “những gì nên làm, cần làm đã được Hội Đồng An Ninh Quốc Gia bàn thảo trong 2 tuần lễ liên tiếp”, trước khi Tổng Thống Obama đọc bài phát biểu thông báo quyết định của ông vào tối thứ Năm 2 tuần trước, ông đã nói rõ 3 điều: thứ

nhất “chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ”, thứ nhì “nước Mỹ đến để trợ giúp (những người đang gặp nạn)”, và thứ ba: "không đưa quân bộ chiến, tức binh sĩ Mỹ sẽ không trở lại chiến trường Iraq."

Có thể quyết định mang tính nhân đạo của Tổng Thống Obama khiến dân chúng Mỹ hài lòng và cam kết không gửi quân trở lại chiến trường giúp mọi người an tâm, nhưng hoàn toàn đi ngược lại những gì ông đã nói với cử tri 5 năm trước đây khi vừa khởi đầu cuộc vận động tranh cử tổng thống với chủ đề rút quân khỏi Iraq. Trong buổi tiếp xúc với báo chí tại New Hampshire hồi tháng Bảy 2007, ông nói rõ “không dời lịch trình rút quân”, kể cả trường hợp có thể ngăn chặn cuộc “nội chiến dẫn đến diệt chủng” giữa các sắc tộc, tôn giáo, mà các nhà phân tích chính trị lẫn quân sự vẫn nói tới. Nguyên văn lời ông: “Nếu (diệt chủng) là tiêu chuẩn chúng ta đặt ra để quyết định gửi quân thì bây giờ chúng ta đã phải đưa 300,000 binh sĩ vào Congo, nơi có hàng triệu người bị giết vì cuộc chiến giữa các sắc tộc”. (Theo NVK)



...VÀ YẾM TRỢ NGƯỜI KURDS

Hoa Kỳ hiện đang hỗ trợ tích cực Iraq chống lại lực lượng phiến quân Hồi giáo ISIS bằng việc gửi hàng trăm cố vấn quân sự tới Baghdad và cung cấp tin tức tình báo. Ngoài ra, không lực Hoa Kỳ còn tiến hành các phi vụ không kích nhắm vào phiến quân ISIS trong tuần qua, và ủng hộ lực lượng Iraq - người Kurds.

Hoa Kỳ đã mở rộng các cuộc không kích có mục tiêu nhắm vào các phần tử chủ chiến Quốc gia Hồi giáo IS ở miền bắc Iraq, vào lúc lực lượng an ninh Iraq tiến quân chiếm lại Đập Mosul chiến lược. Chủ tịch Ủy ban Tình báo Hạ viện Hoa Kỳ tuyên bố các cuộc không kích và thiết bị cung cấp cho chiến binh Kurd đã giúp kéo chậm đà tiến quân của ISIS ở khắp Iraq.

Tổng thống Obama đã gửi một bức thư cho các nhà lãnh đạo quốc hội Mỹ loan báo quyết định cho phép thực hiện các cuộc không kích có mục tiêu để hỗ trợ cho lực lượng Iraq trong nỗ lực chiếm lại Đập Mosul từ tay các phần tử chủ chiến IS và gọi đập này là “một địa điểm hạ tầng cơ sở quan trọng.” Ông Obama cảnh báo rằng việc đập này không hoạt động “có thể đe dọa đến đời sống của một số lớn thường dân, gây nguy cơ cho nhân viên và cơ sở của Hoa Kỳ, trong đó có Đại sứ quán ở Baghdad, và gây trở ngại cho chính phủ Iraq trong việc cung cấp dịch vụ thiết yếu cho dân chúng.”

Nữ phát ngôn viên của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, bà Caitlin Hayden, nói các hoạt động mang tính cách hạn chế về thực chất, thời gian và quy mô. Bà nói các hoạt động này được tiến hành với sự phối hợp và theo lời yêu cầu của chính phủ Iraq. Đồng thời, Bộ Chỉ huy Trung ương Hoa Kỳ cho biết các cuộc không kích, lần thứ nhì trong khu vực hai ngày qua, đã được tiến hành bằng cách sử dụng các máy bay tấn công và chiến đấu, đã phá hủy 3 chiếc xe có vũ trang của IS, một súng đại bác chống máy bay đặt trên xe của ISIS, một trạm kiểm soát của ISIS và một dàn thuốc nổ tự chế.

Thoạt tiên, Hoa Kỳ chỉ mở các cuộc không kích hồi đầu tháng này, nhắm vào các phần tử nổi dậy, một phần để ngăn chặn việc sát hại hàng ngàn người Yazidis bị kẹt trên núi Sinjar ở miền bắc Iraq. Nhà khoa học chính trị kỳ cựu của Rand Corporation và cũng là cựu sĩ quan Quân Lực Hoa Kỳ, ông Rich Brennan nói các cuộc không kích mới nhất là mở đầu cho điều ông gọi là một sự “can dự có suy xét kỹ hơn” ở Iraq.

“Lập luận trước đây, Tổng Thống đưa ra về sứ mạng nhân đạo và sự trợ giúp hạn chế mà chúng ta sẽ dành cho Iraq, theo tôi là không thực tế trong bối cảnh hình thức viện trợ mà phía Iraq cần đến. Và do đó, vào thời điểm này, điều mà phía Iraq cần là sự hỗ trợ trong việc tìm cách giúp thực hiện hoạt động và sự hòa nhập giữa “trên không và trên bộ” để tìm cách đẩy lui ISIS. Chúng ta cần một đường lối chiến lược về mặt làm thế nào để tham gia, làm thế nào để các đồng minh Tây phương của chúng ta sẽ tham gia, cũng như các quốc gia trong khu vực sẽ trợ lực để đẩy lui ISIS.”

Xuất hiện trong chương trình “Face the Nation” của đài truyền hình Mỹ CBS hôm qua, chủ tịch ủy ban Tình báo Hạ viện Hoa Kỳ, dân biểu Mike Rogers, cảnh báo về mối nguy hiểm liên tục do nhóm chủ chiến Sunni đề ra. “ISIS nay là một tổ chức khủng bố có

quân đội. Điều đó khiến họ trở thành rất nguy hiểm, xe tăng, máy bay trực thăng, trọng pháo, tiền bạc... Tất cả những thứ đó tương đương với một tình hình khá nguy hiểm.” Ông Rogers cho rằng dù sao, lực lượng trên bộ của người Kurds này được vũ trang tốt hơn, và đang chiếm lại phần đất bị mất.

“Do đó, phía chiến binh “Peshmerga” người Kurds đã có một sách lược rõ ràng, được vũ trang thêm một chút và nay có thêm phần yểm trợ trên không, cả từ phía Không lực Iraq lẫn Không lực Hoa Kỳ, rất hữu hiệu. Và họ đã đạt được tiến bộ thực sự quanh đập Mosul. Giao tranh vẫn tiếp tục, nhưng dường như họ đã chiếm được thế thượng phong và đang đẩy lùi các đơn vị ISIS, rút lui khỏi đập. Đập này là một lợi thế chiến lược, điều quan trọng phải chiếm được trước khi tiến vào Mosul.”

Chuyên gia phân tích Brennan cảnh báo rằng các phần tử chủ chiến IS đề ra một mối đe dọa trong khu vực, ngày càng mang tính quốc tế, nếu không bị ngăn chặn ngay bây giờ: “Ước tính có tới 1.000 người có liên hệ với ISIS, mang thông hành hoặc tới Hoa Kỳ, Canada, Australia hay các đồng minh Tây phương ở châu Âu.” (Theo VOA)

EU HỢP VỀ BIẾN LOẠN ISIS - IRAQ

Các bộ trưởng ngoại giao Liên hiệp Châu Âu đã có những cuộc thảo luận khẩn cấp nhằm đưa ra một đáp ứng thống nhất đối với việc vũ trang cho người Kurds hiện đang chiến đấu chống lại những phần tử Hồi Giáo cực đoan tại Iraq. Hội nghị tại Brussels diễn ra một ngày sau khi Thủ tướng Nouri al-Maliki phải từ chức dưới áp lực quốc tế và ủng hộ TT Al-Abadi thay thế ông.

Trình trạng này có thể khuyến khích viện trợ quân sự của nước ngoài to lớn hơn cho Iraq, là nước đang chiến đấu chống lại những phần tử chủ chiến thuộc nhóm Nhà nước Hồi Giáo hiện chiếm một phần lớn lãnh thổ vùng tây bắc của Iraq. EU chia rẽ về cách thức giải quyết cuộc khủng hoảng. Một số nước, trong đó có Anh và Pháp, theo sự dẫn đạo của Hoa Kỳ trong việc giúp vũ trang các lực lượng người Kurds với quân số đông đảo. Những nước khác, trong đó có Đức, không muốn dính líu vào cuộc tranh chấp mà chỉ muốn viện trợ nhân đạo.

Áp lực đối với EU ngày càng tăng đòi họ giúp chặn đứng những cuộc tấn công của các phần tử chủ chiến ISIS. Các phần tử này cảnh báo là có thể sử dụng lãnh thổ chiếm được để phát động những cuộc tấn công vào phương Tây.

TRUY LÙNG THỦ LÃNH ISIS

Có nguồn tin Hoa Kỳ đã thành lập một đơn vị đặc nhiệm nhằm truy lùng thủ lĩnh của nhóm Nhà nước Hồi giáo (IS) đang gây ra hàng loạt vụ thảm sát đẫm máu, dẫn đến tình trạng hỗn loạn tại Trung Đông. Khoảng 100 nhân viên của Cơ quan Tình báo Trung ương Mỹ (CIA) và các lực lượng đặc nhiệm đang truy bắt Abu Bakr al-Baghdadi, 42 tuổi, còn được gọi là “bóng ma”, vì hầu như tay “trùm” này không để lại dấu vết nào dù đứng đầu một lực lượng đáng sợ.

Theo báo Mirror (Anh) hôm 18-8, đây là hoạt động chống khủng bố lớn nhất của Hoa Kỳ kể từ khi tiêu diệt thủ lĩnh Osama bin Laden vào năm 2011. Bằng cách sử dụng máy bay do thám không người lái, máy bay chiến đấu, vệ tinh, các chuyên gia tình báo đang thu thập dữ liệu từ các cuộc gọi và hoạt động của IS tại Iraq và Syria. Một nguồn tin cho biết: “Khó nắm được hành tung của Al-Baghdadi nhưng cuối cùng hắn cũng sẽ sa lưới.” Lực lượng hùng hậu của Al-Baghdadi gồm 25.000 tay súng đã chiếm đóng nhiều vùng đất của Iraq và tàn sát hàng ngàn người trong quá trình thành lập nhà nước IS tại Syria và Iraq chỉ mới vài tháng.

LỜI KẾT

1) Hai cuộc bầu cử Tổng Thống Iraq, ông Fuad Massoum (người Kurds), xảy ra trong tháng 7 vừa qua, và việc chọn đúng ông Al-Abadi (người Shiite) làm Thủ Tướng từ đầu tháng 8 này chính là hai nhân vật hòa hợp cần có trước giai đoạn khó khăn nhất của quốc gia Iraq. Chính sự hiện diện của họ trên chính trường Iraq, thật sự đã làm cho Hoa Kỳ và Âu châu thay đổi thái độ từ tiêu cực đến tích cực.

2) Xem ra khi Hoa kỳ vươn tay yểm trợ bằng không lực, chỉ nghe tiếng gầm xé trời của phản lực cơ phát xuất từ HKMH ngoài khơi biển Iran, thì lực lượng Iraq, nhất là người Kurds vốn có liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ trước thời bạo chúa Saddam Hussein đã lên tinh thần lắm rồi. Người Kurds, tuy là dân thiểu số, chỉ khoảng 5 triệu sống tại mạn bắc Iraq, nhưng truyền thống đấu tranh để sinh tồn của họ thật cao cả. Sức chiến đấu, chịu đựng và hy sinh của họ đáng làm cho chúng ta phải khâm phục. (Xem tiếp về người Kurds kỳ tới).

Nam Giao, TL

(Tổng hợp & nhuận sắc)



Nguyễn Văn Trường THÂN PHẬN CON NGƯỜI

■.MỞ ĐẦU: *Felix Culpa*

1. Câu chuyện Trái Cấm.

1.1. ‘Rắn là loài xảo quyệt nhất trong mọi giống vật ngoài đồng, mà Đức Chúa là Thiên Chúa đã TẠO ra. Nó nói với người đàn bà: “*Có thật Thiên Chúa bảo: các người không được ăn hết mọi trái cây trong vườn không?*” Người đàn bà nói với con rắn: “*Trái của các cây trong vườn, thì chúng tôi ăn được, trừ trái trên cái cây ở giữa vườn, Thiên Chúa đã bảo: các người không được ăn, không được động tới, kéo phải chết.*” Rắn nói với người đàn bà: “*Chẳng chết chóc gì đâu! Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ như những vị thần biết điều thiện, điều ác.*” Người đàn bà NGHĨ RẰNG trái cây đó ăn thì ngon, trông thì đẹp mắt, và đáng quý, vì làm cho mình được tỉnh khôn. Bà liền hái trái cây mà ăn, rồi đưa cho cả chồng đang ở đó với mình CÙNG ăn.’^[1]

Thế rồi, tổ tông loài người - Adam và Eva - bị phạt. Chúa phán với Adam: “*Người sẽ phải cực nhọc mọi ngày trong đời người, mới kiếm được miếng ăn từ đất mà ra. Người sẽ phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn, cho đến khi trở về với đất, vì từ đất, người đã được lấy ra. Người là bụi đất, và sẽ trở về với bụi đất.*”^[2]

1.2. **Trái cấm** - the forbidden fruit - cũng có tên là trái tri thức - fruit of knowledge, còn có tên là - trái cho sự biết thiện và ác - fruit of knowledge of good and evil.

a/ Nói là **trái của tri thức**, trái của sự biết thiện và ác, vì ăn nó xong, Adam và Eva biết thiện, biết ác, thị phi hai ngã. Nói là trái tri thức cũng vì ăn nó xong, Adam và Eva biết xấu hổ: ý thức về mình - nói riêng, **bản năng và dục tính, về môi trường chung quanh, về cái khác mình**. Nói rộng hơn là biết nhiều ‘mặt đối lập’ của một sự việc: Phải quấy, đúng sai, giả chân, tốt xấu, hay dở, được thua, thành bại, mạnh yếu, nhanh chậm, vui buồn, bạn thù, tôi và môi trường... Một cách tổng quát hơn, Đông Phương gọi là âm dương.

b/ Nói là **trái cấm**, vì Chúa cấm không được ăn..

2. Có người gọi cái tội tổ tông là Félix Culpa - Phước Tội. Tội nhưng cũng là phước.

2.1. **Tội:** Vì làm trái lời của Chúa. Và bị răn phạt:

- Bị đuổi xuống trần .

- Eva: đau đớn khi thai nghén, cực nhọc lúc sinh con.

- Adam: Phải đổ mồ hôi trán mới có bánh ăn. Chết sẽ trở về với cát bụi.

Cũng là tội vì Adam và Eve *đánh mất sự trong trắng*, bắt đầu xa rời Chúa.

Tội lỗi không chỉ trong nghĩa đen - không vâng lời Chúa - tội lỗi còn có thể hiểu là con người mang Satan hay Ma Vương ngay trong tự thân.

Lòng con người có hướng thiện, muốn điều lành, hướng lòng mình về Thiên Chúa, nhưng Satan đã ở sẵn, nằm sâu trong tiềm thức, trong dục tính, dục tình. Tuân tử [3] khẳng định: ‘Nhơn chi tính ác’. Con người vốn ác. Plautus [4] cũng có nói: ‘Homo homini lupus’ - con người là sói với con người.

Tuy ý thức thiện ác, nhưng con người cũng theo sự thúc dục của bản năng và dục tính mà hành sự. Theo đó thường bước qua những giới hạn của tình lý mà gây nên tội.

Nói chung Thánh và Satan, Phật và Ma Vương cùng hiện hữu trong tâm thức con người. Có lẽ vì vậy mà người Mỹ cũng gọi Holy Spirit là Ghost Spirit.

2.2 Và cũng là *Phước*:

- *Phước* là vì nhờ đó mà có loài người. Có chúng ta hôm nay.

- *Cũng là phước* vì chúng ta biết thiện ác. Và trong giới hạn này, *con người trở thành như Chúa [5]*.

- Khi biết bên nặng bên nhẹ, bên thiện bên ác, thì ắt có lựa chọn. Muốn chọn bên nào cũng được. *Vậy phước còn là có tự do lựa chọn*. Mở đầu cho khái niệm tự do cho con người.

- Cũng là phước vì ‘nhàn cư vi bất thiện’ - nhàn rồi không tốt cho con người. ‘Tay làm hàm nhai là phải.’ Không có cái gì là miễn phí. Nói theo người Mỹ: ‘There is no such things as a free lunch.’

- Phước nhất là: Trong con người có Ngôi Thứ Ba - Chúa Thánh Thần. Hay nói theo nhà Phật, mỗi người đều có Phật Tính. Điều này mở ra cho con người con đường trí huệ.

■. **THÂN PHẬN CON NGƯỜI**

Thân phận như định mệnh, trời sinh ra thì phải thế. Cho nên, tôi nhờ câu chuyện ‘ăn phải trái biết thiện biết ác’ mà dẫn nhập vào đề. Là con người--thì ắt phải biết thiện biết ác. Đảo lại bất cứ sinh vật nào mà biết thiện biết ác LÀ CON NGƯỜI. Như vậy có thể

nói biết thiện biết ác là một điều kiện cần và đủ để làm người. Cũng vì vậy mà gọi đó là một quan điểm về thân phận. ***Trong ba phần đầu chúng ta bàn về thiện ác, phần thứ tư dành cho quan điểm về thân phận.***

Một.

Thế nào là thiện, thế nào là ác? Xưa, ở VN ta thì “Thương cho roi, cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi”. Ở Pháp và Mỹ cũng tương tự. “Qui aime bien châtie bien”. “Spare the rod, spoil the child”. Xưa như vậy—cho roi vọt— là thiện, là xây dựng đứa con, dạy dỗ cho nó thành người. Nhưng nay mà còn cho con roi vọt, thì ở Mỹ này, và có thể ở Pháp, cha mẹ sẽ gặp những phiền toái nhất định với chánh quyền. Riêng ở Mỹ, chắc chắn cơ quan CPS, nếu biết, sẽ can thiệp ngay, và người cha hay mẹ, mà cho con roi vọt, phải gặp nhiều rắc rối, phiền phức, có khi còn phải ra tòa. Vậy có nên chăng kết luận rằng không có cái thiện của muôn nơi muôn thuở. Và tương tự, không có cái ác của muôn nơi muôn thuở.

Không có thiện tuyệt đối, không có ác tuyệt đối?

Hoặc là: Thiện ác tùy qui định của một xã hội cụ thể, của một nền văn hóa cụ thể, và vào một thời khoảng cụ thể? Theo đó, cái thiện hay ác ở VN, vào một thời điểm nào đó, không là thiện hay ác ở Indonesia cùng thời điểm hay ở một thời điểm khác. Hay nói theo Pascal: ‘Sự thật bên này dãy Pyrénées là sai ở phía bên kia [6].’ Hiểu rằng: Sự thật là thiện, cái sai là ác. Trong một nền văn hóa có những nền văn hóa con, và nền văn hóa cháu, chất mà chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này. Thí dụ: Các bác sĩ - hay kỹ sư, hay thợ mộc, thợ máy...có một nếp sống, ngôn ngữ và những giá trị riêng của họ, và nếu họ ở VN, thì họ tạo nên một nền văn hóa con của nền văn hóa VN. Gia phong, gia đạo là những nền văn hóa con của nền văn hóa môi trường sống. Và như vậy, mỗi cá nhân đều có một nền văn hóa riêng, một thang giá trị riêng, dù rằng chịu ảnh hưởng gia phong, chịu ảnh hưởng môi trường sống.

Theo đó, thiện là cái gì thuận cho cá nhân mình, và ác là cái gì nghịch ý của mình, có phải vậy không?

Tóm lại, câu hỏi một có ba phần:

1-1. *Không có thiện không có ác tuyệt đối, ở muôn nơi muôn thuở?*

1-2. *Thiện ác được qui định bởi thang giá trị của môi trường sống ở một thời điểm hay thời khoảng lịch sử nhất định?*

1-3. *Thiện chủ quan? Cái gì thuận cho mình là thiện? Cái gì nghịch với mình là ác?*

Hai

Sư dạy: ‘Mọi người đều có Phật Tính.’ Sư cũng nói: ‘Phật cũng có dạy: ‘Phật cao bao nhiêu thì Ma Vương cũng cao bấy nhiêu.’ Tôi không mấy khi tin ở Sư, vì rằng tôi chưa sẵn sàng để được ban pháp. Tuy nhiên, về điều này thì tôi tin. Nói rõ hơn, tôi tin rằng Phật thì thiện mà Ma Vương thì ác; tôi cũng tin rằng trong mỗi người đều có Phật tính, và cũng có Ma tính.

Tôi cảm nhận trong tôi có một thang giá trị để phê phán: thiện ác, đúng sai, phải trái... và tôi sống theo thang giá trị đó; tôi luôn muốn mình hành thiện, làm phải, tri hành hợp nhất và đúng. Đồng thời, tôi cũng bị thất tình lục dục sai khiến, có những thèm muốn tà tâm mà tôi nghĩ rất là người. Lắm khi những thứ ấy ẩn náu trong tận sâu xa, trong tiềm thức mà tôi không hay biết, và tôi chỉ nhận ra sau khi đã làm điều đáng tiếc. Lòng muốn biết thiện, làm thiện là ông thiện trong tôi. Những thúc đẩy do tà tâm là ông ác trong tôi. Thiện cũng là tôi mà ác cũng là tôi. Mặt khác, có những cái tôi biết, có những việc tôi mù. Cái biết của tôi soi sáng cho tôi: đó là Ông Thiện. Cái không biết của tôi, phần mù của tôi: đó là Ông Ác.

Câu hỏi thứ hai gồm 4 phần:

2.1. *Trong mỗi người có một tầng trên, biết thiện ác, và ai ai cũng có một tâm lý hướng thiện: đó là Ông Thiện. Cũng có một tầng dưới, sâu trong tiềm thức những đòi hỏi rất là người mà không biết thiện ác là gì, như quỷ đói, đòi con người phải đáp ứng thỏa đáng cho kỳ được. Có phải vậy chăng?*

2.2. *Cái biết của con người thì giới hạn, cái không biết của con người thì vô cùng. Nếu cái biết của mình là Ông Thiện. Cái không biết của mình là Ông Ác, thì ra: trong cái nhìn này, Ma vương trong con người cao hơn Phật?*

Trong cái nhìn ‘biết và không biết,’ một ông bạn tôi, trong một buổi thuyết trình, cách đây khoảng hai thập niên, có nhận xét: ‘cái biết của con người mỗi ngày một rộng, luôn mở rộng giới hạn của nó và theo đó đẩy lùi huyền học. Ví như ánh sáng đến đâu thì bóng tối phải nhường bước.

Có thật như vậy không? Nếu thật, thì mong được quý vị cho một thí dụ minh họa nhận thức này. Nếu được trong lãnh vực y khoa hay thần học thì quá tốt?

2.3. Còn có những nét gì khác nữa trong con người mà ta có thể sánh với Phật và Ma?

2.4. Nếu thật có cái gốc Ma trong con người, và nếu con người không ngừng tiến bộ thì đời người - hay loài người - là một chuỗi dài trừ diệt ma chướng. Hay nói theo Nhà Thờ, sanh ra đã có tội, và cuộc đời là một chuỗi rửa tội, diệt quần ma? Hay nói theo nhà Chùa thì cuộc đời là một chuỗi dài giác ngộ--ngộ rằng mình sai, ngộ rằng mình đang mê ngủ--rồi tỉnh thức, sửa sai, và như thế mãi...đúng - sai, sai - đúng,...?

Ba

Có người bảo: thiện ác là hai mặt của một đồng tiền. Nói cách khác: số 0 và số 1 của hệ thống nhị phân trong toán học.

Phải ít nhất là hai-khác biệt - mới kết hợp được với nhau mà sinh ra vô cùng.

Chỉ sáu hào tiền, mà sinh được 64 quẻ Dịch.

Từ 0,1 sắp vào 8 chỗ, người Mỹ gọi là byte, chấp những bytes với nhau, theo những qui định cụ thể - một thứ văn phạm - ta có ngôn ngữ của các máy tính điện tử; thí dụ: Pascal, Fortran, Cobal, C, C++, Java,...

Nói khác hơn nữa '0, 1' là âm dương.

Âm dương tương khắc mới sinh ra vô cùng.

Thiết nghĩ, người đàn ông-tượng trưng cho dương tính-dù có giỏi như Phù Đổng Thiên Vương, hay Tề Thiên Đại Thánh cũng không sanh con đẻ cháu được. Cũng tương tự một phụ nữ-tượng trưng cho âm tính-dù có tài như bà Nữ Oa đội đá vá trời, mà không có người đàn ông thì cũng không sanh sản được. Phải đủ âm dương, mới sanh một rồi hai, nhiều và vô số. Cho nên xưa có câu: Lưỡng Nghi sinh Tứ tượng, Tứ tượng sinh Bát Quái...

Câu hỏi duy nhất:

Có nên tổng quát hóa các khái niệm thiện ác, đúng sai, phải trái, phước tội, mê ngộ, giả chân, phàm thánh... gồm tất cả vào hai chữ 'âm dương?'

Bốn

Âm dương tương khắc, tương sinh. Cái này dứt khoát đối nghịch với cái kia, nhưng cái này cũng xác định cái kia. Cái này là nhân và cái kia là quả, của nhau. Không có cái này thì làm gì có cái kia.

Âm dương cũng tương tác và là nguồn cho sự không ngừng biến đổi của những chuỗi dài sinh tử, tử sinh, còn mất, mất còn. Âm dương nói thiện ác, phải trái, đúng sai, hay dở, trên dưới, sang hèn, xấu tốt, phước tội, ..., nói chung là hai mặt đối lập của mọi sự việc. Trong âm có dương, trong dương có âm - như trong lá cờ của Nam Hàn.

Vậy

4.1. Trong thiện có ác, trong ác có thiện?

Âm có cái lý, sự, và cái thật của nó. Dương có cái lý, sự, và cái thật của nó. Nói cách khác hai bên thiện ác, đối kháng nhau, nhưng bên nào cũng có cái lý và cái thật của nó.

Nếu được như vậy thì dưới đây là quan điểm thân phận làm người mà tôi muốn trình làng:

4.1. Thân phận con người là Âm-Dương. Nó nằm trong ý, nghĩa và tình của hai chữ Âm Dương trong những bối cảnh sống cụ thể của mỗi người.

Cho phép tôi lấy một hình ảnh để minh họa điều này:

Con người không khác người đi dây trong gánh xiếc, lúc nghiêng bên này-âm, lúc nghiêng bên kia-dương. Chỉ có khác, là người đi dây được tập luyện nhuần nhuyễn, lập đi lập lại một thao tác cả ngàn lần có thể đứng lại, đi tới, đi lui, hay cả nhảy múa trên dây, và có những biện pháp an toàn bảo vệ khi rủi ro bị té ngã. Còn với con người, cái dây là đường đời, bên dưới là vực thẳm, và chẳng bao giờ có dịp gặp lại một tình huống in hệt để thao tác, tập luyện; và trong bất cứ tình huống nào cũng phải bước tới; nếu mất thăng bằng, rơi xuống, thì kết thúc cuộc đời. Mưa nặng giọt, đông bão, tuyết lạnh, cũng phải bước tới. Mỗi phút, mỗi giây, là một tình huống mới. Đó là thân phận.

Thân phận của con người vì thế mà động. Động là không tĩnh. Động là năng động. Đời người là đổi thay, con người là đổi thay. Luôn tiến về phía trước. Phía trước là cái mới. Cái mới là cái chưa biết, có lắm chuyện bất ngờ, bất cập, không tiên đoán được. Vậy có thể nói thân phận con người là một thân phận phiêu lưu, bất ổn, hiểm nguy rình rập, xảy ra không biết bất cứ lúc nào. Điều này tạo cho con người một tâm trạng bất ổn. Thế nên con người luôn thèm muốn một sự ổn định bền vững, một tịnh độ vĩnh hằng, một thiên đàng vĩnh cửu,... Đó là một tâm trạng mâu thuẫn với thân phận, và có thể là nguyên nhân của khổ đau.

Sống, luôn là thay đổi, trở thành một cái gì đó. Chết, đối nghịch với sống, là một cái gì đó không đổi thay, bất di dịch, vĩnh hằng, vĩnh cửu. Như vậy, nước tịnh độ, thiên đàng, niết bàn, cái thêm muốn nhất của con người, để an ổn, phải chăng là cõi chết?

4.2. Cũng phải ghi rằng: ‘Người đi dây có luyện tập, thì con người –tuy không được tập luyện như người đi dây-nhưng cũng được dạy để chung sống với đời. Có thể đó là những nguyên lý thực tiễn như ‘chồng quan sang, vợ hầu đẹp, thần tiên chi nhất thế,’ hay chung chung như: để ‘có danh gì với núi sông’, hoặc ‘không thành danh cũng thành nhân,’ Từ lọt lòng mẹ cho đến trưởng thành, con người được dạy dỗ mọi thứ: ăn uống, cầm đũa, muỗng, nĩa, dao, ‘ăn coi nòi ngời coi hướng,’ rồi vào trường thì ‘tiên học lễ, hậu học văn’, ‘gọi dạ, bảo vâng’, ‘nhân, nghĩa, lễ, trí, tín,’ ‘cách vật, trí tri, cùng lý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ,’....Nói chung gia đình, học đường luôn uốn nắn con người theo những qui định ít nhiều rõ rệt của luật pháp, của phong tục tập quán, của luân thường đạo lý. Ở Việt Nam, thời Cộng Hòa chúng ta, thì Hội đồng Quốc Gia Giáo Dục xác quyết phương châm: Nhân Bản-Dân Tộc-Khai Phóng, cho nền giáo dục quốc gia. Nhân Bản là nói tính người, tình người, bản chất con người. Nhưng không phải là con người nói chung ở muôn nơi muôn thuở, mà là con người của dân tộc VN, ở đất nước VN, trong thời khoảng lịch sử trước mặt. Cho nên, phải nhấn mạnh hai chữ Dân Tộc. Và có lẽ, các nhà giáo dục VN, thời bấy giờ, ý thức rằng dạy, trong một giới hạn nào đó, có nghĩa là đóng khung con người trong một thang giá trị, trong một nếp sống văn hóa, thầy ra thầy, trò ra trò, cha ra cha, mẹ ra mẹ ... trong một ước vọng ít nhiều rõ ràng. Đã đóng thì phải mở. Từ đóng bao hàm cái ý là thiếu sinh khí, là kiềm hãm sự phát triển. Cho nên, phải thêm vào : Khai phóng. Vì mục đích của giáo dục không là kiềm hãm con người, mà là nhằm để con người phát triển, để cái di sản của tiền nhân luôn được thêm giàu mạnh và phong phú.

Nêu lên những điều này, tôi muốn nhấn mạnh sự e ngại rằng: không khéo con người sẽ mất mình trong nền văn hóa mà mình thọ lãnh.

Cho nên, khi đọc:

*“Tên tôi là một nhà tù,
Tôi đã tự mình vào đó, và tôi đang khóc.*

Ngày qua ngày, tôi đã dày công đắp bức tường chung quanh. Ngày qua ngày, nhà tù vươn tới trời xanh; trong bóng tối của nó tôi không còn thấy tôi đâu nữa” [7]

của thi hào Rabindranath Tagore, tôi cảm nhận được phần nào sự bức xúc của ông về thân phận.

Và tôi nghĩ đến câu tự vấn: ‘Tôi là ai?’ ‘Tôi là cái gì trong thế giới này?’ của các nhà hiện sinh. Phải chăng tôi chỉ là những vai trò mà xã hội qui định? Tôi không khác những các vai trên sân khấu? Là vai trò người tình, là vợ, là chồng, là cha, là mẹ, là vua, là tôi... luôn phải diễn xuất như thật? Vậy thân phận của tôi là thân phận con rối, do một bàn tay vô hình của xã hội giật dây? Thân phận của tôi - cũng là thân phận con người - là thân phận con thần lẩn, sống với cây xanh thì mang áo màu xanh, sống trong đất thì lấy màu của đất. Nhưng tệ hơn: con thần lẩn: tuy khoác áo, màu của môi trường sống, nó vẫn là thần lẩn, còn tôi, tôi bị qui định trong tận trong tâm sâu xa nhất của tôi bởi những giá trị mà tôi được dạy, do gia phong, do học đường và xã hội ngay từ lúc tôi lọt lòng mẹ. Tôi cảm nhận: tôi đã mất tôi. ***Tôi cảm nhận: Con người không khác con tằm. Mình bị qui định — không để nhả tơ - mà tìm mọi cách để tạo thành một cái kén; mình tự nhốt mình trong ấy, trong một cái ‘tôi’ vĩ đại. Cái ‘tôi’ ấy - cái ego ấy - càng lớn, thì tính vị kỷ--egocentrism - của mình càng to. Đến một mức độ nào đó, mình mất cả sinh khí trong cái kén – tôi – to – lớn của mình. Có người đồng nhất mình với sở hữu mà mình tích tụ suốt giòng đời: cái nhà của tôi, điền đất của tôi, trương mục, stocks của tôi, tư tưởng của tôi, sự nghiệp, công trình của tôi, vợ con tôi,....***

Tỉnh thức, tôi muốn trở về với tôi, tôi muốn tìm lại tôi. Lên chùa hỏi Sư. Sư dạy: ‘Cái tôi qui định là vọng ngã. Cái tôi thật của mi là chân tâm. Vọng ngã là hư giả. Vọng ngã rơi. Chân tâm hiện tiền.’ Nghe dễ ợt, nhưng đến giờ tôi vẫn chưa gặp được chân tâm. Hỏi cha linh hướng. Ngài bảo: ‘Cái tôi ấy là cái tôi giả (false self). Nếu cái tôi ấy chết đi, thì sẽ thấy Chúa.’ [8] Trở về với Chúa là trở về với cái Chân Thật Tuyệt Đối.

Bỗng nhiên, tôi giật mình, như bừng tỉnh. Vô hình chung, tôi, theo thói quen, lại muốn học đạo, học cái cách để tìm lại chính mình, cái cách để không phải vong thân. Nghĩ lại tôi suýt tự cột mình thêm một lần nữa - chặt chẽ hơn - trong tam qui ngũ giới, và thêm một lần nữa tôi suýt vào lại con đường học để tự đánh mất mình -

không trong những qui điều của thế gian—mà trong những giới luật khắc khe hơn của tôn giáo.

Tóm lại, nếu phải nêu lên đây một quan điểm về thân phận, tôi xin thưa:

Thân phận của tôi là nhị nguyên - âm (A) dương (D), đối nghịch nhau, nhưng xác định lẫn nhau, không có cái này thì không có cái kia. Trong thực tiễn sống, người ta gọi đó là thiện ác, đúng sai, chân hư, phải trái, trên dưới, giàu nghèo, sang hèn, ổn định và bất ổn.... A và D tương tác cho ra B, thì tức khắc sẽ hiện hữu một đối nghịch C của B. B và C xác định lẫn nhau như A và D, và như thế mãi...

Con người có thể như con tằm suốt đời nhả tơ, tạo thành cái kén, để tự giam mình trong ấy, mất mình trong ấy. Và mình chỉ thật sự sống khi ngộ ra rằng mình tự chôn mình trong những sở hữu - tài, sắc, danh, lợi, kiến thức, giá trị... - và tỉnh thức, mượn lời của Phật Gia, mình tự mở cửa nhà giam - vô môn quan--tự giải thoát mình ra những sở đắc của tự thân.

Thân phận con người là một chuỗi vô tận tìm lại mình, ‘thành ý, chính tâm’ mà cốt yếu vẫn là đối với tự thân. Hay như người xưa dạy: phải Vô kỷ? Vô công? Vô danh?

Trong cả hai cái nhìn, có những băn khoăn, cần cái của nó; chấp nhận phiêu lưu, nguy hiểm, hay là ổn định trong cái kén nhỏ bé của cái tôi?

Thật là: Tội của tôi, mea culpa

Mong được bằng hữu chỉ giáo.

Nguyễn Văn Trường

[1] Kinh Thánh Cựu Ước. Sáng Thế Ký. Bản dịch Việt Ngữ của Nhóm Phiên Dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ. Chương 3 1-6 .Internet

[2] Kinh Thánh, như trên, Chương 3 17-19

[3] 313 TCN – 238 TCN

[4] 254–184 BC

[5] "Này con người đã trở thành như một kẻ trong chúng ta, biết điều thiện điều ác." Trích lời của Chúa. Như trên.

[6] **Vérité en deçà des Pyrénées, erreur au delà**

[7] Nguồn: Internet

[8] Mat 16: 24-26; Marc 8: 34-35; Luc 9: 23-24.



Túy hà
Tiếp lửa quê xa

Thơ tôi viết trên nền cờ máu
Hai chân dẫm xuống chữ chồng lên
Thơ tôi viết cho xưa nay Hà Nội
Vẫn là hà lợi phố* mưa sa
Con mưa sa trên màu cờ đỏ
Của Trần Dần một thuở nào xa
Thơ tôi viết cho đất liền và hải đảo
Những đảo của ta bị bán ra
Thơ tôi viết cho Nam Quan bản giốc
Nay đã thành quan bắc, giốc bản tàu
Chữ nghĩa từ xưa vốn là mềm mại
Nên có người xem như phượng múa rồng bay
Chữ nghĩa bây giờ trong tôi thô ráp
Vì chứa toàn bi uất với hờn căm.
Tổ quốc việt nam
Ông Cha chân đất
Vẫn không ngừng khai phá bồi tô
Vẫn kiên cường không cho đi một tấc
Vì tấc vàng tấc đất khác gì nhau
Tổ Quốc bây giờ có thêm xa lộ
Thông qua phố lạ
Trên đất mình mà chủ ngoại bang
Có máy bay đường dài xuyên lục địa
Nhưng hỡi ơi! Bãi đáp ngắn vô cùng
Ai đã bán đã dâng đã cúng
Đã âm thầm mưu tính mấy mươi năm
Tàu lạ tàu quen cũng là tàu cả
Từng ngàn năm đô hộ nước mình
Không chiếm được

Trước tinh thần đoàn kết
Của Việt Nam nhỏ bé kiêu hùng

Nay đã khác, tiền nhân nghe phải khóc
Những Minh Quân không có đất dụng binh
Bầy ngạ quỷ tiềm quyền chủ đạo
Và bạo quyền trùm khắp nước Việt buồn
Khi tài lộc che mờ lý trí
Chỉ biết tuân theo lệnh thiên triều
Khi người dân đen thiếu cơm cần áo
Trần ngập thị thành
Đầu đường xó chợ
Nên trở thành hình nhân vô cảm
Như cát rời chẳng tha thiết gì nhau
Hết nghĩa đồng bào thiếu tình dân tộc
Hai chữ kết đoàn thành ngược ngạo khó nghe.

Bỗng sáng hôm nay
Nụ cười chen nắng
Môi chạm môi chuyển lửa đấu tranh
Tin nóng nghe từ Việt Nam quốc nội
Rúng động lòng người hải ngoại lưu vong
Tuổi trẻ vùng lên dân oan khiếu kiện
Không nghe đòi nhà, không còn đòi đất
Mà đòi nhiều hơn: dân chủ nhân quyền
Trên bến dưới thuyền
Đất liền hải đảo, sông núi ta phải trả lại cho ta
Có Tổ Quốc là có nhà có đất
Có chủ quyền là có cả tương lai
Nước mất nhà tan
Ngàn xưa đã định
Đồng bào ơi! Lai tinh, dậy mà đi
Cả nước vùng lên, thế còn hải ngoại?
Chần chờ gì chưa tiếp lửa quê hương
Đánh động lương tri trên toàn thế giới

“Nam quốc sơn hà nam đế cư”
Tháng một bảy tư
Ngụy văn Thà viết thêm trang sử
Bằng máu mình và hai chữ hy sinh
Nay cả nước cư tang truy điệu
Sự thật nào ai xóa được đâu.

Ngày đã đến hoa tự do sẽ nở
Dậy mà đi dân Việt nước Nam tôi.
Sợ gì giặc bắc phương
Dầu biển người ngàn triệu
Cầm bằng vó ngựa nguyên môn
Mộng bá quyền cũng tan như mây khói
Trước tinh thần sát thát của tiền nhân.

Ngày đã đến mây nhân quyền hội tụ
Tuổi trẻ Việt Nam-hào khí Điện Hồng
Trong ngoài như một
Chữ hy sinh là thép là đồng
Dậy mà đi mặc trời đông bão
Việt Nam ta ngạo nghễ tự hào
Đạp sóng dữ chém cá Kình biển lớn
Trên đầu voi nộ khí xung thiên
Vẫn còn ghi bằng chữ vàng trong sử
Dậy mà đi viết lại vinh quang.
Tộc Việt Anh Hùng - ngàn năm bất diệt
Cờ vàng nhiệt huyết sáng ngàn thu.

Túy Hà

**nước ngập lụt*



Cung bảo bình Hoa nở quanh ta

Hoa mộc lan (magnolia) nở đầu tháng sáu, báo chuyển mùa nắng hạ râm ran. Tuổi học trò nhớ cảnh phương vĩ, tuổi thanh niên nhớ nắng quân trường, khi thành lính nhớ hè đỏ lửa. Đời lưu vong quên, nhớ, chập chùng. Theo cuộc lữ chừng như đã mỏi, tóc đổi màu sương trắng chiều lên.

Giữa nhớ và quên là những ngày đánh mắt, đất nước quê hương diệu vợi xa vời. Và mỗi ngày chuyên tâm mài bút, viết mãi chưa xong hai chữ Việt Nam. Thù trong vẫn là ác tà ngự trị, giặc ngoài là đại hán bá quyền. Đất nước oằn đau, người dân cùng khổ vẫn nai lưng theo những luống cày. Giọt mồ hôi trên đồng nước mặn, thêm phèn chua cây lúa khó trồng.

Buồn một nỗi đồng bào lưu xứ vẫn vàng thau trong những bãi cát rời. May thay:

Tuổi trẻ lên đường đáp lời sông núi. Cờ vàng bay khắp năm châu. Tay nối bàn tay trong ngoài như một chống ngoại xâm là truyền thống ngàn đời.

Chuyến lửa từ tim làm thành đồng vách sắt, vó ngựa nguyên mộng xưa đã chạy dài, nay đại hán đã lột trần mặt nạ, mười sáu chữ vàng hóa cường toan sắt rỉ. Còn chờ gì chưa góp lửa đấu tranh. Lửa có thể là thơ văn nhạc họa được thắp từ hằng triệu con tim. Tim Việt Nam tràn đầy nhân bản phải vùng lên đòi độc lập chủ quyền. Giữ cho được rừng xa núi cả bao gồm luôn biển đảo

của ta. Một tác không cho một ly không mất dầu phải hy sinh cả tính mạng mình.

Hoa dân chủ luôn nở ra từ máu, mấy ngàn năm lịch sử còn ghi. Máu cờ đỏ của tàu xỏ lá hay viết gian chẳng khác gì nhau, thêm dầu cộng đều thành cộng sản là kẻ thù truyền kiếp của tự do. Chữ tự do viết ra là ngắn, nhưng viết đi viết lại vẫn chưa tròn, tâm chưa nguyện ý chưa thông thì chiếc gông bắc thuộc vẫn còn treo lơ lửng trên đầu.

Có những tin truyền đi nghe phấn khởi nhưng vẫn chưa kiểm chứng thì xác tín được mấy phần.

Bắc bộ phủ vẫn chơi trò đi dây trên đầu dân chúng, cho và cấm biểu tình là chiến thuật cũ rích, cho chỉ là mị dân, để xoa dịu quần chúng, nhằm truy bắt thành phần chống đối, để cài người phá hoại cơ sở vật chất trong khi biểu tình, tạo lý do để cấm và cấm là để làm vui lòng quan thầy. Vì vậy cấm hay cho chỉ là trò hề lồ bịch không bịp được ai.

Tuổi trẻ vẫn lên đường, năm châu cờ vàng vẫn tung bay cuồn cuộn, dù chưa làm được gì nhiều, nhưng vẫn còn hơn cỏi ngựa xem hoa giữa xã hội tha hóa và vô cảm. Câu nói “có còn hơn không” vẫn giữ nguyên giá trị của nó và với quyết tâm không đổi, lý tưởng không dời thì từ không sẽ có. Tương lai luôn chờ đợi chúng ta. Từ những cuộc cách mạng hoa nhiều nơi trên thế giới, có một thời nghe nói ở Việt Nam có cách mạng hoa sen, nhưng hồi ơi đó là hoa sen máu nở ra từ những âm mưu thâm độc của cái gọi là nhà cầm quyền trong nước. Mở đầu cho chiến dịch truy tìm và diệt những tiếng nói phát xuất từ lương tâm của trí thức trẻ hoặc của những đảng viên phản tỉnh. Nhưng hoa sen kia cũng sớm nở chóng tàn. Kế hoạch bị bẻ gãy trước tình thần yêu nước mỗi lúc mỗi dâng cao.

Đầu hè hoa Mộc Lan lại nở, đó chính là báo hiệu một mùa vui, khi trong ta có niềm tin đi tới, trẻ thay già Măng mọc hóa rừng Tre. Và rừng Tre sẽ là thành lũy chống ngoại xâm, vây diệt nội thù.

Bắc bộ phủ chơi dao và cầm lưỡi, môi đã hở thì răng sẽ lạnh, làm sao ngăn được sóng hờn căm đang lớp lớp dâng tràn. Thiên thời, địa lợi nhân hòa cả ba yếu tố ấy hoàn toàn đã vượt khỏi tầm tay của cái chính quyền được gọi là hèn với giặc ác với dân.

Tha hóa và vô cảm là sản phẩm duy nhất mà nhà cầm quyền trong nước có được. Sản phẩm này đã làm băng hoại xã hội và triệt tiêu tình tự dân tộc vốn đã có từ hơn bốn ngàn năm văn hiến tuyệt vời.

Chữ viết ra từ ý tình tâm thức trước những đổi thay đang tuần tự hình thành, tuổi trẻ đứng lên, vươn vai phù đồng. Tuổi già hy sinh tự thiêu làm đuốc cho ngàn năm chính nghĩa sáng ngời. Đó chính là dấu chỉ của niềm tin và hy vọng Việt Nam tương lai phải dân chủ tự cường.

Chữ đấu tranh phải khắc sâu tâm khảm. Đuốc tự do mãi mãi sáng ngời.

Chúng ta có quyền tin, phải tin vì lịch sử vẫn thường xuyên lặp lại. Dậy mà đi xin hãy nhắc nhau. Trong tâm thức của Việt nam ngạo nghễ. Đất nước ta phải thuộc về ta.

*viết quanh những cuộc biểu tình
Vẽ vang dưới ngọn cờ vàng Việt Nam
Cung Bảo Bình*



Nếu một quả trứng bị vỡ do ngoại lực bên ngoài thì sự sống kết thúc.

Nếu một quả trứng bị vỡ bởi một lực từ bên trong thì cuộc sống bắt đầu.

Những điều tuyệt vời nhất trong cuộc sống cũng được hình thành từ bên trong mỗi con người.



NGƯỜI ĐI THƠ NGÁT HƯƠNG ĐỜI



***Đình Hùng
Phượng lại tìm hoàng***

Ngày nào trở lại cố đô
Ôi Thăng Long! Phượng vẫn mơ tìm Hoàng.
Hẹn nhau ý thiếp lòng chàng,
Xuân mười phương hội tuổi vàng muôn năm.
Sông về gặp bến đồng tâm,
Mây đoàn viên, gió tri âm đợi chờ.
Miệng cười châu ngọc gieo thơ,
Mừng kia gợn sóng Tây Hồ dâng cao.
Mê Linh, này cỏ hoa nào?
Trăng Ba Đình vẫn đẹp bao thế nguyên?
Chi Lăng vườn đó vẹn tuyên?
Mộng bao nhiêu dịp Long Biên-hỡi lòng!
Ta cười lên gọi Thăng Long!
Lửa thiêu tâm sự, máu hồng chiêm bao.
Ngày về chuyển bước trăng sao,
Đã nghe mạch đất rạt rào nguồn sông.
Chúng ta nghìn dặm thương mong,
Lăng du hẹn buổi tao phùng gió đưa.
Thăng Long ơi! Gạt lệ mờ,
Đội xem nở ngát bài thơ chung tình.



Xuân Quỳnh ***Chỉ có sóng và em***

Đã xa rồi căn phòng nhỏ của em
Nơi che chở những người thương mến nhất
Con đường nắng, dòng sông trước mặt
Chuyến phà đông. Nỗi nhớ cứ quay về.

Đêm tháng năm hoa phượng nở bên hè
Trang giấy trắng bộn bề bao kí ức
Ngọn đèn khuya một mình anh thức
Nghe tin đài báo NÓNG, lại thương con.

Anh yêu ơi, hãy tha lỗi cho em
Nếu đôi lúc giận hờn anh vô cớ
Những bức dọc trong ngày vất vả
Làm anh buồn mà em có vui đâu.

Chỉ riêng điều được sống cùng nhau
Niềm sung sướng với em là lớn nhất
Trái tim nhỏ nằm trong lồng ngực
Giây phút nào tim đập chẳng vì anh.

Một trời xanh, một biển tận cùng xanh
Và gió thổi và mây bay về núi
Lời thương nhớ ngàn lần em muốn nói
Nhưng bây giờ chỉ có sóng và em.



Thâm Tâm ***Ngược gió***

Trời hỡi! Mai này tôi phải đi
Thơ này rồi chẳng đọc ai nghe
Đời nhiều nhưng có dăm người bạn
Thì viễn li không hứa hẹn về.

Tuổi lệ nhằm nuôi những nhớ thương
Lòng thành chim chích hoặc hoa đơn
Gọi hoài... Nhưng có dăm trinh nữ
Cũng đã dâng chồng hết phần hương.

Ngõ cũ đôi hàng gió ngã xoan
Lòng quê đợi lúc lắng giờ tan
May còn có lão dăm đầu bạc
Xót lũ đầu xanh, lặng mắt vàng.

...Mà đọc thơ già tiền trẻ đi
Càng nghe trầm giọng, dạ càng se
Ngày mai ngược gió tôi xin ngược
Ai có quan tâm gọi trở về.

Trời hỡi, ngày mai ngày một thôi
Ngày mai cay đắng nhất li bôi
Ngày mai có những tay tàn ác
Cướp của tôi đi hết mọi người.



 75 năm Thi Sĩ TẢN ĐÀ
 Dương Thượng Trúc

*Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say đất cũng lặn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?*

Có lẽ tất cả chúng ta chẳng xa lạ gì với mấy câu thơ trên.
Nhất là mấy tay đệ tử Lưu Linh, hay dùng để bào chữa cho những cơn say của mình.

Nó quen thuộc đến độ lắm người đã nghĩ đó là những câu ca dao dân gian...

Thật ra, đó là khổ thơ mở đầu bài Lại Say của một nhà thơ lớn trong nền văn học Việt Nam vào đầu thế kỷ 20. Thi Sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

Từ thập niên 1920 cho đến nửa đầu thập niên 1930, văn đàn Việt Nam không có một nhà thơ nào nổi tiếng và được yêu mến như Tản Đà. Kể cả khi phong trào thơ mới xảy ra, thì Tản Đà, sau khi bị "phái thơ mới" đả kích kịch liệt lại được chính những người
34 Tin Văn

đã kích mời về ngôi chiếu trên. Trong cuốn "Thi nhân Việt Nam", cuốn sách bình luận thơ mới rất giá trị, Hoài Thanh và Hoài Chân đã đặt bài tưởng niệm Tản Đà lên những trang đầu, với lời lẽ tôn kính.

Thơ cũng là lĩnh vực quan trọng nhất trong sự nghiệp phong phú của Tản Đà. Ông được coi là một thi sĩ, hơn hết các nghề khác. Ông sáng tác rất nhiều thơ, nhiều thể loại - cả về nội dung lẫn hình thức. Thơ ông hay diễn tả cảm giác say sưa, chán ngán đời thực, đắm chìm trong cõi mộng, những mối tình với người tri kỷ xa xôi, song cũng có những bài mang tính ẩn dụ, ngầm phê phán hiện thực.

Thơ Tản Đà thường làm theo thể cổ phong, cũng có khi làm bằng Đường luật, đường luật phá thể, lục bát, song thất lục bát. Ông còn có tài sáng tác thơ dựa trên từ khúc, một hình thức âm nhạc của Trung Hoa, những bài "Tổng biệt", "Cảm thu tiễn thu" nhờ sự phá cách, phối hợp nhiều thể loại thơ, có thể coi là cách tân về hình thức khá táo bạo. Một kiểu văn vần đặc biệt nữa mà ở đó, Tản Đà được sánh ngang với Nguyễn Công Trứ, Dương Khuê, Cao Bá Quát... là hát nói hay ca trù (nay được xem như một thể loại thơ).

Hát nói của Tản Đà thể hiện một triết lý sống phóng khoáng, một tâm hồn hay mơ mộng, hoài cổ nhưng man mác nỗi sầu nhân thế.

Ngoài thơ tự sáng tác, thơ dịch của Tản Đà cũng được đánh giá rất cao. Những bài thơ lục bát dịch từ thơ Đường của Tản Đà thường được cho là hay hơn các bản dịch khác, có bài hay hơn cả nguyên tác, vì sự tự nhiên, không bị gò bó mà chuyển tải cả tâm hồn mình vào đó. Ngoài thơ Đường, ông còn dịch những bài thơ dài như Trường Hận ca, dịch ra thể Song thất lục bát, được đánh giá rất cao, Bùi Giáng trong cuốn "Đi vào cõi thơ" tuy không đề cao thơ Tản Đà nhưng gọi bản dịch này là "vô tiền khoáng hậu". Tản Đà tên thật là Nguyễn Khắc Hiếu sinh ngày 19-5-1889 tại Bát Bạt- Sơn Tây.

Ông thuộc dòng dõi quyền quý, có truyền thống khoa bảng. Tổ tiên ông xưa kia có nhiều đời làm quan dưới triều Lê. Sau Gia Long lên ngôi, dòng họ này thế sẽ không đi thi, không làm quan với tân triều. Đến thời cha ông là Nguyễn Danh Kế, do hoàn cảnh gia đình cực khổ, lại phải nuôi mẹ già, đành lổi ước với tổ tiên. Nguyễn Danh Kế thi đỗ cử nhân, làm quan cho triều Nguyễn đến

chức Ngự sử trong Kinh, giữ việc án lý, nổi tiếng là người có tài văn án trong triều. Ông Kế vốn là người phong lưu tài tử, thường lui tới chốn bình kang và quen với bà Lưu Thị Hiền ở phố Hàng Thao.

Bà Lưu Thị Hiền có nghệ danh Nhữ Thị Nhiêm, là một đào hát tài sắc ở Hàng Thao - Nam Định, bà lấy lẽ ông Nguyễn Danh Kế khi ông làm tri phủ Xuân Trường (Nam Định). Bà là người hát hay, có tài làm thơ chữ Nôm. Tản Đà là con trai út của cuộc lương duyên giữa tài tử và giai nhân này.

Trong những người anh em còn lại, có người anh ruột (cùng cha khác mẹ) với Tản Đà là Nguyễn Tái Tích, là người có nhiều ảnh hưởng to lớn tới cuộc đời sau này của Tản Đà. Ông Tích sinh năm 1864, nổi nghiệp cha đi thi đỗ Phó bảng và ra làm quan. Ông là người thanh liêm chính trực, nên đường hoạn lộ cũng không yên ổn, sau làm ở cục Tu thư, rồi Hiệu trưởng trường Tân Quy, Đốc học Vĩnh Yên. Tản Đà từ nhỏ sống với ông, phải nhiều lần di chuyển tới những nơi ông Tích được bổ nhiệm: Yên Mô - Ninh Bình, Vụ Bản - Nam Định, Quảng Oai - Sơn Tây, Vĩnh Tường - Vĩnh Yên.

Thời niên thiếu của Tản Đà trải nhiều giai đoạn khóc cười. Năm lên 3 tuổi, bố mất, cuộc sống gia đình trở nên cùng túng. Năm sau, vì bất hoà với nhà chồng, bà Nghiêm bỏ đi, trở lại nghề ca xướng. 8 năm sau, xảy ra chuyện chị ruột ông cũng theo mẹ làm nghề đó (năm Tản Đà 13 tuổi). Những sự kiện đã để lại nhiều dấu ấn khó phai trong tâm hồn.

Tản Đà hấp thụ nền Nho giáo từ nhỏ, được ông Tích nhiệt tình hướng vào con đường cử nghiệp. Theo hồi ký trong 1 bài thơ thì 5 tuổi ông học Tam tự kinh, Âu học ngũ ngôn thi, Dương tiết,... 6 tuổi học Luận ngữ, kinh, truyện và chữ quốc ngữ, 10 tuổi biết làm câu đối, 11 tuổi làm thơ văn. Ông rất thích làm văn, lại được anh hết lòng chỉ dẫn, nên 14 tuổi đã thạo các lối từ, chương, thi, phú. Lúc còn học ở trường Quy thức - một trường học thực nghiệm cải cách của Pháp mở ở Hà Nội-, ông viết bài "Âu Á nhị châu hiện thế" bằng Hán văn, được các báo ở Hồng Kông đăng trong mục xã thuyết. Năm 15 tuổi, ông đã nổi tiếng là thần đồng của tỉnh Sơn Tây.

Giai đoạn niên thiếu của Tản Đà phần lớn giành cho chuyện thi cử, đến năm 19 tuổi, ông mới có những rung cảm tình ái đầu đời. Đó là mối tình với con gái nhà tư sản Đỗ Thận. Năm sau ông

lại yêu con gái ông tri huyện phủ Vĩnh Tường. Nhưng 2 mối tình này đều không được trả lời.

Năm 1909 (Kỷ Dậu), ông tham dự kỳ thi hương ở Nam Định, rồi trượt trong lần đi thi đầu tiên này. Ông về lại nhà ở Phủ Vĩnh Tường ôn tập. Trong thời gian này, ông say mê một cô gái bán tạp hoá ở phố hàng Bô. Vì nhà nghèo, không có tiền hỏi cưới, ông đành nuôi hy vọng bằng cách tiếp tục đường khoa cử. Kỳ thi xảy đến, ông dùng bằng Ấm sinh để thi hậu bổ, nhưng bị rớt vì môn vấn đáp bằng tiếng Pháp. Mùa thu năm ấy, ông lại đi thi hương, nhưng lại trượt. Chuyện tình với cô bán sách tan vỡ, cô đi lấy chồng. Ông chán nản bỏ về Hòa Bình tìm khuây lã. Tại đây nhờ sự giới thiệu của anh rể là nhà thơ trào phúng Nguyễn Thiện Kế, Tản Đà kết giao với nhà tư sản Bạch Thái Bưởi. Hai người bạn mới gặp đã như quen, cùng vào dãy Hương Sơn, ngọn Chùa Tiên, đêm ngày uống rượu, làm thơ, đọc sách, thưởng trăng, sống theo lối "tịch cốc". Lúc này lần đầu tiên ông đọc Tân thư, sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, tìm hiểu về cách mạng Tân Hợi. Nhiều bài thơ và tư tưởng đặc biệt của ông ra đời trong giai đoạn này.

Năm 1913, anh cả Nguyễn Tài Tích mất. Tản Đà về Vĩnh Yên làm nghề báo, tờ báo ông cộng tác đầu tiên là "Đông Dương tạp chí" của Nguyễn Văn Vĩnh, phụ trách mục "Một lối văn nôm". Đến năm 1915, ông lấy vợ là bà Nguyễn Thị Tùng, trở thành anh em cột chèo với nhà văn Phan Khôi. Cũng năm này ông có tác phẩm hay, đăng trên "Đông dương tạp chí", nhanh chóng có được tiếng vang trên văn đàn. Năm 1916, ông lấy bút danh Tản Đà là tên ghép giữa núi Tản, sông Đà, và chính thức chọn con đường của một người viết văn, làm báo chuyên nghiệp.

Từ 1915 đến 1926 là những năm tháng đắc ý nhất của Tản Đà. Năm 1915, cuốn sách đầu tiên của Tản Đà được xuất bản, gây tiếng vang lớn, đó là tập thơ "Khởi tình con I".

Sau thành công đó, ông viết liền cuốn "Giấc mộng con" (cho in năm 1917) và một số vở tuồng: "Người cá", "Tây Thi", "Dương Quý Phi", "Thiên Thai" (diễn lần đầu năm 1916 tại Hải Phòng).

Năm 1917, Phạm Quỳnh sáng lập ra "Nam Phong tạp chí", và bài của Tản Đà có trên tạp chí này từ số đầu tiên. Năm 1918, Phạm Quỳnh ca ngợi cuốn "Khởi tình con I" và phê phán cuốn "Giấc mộng con I", cả khen lẫn chê đều dùng những lời lẽ sâu cay, biến Tản Đà trở thành một hiện tượng trên văn đàn. Sau bài phê phán tư

tưởng của "Giấc mộng con", Tản Đà thôi cộng tác với Nam Phong tạp chí và mở một số cuộc hội đàm để chống lại những lời phê phán đó, sự kiện này cũng được nhiều giới quan tâm.

Từ 1919 tới 1921, Tản Đà viết một loạt sách; truyện thì có "Thần tiên", "Đàn bà Tàu" (1919); sách giáo khoa, luân lý thì có "Đài gương", "Lên sáu" (1919), "Lên tám" (1920), thơ thì có tập "Còn chơi" (1921). Thời kỳ này ông quen với một nhà tư sản nữa là ông Bùi Huy Tín, cùng nhau du lịch khắp Bắc, Trung kỳ và làm chủ bút "Hữu thanh tạp chí" một thời gian.

Năm 1922, Tản Đà thành lập "Tản Đà thư điểm" (sau đổi thành "Tản Đà thư cục"), đây là nhà xuất bản riêng đầu tiên của ông. Tại đây đã xuất và tái bản hết những sách quan trọng trong sự nghiệp của Tản Đà; "Tản Đà từng văn" (tuyển cả thơ và văn xuôi, trong đó có truyện "Thề Non Nước", 1922); "Truyện thế gian" tập I và II (1922), "Trần ai tri kỷ" (1924), "Quốc sử huấn nông" (1924), và tập "Thơ Tản Đà" (1925). Ngoài ra thư cục này còn cho xuất bản sách của Ngô Tất Tố, Đoàn Tử Thuật.

Năm 38 tuổi (1926), Hữu Thanh tạp chí đình bản, Tản Đà cho ra đời "An Nam tạp chí" số đầu tiên với tòa soạn ở phố Hàng Lọng. Sự ra đời của "An Nam tạp chí", tờ báo mà Tản Đà dành hết tâm huyết, đã bắt đầu quãng đời lặn lội của ông.

Thời kỳ đầu làm chủ "An Nam tạp chí", Tản Đà chưa thiếu thốn nhiều, ông thường đi du lịch: khi thì lên đề thơ ở núi Non Nước - Ninh Bình (bài Vịnh hòn đá), khi thì vào trung kỳ thăm Phan Sào Nam, khi thì ở Sài Gòn gặp Diệp Văn Kỳ, ra Bình Định thăm mộ cũ nhà Tây Sơn, về Hải Phòng sống với con tướng Cần Vương đô thống Thuật. Ông vừa làm báo vừa đi chơi do đó tạp chí "An Nam" cũng ra rải rác, thất thường. Dần dần, ông túng quẫn, những cuộc đi là để trốn nợ hoặc giải sầu, hoặc là tìm người tài trợ cho báo.

Thời kỳ này ông viết cũng nhiều, các tập "Nhân tướng" (bút ký triết học, 1929), "Giấc mộng lớn" (tự truyện, 1929), "Khởi tình con III" (in lại thơ cũ), "Thề non nước" (truyện), "Giấc mộng con II" (truyện), lần lượt ra đời.

Năm 1931-1932, Tản Đà có cuộc bút chiến nổi tiếng với Phan Khôi về luân lý và Tống Nho. Ông có câu nói đi vào lịch sử khi kết án Phan Khôi: "vu hãm tiên hiền, loạn ngôn hoặc chúng, bại hoại phong quá" và đòi đem Phan Khôi ra Văn Miếu quất roi vào đít.

Năm 1933, khi phong trào Thơ Mới đang nổi lên, thì "An Nam tạp chí" của Tản Đà chính thức đình bản sau 3 lần đình bản và 3 lần tái bản. Sự kiện này khi đó bị nhiều người thuộc phe "thơ mới" đem ra cười cợt, trong đó có Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, đã viết một bài "Văn tế An Nam tạp chí" với lời lẽ xỏ lá.

Thời kỳ đầu của phong trào thơ mới, Tản Đà im lặng. Mãi đến năm 1934, ông mới có một vài lời khuyên nhẹ nhàng gửi các nhà thơ Mới.

Tuy vậy, với vai trò là nhà thơ nổi tiếng nhất trong làng thơ cũ đương thời, Tản Đà vẫn là một đối tượng chính để những người thuộc phe thơ mới tìm cách đánh đổ. Tờ Phong hóa của Tự Lực văn đoàn rất hăng hái chê ông, chê mọi thứ, từ tính nghiện rượu, nói nhiều lúc say, hay say, cho đến cái mũi ửng đỏ của Tản Đà cũng bị chê nốt.

Do ảnh hưởng của phong trào Thơ Mới và phong trào theo Tân học, Tản Đà, con người thuộc phe cựu học, làm thơ cũ đã dần dần trở nên cô độc. Tên tuổi ông gần như bị đẩy lui vào dĩ vãng, nhường chỗ cho các nhà thơ mới: Xuân Diệu, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư... Cộng với việc "An Nam tạp chí" đình bản vĩnh viễn, cuộc sống của Tản Đà vốn nghèo túng lại càng trở nên thiếu thốn hơn, phải chạy ngược chạy xuôi để kiếm sống. Có khi người ta thấy ông ở khu Bạch Mai dạy chữ Nho. Có lúc ở Hà Đông, đăng quảng cáo lên mấy tờ báo: "Nhận làm thuê các thứ văn vui, buồn, thường dùng trong xã hội - Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu". Năm 1938, ông còn mở cả một phòng đoán số Hà Lạc để xem bói.

Những năm cuối đời trải qua hắt hiu, buồn thảm như thế, nhưng Tản Đà còn được an ủi là ông bỗng được mọi người quan tâm trở lại. Phe "thơ mới" sau chiến thắng, đã không còn đả kích Tản Đà. Họ bắt đầu lật lại những gì Tản Đà đã cống hiến xưa nay, họ ca ngợi Tản Đà, xem ông như một ông Thánh của làng thơ... Tờ Ngày nay của Tự Lực văn đoàn, trước kia chê ông tới không còn chỗ chê, thì nay lại mời ông cộng tác, hết lời ca ngợi những bài thơ Đường do ông dịch.

Lúc này sức khỏe của Tản Đà suy yếu, ông giành hết tâm sức cho việc dịch thuật và biên tập: "Liêu Trai chí dị" của Bồ Tùng Linh (Tân Dân xuất bản, 1937), "Vương Thúy Kiều chú giải tân truyện" (in năm 1940, sau khi ông mất), "Thời hiện thi tập", "Không Tử lược truyện" (đã thất lạc)...

Ngày 7 tháng 6 năm 1939 (tức 20 tháng 4 năm Kỷ Mão), ông mất (50 tuổi) sau một thời gian chống chọi với bệnh gan, trên cái giường nát tại nhà riêng số 71 ngã tư Sở, Hà Nội, để lại vợ và bảy đứa con.

Nghe tin Tản Đà mất, làng văn nghệ trong nước vừa yên ắng sau vụ "thơ mới - cũ" lại trở nên xôn xao. Một loạt các bài báo tưởng niệm Tản Đà được ra mắt ngay sau đó: Khái Hưng có "Cái duyên của Tản Đà", "Vài chuyện vui về thi sĩ Tản Đà", Xuân Diệu có "Công của thi sĩ Tản Đà", ông Lâm Tuyền Khách có "Một tháng với Tản Đà: đời làm báo của Tản Đà", Lưu Trọng Lư có "Bây giờ, khi nắp quan tài đã đặt lại", Phan Khôi có "Tôi với Tản Đà thi sỹ", Nguyễn Tuân có "Tản Đà, một kiếm khách"..v..v. Những bài viết này thể hiện sự kính trọng, quý mến đối với con người Tản Đà, người mà cách đây vài năm còn bị họ đả kích, chế giễu.

Năm 1941, Hoài Thanh và Hoài Chân cho in tác phẩm "Thi nhân Việt Nam" nổi tiếng, đã cung kính đặt Tản Đà lên ngôi ghế "chủ suy" của hội tao đàn, ở những trang đầu tiên, như một người mở lối cho thi ca Việt Nam bước vào một giai đoạn tươi đẹp mới. Trong cuộc đời của Tản Đà, người ta đếm được có bốn mối tình đã mang lại cho ông nhiều cảm xúc. Đầu tiên là mối tình tuyệt vọng với cô gái họ Đỗ ở phố hàng Bồ. Đây là mối tình trong trắng và say đắm, nhưng không có kết cuộc tốt đẹp. Mối tình này đã làm ông đau khổ và tạo nên nhiều thi hứng, để làm nên những câu thơ đặc sắc:

*"Vì ai cho tớ phải lênh đênh
Nặng lắm ai ơi, một gánh tình"*

Trong cuốn "Giấc mộng con", ông đã viết một bài văn đề tả mối tình này. Ông mô tả:

..."Ở phố Hàng Bồ số nhà hơn hai mươi về dãy bên lẻ có một người con gái ngồi bán hàng tạp hoá, không biết có phải là tuyệt sắc hay không mà tự con mắt mình khi bấy giờ thì như ngoài người ấy không có ai là con gái..."

Tuy nhiên, do không có tiền cưới hỏi mà chuyện thi cử lại bất thành, Tản Đà đành chấm dứt cuộc tình thơ mộng. Cô gái xuất giá, Tản Đà viết:

..."Thời đời đáng chán hay không đáng chán cũng chẳng đợi cát chén quynh mà hỏi bạn tri âm". Theo các nhà nghiên cứu thì đây

là chuyện tình đã gây ảnh hưởng nhiều nhất tới Tản Đà. Sau khi chia tay với mối duyên đầu, ông trở nên chán nản, buồn bã.

Để tìm khuây khoả, ông đi nhiều nơi: Việt Trì, Hòa Bình... Những câu thơ làm trong giai đoạn đau khổ này của Tản Đà đã vô tình mở đầu cho một trào lưu về văn học lãng mạn ở Việt Nam. Trước đó ít ai tả những nỗi buồn sâu kín, những nỗi chán đời rất trần tục như:

"Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!

Trần thế em nay chán nửa rồi..."

hoặc:

"Trận gió thu phong rụng lá vàng

Lá rơi hàng xóm, lá bay sang

Vàng bay mấy lá năm già nửa

Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng?"

Nhưng ngoài cô gái hàng Bồ mà người ta thường nhắc tới ra, theo Nguyễn Khắc Xương, còn có ít nhất ba mối tình thực nữa mà Tản Đà đã ghi lại trong thơ.

Đó là mối tình với cô con gái út ông tri phủ Vĩnh Tường, cô nữ sinh 13 tuổi ở Nam Định, và cả cô đào Liên, người sắm vai Tây Thi trong vở kịch "Cô Tô tàn phá" do ông soạn giả kiêm đạo diễn. Những người tình này đều được ghi lại trong tập văn xuôi "Giấc mộng con".

Trên là tình thực, còn tình "mộng", Tản Đà có rất nhiều. Đó là những mối tình với Tây Thi, với Chiêu Quân, với Ngọc Nữ... mà người ta thường thấy trong "Khởi tình con". Đặc biệt, còn có những cuộc tình nửa thực, nửa mộng, với những "tình nhân không quen biết".

Khoảng năm Nhâm Tuất (1922), vào hội chùa Hương, Tản Đà do không có chi phí để đi hội, ông nhớ hội chùa, nhớ rau sắng, làm ra mấy câu thơ:

Muốn ăn rau sắng chùa Hương

Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa

Mình đi, ta ở lại nhà

Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm"

Bài thơ phổ biến trên báo. Đến cuối tháng, ông nhận một bưu kiện là một bó rau sắng và một bài thơ, nhưng không ghi địa chỉ người gửi. Ông cảm kích, gọi người gửi ấy là "Tình nhân không quen biết" và làm thơ gửi tặng bằng cách đăng báo. Trước đó, ông đã viết nhiều bài thơ gửi "Tình nhân không quen biết", với ý muốn tìm kiếm một bạn tri âm tri kỷ trên khắp nước Việt Nam.

Phải chăng đó là tính di truyền từ người cha phong lưu và người mẹ nghệ sĩ.

Xem những câu chuyện trên, người ta tin Tản Đà không nói ngoa khi ông thường nhận mình là "giống đa tình". Những mối tình đa dạng đã chấp cánh cho thi tài của ông, khiến ông trở thành một nhà thơ mở màn cho trào lưu lãng mạn sau này (phong trào thơ mới), với những bài thơ ghi dấu sự chuyển giao giữa hai thời đại.

Năm mươi năm thật ngắn ngủi với dòng lịch sử, nhưng cũng đủ dài để Tản Đà lưu lại cho hậu thế một gia tài văn chương đồ sộ và cả những giai thoại vô tiền khoáng hậu về một nhân cách như Phan Khôi đã viết:

-“ Bỗng có khách vào. Ông Trác giới thiệu cùng tôi: Đây ông Nguyễn Khắc Hiếu. Tôi như có điện chạy trong người, ghê rợn, vùng đứng dậy!...Thật thế. Cái tên Nguyễn Khắc Hiếu bấy giờ không phải vừa, đối với tôi lại càng long trọng lắm. Tôi nghe mà rùng rợn lên, có thật thế. ”

hoặc Hoài Thanh và Hoài Chân trong Thi Nhân Việt Nam:

-“ Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đang sắp sửa ”

Tháng 6 năm nay 2014, kỷ niệm 75 năm ngày mất của Tản Đà 19/05/1889 - 07/06/1939 chúng ta thực hiện bài viết với chủ đề Tác Giả và Tác Phẩm để tưởng nhớ đến một ngôi sao sáng trên vòm trời văn học Việt Nam, mà các tác phẩm của ông cho đến nay vẫn được hậu thế gìn giữ trân trọng.

Cũng xin cảm ơn “Tứ Đồ” Tản Đà, ông cũng đã giúp cho những đệ tử Lưu Linh chạy tội bằng mấy câu thơ để đời.:

Đất say đất cũng lặn quay,

Trời say mặt cũng đỏ gay, ai cười?.

Dương Thượng Trúc.

Thủy Gia Trang vào Hạ 2014

*Tổng hợp và biên soạn lại từ tài liệu của trang Wikipedia.

*Đã được Huy Tâm thực hiện và phát thanh trong chương trình Tác Giả và Tác Phẩm của Hệ Thống Truyền Thông Việt Nam Hải Ngoại.



Dương Thượng Trúc **Phút giây vĩnh cửu.**

Ta gặp em chiều hanh vàng phố lạ.
Nắng rợp đường mà dịu mát trong tim.
Hàng cây xanh rũ bóng đứng im lìm.
Cùng chia sẻ những phút giây hạnh phúc.

Bao nhớ nhung, bao đợi chờ háo hức.
Chợt vỡ òa trong đắm đuối môi hôn.
Men Quỳnh Tương ngây ngất cả tâm hồn.
Hương ái ân như thác trào sóng dậy.

Vẫn là em, của ngày xa xưa ấy.
Tóc thề buông hờ hững mảnh vai thon.
Áo trắng học trò, gót nhỏ chân son.
Dịu ta vào chốn thiên đường diễm tuyệt.

Con nước đục trong, trăng đầy lại khuyết.
Nhưng tình em trọn kiếp chẳng hề vơi.
Ngôn ngữ nào diễn tả hết em ơi!
Những rung động từ trái tim lạnh giá.

Trong lặng thinh, ta trao nhau tất cả.
Không gian này riêng hai đứa mình thôi.
Thời gian dường như cũng đã ngừng trôi.
Và sự sống dập dờn trong hơi thở.

Cám ơn em, chỉ một lần gặp gỡ.
Đã cho ta niềm hạnh phúc ngàn thu.
Dẫu cuộc đời là ảo ảnh phù du.
Phút giây ấy sẽ miên trường vĩnh cửu.

Dương thượng Trúc



Chu tất tiến Xin hãy đến

Viết trong một phút ngẹn ngào

Xin hãy đến, em ơi! Đừng ngần ngại
Hồn anh đây cũng đang vỡ tan hoang
Nhìn lại quê, mà lệ ứa hai hàng
Tim bốc lửa, muốn thiêu cho Tổ Quốc
Em cứ đến! Hai ta cùng chầm đuốc
Cho hồn thiêng sông núi bật trở về
Cho vạn muôn dân sĩ đã xa quê
Cùng tay nắm, lao lên, vào lửa đạn
Cứu dân ta qua khỏi vùng nứt rạn
Viết lại dòng lịch sử đã tang thương
Em! Em ơi! Mình cùng bước lên đường
Trong trận đánh cuối đời này bùng nổ
Và ta chết trong hùng tâm cuồng nộ
Máu ta hòa với lệ của Dân Oan
Sẽ cùng Dân, buộc lịch sử sang trang
Cho đất nước lại huy hoàng chữ S.





KIM OANH và CÔ THI

送友人 **TÔNG HỮU NHÂN**

青山橫北郭, Thanh sơn hoành bắc quách,
白水繞東城。 Bạch thủy nhiễu đông thành.
此地一為別, Thử địa nhất vi biệt,
孤蓬萬里征。 Cô bông vạn lý chinh.
浮雲游子意, Phù vân du tử ý,
落日故人情。 Lạc nhật cố nhân tình.
揮手自茲去, Huy thủ tự tư khứ,
蕭蕭班馬鳴。 Tiêu tiêu ban mã minh.

李白 Lý Bạch

Tống Hữu Nhân

*Thanh sơn hoành bắc quách
Bạch thủy nhiễu đông thành
Thử địa nhất vi biệt
Cô bông vạn lý chinh
Phù vân du tử ý
Lạc nhật cố nhân tình
Huy thủ tự tư khứ
Tiêu tiêu ban mã minh
Lý Bạch*

Bài Dịch: Tiễn Bạn

*Thành bắc núi xanh bao bọc
Vòng quanh sông trắng chảy dọc mặt đông
Chốn này từ biệt đôi lòng
Chiếc thân như sợi cỏ bông bèo trôi
Ngàn trùng phiêu lãng mây trời
Luyến lưu vương vấn bạn tôi chiều tà
Chia tay từ tạ...biệt xa
Thê lương ngựa hí kêu ca xé lòng
Kim Oanh*



Lưu Thái Dzo **Thương nhớ vu vơ**

Ta thương nhớ vu vơ
Cuộc tình chưa định nghĩa
Chân dung em là thơ
Hồn ta theo tứ phía.

Ta trao gửi về em
Tình thương chưa đặt tên
Nhưng cam đoan hiện hữu
Như máu ra vào tim.

Ở đây, sau hoàng hôn
Ta thu gom vào hồn
Những vu vơ thương nhớ
Giấu mặt trong cô đơn.

Có những khối vuông tình
Biến thành ngăn kéo tim
Đầy ắp vu vơ nhớ
Chỉ dành riêng cho em.

Ta trao về em xa
Vạn vu vơ thương nhớ
Ngàn trống vắng câm, và
Trăm hoa yêu nở rộ.

Lưu Thái Dzo



Nguyễn Hữu Nhật Lục Bát

lạ đời

chết người vì khóe mắt xanh
tưởng đâu mỗi lúc thấy anh mới cười
té ra em rất lạ đời
nhìn cây cột điện cũng ngời sáng sao.

bụi đời

anh là một kẻ bụi đời
chẳng xâm mình để mọi người thất kinh
giang hồ cũng chết vì tình
trái tim rướm máu xâm hình bóng em.

cách hay

vì tình chẳng dám kêu ca
nhọc công kín nước* trông hoa lâu ngày
mới tìm ra được cách hay
Hôn em anh hái được ngayt bông hồng.

**kéo nước*

bún thang

hoa kim tước nở ngoài kia
nom xa trông giống những tia nước vàng
anh nằm nghe guốc em sang
mềm ra như sợi bún thang trong này.

bay bướm

êm đêm giấc mộng trang sinh
“mình là bướm, bướm là mình đang bay?”
Nam Hoa Kinh, đọc tới nay
với anh, em biết đang bay bướm mình.



Yên Sơn:

Nữ Sĩ Minh Đức Hoài Trinh/ Là Ánh Đuốc Soi Đường



Trong lãnh vực văn nghệ, dầu có chiếu trên chiếu dưới, đẳng cấp có khác nhau; dầu có cả rông lẫn tằm, có cả người trẻ và người không còn trẻ... nhưng đặc biệt không ai muốn mình già, bị liệt vào hạng già lão hoặc tự nhận mình đứng ở hàng con cháu. Vì thế, trong giới văn nghệ, không ai có thể tìm thấy các chức danh “cô dì chú bác” ngoài những danh từ thân mật “anh chị em, văn thi hữu”.

Và cũng chính vì lẽ đó, tôi rất hân hạnh gọi nhà văn Minh Đức Hoài Trinh bằng chữ “chị” thân thương, bằng chữ “văn hữu” quý mến..

Chị Minh Đức Hoài Trinh dầu ra đời trước tôi hơn chục năm... nhưng trong lãnh vực văn chương, chữ nghĩa chị đã đi trước tôi một quãng đường khá dài mà chắc chắn có cố gắng cách mấy tôi cũng sẽ không bao giờ bắt kịp được chị.

Khi tôi tập tễnh có thơ đăng báo thì chị đã rời chiến khu sau 4 năm sinh hoạt Văn Hóa Kháng Chiến để trở về Huế tiếp tục việc học, rồi sang trời Tây học ngành báo chí và bắt đầu viết bài cho nhiều tờ báo Việt Nam thời bấy giờ. Khi chị tốt nghiệp đại học, chị được đài truyền hình Pháp ORTF tuyển làm phóng viên - một nữ phóng viên đầu tiên gốc Việt - và đặc phái qua các chiến trường sôi động Algérie, Do Thái và Việt Nam... thì tôi đang là sinh viên loanh quanh, dao động ở sân đại học thêm cả năm dài trước khi quyết định nhập ngũ tòng quân vì chiến tranh lan tràn lên cả ghế nhà trường!

Từ 1969 cho đến 1972, chị lại được đề cử để theo dõi và tường trình về Hòa đàm Paris. Chị đã hoàn tất tốt đẹp các công tác phức tạp đã gây được tín nhiệm nghề nghiệp đối với mọi người, mọi nơi; trong khi tôi mới thực sự nhập cuộc chiến sau các quân trường huấn luyện từ Việt Nam qua tới Mỹ rồi về lại Việt Nam, dạn dày chinh chiến cho tới ngày sảy đàn tan nghé!

Sau Hiệp định Ba Lê chị rời Pháp về Việt Nam để tiếp tục dấn thân vào ngành giáo dục, viết báo và sáng tác. Cùng lúc giảng dạy

môn báo chí tại Đại học Vạn Hạnh, chị vẫn viết không ngừng nghỉ, đã cho ra đời trên 25 tác phẩm thuộc đủ loại... và thuyết trình tại các Hội thảo văn hóa quốc tế ở Indonesia, Mã Lai và Thái Lan. Ngoài những công việc vừa kể, chị còn có đủ thì giờ cộng tác với nhiều tờ báo và tạp chí như Bách Khoa, Phổ Thông, Sáng Tạo, Cao Đẳng Quốc Phòng, v.v., chưa kể là hội viên hoạt động của Văn Bút Việt Nam. Chị cũng là tác giả những bức tâm thư của em gái hậu phương gửi các anh tiền tuyến được đăng hàng ngày trên Nhật Báo Đông Phương và có rất nhiều bài thơ được các nhạc sĩ danh tiếng như Phạm Duy, Trần Quang Hải... phổ nhạc. Không ai có thể nghĩ rằng trong một thân hình phụ nữ mảnh mai như chị lại có một sức làm việc khủng khiếp như vậy.

Tháng 4.1975 Miền Nam Việt Nam sụp đổ, chị Minh Đức Hoài Trinh di tản qua Pháp, không kịp nghỉ ngơi, chị bắt tay vào việc xuất bản tạp chí Hồn Việt Nam tại Paris và phụ trách một chương trình Việt ngữ trên Đài phát thanh Pháp ORTF cho đến ngày sang định cư lâu dài ở Mỹ. Và sau tháng Tư đau thương đó, tôi xác bác xang bang tìm con đường sống, lập gia đình và nặng nợ áo cơm!

Năm 1991, vì công việc làm, tôi rời California dọn về Houston. Trong năm đó, tôi được bạn bè giới thiệu với chi nhánh Văn Bút Nam Hoa Kỳ (VBNHK). Nhưng có lẽ vì phải vật lộn với áo cơm gia đình nên duyên chưa bén. Rồi với những xáo trộn thời Viên Linh, tôi tiếp tục kính nhi viễn chi... để rồi đầu năm 1998 tôi gia nhập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) với niềm tin và tất cả hãnh diện của một người cầm bút. Mặc dù lúc đó VBVNHN đang gặp nhiều tai biến từ những người mang danh trí thức hải ngoại, nhưng khi tìm hiểu và đọc thấy tâm tư và nguyện vọng của người sáng lập – chị Minh Đức Hoài Trinh – “mục tiêu thành lập VBVNHN là để có tiếng nói chính thức trên văn đàn Quốc Tế; để vận động với các thành viên Văn Bút Quốc Tế (VBQT) cùng tranh đấu hữu hiệu cho quyền tự do phát biểu của người cầm bút tại quê nhà”... tôi rất khâm phục và tâm đắc. Tôi nghĩ mình đã bị cướp súng trên tay giữa lúc cố bảo vệ quê hương; bây giờ trong hoàn cảnh ly hương chỉ còn lại cây viết, phải hợp đoàn để gây sức mạnh đấu tranh qua con đường chữ nghĩa. Tôi vô cùng cảm phục sự tích cực không mỏi mệt của chị trong việc gây dựng nên tập thể VBVNHN 1979; sự nhiệt tình tham gia tất cả các phong trào để chống lại những sự đàn áp các nhà văn, nhà báo khắp nơi trên thế

giới; việc tranh đấu miệt mài cho quyền tự do phát biểu của trí thức trong nước của chị.

Tôi gặp mặt chị Minh Đức Hoài Trinh lần đầu tiên trong Đại Hội Tái Lập Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (VBVNHN) vào cuối tháng 3/2001, ở Washington DC. Mặc dù tuổi chị lúc ấy cũng đã cao, nét nghiêm nghị của thời gian đã thể hiện trên gương mặt khả ái nhưng đầy cương nghị của chị. Chị vẫn được sự kính mến của tất cả đại biểu đại diện các châu lục có chi nhánh VBVNHN và bà Joanne Leedom-Ackermann, phó Chủ tịch và ông Terry Carlbon, Tổng Thư ký VBQT đại diện Ban Chấp Hành VBQT đương nhiệm hiện diện trong suốt 3 ngày đại hội.

Được sự đồng thanh tín nhiệm của mọi người, một lần nữa chị vui vẻ đảm nhận chức vụ Chủ tịch VBVNHN nhiệm kỳ 2001-2003. Tất cả hội viên VBVNHN hân hoan đón nhận tin vui khi được hít thở không khí sinh hoạt mới dưới sự lãnh đạo của chị.

Sau khi trao trách nhiệm lại cho những người đi sau, chị vẫn là nơi cho những ai có nhu cầu cố vấn trong các vấn đề liên quan đến VBVNHN và VBQT. Bằng đi một thời gian, tháng 5/2009 tôi và anh chị em hội viên Văn Bút Vùng Nam Hoa Kỳ lại có cơ duyên trùng phùng với chị khi được nhờ tổ chức giới thiệu công trình sưu tập về Văn Nghiệp và Cuộc Đời Minh Đức Hoài Trinh của anh Nguyễn Quang, phu quân của chị với đồng hương và văn giới Houston. Tập sách quả thật là một kỳ công, nếu không kể những lỗi typo rải rác trong tập sách, mà anh Quang gọi là món quà tinh thần vô giá dành tặng cho “một người vợ tuyệt vời”.

Vâng, sự nghiêm nghị của thời gian không chừa bất cứ một ai. Sau bao năm hy sinh toàn tâm toàn lực cho chữ nghĩa, người chiến sĩ của tự do, của nhân quyền đã thấm mệt như con tằm đã nhả hết tơ; và khi bóng xế đã ngã xuống đời, chị có quyền an nghỉ, gác bút, già từ văn đàn để an vui với gia đình trong những tháng ngày còn lại. Dầu sao cũng là một mất mát đáng hối tiếc! Chị luôn là ngọn đuốc soi đường cho những thế hệ kế tiếp. Chắc chắn phía bên kia cuộc sống, Tổ Tiên và các Cụ thân sinh của chị cũng đã mỉm cười hân hoan về một đứa con gái có một năng lực vô biên đã làm rạng danh nhà họ Võ.

Yên sơn 20/8/2014



Yên Sơn **Sinh Nhật Thăng Tôi**

(29 tháng 4, năm 1975)

Có người hỏi tôi trên FaceBook
Sao thấy đề sinh năm 1975
Biết không phải cố tình chơi khăm
Nhưng ngày 29 tháng 4... trẻ quá!?
Không biết nói sao, chỉ cúi đầu vâng dạ
Đó là ngày tôi được tái sinh
Đã qua ba chìm và cả bảy cái lênh đênh
Dẫu muốn trẻ bao nhiêu
Cũng sẽ theo chiến hữu năm xưa lần lượt về với đất

Đã hỏi thì tôi thử xin nói thật
Tôi vốn là chú cá cố vượt vũ môn
Sau bao quyết tâm rớt cuộc chỉ còn lại phần hồn
Thôi thì cố lợi cho trọn tình sông biển
Thời dĩ vãng cũng dự phần chinh chiến
Một thuở ngang trời lồi gió đường mây
Cũng có huy hoàng
Cũng lắm chua cay
Nhưng khi đối mặt với thảm cảnh nước mất nhà tan
Lại bị bạn Mỹ lừa trói tay
Đành tìm đường thoát thân, lánh nạn
Vì kinh nghiệm cha ông về chủ thuyết vô thần Cộng sản
“tàn độc, dối lừa, xảo trá, gian manh”

39 tuổi nhưng tóc chẳng còn xanh
Trí đã mõi
Lực đã tàn
Chỉ có uất hận thấu trời
Khi nhìn nước non bị giặc bắc phương dần dần xâm lấn

Trong khi lũ Thái Thú An Nam mặc nhiên, ươn hèn, lương tâm tán
tận
Bán nước cầu vinh
Rước giặc vào nhà
Tiếc máu xương của Tiên Tổ Ông Cha
Đã bao lần liệt oanh đập tan mộng xâm lăng
Của rợ hung nô: Nguyên, Mông, Thanh, Hán
Nòi giống hùng anh chỉ là ánh dương soi trong dĩ vãng
Còn 90 triệu người hôm nay đang lần bước, cúi đầu tìm kiếm
tương lai
Chưa có cách nào để cùng sát cánh chung vai
Trước họa xâm lăng
Và trước lũ cường quyền lòng tham vô tận

Càng nói, càng suy tư, càng thêm uất hận
Hổ thẹn trong lòng
Khi gần đến ngày sinh nhật 39 năm đau!
Tôi cũng đang lần bước, cúi đầu nghĩ tới mai sau
“Khi đất nước thân yêu không còn bóng dáng lũ cường quyền
Không còn thiên đường mù Cộng sản”

Tôi nghe tôi thở dài lòng đầy ngao ngán
Dân Việt ở hải ngoại bao nhiêu năm qua
Vẫn tranh đấu đấu tranh
Nhưng không khác như một giỏ cua
Đoàn kia, Hội nọ ra sức tranh giành
Để đến nỗi lòng người chia phân, niềm tin cạn kiệt
Ôi trái đất rưng rưng che thời oanh liệt
Đất nước mình, dân tộc mình rồi sẽ về đâu!?

Viết cho ngày tái sinh
Tháng 4/2014



Ý Nga

"Dao ta sắc, giặc phải lùi"

***"Những trần trọc trong cơn mộng mị
Chỉ bắn khoản một nỗi đồ hồi"***

**Bình Ngô Đại Cáo của công thần NGUYỄN TRÃI*

Mỗi khổ nạn, riêng mang một ý nghĩa:
Trăng dịu dàng. Mặt trời sáng rực ra,
Chiều trôi qua cơn trùng khúc tấu hòa,
Bình minh hóa hoa tươi thêm rực rỡ.

**Em đừng sợ Nước Võ Bờ trắc trở
Em đừng lo Việc Nhỏ khó hóa To**
Mọi cam go, khổn khó từ học trò
Chí quyết tỏ mới trở thành sư phụ

Mọi Cổ Thụ đều cuối thu yên ngủ
Đề đầu xuân ấp ủ lá Trượng Phu*
Tiếng Quỷ tru hay Cầm Thú phù phù
Hoa Dân Chủ đừng sợ khi kết Trái!

Cây Khổng Khái sống tài, nhất thiết phải
Vĩ tương lai, như Nguyễn Trãi miệt mài
Một "Bình Ngô Đại Cáo" thảo êm tai:
"Dao ta sắc giặc phải lùi!"* biên ải.

Nhờ vững chãi! Mai cây non trĩu trái
Nhờ hôm nay em mới có ngày mai
Nhờ đất đai, cây vườn lớn hình hài
Tạ ơn Đất, Người Chăm: đừng sợ hãi!

Ý Nga

Calgary-Canada



Phạm Tương Như **Gió ngất**

(riêng tặng Th. Hiền.)

Thành phố Houston nằm ở miền nam nước Mỹ, nên ít khi trải mình trong tuyết lạnh hoặc nhiệt độ xuống dưới điểm đông đá. Vậy mà sáng nay, đúng vào ngày Tết Việt Nam, các khu học chánh đều có lệnh đóng cửa trường trọn ngày. Các đài radio và truyền hình đều khuyên dân chúng không nên lách xe ngoài xa lộ trừ khi thật cần thiết. Sở của Thư cũng gọi báo cho tất cả nhân viên không nên đến sở hôm nay. Suốt đêm qua, cả thành phố và lòng Thư trải nghiệm những hồi giông bão. Nhất là lúc gần sáng, gió từ phương bắc thổi tạt vô cửa sổ, cánh én nhà và những cây sồi ngoài sân sau tạo ra những âm thanh sắt bén, có khi ma quái như tiếng hú vọng âm từ sâu thẳm ngậm ngùi và chông chênh, xô đẩy núi cô đơn của đời nàng thành rừng thác loạn.. Hình như gió bão vừa trải qua nhiều bất trắc nên hóa ra điên dại, muốn nuốt chửng cả đại ngàn và tiêu diệt hết nhân sinh bằng cái lạnh buốt xương da.

Sáng ra trời dịu bớt những cơn mưa, khung âm u vẫn quần nguyên màu tang chế, cái lạnh thấu xương như chực làm đông mạch máu còn luân lưu bao trắc trở tình trường. Giấc mơ của Thư bắt đầu tuôn theo những cành lá nhớ đã bầm dập vì trận bão lòng, những chùm nước đông đá làm trĩu nặng cây cảnh đang chờ định mệnh đưa gió qua cho đời gãy đổ. Thư với tay lấy tập thơ của Hiền tặng nàng hồi mùa Thu năm trước. Tập thơ như những dòng nhật ký lưu bút ngày xanh hay quyển quan tài tình buồn, luôn là tri kỷ tri âm những khi Thư mang nhiều tâm sự. Thơ như lưỡi gươm chém ngọt nỗi lòng, nửa như ngọn đèn leo lét rung rung lệ cổ nhân. Thơ của Hiền có khả năng làm cơn buồn càng buồn hơn, nỗi đau trở thành nhức nhối, đắng cay trở thành điên mê, men chữ làm

hồn Thư ngất say, bơi ngược dòng kỷ vãng...Bỗng dừng bốn câu thơ của Hiền từ nhiều thập niên trước quay về gõ cửa lòng Thư, thơ của mùa quá khứ, khi Hiền là phi công một thời chinh chiến và Thư thật bé nhỏ trong màu áo trắng Trung Vương, khi Thư theo Hiền từ Sài Gòn bay ra Huế và có dịp ngồi nơi phòng lái, ngắm bầu trời trong xanh có những chùm hoa mây trắng, Thư nhớ như in ánh mắt triu mến pha chút đam mê của Hiền khi chàng ngồi nơi ghế lái, xoay người nhìn Thư thật lâu, mỉm cười và trao nàng mấy câu thơ viết trên bao thuốc lá....(Nguyệt lão ơi ! Có phải là thơ tình?)

“Anh đưa em lên tận đỉnh trời đông . Em hãy hái những chùm hoa mây trắng. Em đưa anh về lại vườn xuân hồng. Để anh ngắm hoa lòng em uơm nắng....”

Hiền ơi ! Anh trao em chút tình gầy, gió làm bay bóng bám đầy hồn em...và hình như

Có cơn gió ngất tràn vào khung phòng . tiếng máy tiếng lòng ủa qua cỗi gió, tìm anh tìm em loạn nhịp chân không, trời xanh mây trắng mênh mông bến nhớ.

Phi vụ của Hiền về lại Sài gòn lúc trời chiều đẹp tuyệt vời với ráng hồng vắt đỉnh mây xa, những cánh chim ẩn hiện theo mây bay tìm gió lạ và lòng Thư cũng chấp chờn sỏi cánh giữa tình yêu và tình huynh muội Thư – Hiền ! Từ phòng lái Thư ngắm biển nắng hoàng hôn vàng vọt phủ trùm màu xanh biển nước mặn bao la , hàng hàng hoa biển trắng thành những luống kỳ hoa dã thảo. Bây giờ Thư mới hiểu những gì Hiền từng say mê kể lại cảm giác của người phi công cất cánh bay vào bình minh và hạ cánh đáp xuống phi đạo hoàng hôn...Nếu không có dịp thả hồn bay theo nắng gió từ phòng lái phi cơ thì làm sao Thư hiểu được tâm tình người phi công, tưởng chừng là sắt thép bay vào lửa đạn, lại lãng đã tình khi bên cạnh người yêu.

Chiếc phi cơ khổng lồ vừa tắt máy ở bãi đậu, bóng nắng đang chấp chờn giữa cơn thức ngủ bên bờ tối của bóng đêm. Thư cũng bước thấp bước cao, chân vừa chạm đất như người mộng du từ khoảng không gian bát ngát về lại miền đất hứa, tim lòng chứa chập cảm xúc nửa hoang man, nửa ngây ngất mộng đời ! Hiền chờ Thư đến câu lạc bộ Mây Bốn Phương ăn cơm tối. Bữa cơm qua mau vì Hiền thấy Thư thấm mệt, chàng tỏ vẻ lo lắng và chậm những giọt mồ hôi trên trán nàng. Những cử chỉ tầm thường hôm qua nay bỗng hóa ra tình tứ lạ thường. Thư hơi choáng váng nên

Hiền đưa nàng về cư xá trong Tân Sơn Nhất , tạm nghỉ trước khi về lại nhà.

Hình như Thư thiếp ngủ, giấc mơ chợt ủa đến như những tầng mây đang vây phủ thân tàu. Thư cố nhìn để biết rằng mây có những bờ vực thẳm, những áng mây màu áo trắng học trò đang lướt qua phòng lái, đập vào thân tàu rào rào những tiếng mưa . Cánh sắt xé rách những áng mây cho tà áo học trò cởi bỏ vùng trịnh nguyên trong trắng. Thư cảm như cơn bão lốc vừa ủa tới trên da thịt , những cánh bướm đêm màu áo bay phi công đập khắp người nàng , tiếng vỗ cánh của loài bướm tạo chấn động ù ù như tiếng máy phi cơ. Thư cố giẫy giụa nhưng những đài hoa thơm mật ngát hương từ tim nàng ứa ra làm tê dại tứ chi. Thư muốn la lên như lời gọi khan, nhưng tiếng nàng trở thành tiếng gió bay qua những đồi non và rừng cây đang rì rào âm điệu lá ru. Những chùm gai góc mọc tua tủa cảm xúc quanh đóa hoa mềm tuyệt đẹp màu đỉnh tuyết...Rồi Thư như chợt bừng tỉnh giấc, gót chân trần lướt bay vào “động hoa vàng “, những đóa hoa vàng rực rỡ như đèn màu vũ trường Sài gòn thấp sáng . Hiền với trăm đôi cánh bướm đêm màu áo bay phi công vừa đáp xuống sân nhà , đập cánh gõ cửa nhà Thư bằng những chấn động của tiếng máy phi cơ đang rung mình cất cánh....

“Hoa thả mù phấn hương. Ngát say đời bướm đại. Đã qua mùa tiếc thương. Bướm hoa gây cánh gãy...”

Trời ơi ! Thuở đó nào em có biết gì ! Em đâu biết những câu thơ là định mệnh của mai sau, của giấc mơ tan vỡ, của giông bão tới bời. Có phải cuộc đời kết bằng chuỗi lòng nuối tiếc hay thời gian là xích sắt giăng bắt thương đau ! Những câu thơ đơn sơ đã tạo ra ước mơ hư ảo và hình như cũng mang đi nét hồn nhiên tuổi học trò. Màu áo trắng đã phớt hồng màu môi má, tóc vô ưu cũng óng lưa nắng vàng ! Nếu anh bảo đời kết bằng định mệnh thì định mệnh quá khắc khe với người con gái như em phải không anh? Hình như ai đó bảo nhà thơ còn là nhà tiên tri và anh ơi, em tin điều đó. Nếu không thì đâu có sức mạnh nào chia cách được tình yêu ! Ôi ! Câu thơ như chữ bùa thiêng yểm của một thời nước mất nhà tan, gia đình chia cách, tình yêu ly tán....Bốn câu thơ như lời thiên sứ phán quyết định mệnh tình yêu, nên em phải trải nghiệm một phần đời khắc nghiệt toàn mưa nắng bão giông và nghịch cảnh

Cuốn phim đời quay chậm như dòng sông tình buồn lững lờ trôi qua ngày tháng cũ cho lòng Thư nhầy nhụa từng cơn thôn thức. Mấy ngọn gió lẻ cố đóng băng vết tích thời gian đang đùn quanh trí nhớ Thư, cuốn kén đơn côi cho tê tái nỗi lòng. Tuổi trẻ, thời học trò của Thư chưa đủ chín muồi mộng mơ để thành trái cấm. Giấc mơ và hoài bão chưa đủ lớn để làm hành trang vào đời. Thời đó Thư cũng chỉ mới tuổi trăng rằm, chờ tròn trăng mười sáu. Màu trắng vừa đủ sáng phiêu lưu khung trời bao la tình ái. Thư là cô học trò Trung Vương, áo trắng còn in hằn nếp nhăn, niềm vui, nỗi buồn chợt đến chợt đi như mưa nắng Sài Gòn. Nhà Thư ở gần Bến Bạch Đằng và Bố Thư là Sĩ quan Hải quân của những mùa biển động. Bố thường ra khơi theo giấc mộng hải hồ. Những ngày trở về của Bố cũng nhộn nhịp bạn bè, thù tạc đệ huynh, vui chơi thơ văn, đàn hát thâu đêm suốt sáng. Những ngày vắng Bố, Mẹ phải vất vả lo cho đám con mười đứa cái ăn, cái mặc và đến trường như những người vợ lính trung lưu khác. Ai cũng ngạc nhiên vì sự giỏi giang lo trong lo ngoài của Mẹ, lại càng ngạc nhiên vì tài tiếp đãi bạn bè, nấu ăn rất ngon và trang điểm kiểu cách, đặc biệt là giọng hát thật truyền cảm của Mẹ làm mọi người ái mộ. Mẹ thật vui tươi và quý trọng thời khắc có Bố bên cạnh, nên bạn bè của bố cảm thấy thoải mái vui chơi cùng gia đình Thư. Hình như tính nghệ sĩ cũng là chất keo sơn gắn bó hai tâm hồn.

Anh Hậu của Thư xuất thân là niên đệ Thiếu sinh quân của anh Hiền. Thật lòng thì Thư không biết rõ Anh Hiền đến nhà chơi với Bố vì tình nghệ sĩ hay với anh Hậu vì tình niên đệ chung trường. Càng ngạc nhiên hơn khi anh Hiền là chàng phi công duy nhất trong đám đông văn nghệ sĩ Hải quân và xem chừng mọi người, kể cả Mẹ, rất mến mộ tài đức của Hiền. Anh còn là thầy không lương của mấy chị em Thư và hình như môn nào anh cũng giỏi. Anh lý giải trơn tru mọi thắc mắc bài vở từ Tiểu học đến Trung học nên Thư vô cùng mến mộ. Hiền ru hồn Thư bằng những bài hát thơ của riêng anh. Những đỉnh đau gai nhọn của chiến tranh, những mù lòa của bom đạn, những phận người hẩm hiu, những vành khăn tang quần trắng quê hương....trong thơ anh làm hồn Thư rã mục...Biết Thư đam mê ca hát và trình diễn văn nghệ học đường, nên Hiền đánh đàn, chỉ bảo nhịp điệu, luyện giọng cũng như cung cách trình diễn cho Thư.

Tháng tư định mệnh đưa Bố xa xứ và gia đình Thư về vùng kinh tế mới. một vùng kinh tế trống trơn, chỉ có màn trời chiếu đất

, nước biển làm ruộng muối và những mùa gió ngát, dân Bạc Liêu gọi là Gió Nam, những ngọn gió lạnh đến thắt lòng và làm thiếu phụ “dạ cổ hoài lang” Rồi Thư đi lấy chồng khi những đường bay chỉ còn trong ảo giác, chuyển sang ngang như bốn phận người chị cả làm sạch lối đi cho bước tiến những cô em. Định mệnh khắc khe cột Thư vào cuộc tình không tim óc. Hành trình đời là chiếc xuồng sắp đắm chìm, sự chịu đựng đã trở thành nước mắt thâu đêm và đứa con trai là niềm hy vọng cuối. Thư trở lại Sài gòn khi đôi chân không còn bền đợi và chứng kiến sự hèn hạ của tình người nơi vùng đất thường thiếu bóng văn minh, đói ăn thường xuyên, đàn bà bị đánh đập vô cớ. Sài gòn người người đói khát, Sài gòn tất tả ngược xuôi, Sài gòn chợ trời bán luôn hy vọng, Sài gòn cột đèn muốn đi xuyên biển... Và Thư thất lạc qua lại căn nhà mình có tên cướp mới. Thư tạm trú nơi căn nhà bỏ hoang không cửa nẻo với cái dao nhọn gổ đầu hằng đêm, đứa con trai hay đau yếu khiến đời thêm bầm giập... Thư đang từ đáy vực bỗng bị rút xuống âm u khi Nàng mưu sinh bằng cách bán cháo ở chợ Cầu Ông Lãnh, Thư quen mặt người đàn ông tật nguyên, mất cả hai chân, lem luốc dơ bẩn, bò trên bùn hôi mùi cá chợ đến mua thức ăn, Thư tội nghiệp nên cho thêm rau, thêm cá... Không ngờ nhan sắc xinh đẹp và nét duyên dáng của Thư, cộng với lòng hảo tâm mới đủ cho chàng hành khất mang đầy thương tích chiến tranh ngỏ lời cầu hôn. Thư khóc sụt sùi, dọn gánh bán bún, nghe đau buốt cơn gió ngát quất ngược hồn mình. Thư tủi phận làm người, mấy đêm trần trọc không ngủ được. Bố ơi ! Không lẽ đời con tàn tệ đến thế này sao? Hiền ơi ! Anh ở đâu có biết đời em khổn khổ ?

Ánh đèn trong phòng ngủ của Thư vụt tắt, tập thơ của Hiền ướt thêm nước mắt cô đơn. Thư tung chăn, phủ lên người thêm một làn áo ngủ, khoác áo lạnh dày và bước ra khỏi nhà. Ngọn gió ngát làm hàng nước mắt Thư rụng xuống như những phiến lá mờ cõi lìa cành, biết bao giờ tìm lại nhánh cây xưa? Thư mở máy xe, tiếng máy rú lên như tiếng phi cơ chờ cất cánh. Hình ảnh Hiền ngồi trên ghế lái, nghiêng qua, mỉm cười, trao nàng những câu thơ viết trên bao thuốc lá như vừa xảy ra hôm qua. Thư chạy thật chậm trên xa lộ trơn trượt vì có nước đóng băng, mấy chiếc xe phía trước cũng đang bò qua overpass, có chiếc đang nằm cán vào thành cầu... Hiền ơi ! Hiền ơi ! Bốn câu thơ ! Bốn trăm câu thơ ! Bốn ngàn bài thơ... cho hồn em rách nát ! Câu nào cho anh? Câu nào cho em?

Sao những bài thơ không trọn vẹn lời thề ? Mà sao Hiền không thể khi chúng mình cùng ngắm trăng nghiêng? Hở anh? Hở anh?

Thư gõ cửa phòng làm việc của Hiền . Cửa mở. Con gió ngát ủa vào làm hai người tái mặt. Những hạt nước li ti đông đá trên áo khoát của Thư long lanh như những hạt ngọc chột rớt xuống vùng đam mê. Cái lạnh được cõi ra cho hơi ấm lùa vào. Lốp áo ngủ che mỏng một thời vụng dại còn thơm ngát hương yêu, những nút khuy khép mở của thời thiếu ngủ cũng chỉ cài hờ mộng my.....Thư ơi ! Hiền ơi ! Phi cơ đang chờ ở đầu phi đạo, tiếng máy rú lên, cả thân tàu run rẩy, trườn lên đường băng, xé gió bay vào bình minh...những áng mây màu áo học trò thả bay theo làn tóc, mùi tóc mùi áo như mùi trầm hương từ khung rêu quá khứ phủ lấy hai người Mặt trăng luôn tròn đầy chỉ tại người nhìn từ góc cạnh thế thôi ! Tim em và tình anh vẫn thế ! Bỗng dưng phòng Hiền như vừa mất điện...Bóng đêm ủa vào, thịt da mọc những chùm cảm xúc, hằng ngàn cánh bướm đêm màu áo bay phi công đang cựa mình, cùng vỗ cánh tạo thành cơn chấn động xôn xao, cùng hạ cánh hoàng hôn xuống thung lũng tình yêu, nơi loài hoa trắng màu đỉnh tuyết đang thơm mật đợi chờ...Con gió ngát chột đến như ngọn cuồng phong , xô ngã những bờ tường định mệnh, bướm hoa thêm một lần giao bôi, tình yêu vỗ cánh áo mây, bay qua khung trời kỷ niệm...

Phạm Tương Như

13 /08 /2014



Hãy luôn tự nhủ mình:

"Tôi sẽ không dừng lại khi tôi mệt mỏi, tôi chỉ dừng lại khi tôi đã hoàn thành. "

Cố lên nào mọi người.



Minh Xuân

Biện đình từ những tứ thơ

Người đi khuất bến Biện Đình*
Ai về nhớ mãi bóng hình người thương...
Người đi khuất bóng tà dương...
Ai về ôm mãi nhớ thương nào nề!!!
Người đi nay đã quay về
Mang theo lời ước nguyện thề năm xưa...
Người về kẻ đón, người đưa
Dường như rộn rã sáng trưa khuê phòng.
Giật mình chăn gối trống không
Thì ra trở giấc đêm hồng chiêm bao
Thì ra đời đã tiêu hao
Cây đa bến cũ năm nào buồn tênh.

Biện Đình* thuở ấy nhớ quên?
Sáo xưa bỏ bến nên quên luôn đò
Chim sáo nhỏ mộng ươm tơ
Vui trời cao rộng ước mơ ngập đời
Mặc bến xưa có lở bồi
Mặc con đò mục bãi bờ hoang vu
Bên sông vắng tiếng ru hò...
Sáo ơi, Sáo hỡi! lạc loài nơi nao?
Chắc là Sáo vào lồng son
Nước non ngàn dặm Sáo còn rong chơi
Quê Hương khói lửa ngập trời...
Sáo đành bỏ bạn, quên đời chân quê

Xin thưa: đời Sáo nhiều khê
Nước non ngàn dặm trăm bề long đong
Xứ người chim Sáo lưu vong
Hai phương trời rộng vẫn mong ngày về...
Biện đình trở giấc hồn mê
Nhớ ơi là nhớ tình quê vẫn còn.

**Biện đình một địa danh ở Quảng Nam.*



Nguyễn Đức Nhơn
Tráng Sĩ

Cát bụi biên cương mòn vớ ngựa
Tóc râu một bóng nhuốm tà huy
Tráng sĩ chỉ trời vung kiếm báu
Hùng tâm tráng khí mờ chân mây

Biên cương hê! Đêm sâu hun hút
Sa trường gió lộng thổi cuồng sa
Tráng sĩ giật mình khua kiếm trận
Nghe trong gươm giáo khúc tình ca

Trời Nam một dải mù sương khói
Chiến trường mong da ngựa bọc thân
Tráng sĩ trời Nam hê! Tráng sĩ
Hồn thiêng sông núi vẫn còn đây

Tráng sĩ mơ về con phố nhỏ
Có người thiếu phụ bông con thơ
Tựa cửa chờ chồng nơi chiến địa
Tháng ngày qua như chiếc thoi đưa

Cát bụi sa trường mù mịt bay
Vang vọng đất trời vớ ngựa phi
Tráng sĩ Trời Nam hê! Tráng sĩ
Ngàn năm sông núi vẫn còn đây.

June-30-2014

Nguyễn Đức Nhơn



Huỳnh Công Ánh
Một lần bất tỉnh
biệt nhân gian

Vện háo hức, chồm sũa vui mừng chủ
Ngoài hiên cây ẻo lả đón người thân
Em mở cửa một nụ hôn cũng đủ
Xua ngàn xa hun hút vết lãng trầm.

Và buổi sáng bếp hồng lên lửa đỏ
Nước sôi reo café sáng thơm nồng
Vật xôi đậu trắng ngà vai thon nhỏ
Loay hoay em bếp núc thỏa chờ trông.

Lâng lâng giản thân nhòai trên chiếc ghế
Xiu té nhào ngất lịm đến không hay
Em hốt hoảng gọi rân. Ta mắt mở
Mấy phút qua già biệt thê gian này.

Lo ngại lắm chắt lòng mua bảo hiểm
Tính toan theo sớm tối bước tảo tần
Ta lảo ngáo nên em càng tần tiện
Lao đao em đôi mắt hóa thâm quầng.



Lê Hữu Liệu
Xa em

riêng tặng Huỳnh mai)

Xa em, anh muốn khóc
Thao thức đêm từng đêm
Đếm từng ngày đơn độc
Đếm từng giờ vắng em

Xa em, anh buồn thật
Vì mỗi ngày bên em
Là một ngày hạnh phúc
Dù nhỏ nhoi, êm đềm.

Có nhiều lúc em giận
Có đôi khi anh buồn
Nhưng tình yêu sâu đậm
Giân buồn cũng tan luôn

Anh sẽ vui biết mấy
Em sẽ mừng bao nhiêu
Khi em về gặp lại
Nhiệm màu thay, tình yêu !

Lê Hữu Liệu



Thái Bạch Vân Thất Ngôn Tứ Tuyệt

Muôn Thuở

Trời xanh vẫn dập dìu mây trắng
Đêm đen vẫn lấp lánh chòm sao
Cổ mộ xưa tình đầy muôn thuở
Vẫn đàn ngân thắm thiết ngọt ngào

Dáng Xưa

Cố nhân ơi, chập chùng nỗi nhớ
Người ở đâu! Ở đâu dáng xưa ?
Vườn trăng khuya canh trường thao thức
Mặc tình này sưởi gió dầm mưa.

Xua Tan Hệ Lụy

Chia tay nhé hành trình muôn một
Giã biệt thôi tình khúc đổi ngôi
Xua tan hệ lụy đời trần trở
Ô! Sao vết đá vẫn lung đòi

Giấc Mơ Trăng

Giữa khuya bay vút vào Cung Quảng
Tứ Tuyệt, đem khoe với chị Hằng
Bồng Thờ hóa bướm bay đi mất
Giật mình tỉnh mộng...giấc mơ trăng !



Lê Hữu Minh Toán
Trắng mộng

Ta chờ bóng ta
Lung đòai kéo kẹt
Nặng gánh chiều tà
Ngày qua chưa hết

Nuôi lửa tịch mịch
Trong tim mạch ngầm
Đâu trời phiêu hốt
Mở hồn thên thang

Lần trang kinh điển
Chất đầy ăn năn
Trải lòng chiêm nghiệm
Ngôi ngoai vết hằn

Quá giang khôn khó
Vượt cạn ưu phiền
Mượn lời kinh khổ
Gánh sầu nhẹ nghiêng

Chìm cõi tịnh yên
Đêm dày phận mỏng
Hun hút bóng mình
Hư không trắng mộng

Mộng không mộng không
Tan chảy giữa dòng
Trong vườn khổ lụy
Hương trầm trở bông



Phạm Ngũ Yên **Gửi lời thăm mùa Xuân**

1.

Những dòng chữ sáng hôm nay ngỡ ngàng như cánh bướm. Chúng đậu xuống trang giấy cũng ngỡ ngàng một thơ đại. Thời mới lớn tôi làm một người lính xa nhà. Việt Hà ngày đó hai mươi tuổi và hồn nhiên như chim. Tôi đứng chôn chân bên đường trong khi những dòng mưa phùn phiếm bay ngang thành phố biển. Mưa cũng làm ướt át những cây bàng già nua trước nhà nghỉ mát Công Chức. Cửa sổ xanh, những chấn song yên tĩnh. Đàng sau đó khép kín một chân dung. Khép luôn những giấc mộng.

Mùa màng mang tiếng gió lạnh khô nhưng ủa vàng nổi nhớ. Khóm tường vi bên đường run rẩy như bờ môi đợi nụ hôn lần thứ nhứt. Phải bao nhiêu tháng ngày tôi mới quên được nàng? Quên con phố hẹp chia tay với bàn chân yếu mỏng. Con gió nào thổi ngược đường tôi đi?

Thời gian tôi trở về làm việc tại trường Truyền Tin, Việt Hà đang đứng coi tiệm với mẹ nàng trong những ngày không đến lớp. Một tiệm bán kem nằm giữa ngã tư Trần Hưng Đạo và Nguyễn Thái Học. Từ quán của nàng, khách có thể thoải mái vừa ăn kem vừa nhìn ra bốn hướng đường. Hai hướng đi vào chợ và những phố tiệm mang đầy sức sống. Một hướng đi ngược về chân núi. Nơi có một bệnh viện và một sân vận động. Hướng cuối cùng dẫn ra biển. Khách hàng là những người lính gồm đủ thành phần, đủ mọi binh chủng. Vì Vũng Tàu ngày đó là nơi trú đóng của nhiều trại lính và quân trường. Tôi thuộc quân trường Truyền Tin. Mỗi tuần có vài ngày tôi ra ngoài để ngồi đồng nơi quán kem của nàng. Đa số là lính nghèo. Những người lính nghèo sẽ không nói được những gì trước những cô gái đem hồn nhiên và tươi tắn vào đời. Nhiều khi tôi bối rối nhờ gió thay dùm lời tỏ tình. Tôi chỉ là một người lính trẻ nhưng không tự hào vì lon lá. Vậy mà không biết sao Việt Hà lại chịu đi chơi với tôi. Nàng nói rằng Ba Mẹ nàng cảm thông để tôi đưa nàng đi dạo phố. Đôi lần, tôi đã liêu lĩnh

thấp lên hạnh phúc khi nắm bàn tay của nàng. Mặc kệ những tia nhìn, những xét nét.

Chúng tôi đi bộ một hồi lâu trên đoạn đường ra bãi trước. Qua những Kiosque đang tắm mình dưới màu đèn. Qua những ghế đá nằm băng khuâng nghe sóng vỗ ngoài xa. Lòng biển cạn đang lồ nhô đá ngầm, giống như trò chơi đang dở của người khổng lồ. Những thân dừa run rẩy cành nhánh. Bưu điện có sân rộng nhìn thấy rõ bên trong, nếu là buổi sáng người ta sẽ thấy người phát thư đang sắp xếp những chồng thư vào trong kệ. Và vài nữ nhân viên đang cúi đầu ghi chép. Một cây bàng trước sân thả bóng mát mỗi ngày như thả những buồn vui hồi hã. Đâu đây, tiếng chuông nhà thờ ngân lên.

Nàng theo tôi vào quán cà phê Năm Tròn.

- Lạnh rồi. Nàng nói.

- Nếu Hà không chê áo nghèo của lính, thì anh cho mượn...

Tôi cởi chiếc Jacket nhà binh khoác lên vai nàng. Nàng bé nhỏ trông thấy. Mái tóc bay ngược về phía sau, giống như một cánh dơi đêm đang dấy dựa. Những ngón tay dài các của nàng nằm trong bàn tay tôi. Ánh mắt của nàng như cười cợt, như dò xét. Có thể những ngày tháng tới của tôi, sẽ không còn bình yên. Tôi kêu cho Việt Hà ly đá chanh muối còn tôi thì vẫn cà phê. Quán đông người và may mắn chúng tôi tìm được chỗ trống. Ly cà phê đắng và nóng làm tôi bị bỏng môi vì vội vàng.

Với tôi, Vũng Tàu là thành phố của một mối tình bèo bọt. Tôi nhìn Việt Hà. Hai gò má hơi cao của nàng hồng lên, mỗi khi nàng nghe những lời khen ngợi của tôi. Người ta nói con gái có gò má cao, thường lận đận tình duyên. Tôi không biết điều đó đúng bao nhiêu. Nhưng lời cầu mong của tôi bây giờ là nàng được suông sẻ tình yêu. Nàng đừng đi qua những tháng năm dài với lòng đầy phù sa để biến trở thành sầu muộn.

Vài chiếc xích lô chở khách vượt qua. Tiếng ồn ào trong quán muốn chạy đuổi theo những vòng bánh xe. Từng miếng buồn vui quán quít. Có cơn mưa chợt về. Tiếng mưa rì rạc gõ nhịp trên mái quán. Không âm ỉ nhưng cũng làm lòng ướm ắt. Những ngăn đời cũng chật theo thương nhớ, mơ hồ.

Ánh điện nửa sáng nửa tối hắt xuống tận chỗ ngồi hai chúng tôi. Có tiếng hát vang lên từ chiếc Radio cũ. Bài Ngày Em Hai Mươi Tuổi. Tôi không biết bài hát có đánh động lòng cô gái, từ một đêm ngỡ ngàng say chân với người lính tầm thường là tôi. Nhưng quả

thật nàng đã “hơn hai mươi tuổi, nhưng chưa biết nói yêu người...” Việt Hà uống hết phần nước của mình, muốn về. Chiếc áo lụa khoét hơi sâu ở cổ. Lốp ren mềm ôm khít bờ ngực phập phồng. Có tiếng một con đé ngủ quên vừa trở mình gáy vang trong một hốc đá. Đó là lần cuối tôi ngồi ở cà phê Năm Tròn.

Tôi làm việc ở Trường Truyền Tin chỉ có một vài năm. Vì chán sự gò bó ở quân trường, nhân dịp mùa hè đỏ lửa tôi làm đơn xin Đại tá Vũ Duy Tạo (đang là Chỉ Huy Trưởng quân trường Truyền Tin) chuyển ra Vùng 2. Lúc đó, đối với tôi, thành phố nào cũng được vì tôi chỉ cần ra khỏi nơi đó. Số phận dung rũi khiến tôi lại trở về Đà Lạt. Nơi từng ghi xuống một tình yêu khốc liệt làm nát ngừu một thanh xuân. Tôi sẽ viết chuyện này vào một dịp khác.

Riêng Việt Hà, sau 1975 nàng vẫn cùng gia đình buôn bán tại Vũng Tàu. Nhưng đó là chuyện tạm thời. Chuyện lâu dài là Việt Hà toan tính vượt biên một mình. Một người bạn trai học chung trường mà nàng thân thiết gọi là Bé Tư đã cùng nàng hùn mua một chiếc ghe nhỏ, tự lo bến bãi, tự tìm kiếm phương tiện. Chuyến đi trót lọt và tin tức gởi về làm hài lòng hai gia đình. Nơi dừng chân cuối cùng nơi bến bờ tự do, là Sydney, Australia.

Mọi thứ với tôi, gần như mất dấu. Khi tình yêu trở thành một xác lá ngủ vùi, thì màu xanh người ta sẽ khó lòng tìm lại.

Mới đó mà đã gần 40 năm. Từng trang giấy đời lem luot màu thời gian mỗi ngày lật qua với lòng rười rượi buồn. Tôi vẫn đi trên bốn phía cuộc đời, trong khi nàng như một dòng sông chảy yên giữa hai bờ nông cạn.

Khi rời Vũng Tàu và xa Việt Hà, tôi không biết có bao giờ nàng chịu nhớ đến tôi, người đàn ông không còn trẻ đang sười ầm nổi nhớ già nua bằng giá rét trong lòng. Nơi ngôi nhà đường Heatherglen, tại thành phố Austin, tiểu bang Texas, tôi hồi tưởng lại những đam mê ngào ngạt. Nơi những cửa bể mù lòa, bao lòng thuyền vừa mất hướng. Người con gái dấu giữa môi hôn một âm phách kiêu kỳ.

Ước gì những giấc mơ đến không giống như cuộc đời. Giấc mơ thì quá rộng, cuộc đời thì chật, nên đầy những nỗi buồn. Những tình yêu mang dấu vết thơ đại, giống như mưa bóng mây. Bây giờ, nhìn lui lại, tôi với Việt Hà cùng chung một quá khứ, và cùng lớn lên theo những dâu bể, nhưng hình như giữa tôi và nàng chưa nhìn thấy nhau. Tôi và nàng nhìn qua vai nghe cơn mưa khát trong nhau từ thửa trước. Giống như hai phía địa cầu. Nơi tôi mùa hè,

nơi nàng là mùa đông. Tôi từng có thời gian ngồi tìm kiếm một dấu vết của Việt Hà, sau những buồn vui phiêu bạt, lòng thầm mong biết về nàng có còn như lá xanh? Tôi không biết mỗi ngày nhìn vào gương soi, có khi nào nàng thấy thiếu vắng một điều gì đó? Còn tôi, từng có nhiều buổi sáng nghe tiếng chim sau vườn, âm vọng rã rời như nhắc về một trống trải. Trên trang vở đời, tình yêu giữa tôi và nàng được viết xuống, nhưng bằng những nét chữ không ngay hàng mà lấm lem vết mực. Tôi nhủ lòng mình đừng buồn. Những bờ cỏ xanh hỏn hển giọt sương khuya. Căn phòng đêm không nhốt hết gió lửa. Những lời chia tay bay qua buổi sớm mai...

2.

Cách đây một năm, tôi và Quỳnh về thăm lại Việt Nam. Không gian là Vũng Tàu và thời gian là sau những ngày Tết. Hai chúng tôi dạo quanh một vòng hai dãy phố chợ. Đi dọc theo đường Trần Hưng Đạo không chủ đích. Chỉ để ngắm những thay đổi. Dấu vết về một nơi chốn vừa là quán kem, vừa là cà phê không thấy đâu. Những bờ đường mùa xuân tìm không ra cây bàng già. Cũng không thấy một cành sứ vừa ra hoa. Thành phố tôi yêu kỳ lạ ngày nào đang trở mình lo nghĩ. Từng giấc mơ cũng lớn theo thời gian, theo những ngôi nhà cao tầng. Còn chẳng quá khứ nằm im dưới những thửa đường đang bóng nắng nhấp nhô. Mỗi bảng tên đường dấu khép một lời tâm sự.

Quỳnh đi bên tôi, mắt nhìn quanh dè chừng những chiếc xe gắn máy vụt ngang. Mái tóc lòa xòa trước trán, nàng trang sức bằng nụ cười hồn nhiên cùng những bước chân như khiêu vũ. Tháng hai, còn cái rét từ thời tiết mùa đông, tôi nghe bàn tay nàng run trong tay tôi. Cái run, đủ để sau này, khi xa nàng, tôi vẫn cảm nhận được. (Thời gian chúng tôi về VN, thì ở Hoa Kỳ, nơi chúng tôi đang sống đang bị bão tuyết vùi dập. Những cơn gió lạnh từ Bắc Cực thổi xuống làm điêu đứng hai phần ba nước Mỹ. Mọi sinh hoạt bị đình trệ. Các công sở và trường học bị đóng cửa. Chính quyền khuyến cáo người dân nếu không có chuyện cần thiết, nên bớt đi ra ngoài)...

Tôi đưa nàng đi ngang ngôi trường cũ. Tôi rời trường quá lâu để cảm nhận được những dấu vết từng bị thời gian bào mòn. Những lớp học chắc già theo tháng năm? Chính vì vậy, bây giờ người ta đã phá bỏ và xây lại thành hai dãy lầu. Từ ngoài đường nhìn vào, màu tường vàng và ngói đỏ mới mẻ như một cô gái xuân

thì. Các đầu hồi uốn cong nhìn xuống những bồn hoa óng ả màu gạch. Những lá cỏ như ướt át màu tương tự. Sân trường có thêm nhiều chỗ lát gạch nên nhìn thấy rộng thêm. Những cây điệp khom lưng ngoái nhìn lui một mùa hè. Không biết có còn những con sâu màu xanh rớt xuống vai ai sau những ngày lạnh? Hai cánh cửa sắt kiên cố bắt chết vào 2 cổng xi măng. Từ nơi đó, những chàng trai, những cô gái từ giả phần trắng bắng đen để đi xuống cuộc đời. Chân họ dẫm lên những phong ba hay chạm vào hạnh phúc? Trong khi biển ngoài kia mỗi ngày âm vọng những lời gió thăm thì.

Nhà Thờ Lớn bên kia đường, nhìn từ Ty Cảnh sát cũ, phân cách với trường bởi hàng rào dây thép gai được cắt tĩa cẩn thận. Ánh nắng mặt trời đang chắt ngắt trên thềm đá sơn màu vôi trắng. Nơi đó từng ghi xuống những tình yêu một chiều. Từng là chỗ ngồi ủ chặt thương đau hay khóc ngất một chân trời. Một nơi chốn ghi dấu những giờ không lớp của đám nam sinh ngồi nhìn theo những gót hồng. Cùng nỗi nhớ nhung bên đường rơi rụng.

Đường Lý Thường Kiệt chạy dài đến xóm Vườn, trước khi đụng quán Cây Duối, là một khu nhà xây cất cho những nữ tu, có tên là Nazareth. Bây giờ có tên mới là nữ tu viện Thánh Phao Lô. Những cây phượng hồi hả ra hoa suốt một mùa hè. Màu hoa cháy đỏ mang theo những điều quên lạ của một thành phố và những tuổi thơ chúng tôi. Biết ai còn ai mất. Ai còn chờ nhau ở phía xa. Nơi những con đường?

Chưa một lần Quỳnh biết về Vũng Tàu. Nhưng hình như để nhớ về tôi, nàng đã biết thương từng góc bàn ghế già nua lớn theo mỗi ấm lạnh tình đời. Từng cây sứ ra hoa trong những ngày giáp Tết. Nàng chưa từng sống ở Vũng Tàu, nhưng tình yêu nàng dành cho tôi giống như sóng, vừa dịu êm vừa dữ dội làm sao.

Sau 3 tuần lễ, Quỳnh vừa chia tay tôi để trở về Hoa Kỳ. Nàng về trước tôi vì còn có nhiều việc phải về sớm. Những lời phone nũng nịu vừa im bật bên tai. Đầu rồi tia nhìn nóng bỏng như lửa và những sợi tóc mềm nhòa trên gối. Những cuộc tình tưởng như đã già nua, nhưng thật sự còn rất trẻ. Nàng không kịp nhìn lui lại một tháng giêng ửng hồng, từ một mùa xuân vừa đâm chồi gấp gáp.

Nàng đi rồi tôi về ở nhà em gái tôi, chờ hết tuần lễ Tết. Nhà nó nằm sâu cuối đường dẫn vào Hang Ông Hổ. Đó là tên gọi ngày xưa. Bây giờ đổi lại thành đường Trần Xuân Độ. Đêm ngủ một mình trong gian nhà hẹp nghe thấy hết tiếng xe gắn máy chạy bên

ngoài. Tiếng những người bài bạc chơi khuya về kéo lê dép trên đường. Tiếng ho khan và tiếng khạc nhổ tùy tiện. Tôi thao thức nhìn lên mái tôn có nhiều rãnh sét mờ ảo vì mưa nắng như những đường tàu lạch mắt sân ga. Vũng Tàu của đêm về sáng luôn gọi trong lòng tôi nổi bồi hồi. Khi tháng năm xào xạc trở mình cùng tiếng thở dài của đêm cũng là lúc những nỗi nhớ về nhau hiện về. Mỗi nỗi niềm như một phấn hoa, dù tan vỡ mà vẫn còn thoang thoảng.

Lạ lùng làm sao, khi xa nhau, lúc nào người ta cũng thấy một khoảng trống- mà gió dù nhiều đến đâu cũng không thể lấp đầy- Những cơn gió thổi qua đời nhau lạnh lẽ. Cái hơi thở của tình yêu cũng vậy.

Có nhiều cuộc chia tay ráo hoảnh nước mắt và không có kịp môi hôn. Mấy mươi năm trước hay bây giờ đều giống nhau. Vì ngày xưa thì quá trẻ để không dám hôn. Đến khi già thì ngại ngừng. Sợ bị thiên hạ cười.

Có những dự tính không biết nói sao cho vừa? Vì biển ngoài kia dù yên bình, nhưng ẩn dấu trong lòng bão tố. Có những đêm thức khuya, những ngày ngủ muộn. Những ngôi sao dù chạy qua những thiên hà cũ, nhưng vẫn còn lưu lại những vết sáng và những bụi tro. Giống như tình yêu. Nó có khả năng vui lấp hay làm rục rở một kiếp người.

Tôi nhớ buổi sáng trước ngày về của Quỳnh, gió cũng đang thổi ngược về những góc đường nghẹt kín xe cộ. Tôi chưa kịp mở lòng để đón nghe một tiếng chim đang trong treo trên đầu. Mọi màu sắc, mọi tiện nghi từng chuẩn bị cho ngày Tết, đang kéo dài vô tận. Người ta dựng lên những bảng hiệu tượng trưng cho một mùa xuân óng ánh, không có đông phai hoặc thu buồn. Những bức tường trắng lẹ dưới chân Núi Nhỏ mời gọi khách du lịch. Những biểu tượng mang màu sắc mới mẻ và những hoa văn chạy dài hai bên lộ. Vài đôi tình nhân đứng đợi xe taxi nơi lề đường. Những thịt da phơi bày như trải nghiệm với đời những hoan lạc. Còn tôi? Mới đây thôi, tôi còn đứng cùng Quỳnh trước quán Mr. Két, gần nhà Bưu Điện cũ. Một bông sứ trắng lạc lõng nằm yên bên lối đi, may mà chưa bị bàn chân người vùi dập. Tôi cúi xuống nhặt lên với lòng run rẩy buồn. Hình ảnh của quán cà phê Năm Tròn chỉ còn trong ký ức. Khó lòng tìm kiếm được một nơi chốn mang dấu vết thơ đại và rất mong manh ngày nào. Nắng chan hòa làm chói mắt. Cái nắng giống như thuở nào, khi tôi vào đời. Ba người bạn

học chung trường, nhưng nhỏ hơn tôi nhiều tuổi ra gặp chúng tôi ở quán để cùng uống cà phê. Người đàn ông tên Báu. Hai người kia là phụ nữ. Một người tên Ái Nhân, một người tên Hồ Mai. Lúc này họ đang loay hoay với máy chụp hình. Cuộc sống vô tình đi qua từng ngày. Đi qua những tròn trịa, những góc cạnh của đời thường và giấc mơ trộn lẫn. Nên cần phải có hình ảnh gì lưu lại (nếu không thì sẽ mất). Mọi người đều cố gắng tươi tỉnh dù lát nữa sẽ chia tay bụi ngùi. Bãi cát sau lưng và một góc biển cạnh nước. Những hòn đá hiện hình như treu chọc. Hình như có một người nào đó đang cắm cúi đào kiếm một miếng hào hay một con ốc giữa menh mông đất trời. Có còn ai đào kiếm trong hỗn độn và xô bồ của đời sống hôm nay, một chút quá khứ của ngày xưa?

3.

Bức ảnh như vậy, trong một bố cục tự nhiên không dàn dựng, vừa đưa lên Face Book, sau khi tôi về Mỹ. Người đưa lên là Ái Nhân. Một cô gái có đôi mắt tròn đen, nghiêm nghị. Tôi chưa kịp hoàn hồn thì biết thêm tin Việt Hà cũng vừa về thăm Vũng Tàu. Khi tôi ngồi trên chuyến bay về Mỹ, cũng là thời gian Việt Hà bay về Việt Nam. Những nghịch lý luôn tìm cách len lỏi vào hoàn cảnh bình yên, để làm nên nỗi đau thực sự.

Lúc tôi yêu Việt Hà, ba mươi mấy năm về trước, tôi chưa có những nan đề. Tôi chưa từng kinh nghiệm về một lời chia tay. Lòng biển cạnh dấu kín tình yêu tôi khi nàng cùng Bé Tư bước chân xuống lòng thuyền. Bao nhiêu nẻo đường nàng đi qua, nhưng tiếng cười nàng gợi lại.

Tôi biết tin nàng qua những người bạn học chung lớp với nàng. Rằng nàng vừa ly thân. Rồi ly dị. Nơi căn phòng dùng làm phòng thẩm mỹ ở một thành phố trong tiểu bang Victoria, nàng đi ra đi vào mỗi ngày trong vai trò một thư ký lấy hẹn cho khách hàng. Từng mùa xuân trôi qua trên các thảo nguyên mượt mà. Nơi những bầy Kangaroo lao xao nhảy qua những hàng cây không biết nói. Những mối tình muộn màng và già nua quá đỗi.

Ngày đó, ai bảo những phụ nữ có gò má cao là gian truân chuyện chồng con? Nhưng còn những người đàn ông nhiều phong sương và nợ nần với nhân gian thì sao?

Có những tình yêu tròn trịa nhưng bị chết đuối ngoài biển khơi, dù bão giông chưa hề. Ai đã từng đi qua thăm kịch mới biết.

Một đêm, trên trang FB tôi thấy hình ảnh một cuộc họp bạn ở Vũng Tàu. Vài người ngồi trong gian phòng còn lẳng đặng màu

sắc của Tết. Một bình hoa mai to đùng và những ly rượu mừng Xuân uống nửa chừng. Một hình ảnh làm trái tim tôi thót lại. Việt Hà ngồi giữa những người bạn. (có vài người tôi biết, vài người không). Chiếc áo màu hột gà hay một màu gì tương tự trên thân thể Việt Hà khiến nàng tạo cảm giác cho người nhìn nàng cao và thanh thoát hơn ngày xưa.

Mắt nàng lai láng sắc cầu vồng nơi cửa biển xưa vừa cạn nước. Và nụ cười đang làm cho buổi chiều vui lên. Tôi nhìn nàng, lòng tiếc cho một thời nông nổi.

Một đêm, vẫn trên FB, tôi đọc tin nhắn từ nàng. Nàng nhắc tôi về con đường dẫn ra quán cà phê Năm Tròn. Chiếc áo Jacket nhà binh và ly chanh muối trở thành một quá khứ nhiệm mầu.

- Đoạn đường đi của chúng ta ngắn quá phải không? Nàng viết.

- Đúng với Hà. Nhưng rất dài với anh. Tôi trả lời.

- Tại sao?

- Vì Hà rẽ qua đường khác...

- Nhưng em vừa biết tin tức anh.

- Về chuyện gì?

- Anh đã có một bông hồng. Đúng hơn là đang có mùa xuân?

Nàng ám chỉ đến Quỳnh. Người bạn đời muộn màng. Tôi không trả lời thẳng câu hỏi của nàng:

- Hà có biết rằng trước khi có một mùa xuân, anh đã sống bao nhiêu lâu, bao nhiêu tháng ngày không tìm ra phương hướng?

- Đâu có phải là lỗi tại em?

- Anh không phiền trách em. Chỉ phiền trách một trang đời đáng lẽ không nên mở ra.

- Hãy nói cho em nghe có khi nào anh cầu mong em hạnh phúc?

- Anh cầu mong mỗi ngày. Ngay cả khi biết em đang hạnh phúc.

- Anh có hạnh phúc không?

- Hình như...

- Lạ lùng. Anh và Hà cùng đọc một trang sách, nhưng mỗi người hiểu sai một nghĩa.

- Cho nên mới có ngày hôm nay.

Một thoáng im lặng bên kia. Làn gạch nhỏ đang chớp nháy, ghi dấu Hà đang gõ xuống. Một khuôn mặt cười hiện ra. Nàng đang nhắc nhở tôi niềm vui nào vậy?

Tôi nghĩ về thành phố đang nắng lóa của nàng. Vì nơi tôi bây giờ đang rét căm. Những luồng xe đi về, qua đời nhau, vội vàng.

Không một ánh đèn hay một tiếng kèn xe chào hỏi. Nghe đâu đây vọng về lời ca, ngày em hai mươi tuổi.

- “Mùa xuân” của anh đang sống ở Việt Nam hay ở Mỹ?

- Ở Mỹ.

- Vậy thì anh phải cười lên thường xuyên, chớ sao mặt mũi lại khó chịu? (chắc nàng nhìn dung nhan tôi trên Face Book)

- Tại vì cuộc đời nó làm anh thương tổn.

- Nói em nghe đi...

- Đừng. Anh thích nuốt nỗi buồn xuống lòng...

- Vậy thì... Cho em gọi lời thăm mùa xuân... của anh...

Tin nhắn của Hà chỉ có bao nhiêu. Nhưng ngào ngạt và ấm áp một giấc mơ.

Suýt chút nữa tôi chúc nàng ngủ ngon, vì nơi nàng bây giờ là ban ngày. (Hai thành phố cách nhau cả một thái bình dương). Mới đó mà đã hai đầu nỗi nhớ. Màu áo trắng nhạt nhòa của nàng nhô lên giữa cuộc vui, từ đằng sau những môi cười bao cuộc đời thao thức? Hà ơi?

Vũng Tàu mùa này đang có gió. Nàng về vốn vẹn có vài tuần nhưng đem hết cả mùa Xuân đi...?

Phạm Ngũ Yên



Đọc một cuốn sách hay là ta có thêm một người bạn tốt, có thêm người bạn cùng đọc thì càng dễ hiểu hơn.



tình trong ý ngoài

***thy lan thảo
vương hồng ngọc
hoàng t. nguyệt khuyết
trần trung tá
như ly***

Thy Lan Thảo
Có phải thực lòng

Mấy ly rượu uống hôm mình gặp
Em đã mời anh buổi đoàn viên
Cho tới hôm nay hương vị rượu
Vẫn còn thấy đắng bởi ưu phiền...

Đêm già từ đơn sơ mâm tiền
Con khô mực nướng, chai Rivalet
Em rót từng ly qua ngân lệ
Anh hẹn không lâu sẽ trở về !!

Nửa chai rượu tiền em còn giữ
Dù nước trường giang đã rẽ dòng
Em đã theo chồng sao lại nhớ
Những lời ước hẹn thả trôi sông...

Sau tám năm dài đầy hoang nhục
Xích xiềng lê khắp trại tù giam
Giã biệt Nam Hà trời nóng lăm
Vẫn in trong dạ cảnh giam cầm ...

Bước về vẫn tưởng tròn mơ ước
Gặp lại tình xưa vui biết bao
Ta bước vô nhà em đôi sắc
Chớp mắt nhìn ta lệ ứa trào!!

Đã phụ tình nhau sao lại khóc
Để dành nước mắt đó đi em
Khóc cho chiến sĩ từng anh dũng
Nay sống trong tù đen bóng đêm !

Em bảo bến xưa vẫn đợi thuyền
Tại đời sương gió chận tình duyên
Trời mưa, trời nắng...rồi đông bão
Xã hội đầy ma em khó yên...

Lặng lẽ ta nhìn chuyện đổi thay
Cảnh xưa, tình cũ, nắng ban ngày
Mà sao trước mắt ta mờ ảo
Hay tại men đời đã thấm say ...

Chai rượu uống đêm em đưa tiễn
Còn đúng nửa chai đợi đến ngày
Mừng tiệc đoàn viên thuyền cặp bến
Đâu ngờ rượu cũ...cảnh hôm nay.!

Chắc em cũng hiểu lòng ta đã
Chai cứng từ khi mưa tháng tư
Những cảnh đời đời đâu có lạ
Đời ta mất hết lúc vô tù.!

Em chớ buồn thương, đừng hối tiếc
Hãy vui mà sống trọn tình chồng
Trường giang xuôi ngược thuyền qua lại
Em rẽ phương nào miễn nước trong !!

Anh uống một ly mừng cho em
Dễ dàng bôi xóa vết trong tim
Tám năm anh sống trong tù ngục
Ảnh của em hiện đến từng đêm

Cuộc đời dâu bể ai ngờ được
Một tháng tư, trời Nam tối đen .!

thylanthảo

Vương Hồng Ngọc
Dáng ai ngày ấy

Tiếng chuông tan trường vừa dứt
Một đàn bướm trắng tung ra
Em bông bênh đôi cánh mỏng
Khung trời thơm ngát hương hoa

Bước nhỏ nôn nao theo nắng
Thẹn thùng nón lá nghiêng che
Người đâu không dừng đứng đợi
Theo sau áo trắng chiều về

“Cái đuôi” cứ làm làm phận bóng
“Cô nương” cứ dáng tiêu thơ
Người mong đến giờ tan lớp
Kẻ chờ theo bước chân mơ

Tuổi hoa trong khung trời mộng
Bên ngoài khói lua vẫn lan
Một ngày nhận được dòng chữ
“Dáng trang đài anh luôn mang”

Từ đó người không về nữa
Không ai ngắt vạt áo bay
Dáng trang đài ngày xưa ấy
Héo gầy
 đợi
 bước chân ai ...

HT. Nguyệt Khuyết
Chuyện ngày qua

lâu lắm hai người không đón không đưa
dễ từ độ hè vừa sang phố nhỏ
mưa đã bao lần lấm lem nỗi nhớ
lũ đèn đường thấp sáng khoảnh cô đơn
người quên mất rồi âm áp môi hôn
con mắt nhắm mịt mù khung tóc rối
lâu quá đây mình không còn chung lối
những hợp âm xao xác cả vô cùng
đã bao mùa con phố chẳng đi chung
tranh nhau đếm những cánh phong lá đỏ
ru sắc thắm tô hồng môi vô cớ
nên trời buồn trời chuyển gió thu sang
lâu lắm rồi không uống nổi gian nan
giọt nước mắt lăn trên bờ mi nhỏ
anh vẫn hứa trái lòng anh thăm đố
lối đi về em gót nhẹ thênh thang
xưa quá chừng lời hứa sẽ qua thăm
không ngăn cách sao hẹn hò khép cửa
lâu đây nhỉ, tay không còn đan nữa
mộng寐 hoài, quá khứ với tương lai
và ai ơi, có còn đó bờ vai
cùng chia sẻ những chuyện đời nông nổi
ừ, lâu lắm không còn em bồi rối
khu phố buồn anh chẳng hẹn qua thăm
khoảnh vườn xưa lưu luyến bước chân thăm
thân hoa cỏ chờ bao lâu chẳng muộn.

Trần Trung Tá
Nhật Mộ Hương Quan

Xưa, Thôi Hiệu lên lầu Hoàng Hạc
Làm bài thơ treo vách núi rồi đi...
Tám câu thơ quanh cỏ mọc xanh rì
Ai qua, ngó, cũng cúi đầu. Tư lự!

Hai câu cuối mềm lòng người xa xứ
Người-Bây-Giờ, người bỏ nước Việt Nam ...
Hai câu thơ, có hai chữ Hương Quan
Không mưa gió mà lạnh lòng khôn tả!

Nhiều người dịch: “*Quê Hương ngó lại, chừ đâu tá?*
Khỏi sóng chiều hôm giục nỗi buồn!”

Tôi gật gù: Không thể dịch hay hơn
Tôi bùm tai: Không muốn nghe tiếng sóng.

Trước cảnh tang thương ai mà không xúc động?
Những thằng-chăn-bò chừ đôi lốt lên ông
Những tên ma đầu chừ giờ thói chơi nông
Áo bỏ vô thùng, thất cà vạt, ngo ngoe như đồ vượn khi!

Nhật Mộ Hương Quan Hà Xứ Thị?
Yên Ba Giang Thượng Sĩ Nhân Sầu!

Hai câu thơ của một tên thi sĩ Tàu
Chắc nó muốn trêu ngươi chúng ta đó chắc?

Nhật Mộ Hương Quan, từ ngày nước mất
Quên thì quên không được, nhớ thì buồn
Chiều vô tình ngó cộng khói hơi sương
Thương quá đôi khói lam chiều mái rạ...

Quê Hương hỏi chừ chừ đâu tá?
Khỏi sóng trên sông giục nỗi buồn!
Tôi sửa lại nhìn chơi không biết có dễ thương?
Ghét lắm thằng Tàu sao thơ Tàu...lại thích?

Ôi những con sông chảy hoài không biết mệt
Tôi một tàn binh sống chết nao nao...
Ngó ra Hoàng Sa biển biếc ba đào
Rồi ngó lên trời cao rót vào đâu giọt lệ?



Như Ly
Đợi giấc mơ về

Tháng tám dường như nắng nhạt dần
Sương mù lãng đãng vẫn chưa tan
Hàng cây lá trở màu tê tái
Khoác áo buồn vương cả cõi trần
Những ngón tay lùa mái tóc mây
Làn hương toả nhớ đáng hao gầy
Bên kia biển động trời say ngủ
Đề bóng hoàng hôn phủ chốn này
Kỷ niệm năm xưa chợt vỡ oà
Khu vườn ký ức mở tung ra
Chao ơi Mẹ đứng bên song cửa
Giang rộng cánh tay mắt lệ nhòa
Mất Mẹ đời con tựa kẻ mù
Vách sâu sâu thăm bước hoang vu
Chiều mưa khắc khoải hồn ly xứ
Đợi giấc mơ về có Mẹ ru.



Thu Nga **Mấy Trăng cũng khuyết**

Ông Sáu nhìn theo dáng le te của bà vợ đang bước như chạy

xuống hướng bếp, tay bà đưa lên đầu kéo chiếc khăn rằn sọt nó tụt. Ông lắc đầu, nói nhỏ:

- Không xong! Chuyến này con nhỏ về nó sẽ la um sùm. Cái nhà thúí hoặc làm sao chịu nổi.

Ông nói với theo:

- Bà ơi! Đẹp cái nôi mắt đi! Lo thay áo quần. Con nhỏ sắp về tới rồi!

Ông chép miệng, nói thầm “Không thì hai mẹ con lại lục đục với nhau! Thiệt tình! Nói hoài không chịu bỏ.”

Ông nhìn ra ngoài, bầu trời hôm nay đầy mây, hình như trời đang chuyển mưa. Đã bước vào tháng mười, nhưng không khí vẫn oi ả, nên máy lạnh vẫn chạy không ngừng. Mùi mắm kho từ bếp đưa lên có vẻ nồng hơn. Ông khịt khịt mũi, tâm trạng hơi bất an vì biết cô con gái đầu lòng sắp về. Vừa lúc ấy ông nghe có tiếng mở cửa garage, rồi tiếng cửa garage đập xuống. Ông cũng nghe rõ mồn một, tiếng cửa xe được đóng và cuối cùng là tiếng mở cửa. Nhưng người bước vào không phải Loan mà là Bờ, đứa con thứ hai, cũng là con út. Bờ nhìn quanh và hỏi cha:

- Ba ở nhà có một mình à?

Ông Sáu trở mắt nhìn con từ đầu tới chân, rồi nhìn lên mái tóc của Bờ. Mái tóc như bộ lông con nhím, lại có hai ba màu, đỏ, vàng, đen.

- Con đi đâu mới về? Ngoài gió dữ lắm hay sao mà tóc tai dựng đứng lên vậy? Ủa! Ai đồ sơn lên đầu mày vậy Bờ?!

Bà đưa tay đỡ trước trán như sợ cha đụng đến mái tóc của mình. Nó nhăn nhó:

- Ba! Con đổi tên là Paul rồi, ba ráng nhớ tên mới của con đi. Sao ba chê tóc của con?! Ba biết con chải một mà!

Ông Sáu lắc đầu:

- Bôn Ba cái gì! Tên Bà là Bà! Thấy tóc tai mày nay kiểu này, mai kiểu khác chắc má mày cũng chạy dài luôn! Bả không la làng tao cũng đi đầu xuống đất! Bả....

Ông chưa dứt câu, thì tiếng dép lẹp xẹp của bà Sáu vang lên. Bà xuất hiện với bộ quần áo khác lúc nãy. Áo bà ba màu nâu và quần tây đen, tuy nhiên trên đầu vẫn còn quấn khăn. Bà cười cười làm hề để cầu tài với mẹ:

- Con mới về nè.

Bà làm bộ che mắt nhìn mẹ:

- Ủa má! má sắp đi đâu vậy?!

Bà Sáu lườm thẳng con út, rồi đưa tay chỉ vào thằng con trai nói:

- Con mới đi sơn nhà ở đâu mà để sơn rớt trên đầu chỗ đen, chỗ đỏ vậy?

Bà lại đưa tay chặn mái tóc:

- Cái gì mà sơn rớt lên đầu!? Tóc kiểu này mắc lắm má! Con nhịn mấy bữa ăn trưa mới đủ tiền trả, mà ba má lại chê! Ông Sáu liếc xéo bà vợ, rồi nhìn con, cách ăn bận của cả hai mẹ con không làm ông hài lòng, nhưng ông cố nén. Lúc nãy khi nghe ông phê bình cách ăn mặc của bà, bà đã bù lu bù loa, nhắc tới chuyện cũ. Chuyện mà ông không bao giờ muốn nhắc tới, và khi có điều gì bà không vừa ý thì ông lại khò. Ông rất sợ tật nói dai của bà, mỗi lần bà chỉ chiết việc ông qua trước rồi “đèo bòng thêm người khác, nay ông chê vì so sánh với người ta” làm ông điên cái đầu.

Ông nhăn mặt nói với thằng con út:

- Sao tiền không để dành mua thức ăn? Không nỏ bẻ ngang cũng tràn bẻ dọc, có phải hơn không, đem nhuộm cái đầu xanh xanh đỏ đỏ, má mày với tao tưởng sơn đỏ xuống đầu là phải rồi!

Bà Sáu chép miệng:

- Phải chi con để tiền đó cho má gửi về Việt Nam cứu trợ cho người nghèo có phải hay hơn không?!

Ông Sáu phản đối vợ:

- Thôi đi bà ơi! Cái này tui cũng nghe không lọt cái lỗ tai. Cứ đổ tiền về bên đó, nó chạy vô túi mấy tên cán bộ chớp bu. Không có tiền của hải ngoại gửi về, tụi Cộng Sản chết lâu rồi!

Bà Sáu hơi ngớ ra, bà nhớ lại những tấm giấy hồi báo có chữ của thân nhân bên Việt Nam ghi “Nhận đủ...”, nên bà phân bua:

- Tiền tui gửi về là về cho bà con mình, họ lãnh chớ tui Việt Cộng lãnh hồi nào?!

- Bởi bà biết một mà không biết hai! Tiền bà con mình lãnh xong, tui Cộng Sản chiếm đoạt bằng cách đổi tiền, tìm cách tăng giá cả đủ thứ rồi cướp đất, cướp nhà. Bà thấy chưa, cuối cùng tiền gửi về, bằng cách này hay cách khác, cũng chun vô hâu bao của nhà nước khốn nạn thôi.

Bà Sáu không muốn chọc giận ông chồng hay nói chuyện chính trị của mình, bà đưa tay lên sửa lại cái khăn trên đầu như một thói quen. Bà nói:

- Bên Việt Nam, con nít không có ăn, phải đi làm việc cực nhọc mà ở đây phí phạm đủ thứ, tối ngày đi ăn tiệm, sắm quần sắm áo bỏ đầy tủ.

Ông liếc nhìn bà từ đầu tới chân tính không nói nữa, nhưng có lẽ nhin không nổi, ông “hừ” một tiếng rồi nói:

- Phải! Bỏ đầy tủ không bận, đem mấy cái áo quần không hợp thời, hợp cảnh ra bận vậy là hà tiện đó à? Tôi không cãi lầy với bà nữa, bà làm ơn bỏ cái khăn rằn ri khỏi đầu đi! Rồi làm ơn đổ cái nôi mắm kho, thế nào cũng có chuyện!

Ông bà mãi lo lời qua tiếng lại, còn Bura thì đã vặn TV lên nên không nghe tiếng xe về, cho tới khi Loan bước vô nhà. Bura cười hắc hắc:

- Rồi! Bà chủ về!

Nói xong, nó linh vào trong. Bà Sáu không biết nghĩ sao cũng theo đũa con trai đi vô, trước khi cô con gái lớn bước vô nhà.

Loan bận chiếc váy màu đen có đốm trắng, áo sơ mi trắng ngắn tay, tóc dài màu nâu đậm, nhuộm vài vệt màu nâu nhạt, được kéo lên cao bằng một chiếc kẹp lớn để lộ cái cổ dài, trắng nõn. Loan trạc độ ba mươi bốn, ba mươi lăm, nhưng trông rất trẻ. Nàng quăng cái bóp lên chiếc bàn nhỏ gần cửa, thấy cha đứng gần đó, Loan hỏi:

- Con nghe ba đi họp Cộng đồng mà? Ba mới về hả, có gì lạ không ba?

- Gần hết năm rồi, nhiều công tác lắm, lớp lo chuẩn bị lễ lạc cho bà con, lớp lo ủng hộ phong trào đấu tranh chống gác Tàu xâm lăng đất nước mình.

Loan ngồi xuống ghế, tháo đôi giày bít gót nhọn và cao cả năm sáu inches, vừa nói chuyện với cha:

- Vậy sao ba? Ba cũng giữ gìn sức khỏe, hợp hành cũng vừa thôi, để mấy người trẻ lo bớt.

- Con nói vậy chớ già có việc theo già, trẻ có việc theo trẻ chớ con!

Loan nói xuôi:

- Con chỉ nhắc chừng ba thôi. Ba thích là được.

Nàng nhìn vào trong:

- Má đâu rồi ba? Con tính chiều nay đem cả nhà đi ăn tiệm, con mới trúng mồi.

Ông Sáu chưa kịp trả lời thì Bờ đã chạy ra:

- Ăn cơm Tàu hay ăn cơm Việt chị Hai! Em đói bụng quá trời! Về tới nhà không thấy món ăn nào chỉ có mùi....

Ông Sáu nạt át tiếng Bờ:

- Mùi đồ xào từ ngoài đường bay vô chớ gì!?

Lời nói của Bờ như tiếng còi báo động. Loan nhú mào, đứng nhòm dậy, mũi hít hít trong không khí:

- Có mùi lạ thiệt, hơi thum thum.

Nàng bỗng la lên:

- Thôi chết rồi! Cũng má nữa!

Nàng nhớ lại hồi ở bên nhà cũ bà Sáu cũng hay nấu nướng cá tôm, đủ thứ mắm, nên khi đăng bảng bán, phải tẩy chùi, lau rửa không biết bao nhiêu lần mà cái nhà vẫn có mùi hôi. Khi tìm được căn nhà này, nàng đã dặn mẹ đừng có nấu mắm nữa, có thềm, nàng đem ra tiệm ăn.

Thấy con gái dợm bước xuống bếp, ông Sáu đưa mắt ra dấu cho Bờ, đang đứng tùm tùm cười, ông nói với nàng:

- Con ngồi đó nghỉ ngơi. Bờ! Con nói má thay đồ, cắt ba cái món nấu nướng lại. Chị Hai đem cả nhà đi ăn tiệm.

Bờ nháy mắt với cha ngụ ý hiểu. Nó kêu lớn như ra hiệu với bà mẹ giấu nồi mắm kho. Mùi mắm vẫn còn nồng nặc lẫn quẩn trong nhà. Loan liếc nhìn những chiếc màn cửa sang trọng và lớp thảm màu trắng thật dày có vẻ đau khổ lắm. Nàng biết mùi xào nấu bám chặt vào đó thì không thể tẩy được.

Bà Sáu bước ra, hai tay lau nhanh vào tờ giấy lau tay, cái khăn vẫn còn quần trên đầu. Loan trở mắt nhìn mẹ:

- Sao má chưa thay đồ? Con mua cho má mấy cái áo lụa, mấy cái váy dài màu nhã nhặn lắm, má để đâu không thấy bận bao giờ cả?! Bà Sáu nghe con nói, vội kéo cái khăn xuống:

- Má bận vậy được rồi! Đầm đầm coi không đặng!

Loan nhăn mặt nhưng không dám nói nhiều hơn vì trước đây mỗi lần nói về áo quần thì bà Sáu lại giận. Lần nào bà cũng đem giọt nước mắt ra đối phó. Bà đã nói nhiều lần: “Biết vậy, má ở lại bên Việt Nam cho xong, để cho cha con tụi bây khỏi mắc cỡ vì má”. Bà cũng không quên nhắc lại chuyện phản bội của ông chồng: “Ba mày ở với người ăn bận tân thời quen rồi!” Và lần nào ông Sáu cũng đưa tay lên trời nói một cách đau khổ: “Bả lại nhắc chuyện cũ nữa!”

Lần này đoán thế nào bà cũng hờn giận đay nghiến mình, ông đồ ngọt bà vợ:

- Con nó muốn bà ăn bận đẹp đẽ, cho bỏ những lúc bà lam lũ, cực khổ. Nó không muốn bà nấu nướng hàng ngày, nên vài ba bữa, nó đem cả nhà đi ăn tiệm, bà không thích cũng đừng la rầy nó. Bà đi thay đồ rồi cả nhà đi ăn cho vui. Loan nhìn mẹ, cố nén bức bối. Mới tháng trước, Loan đã ngăn khi thấy bà lục đục làm mắm cà. Nhìn hủ mắm nêm đen thui, Loan dọa ăn vào vì trùng trong mắm làm lủng ruột, phải đi bác sĩ nạo ruột, mà bà thì sợ đi bác sĩ. Hai mẹ con lại nói qua, nói lại. Túng quá, Loan dọa nếu hàng xóm ngửi được mùi thúi họ sẽ đi thưa cảnh sát. Bà ngừng đầu được một hai tuần, nay lại nấu mắm tiếp. Bà ngoan cố lý luận: “Cái nhà bít bùng vậy, mùi nào lọt ra được!? Còn tụi bây, người Việt mà lại chê mùi mắm sao?” và câu kết luận lúc nào cũng là “Tao sẽ bỏ về Việt Nam cho cha con bây vừa lòng!” Và lúc nào bà cũng thắng. Không ai muốn bà giận bỏ đi cả. Lần này ông Sáu cũng cố gắng năn nỉ vợ. Ông chợt nghĩ ra một kế, biết bà thương đứa cháu ngoại, ông nhắc:

- Đừng giận nữa bà! Mai con Lily về rồi. Nó không muốn thấy bà ngoại buồn đâu!

Quả thật như vậy, bà Sáu nghe tới cháu ngoại, đổi thái độ. Bà thương cháu lắm. Con bé mười ba tuổi, cao nhòng, rất ngây thơ, nói năng nhí nhảnh hay chọc cho bà cười. Tuy hai bà cháu ngôn ngữ cũng khá bất đồng, nhưng cũng không sao. Bà bỗng đổi giọng dịu hơn nhưng vẫn nói trống không:

- Chùng nào nó về?

Loan nói:

- Mai ba nó đem về. Con cũng nhớ nó, đi mới có hai ngày mà thấy lâu quá.

Thấy nét mặt bà không còn sắc giận, ông Sáu giục bà đi thay áo quần. Bà làm bộ ngoe nguẩy đi vào trong. Đúng lúc ấy Bà chạy ra, trên tay cầm mấy cái áo đầm, giày cao gót, một tay cầm cái nôi trống không. Nó cười ha hả:

- Hoan hô, má chịu đi rồi! Con đem áo đầm cho má thay nè! Còn nôi mằm kho con ăn hết trơn!

Ông Sáu nhìn Loan, nàng trợn tròn mắt, nhìn theo Mẹ đang rượt đánh đứa em lí lắc. Ông lắc đầu nói:

- Nó chọc bà già kiêu này chắc cả nhà ăn mì gói!

Ông Sáu ngả người trên chiếc ghế sofa và đưa cả hai chân gác lên chiếc bàn cần xà cừ, sau khi nhìn chung quanh cho chắc chắn không có Loan để con gái không cần nhằn là ông làm tróc mấy cái vẩy cá đất giá. Bỗng ông bấm cái nút tắt cái phụt, rồi càu nhàu một mình:

- Cái tụi Cộng Sản buôn dân, bán nước! Ông cha mình dựng nước, giữ nước, nay nó đem cắt đất dâng biển cho Tàu Cộng, lại để cho tàu của Trung Cộng bắn chìm tàu đánh cá của ngư dân Việt Nam mà không dám lên tiếng. Quả là là ác với dân, hèn với giặc! Trời đất nào mà dung tha cho nó!

Ông bỏ chân xuống đất, đứng lên có vẻ bức dọc lắm. Ông nhìn quanh muốn tìm sự chia sẻ nỗi lòng nhưng không có ai để ông nói chuyện. Chiếc gương to treo ngay trên chiếc bàn nhỏ - hình như cùng bộ, nhưng cao hơn chiếc bàn kia, cũng cần xà cừ hình chữ nhật hẹp - quay mặt ra ngoài đường. Ông không biết có phải con gái ông tin phong thủy nên để gương xây ra ngoài cửa hay không, nhưng ai khi vào nhà, hay ra về, cũng tự liếc nhìn vô gương, vuốt mái tóc, hay chụm môi; ông cũng vậy, mỗi lần đi ngang, Ông cũng tự động nhìn vào gương một chút. Tự nhiên ông thấy ngựa ngựa ở cổ, ông lấy móng tay cào cào, chỗ ngứa hơi rất rất, ông kéo cổ áo ra, cái mụn ruồi khá lớn màu đen nằm dưới trái tai khoảng hơn hai lóng tay. Khi ông mặc áo có cổ cao thì không thấy, chỉ khi nào trời nóng, ông mặc áo T- shirt mới thấy. Có người bạn bảo ông đi bác sĩ cắt đi, để lâu có thể sanh biến chứng,

có khi là ung thư, không tốt. Ông gạt ngang nói: “Bày đặt! Thầy bói nói nốt ruồi quý tướng, chứ không phải chơi!”. Chung quanh nốt ruồi đỏ ửng. Ông lấy một ngón tay thoa lên nhè nhè, có lẽ ông gãi mạnh quá.

Một lần ông nhìn vô gương thấy ở miệng cái nốt ruồi có mọc một sợi râu dài, ông nhờ bà Sáu lấy kéo cắt cho ông. Khi bà làm công chuyện này, ông cười hỏi bà có biết chuyện “Quan Âm Thị Kính” không. Bà chưa kịp trả lời vì chăm chú nhìn cái râu để xem phải cắt như thế nào, thì ông nói tiếp: “Cũng tại bà Thị Kính yêu chồng lắm, một lần ông đang nằm ngủ, bà thấy ở cổ ông có cái râu mọc ngược, sợ xui, nên muốn cắt cho chồng, không dè ông bất ngờ thức giấc, lúc bà đang cầm chiếc kéo xĩa vào cổ ông, nên ông tưởng bà vợ muốn giết mình. Ông chồng tri hô lên, cả nhà xúm lại đuổi bà Thị Kính ra khỏi nhà. Bà Thị Kính bị hàm oan, buồn quá, bèn giả trai lấy tên Kính Tâm vào chùa thí phát quy y. Không dè một cô gái hay đến chùa cúng quảy là Thị Mầu, thấy chú tiểu Kính Tâm đẹp quá, cô ta phải lòng, nhưng dụ dỗ hoài không được. Sau đó, Thị Mầu chữa hoang, bèn đổ oan cho chú tiểu Kính Tâm, rồi giao con tại cửa chùa bắt chú tiểu phải nuôi”. Ông không kết thúc câu chuyện ra sao, mà lại chọc bà: “Đáng lẽ thấy cái râu tui dài vậy, bà cắt dùm, đâu cần phải chờ tui nhờ mới cắt?!” Lúc ấy bà cũng đã cẩn thận cắt xong cái râu thật sát vào miệng cái nốt ruồi, hy vọng nó không mọc ra nữa. Nghe ông nói vậy, bà ngoe nguẩy bỏ đi. Ông kéo chiếc cổ áo lên lại. Lâu lâu, ông lại nhờ bà một lần. Lần cuối bà cắt thật khéo sao đó nên lâu quá không thấy chiếc râu mọc ra nữa, ông Sáu nghĩ thầm: “Chắc bà cắt tận gốc rồi, cũng tốt thôi.”

Ông vén tấm sáo cửa, ánh sáng lùa vào làm gian phòng sáng hẳn lên. Những chậu cây kiểng chung trong phòng chợt như xanh hơn. Ông mở to mắt khi thấy có bóng ông bạn thân Năm Thiện đang đi vào. Không chờ nghe tiếng gõ cửa, ông chạy ra mở cửa đón bạn. Như đang “buồn ngủ, gặp chiếu manh”, ông lôi tuốt ông Năm Thiện vào nhà, trong khi ông này đang cố gắng cởi đôi giày tennis ra khỏi chân.

- Thôi thôi! Khỏi cởi giày. Vô đây!

Ông Năm Thiện lắc đầu:

- Đâu được anh! Giày tui dơ lắm. Nhà tắm trắng tinh!

Ông Năm Thiện đứng một chân, đưa một chân lên tháo được đôi giày, ông cảm thấy thoải mái hơn, theo ông Sáu bước vào nhà.

Ông Sáu mời ông Năm Thiện ngồi vừa nói:

- Đang tìm người trút bầu tâm sự mà nhà cửa vắng ngoe, chẳng có con ma nào để cùng bàn luận.

Ông Năm Thiện nhìn quanh:

- Ủa vậy chớ cả nhà đi đâu hết rồi? Chị Sáu đâu?

- Mẹ con nhà nó đem con Lily đi mua sắm rồi, nghe nói ở ngoài shopping có bán nhiều hàng on sale lắm.

Ông Năm Thiện gật gù:

- Té ra giờ chị Sáu chịu đi “shop pinh” rồi hả! Hai mẹ con chi hết lục đục với nhau chưa?

Ông Sáu lắc đầu:

- Làm gì có anh ơi! Con nhỏ năn nỉ dữ lắm, lại còn hù là bà ngồi ở nhà, ăn mắm tôm, mắm cà hoai, không vận động cơ thể thì bệnh, mà bệnh ở đây phải đi chích thuốc trị bệnh, nếu không, người ta sẽ bỏ vô nhà thương hay bỏ vô viện dưỡng lão để có người chăm sóc, bà sợ quá thành mới miễn cưỡng đi với tụi nó.

Ông mỉm cười tủm tỉm nói tiếp:

- Hình như bữa nay bà phải đi làm răng nữa. Già cả rồi, bảo bà trông răng bà sợ đau, hện hoai! Con nhỏ cũng dọa má không làm răng, ăn cơm nhai không được sẽ đau bao tử, cũng phải vô nằm nhà thương!

Ông Năm Thiện cười ha hả:

- Thiệt tình! Vậy rồi chỉ sợ phải đi?

- Chớ sao! Con nhỏ lém lỉnh, đôi lúc nó cũng hơi quá quắt, làm bà bức mình, nhưng nó thương bà lắm. Chớ con không thương mẹ, thì thương ai! Cũng tội nghiệp nó, hai vợ chồng lục đục với nhau rồi ly dị, lúc bấy giờ con Lily mới có chín, mười tuổi! Ở với mẹ, nhưng nó nhớ thằng cha nó lắm.

Ông Năm Thiện chép miệng, nhìn lên tấm hình của Lily để ở chiếc bàn vuông bên cạnh chiếc ghế da, gương mặt con bé bầu bĩnh xinh tươi, chắc lúc con bé mới lên khoảng ba, bốn tuổi gì đó:

- Rồi lâu lâu ba nó tới đem nó đi vài ngày? Tội nghiệp! Tôi thấy mấy đứa nhỏ lớn lên ở đây, ly dị hà râm; mà tự tụi nó chọn vợ chọn chồng chớ có phải giống tụi mình hồi xưa đâu! Hồi đó, ông bà già mình đặt đâu ngồi đó, mà tụi mình vẫn sống với nhau tới

răng long đầu bạc, có đầu như tui nó bây giờ. Thằng rẻ của anh tui thấy nó cũng dễ thương quá. Té ra hai đứa không hợp nhau?

Ông Sáu cũng chép miệng:

- Thì vậy! Lúc đầu mình cũng tưởng tui nó hạnh phúc, té ra hư bột, hư đường hồi nào không hay. Mà cái thằng dễ thương lắm, nó hứa lát nữa tới chở tui đi họp bên cộng đồng. Anh đi luôn nghe?

- Vậy sao? Hôm nay tui bận rồi. Ngồi chơi một lát tui về! Ủ! thằng nhỏ tốt quá! Gặp đứa khác giận vợ, giận luôn ông già vì ly dị vợ coi như ly dị luôn nhà vợ...

Như chợt nhớ ra điều gì, ông nhìn ông Sáu chăm chăm rồi hỏi:

- Ủa! hồi nãy anh nói có tâm sự lòng thông gì muốn chia sẻ vậy? Bộ chị Sáu vẫn còn ghen hả? Bữa hôm tui gặp chị Thu ở ngoài chợ, chỉ hỏi thăm anh đó!

Ông Sáu giật mình, ngó dáo dác chung quanh, tưởng như vợ đang nghe đâu đó:

- Ý da! Anh đừng có tiết lộ việc này với bà xã tui ghen!

Ông Năm Thiện khoát tay trấn an ông Sáu:

- Hình như chị ta đi với chồng thì phải! Chắc bây giờ chỉ cũng yên rồi. Nhưng có phải chuyện đó không?

Ông Sáu lắc đầu:

- Không! Chuyện xa xưa rồi. Cô ta đã ra đi trước khi bà xã tui qua. Kê ra thì cũng tội! Tại tui chớ không phải tại ai hết. Nhưng thôi! Đừng nhắc nữa, “tai vách, mạch rừng”, bà mà nghe là tui nhức xương.

Ông Sáu mơ màng như nhớ lại chuyện cũ. Gương mặt của người đàn bà ăn ở với ông khoảng gần hai năm hiện ra trong đầu, nhìn ông với đôi mắt trách móc. Ông lắc đầu như cố xua đuổi quá khứ. Ông chép miệng:

- Thì cũng tại bà chớ ai! Tui bảo qua đây, bà đâu chịu đi liền. Bà tiếc ba cái đám đất, mồ mả ông cha, bà ở riết bền! Rồi giấy tờ tui nhỏ bảo trợ trực trực đủ thứ sao đó, cả hơn năm năm trời bà mới qua. Anh biết đàn ông mình mà...! Mấy đứa nhỏ lúc đó cũng cự nự tui hoài!

Ông xua tay, lắc đầu nói tiếp:

- Bỏ chuyện đó đi! Nãy giờ nói chuyện khác thành ra quên. Tui mới coi tin tức trên TV, nghe về mấy cái thằng ôn dịch Cộng Sản mà tức âm ỉ! Tàu của Trung Cộng bắn tàu đánh cá dân mình không biết bao nhiêu lần, mà bọn lãnh đạo chẳng hề dám hó hé, sợ

Tàu nó giận, để mặc dân chết. Phải chi mình còn chiến đấu, tui lua cho tui nó vài phát! Giang sơn gấm vóc của mình từ thời ông cha để lại mà nay nó đem dâng, mai nó đem bán. Ải Nam Quan không còn, thác Bản Giốc cũng mất, Hoàng Sa, Trường Sa biến thành đất của Tàu! Mình già quá rồi anh Năm! Không biết chừng khi mình về chắc như đi lạc qua Trung Hoa anh ơi!

Ông Năm Thiện trợn mắt:

- Anh sao bi quan quá! Dân tộc mình đâu phải chỉ có toàn lũ hèn như bọn lãnh đạo Cộng Sản đâu anh! Còn biết bao nhiêu nhân tài, bao nhiêu nhà đấu tranh dân chủ nữa chứ! Anh thấy từ người già, tới thanh niên nam nữ... nhiều lắm! Bỏ tù người nọ, có người kia đứng lên.

Ông Năm Thiện tự gật gù rồi nói tiếp:

- Cố gắng là được! Anh nhớ lời của Tướng Lý Thường Kiệt nói không? Ông đọc sang sảng:

- “Nam quốc sơn hà nam đế cư
Tiệt nhiên định phận tại thiên thư
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư”

Thu Nga (còn tiếp)



Không quan trọng bạn nghĩ cuộc sống này tuyệt vời hay tồi tệ ra sao, Thức dậy mỗi sáng, cảm ơn cuộc đời bởi vì vẫn có những người ở một nơi nào đó đang phải chiến đấu để tồn tại.



Trần Kiều Bạc
Chữ Không

Thưa Thầy! Con học chữ KHÔNG
Thấy không mà có nên lòng chưa an
Nhìn qua thế sự đa đoan
Đôi khi là có, nhiều lần lại không
Con về suy nghĩ mông lung
Ngày không ánh sáng như cùng với đêm
Đêm không bóng tối không đêm
Sáng ra nắng rọi là đêm thành ngày
Lặng yên con thử xòe tay
Thấy trên mười ngón một bầy chữ không
Năm bàn tay lắc một vòng
Mở ra cũng thấy không không có gì
Lời Thầy cho một vấn đề
Không là có đó, có về lại không
Không là không giữa càn khôn
Có là có giữa cõi lòng tịnh chay
“ Có là có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không “(*)
Nghĩ ra Không Có nghĩa đồng
Có mà không có, có cùng không thôi
Chữ KHÔNG quả khó Thầy ơi!
Học vào là có bỏ rồi hoàn không!

(*) .Hữu không - 有空

Thơ » Việt Nam » Đạo Hạnh thiền sư



Trần Yên Thụy
Từ lạc đường bay

Một thời binh lửa
nằm gai nếm mật,
tàn chiến chinh
tù tội lưu vong.
thời gian qua
vết chân chim ở lại
hằn sâu trên khoé mắt
mái tóc điểm sương tuổi xế chiều.
nhớ con bóng ngã hình xiêu
buồn lên khói thuốc muôn chiều gió bay
đỏ rắng chiều hơi rượu say
trông con sao gió chiều nay chưa về
gió chưa về
tóc rối bay
ừ thì đã lắm đắng cay đời này
con như chim lớn mê say
bầu trời cao rộng thảng ngày thên thang
giữa thiên địa nhớ man man
tiếc là chân mỗi gỏi chồn đã lâu
ta về biết sẽ về đâu
cõi vô cùng ấy nhiệm màu sắc không.
qua thời binh lửa kinh hoàng
giật mình nhớ lại tan hoang đời này
ai về cho kịp chiều nay
đồng hoang giun dế gọi bầy thê lương
đời lưu vong vạn dặm trường
một mình khóc ngất dỗi đường chim bay.



dạ dung/trăng nghiêng

Trăng nghiêng

Cửa tình tim đã khép lại rồi
màu son phai nhạt nụ hôn môi
lá trúc che ngang vầng nguyệt khuyết
trăng thanh nghiêng xuống lạnh hồn tôi
cánh cửa tình duyên ai nỡ khép
từ khi người ấy nói lời vui
tim tôi rạn nứt hồn sa lệ
ai vớ đũa tôi nhưng ngắm người

biết người sống lạnh
bơ lỡ khuyết
tre trúc lòng ai
vẫn còn nguyên
trăng tôi theo sóng
hồn mộng vỡ
tách bến xa sông
nát lòng thuyền

bi người cửa khép
tình chưa khép
sông chảy về đâu
trăng sẽ lên.

Dạ dung



Đỗ Bình **Mưa bên đời**

Cơn mưa chiều hôm ấy tầm tã trời như trút nước làm mờ cánh rừng, trắng xóa con đường đất dẫn vào trại tù. Mưa nhạt nhòa màu hoàng hôn, giăng kín lớp hàng kẽm gai rào quanh trại tù như muốn xóa bỏ những móc nhọn đang vây hãm những người bị mất tự do. Tiếng mưa ngân trong gió tạo thành khúc nhạc buồn khiến cảnh trại tù thêm thê lương tê tái !

Hồi còn ở trại tù Suối Máu, An Dưỡng tôi gặp lại rất nhiều bạn thời đi học cũng như bạn cùng đơn vị. Tôi gặp N.Đặng, anh ấy thuộc lớp đàn anh của tôi trong ngành CTCT, có bằng cao học Văn Khoa trước khi vào lính. Đang đảm trách trưởng khối của một đặc khu chẳng hiểu anh xin chuyển chuyên hay bị đổi ra đơn vị tác chiến và đưa về ban tham mưu nhưng chẳng đảm trách nhiệm vụ gì, mặc dù cấp bậc của anh ngang với tiểu đoàn trưởng ! Anh có vẻ là một triết gia, một nghệ sĩ hơn là một người lính, lại có tài thổi Harmonica, được tất cả mọi người trong đơn vị quý mến. Anh thường theo chúng tôi đi hành quân mà không chịu ở hậu cứ, cũng may anh còn lành lặn sau cuộc binh lửa. Có lần đơn vị dừng quân nghỉ dưỡng tại một thành phố nhỏ được ít ngày, thời gian đó các bạn tôi quây quần bên nhau uống rượu đàn hát. N.Đặng thích uống rượu nên đã ngà ngà say , nằm gần đó. Tôi vì không biết uống rượu nên chỉ ngồi chơi với anh em, hòa nhập vào không khí văn nghệ mà âm thanh tiếng đàn hát hòa quyện nhau vui nhộn. Đến quá nửa khuya N.N. Ân tham gia, anh một cây văn nghệ, và là một đại đội trưởng thâm niên có nhiều huy chương chiến trận. Ân hát một bản nhạc tiền chiến nổi tiếng một thời, giai điệu thật dịu dặt, nhưng N.H.Chung lại đệm không đạt khiến nhạc phẩm mất một phần tinh hoa ! Bỗng dừng tiếng anh N.Đặng gắt lên như xé âm thanh :

«Thôi xin ông đừng đàn nữa tôi điếc ráy rồi !»

N.H Chung đang chơi đàn bồng nhiên xiu mặt, nó cũng là dân cự Văn Khoa, và là một đại đội trưởng gan dạ, nó nửa đùa nửa thật nói : *«Thôi cha ! Anh biết đàn đâu mà dám chê tui ?.. Xin đại ca để chúng em yên !»*.

Cả nhóm cười ồ lên và tiếp tục đàn hát. Tôi nghĩ anh N. Đặng say, nhưng thấy anh ngồi dậy tiến đến tôi miệng nở nụ cười và chậm rãi nói:

«Cậu lấy cho tớ cây đàn .»

Tôi hơi ngạc nhiên, tưởng anh đùa vì quen biết anh ở Sài Gòn không hề thấy anh chơi đàn. Tôi hơi ngần ngại nhưng vì nể anh tôi cũng mượn cây đàn của Chung đang chơi. Chung vì nể tôi nên đã trao đàn mà lòng không vui ! Cả nhóm trở mắt nhìn anh Phước ôm đàn, có lẽ họ nghĩ là anh N.Đặng đang muốn điều ? Tôi thấy cách ôm đàn và so lại dây của anh hơi lâu mà không cần nhấn nhiều vào phím, sau đó lại xuống dây số 6 thành Rê, tôi giật mình, vì chỉ những nhạc sĩ có lỗi tai nhạy bén âm độ đạt mức chuẩn âm mới lên dây đàn kiểu này. Tôi ra dấu bảo các bạn im lặng. N. Đặng rít mạnh mẩu điếu Basto xanh dính trên môi một hơi, và trình trọng vào nhạc. Những ngón tay của anh lướt trên cung bậc diễn tả bản Capricho Arabe của danh sư Francisco Tarrega một cách tài tình, đây là một bản nhạc khó, kỹ thuật cao của guitare trong dòng nhạc cổ điển Tây Phương. Anh N. Đặng chơi tiếp một số bản khác. Hay quá , một sự việc không thể ngờ được ! Rất tiếc vì lâu ngày không cầm đàn nên các ngón tay của anh vẫn chưa mềm để có thể diễn tả đến mức tuyệt vời những bản nhạc đầy kỹ thuật của dòng nhạc cổ điển Tây Phương, đáng lẽ anh cần phải để các ngón tay quen dần dạo qua một số bài đơn giản trước khi chơi bản Capricho Arabe của F. Tarraga ! Có lẽ do lâu ngày không cầm đàn, nay cầm lại khiến anh hưng quá và chơi liên tục chứ anh không có ý định khoe hay biểu diễn. Các bạn không ai bảo ai giữ im lặng, đêm khuya chỉ còn tiếng đàn dẫn người nghe vào một thế giới riêng thật huyền ảo của âm nhạc. Tiếng đàn đang réo rắt bỗng ngưng lại, N.Đặng đặt đàn xuống rồi rút trong túi ra gói thuốc Basto xanh, anh rút một điếu, se se nhẹ hai ngón tay vào điếu, rồi chậm rãi gõ điếu thuốc vào bàn tay trái, sau đó gắn lên môi, rồi móc trong túi lấy chiếc bật lửa Zippo môi thuốc. Cử chỉ của anh chậm chạp làm chúng tôi sốt ruột ! Anh rít mạnh một hơi rồi tiếp tục ôm đàn dạo tiếp đoạn nhạc cổ điển, rồi chuyển sang nhạc Việt, những nhạc phẩm nổi tiếng mang tính nghệ thuật cao của một số nhạc sĩ tiền

chiến và đương thời, đã được các nhạc sĩ tài danh về guitare soạn hòa âm guitare. Cứ như thế chúng tôi thay nhau mỗi thuốc khi điều thuốc của anh sắp tàn để dòng nhạc được liên tục cho đến 3 giờ sáng mới chấm dứt. Về sau tôi hỏi anh tại sao chơi đàn giỏi thế mà dẫu, anh cười buồn trả lời :

« Cũng tại mê đàn tớ mới mất mối tình đầu, và sống độc thân đến nay gần 40 mà chưa vợ ! »

Tôi tôn trọng chuyện riêng của anh nên không hỏi gì thêm. Sau biến cố tháng tư năm 75, tôi từ Tổng y viện Cộng Hòa ra và đi tù. Gặp lại anh N.Đặng trong tù anh em chúng tôi mừng rỡ, tôi trông anh rất hốc hác do thiếu ăn mà phải lao động nhiều, nhưng phong cách vẫn nghệ sĩ. Còn anh, lại ái ngại cho tình trạng sức khỏe của tôi đang chống cặp nặng ! Anh khoe với tôi đang cho một con chim sẻ ăn cơm. Tôi cười hỏi :

« Ở tù cơm không có mà ăn, anh nuôi chim lấy đâu cho nó ăn ? ! »

Anh cười :

« Nhín một chút sẽ có hạt cơm cho nó ăn ngay, hơn nữa nó ăn được cả bo bo ! »

Tôi bảo :

« Đã ở tù rồi anh lại nuôi nó chẳng khác nào anh nhốt tù nó ? »

Anh N.Đặng :

« Cậu không hiểu, ở đây làm bạn với chim vui hơn người ; mình thích nó hơn. Còn ở đất nước mình chỗ đếch nào mà chẳng là nhà tù, mình có nhốt nó đâu ? »

Tôi và anh N.Đặng ở chung không lâu thì bị biên chế trong đợt ra Bắc lần đầu. Tôi nằm trong danh sách nhưng vì những vết thương cũ của tôi bị nhiễm trùng nên được nằm điều trị bệnh xá trại, ở bệnh xá có nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông, đại tá Đông cũng bị hoãn đưa ra Bắc vì bệnh nặng. Họ xếp tôi vào loại là bệnh mãn tính nên không có thuốc chữa, do đó tôi phải rời viện trở về lán lao động. Về trại, các bạn bảo tôi trông giống bộ xương khô biết đi ! Lần đó các bạn tưởng tôi chắc « đứt », nhưng tôi vẫn sống, vẫn lết từ trại này sang trại tù khác dù sức khỏe càng ngày càng tệ ! Đi đến đâu các bạn thấy cũng thương nên đã lãnh thên những công tác lao động nặng cho tôi như vào rừng cưa cây, đập đá núi làm đường... anh em để tôi làm những việc nhẹ ở lán. Có lần tôi và người bạn được giao đi lãnh cơm, tôi không còn đi bằng cặp nặng vì vết thương đã tạm lành, nhưng con mắt lại trở nặng vì không có thuốc nên gần như mù ! Còn bạn tôi ; anh ấy phải đi bằng chiếc chân gỗ, để hoàn tất

nhiệm vụ giành chiến thắng, anh đã để lại một phần thịt xương nơi ngọn núi 1062 cùng với bao chiến hữu khác nằm yên nghỉ muôn đời lại đó, nơi chiến trường Thường Đức năm xưa ! Cả hai khiêng thau cơm nặng cho cả lán ; cái thau được gò bằng tôn chế biến lại, trông nó có vẻ to đùng được nhiều, nhưng chia ra cho mỗi người cũng chỉ được lưng chén ! Khi đoàn tù lao động trở về chưa đến lán, thấy thau cơm các bạn đã reo lên....Người bạn khiêng phía trước chẳng biết vì xúc động bởi những tiếng reo hay vì đường trơn ướt, chiếc chân gỗ chịu quá nặng, nên bước lệch đã khiến hai người té sấp xuống đường. Trong đoàn tù có những tiếng rú lên mà thanh âm nghe náo nức :

-Trời ơi ! Cơm đổ rồi !

Tôi nghe mà rụng rời ! Như tiếng sét kinh hoàng bên tai, tiếng chân người chạy đến nghe xôn xao làm lòng tôi đau nhói ! Sự áy náy đã tắc trách nhiệm vụ được các bạn thương giao phó làm tôi chết lặng ! Tôi cảm giác những tiếng chân người thật chậm đang dẫm vào hồn tôi ! Tôi cảm thấy không gian hoàn toàn im lặng, sự im lặng khủng khiếp nhường chỗ cho âm thanh lạnh lốt : **ĐỔ CƠM RỒI !** Chẳng một tiếng xót thương cho hai kẻ bịt xấp, có lẽ chẳng ai còn đủ hơi sức để kêu thành tiếng ; ngoài sự ám ảnh của cơn đói vọt lên âm thanh từ trong vô thức : «Đổ cơm rồi» ?! Phải chăng khi con người trong cơn đói là thì miếng ăn đã ám ảnh, tình đồng loại cũng mờ nhạt ?! Những khoảng khắc giao động của cảm xúc lắng xuống, một số bạn tù ủa nhau chạy lại, kẻ thì đỡ tôi, người thì vực người bạn gốc Nhảy Dù, một số khác xúm nhau nhặt từng hạt cơm văng xuống dưới rãnh hiên lán, như tìm vàng, tìm ngọc, rồi đem rửa từng hạt cơm như đãi cát tìm vàng. Mặc dù không trông thấy rõ nhưng tôi vẫn cảm nhận được cơn đói hằn trên khuôn mặt anh em, khiến lòng tôi tuôn trào như cơn mưa chiều đang giăng mờ mắt !

Dù trong tình trạng vết thương cũ chưa lành hẳn, tôi không chịu làm việc nhẹ nữa, kể từ hôm đó tôi cùng anh em vào rừng cưa cây. Tôi còn quyết định để một nửa phần cơm chiều của mình dành cho bữa cháo sáng. Tôi nghĩ: *"Đây cũng là cách chuộc lỗi đã tắc trách làm đổ thau cơm của anh em"*. Bạn cùng tổ lúc đầu còn áy náy khi thấy tôi nhin bớt phần cơm mình để có phần cháo sáng, nhưng dần dần thành quen, không còn ai thắc mắc. Tình trạng thiếu ăn ở trong tù ngày càng trầm trọng ! Hạt cơm trong tù quý và hiếm lắm ! Ai đã từng trải qua cơn đói là mới thấy giá trị của miếng ăn ! Cơn đói

đã trở nên gỏi đầu, nghĩa là ăn bữa nay mà cái đói nó dồn từ vài bữa trước. Nhiều buổi chiều lao động về đói quá tôi đã ăn hết phần cơm để dành để nấu cháo. Sáng ra vài bằng hữu không thấy cháo đâm nổi quạu ! Tôi ngạc nhiên và tự hỏi tại sao lại nổi quạu ? Và chợt nghĩ : *"Hình như các bạn ấy ngỡ bốn phần của tôi là phải có cháo sáng cho họ ăn...Thế mới biết một việc được lập đi lập lại nhiều lần dù ở trong tù hay bất cứ ở nơi đâu cũng thành thói quen !"*

Tôi buồn ngủ thờ dài, trong lòng vừa có chút xót xa vừa cảm thấy ung ức! Rồi lại nghĩ:

"Mình thì bệnh tật, lại thường hay phát biểu bị quy là chống đối, và bị kỷ luật, có lẽ mình sẽ bỏ xác trong tù ! Mình có ăn thêm một chút thì cũng chỉ kéo dài sự sống, thêm chuỗi ngày đau khổ, nhưng nhìn chút cháo sáng lại là chút niềm vui nhỏ mỗi ngày...cũng ấm lòng cho ít bạn bè". Tôi lại tiếp tục nhịn, nhịn riết rồi cũng quen. Niềm vui nhỏ đó thoáng nhanh, chỉ một thời gian không lâu chúng tôi lại bị biên chế, nhóm bạn ấy và tôi bị phân tán đi khắp nơi. Sau này ở hải ngoại gặp lại một số bạn tù, các bạn kể trong số những người bạn cũ, có người đã chết vì bệnh, người thì kiệt sức ngủ yên nơi góc rừng khe núi. Nghe kể lòng tôi xót xa ! Các bạn tôi và tôi chẳng còn ai thêm những hạt cơm rơi nữa, nhưng tôi vẫn nhớ hạt cơm rơi trong chiều mưa. Tôi có gặp lại N.H. Chung, nhưng anh N.Đặng thì không !

Paris đã vào mùa xuân nhưng tiết trời còn lạnh, chiều nay ngồi trong căn phòng ấm nhìn những hạt mưa rơi lòng tôi chợt cảm thấy buồn ! Con mưa chiều đã gợi nhớ những hình ảnh những người bạn năm xưa ; mà nay có người còn kẻ mất ! Những kỷ niệm vui buồn của một thời khói lửa, và những năm tháng ngậm ngùi sau cuộc chiến về thân phận con người !

*« Đời buồn như chiếc lá,
lặng rơi bên hiên nhà.
Mưa vô tình ngập lối
Cuốn trôi mảnh hồn ta ! »*

Đỗ Bình



Cái Trọng Ty **Trên bức tường đá đen**

những vần thơ viết trên bức tường đá ngục
là thông điệp người lính bại vong
gửi đến thời gian phía trước cho em
tháng sáu bảy năm
chàng Sĩ quan trẻ Biệt Động
theo Cha Hiệu xứ Đạo Biên Hòa
vào rừng lập mật khu chống cộng
bị bắt đưa về trại giam chí hòa
tống vào xà lim tử tội
đầu năm bảy chín
tôi bị xiềng cách ly
đối diện phòng Anh
những ngày dài như trăm năm
bỗng một sáng tinh mơ
vẳng nghe giọng hát buồn day dứt
'em đến thăm anh trời mưa gió
đường xa lạnh lùng"
tôi bàng hoàng chua xót
một chiều mưa nào
nơi hạnh phúc cố quên
người vợ trẻ, hai đứa con thơ
thành phố biển
chỉ một vách tù
mà muôn trùng tội nghiệp
ngày lại ngày tôi ngóng chờ
tiếng hát buồn thăm vọng từ đáy ngục
nổi hào khí khốn cùng
ngọn dao đâm phé tạc
thời gian đi lở lói vết thương sâu
thế rồi một hôm
tiếng hát kia vụt tắt
người Sĩ Quan bị đưa ra trường bắn
100 Tin Văn

tôi ngồi lặng im ứa nước mắt
chua xót nhìn quanh

trong bóng tối lơ nhờ chốn biệt giam
những hình tượng Phật Chúa
vẽ ngoằn ngoèo trên bức tường đá đen
cùng tuổi tên chín Anh Hùng tận tuyệt
tuần tự lên máy chém
Họ là Ai
lịch sử bỏ quên
chôn cô hồn khuất lấp
tôi cô đơn hải hùng nơi xà lim ma quái
rờn rợn sống lưng
những nhát chém vô hình phụng xuống
người chiến sĩ Phụng Quốc
Trần Việt Sơn
hồ trường, đứt đoạn
chàng bỏ lại người vợ trẻ
nơi đồng ruộng long xuyên
trên nét chữ vô vọng
nhoẹt nhòe vết máu
Anh yêu Em
vĩnh biệt
không một ai được biết
khí lạnh đùn quanh
một bóng một mình
tôi nhìn tôi sợ hãi
ôi người bạn không quen
chiều sông Dịch còn vang vang gương áo
mối thù kia còn đeo đẳng kiếp người
chân tay tôi bị xích bị xiềng
nghe tiếng sáo mơ hồ gió thoảng
tôi kéo lê dây xích
trong đau thương tội cùng
với bàn tay sờ soạn bức tường dày
đọc tên từng người giọt nước mắt cay

*xà lim Chí Hòa
tháng mười, năm bảy tám*



Cao Thoại Châu Những cây bàng vuông ở Trường Sa

Tổ quốc tôi những cây bàng vuông
Đội lính tiền phương ra biển Đông giữ đảo
Cây và phong ba bão táp
Phản thẳng bao giờ cũng thuộc về cây
Tôi ở đây trên đất liền này
Nghe tiếng sóng báo tin thẳng trận
Những cây bàng xa quê
Vẫn gửi màu xanh về
Mấy trăm năm lưu đồn trấn thủ
Lớp này vàng lớp khác lại xanh lên
Tổ quốc đặt tên cây Phong ba Bão táp
Sống cả bằng nước mặn
Chân vẫn vui trên cát
Nắng cháy da người lạnh cóng đêm đêm
Cây dám chết cho người được sống
Những cây bàng vuông ấy
Cũng là ngư dân đem cá tôm về
Vừa là lính vừa là phen giậu
Vì quê nhà phải thường trú xa quê
Lá bàng vuông
Là tờ giấy khai sinh ký ngoài hải đảo
Mấy ngàn năm người nước tôi đã hiểu
Có dấu lặn tay của tổ tiên mình
Cây xứ này cũng là lính tiền phương
Không thể nào khác được
Dẫu ở xa không phải xa biển biệt
Vẫn ung dung trên đất của mình

(VietNam, 14-6-2014)



Phan Thanh Cường
ĐẤT và BIỂN

đất và biển song sinh ngày mở nước
biển thức đêm giấc ngủ đất không thành
tin mưa đảo đất trong này đã ướt
đất vì thương biển trở nên xanh

khi thân thể có dự phần của biển
biển xa mà gần gũi mặn da mình
khi hạt muối cũng mang lời biển gọi
mặt trời qua vì đất, biển kết tinh

bờ vượn dậy gồng mình cho biển dựa
cha Lạc Long vừa ôm mẹ Âu Cơ
tiếng mẹ khóc trường sơn đau khe suối
những dòng đời thương mẹ chảy ra khơi

ngực đất nước trải mình ra với biển
Hoàng-Trường Sa như những trái tim nhô
người lính xưa quên mình theo sóng đỏ
sóng hôn bờ làm trắng mảnh khăn sô

khi đất nước trái tim còn một hướng
biển đất cùng chung một mẹ cha
giấc mơ giấc không có đường biên giới
thì biển đông còn đỏ sóng quê nhà.

tháng 6/2014



Lê Thị Hoài Niệm **MỖI DUYÊN MƠ**

Chị đã đến nhà tôi thăm chơi và cũng đúng lúc “ăn một cái Tết Việt nam” như lời đã hứa. Và chị không đi một mình, mà đi với người đàn ông Mỹ da trắng tên JAY, trẻ người và vui tính, hiện là chồng của Chị.

Thật là chuyện “khó tin mà có thật”, một duyên tình cứ như trong mơ ở thế kỷ 21 này, mà ngay cả những người trẻ, đẹp có bằng cấp mơ ước, chắc gì đã toại nguyện.

Chị là người đàn bà hiện đã có tuổi, không có điểm nổi bật về sắc vóc.

Từ lúc sinh ra ở một tỉnh lỵ miền duyên hải, đến khi vào trường trung học, chị chưa hề có mối tình lớn nào hầu đem cất giữ trong ngăn kéo con tim để làm kỷ niệm, ngoại trừ những người bạn cùng trường lớp theo chọc phá tán tỉnh, ghép đôi như hầu hết những cô cậu học trò tuổi vừa mới lớn ở cùng thời..

Năm mười bảy, nghe theo lời cha mẹ, chị lên xe hoa với một “Lính trận miền xa”. Đó là người con trai độc nhất trong gia đình người bạn của cha mẹ chị. Nhà anh khá giả, hai gia đình thuộc dạng “môn đăng hộ đối”. Có điều “con nhà giàu-học dở” nên anh thuộc nằm lòng câu vè: “Rớt tú tài anh đi Trung sĩ” và anh bình thản thi hành nghĩa vụ quân sự mà không “chạy chọt” trong điều kiện có thể.. Chị lấy chồng mà không hề biết gì về tình yêu- theo lời chị kể.

Cuối năm mười tám, chị đã có đứa con trai đầu lòng, trong khi vẫn còn theo anh đang đóng quân trên miền cao nguyên đất đỏ.

Chị là một thành viên trại gia binh với nhiều người vợ lính khác. Nếu người Lính ra ngoài mặt trận chiến đấu một mất một còn vào những giờ phút “đụng trận”, thì những người vợ lính cũng thấp thỏm chờ đợi, đọc kinh cầu nguyện cho những người chồng, người cha được trở về nhà bình yên. Trại gia binh cũng là một đơn vị Lính hậu cứ theo lời chị kể, mỗi khi đơn vị đi hành quân sắp về, là cả khu trại nhộn nhao, nhốn nháo, chạy tới chạy lui để bắt tin xem “ai còn ai mất”. Hôm nào đơn vị trở về an toàn, coi như hôm đó khu trại gia binh làm tiệc ăn mừng, hôm nào có người tử trận, cứ y như rằng nguyên khu trại cùng để tang cho người chiến sĩ anh hùng đó. Còn chuyện bị thương vào nằm quân y viện, thì họ giúp nhau đi tìm thăm nuôi trong mọi điều kiện có thể.

Tình tương thân tương ái có, mà nhiều chuyện phức tạp cũng có, có nhiều trận ...đánh ghen vô tiền khoáng hậu cũng đã xảy ra, khi mà người hàng xóm sát vách cứ nghe tiếng đàn bà la oai oái bên hông nhà mình, định tông cửa vào can, kéo “thằng chồng vũ phu lính tráng” ulynh cô bạn mình, không sút gong gãy cẳng cũng gãy răng, bầm mặt. Nhưng khi cửa nhà hàng xóm bung ra, thì hỡi ơi! người chịu sưng vù bên má, trầy trụa một cánh tay không phải cô bạn yếu đuối của mình, mà là người “chiến sĩ can trường” vừa trở về nhà từ vùng lửa đạn. Đánh ghen mà, người nào có tội thì phải ..chịu ăn đòn cho đối phương hả dạ.

Trại gia binh nói chung là vui buồn lẫn lộn, nhưng cố nương nhau mà sống, vì chị không muốn ở một mình nhà mướn bên ngoài, trong khi anh cứ theo đơn vị đi hành quân liên miên. Cho đến một ngày, toàn khu trại gia binh đến căn nhà của chị để chia buồn. Anh là một trong bốn quân nhân hy sinh trong trận đánh kỳ đó, với nhiều người bị thương. Lúc này địch quân lần lần lấn chiếm các tỉnh miền cao nguyên. Chị đưa xác anh về lại thành phố cùng với đứa con chưa đầy 4 tuổi đầu đã quấn khăn tang trắng, từ giã hẳn miền cao nguyên đất đỏ mà không hy vọng có ngày trở lại, trước khi xảy ra cuộc triệt thoái cao nguyên chừng vài tháng.

Thành phố chị ở cũng hứng chịu những cảnh tượng tang thương, mất mát buồn khô khi mà “quân giải phóng” tràn vào thành phố đầu tháng tư năm đó. Gia đình chị bị ghép vào thành phần “tiểu tư sản” nên phải đi “kinh tế mới”, cộng thêm tội danh có chồng là “lính ngụy” dù đã tử trận. Nhưng nhờ cha mẹ chị đã

lớn tuổi, lại có nhà cửa, đất đai bị nhà nước tạm “quản lý”, trưng dụng làm văn phòng hành chính, gia đình chị coi như tạm thời “có công với cách mạng”, được phép ở lại thành phố, chị lại được thu nhận vào làm công nhân cho một “tổ hợp mì sợi” mà phần vốn cũng phải tự công nhân góp vào.

Rồi một ngày chị đành ôm con đi vượt biên, vì không thể chịu đựng nổi sự hà khắc của chính quyền mới, sự dòm ngó, theo dõi của những người “cách mạng ba mươi” đối với gia đình chị, dù đã “cống hiến tài sản” quá nhiều, khi cha mẹ chồng chị cũng đã cho phép chị đưa cháu nội độc nhất của họ ra đi. May mắn thuyền của chị đi cùng nhiều người khác cũng xuôi chèo mát mái đến được bờ biển nước Phi, và xin tị nạn theo diện “đoàn tụ gia đình” với người thân đang ở Mỹ.

Sau khi được định cư ở đất Mỹ nhờ có người chị bảo trợ. Chị một mình đi học nghề thẩm mỹ và chí thú làm ăn dành dụm tiền để nuôi con ăn học.

Duyên phận đưa đẩy chị gặp người đàn ông thứ hai trong đời. Một đám cưới hân hoan để họ làm lại cuộc đời, vì người chồng hiện tại cũng từng ly dị vợ.

Một đứa con trai chung của họ ra đời. Cuộc sống tưởng chừng hạnh phúc sau mười năm chồng vợ chia xẻ vui buồn. Nhưng sau khi có cơ hội về thăm lại cha mẹ bên VN, chuyện như nhiều chuyện buồn khác thời nay, chồng chị lại có người đàn bà khác do bạn bè giới thiệu. Thế là có màn lục đục trong gia đình xảy ra, có cả chuyện tiền bạc bởi người chồng nuôi cô gái trẻ ở VN.

Cuối cùng chuyện phải đến đã đến, họ chia tay, đường ai nấy đi. Con trai chị có quyền được giữ.

Chị đi làm quản lý cho một Saloon tóc&nail và sống với đứa con trai nhỏ, đứa con lớn của chị đã có được công việc làm tốt và có một gia đình đang hoàng, tử tế.

Nhiều tháng đi qua, một người đàn ông Mỹ trắng bản xứ vẫn đến cắt tóc ở tiệm chị làm, ông ta tử tế với tất cả những người thợ trong tiệm, từ cô Maryan tóc vàng xinh xắn dễ thương, tới bà Michell da đen phục phịch, làm chậm mà chắc, hay cô Hiền người Việt nam nhỏ nhắn nhưng không nhỏ lời..., tất cả hay đùa vui với ông, vì biết ông vẫn còn độc thân, vui tính chưa hề có gia đình, và hiện tại cũng đã già từ cô bạn gái mắt xanh. Họ cố gán ghép ông cho cô Maryan, dù gì họ cũng đồng màu da chủng tộc, đồng tiếng

nói chắc dễ thông cảm hơn. Và người thợ nào trong tiệm cũng hy vọng có ngày ăn tiệc mừng của họ, trong đó có chị.

Và một ngày ông Jay đến tìm chị khi biết chị đã ly dị hẳn với người chồng bội bạc, qua lời kể của mấy cô thợ trong tiệm. Ông ngỡ lời muốn được phép đưa chị về nhà sau khi tiệm đóng cửa. Chị ngạc nhiên đến nỗi không tin vào lỗ tai mình, còn ngại vốn anh ngữ ăn đong, nên hiểu lầm câu nói. Nhưng không đâu, cả mấy cô thợ cũng đều trở mặt ngẩn tò te như chị, vì ông đã chọn chị trong nhóm người trẻ già cùng làm việc trong saloon đó. Và họ trở thành một đôi “tình nhân” chênh lệch về tuổi tác, ngôn ngữ, có khác biệt màu da, văn hóa, nhưng ông Jay lại thương quý chị vô cùng. Và hôm nay ông đang có mặt tại nhà tôi.

-Jay! Ông có thể ăn được những thức ăn Việt nam nào? chồng tôi hỏi khi mời ông ngồi vào bàn cho bữa tiệc tất niên.

-Ồ, tôi có thể ăn nhiều thứ, kể cả “nước cờ mắm”.

Ông Jay hãnh diện trả lời, và ông nhấn mạnh chữ nước mắm với lối phát âm của đa số người Mỹ khi nói về món ăn “quốc hồn quốc túy” của người Việt Nam. Và ông đã thực hành những điều ông nói trong bữa ăn đầu tiên ở nhà tôi, từ cuốn chả giò, nồi canh măng kho thịt, hũ dưa món vừa dòn vừa mặn mặn ngọt ngọt ăn với bánh tét, đến nồi canh khổ qua, v.vv.. mà không có trở ngại nào, ngay cả việc cầm đũa để và cơm, gấp thức ăn ông còn biết ...trở đầu đũa.

Chưa bao giờ chúng tôi được gặp gỡ và nói chuyện thân mật với một người Mỹ bản xứ mà không phải là bạn cùng sở, lại nói chuyện một cách thân mật, thoải mái giống anh chị em trong gia đình như đang nói chuyện với ông Jay, nhất là nói chuyện về Phật giáo.

Ông Jay được sinh ra và lớn lên trong một gia đình thuộc giới “thượng lưu”. Cha ông là một Bác sĩ có phòng mạch riêng trong một thành phố nhỏ ở tiểu bang Wisconsin. Mẹ ông là một Giáo sư trường trung học. Gia đình ông có đến 5 người con mà ông là trai út. Lại được thừa hưởng vài nông trại bạc triệu từ dòng họ ông bà. Người anh cả là một giáo sư đại học, còn những người khác đều làm giáo sư như mẹ ông, chỉ có ông là ...lang bạt kỳ hồ sau khi ra trường 4 năm ở Đại học. Ông làm nhiều ngành nghề, kể cả ..tài xế xe lửa. Ông nói vì thích “mạo hiểm” nên đi cho biết. Và hiện tại ông đang làm nghề “buôn bán chứng khoán” mà khách hàng của ông là những ông bà người Mỹ lớn tuổi giàu có bạc triệu.

Trước khi ông gặp và thương chị, Ông không hề để ý đến những người “tị nạn Việt nam”. Đối với ông, đó là những người Á châu đến “ăn nhờ ở đậu” trên xứ sở của ông sau cuộc chiến tranh mà chính quyền của ông đã tham dự vào, chưa đến nỗi “kỳ thị” ra mặt. Cho đến một ngày ông té ngựa, khi đi vào nông trại của một người bạn thân. Con ngựa từ trước đến giờ vẫn quen để cho ông ngồi lên đưa nước kiệu chung quanh nông trại rộng chừng 5-7 mẫu gì đó, nhưng bữa đó nó trở chứng, hất tung ông lên trời, và ông đã té bất tỉnh nhân sự, phải nằm mê man đến 13 ngày trong phòng cấp cứu, khi tỉnh lại rồi phải một một thời gian dài mới bình phục hẳn. Trong thời gian này ông vào thư viện, và ông tìm đọc sách, sách nói về sự sống và cái chết. Những triết lý về cuộc sống, luật nhân quả, sự chuyển hóa luân hồi của kiếp người, tất cả đều tìm thấy trong những sách Phật giáo. Ông đọc nhiều sách của thiền sư Thích Nhất Hạnh (sau này, khi liên lạc với nhiều người VN tị nạn CS, ông biết thêm th/s Th. N.H là một người thuộc thành phần "phản chiến", phụ bạc chính thể và phân đất nước đã nuôi ông ta lớn lên và ăn học có bằng cấp). Ông bắt đầu nghiên cứu về Thiền, và ông hiểu ra rằng Thiền định là một nghệ thuật và tiến trình chuyển hóa tâm để tránh mọi ưu tư phiền não và có cái nhìn sáng suốt, thông cảm hơn giữa người và người, tránh bớt mọi tham sân si.... Ông tò mò tìm đến ngôi chùa Việt nam trong thành phố ông đang ở, và ông đã thấy nhiều người VN, nên ông đã bắt đầu tìm hiểu, đến gần với họ hơn, đến khi ông vào tiệm cắt tóc gặp chị, nói chuyện với chị, biết rõ hoàn cảnh và tính vượt khó để lập thân. Ông cảm phục chị và tình thương nảy sinh từ đó.

Và năm rồi, chị đã có cơ hội đưa ông trở về thăm quê hương Việt nam của chị sau khi họ chính thức kết hôn. Chị đưa ông về thăm một vài vùng quê hẻo lánh, ở đó có những người nghèo khổ, dù nước nhà đã “thống nhất” bao nhiêu năm, đã “đuổi Mỹ cút, Ngụy nhào”, nhưng sao bao nhiêu năm qua vẫn khổ sở vô cùng, ngày làm quần quật cũng chưa đủ tiền mua gạo để nấu cơm, có người cũng từng thuộc thành phần “gia đình liệt sĩ” có chồng, cha hy sinh cho “cách mạng”. Nhưng sự hy sinh của họ chỉ giúp cho đám “cán bộ” chớp bu ăn trên ngồi tróc, ăn hối lộ, bóc lột sức lao động của người dân, nơi nào có “nhà cán bộ” thì con đường trải nhựa đến tận cổng rào, còn nhà dân, thì đường đất sinh lầy lội lồm sau trận mưa qua. Và từ chuyện đi đó, ông đã có phần hiểu biết về “bản chất” của Cộng sản. Để giúp đỡ những kẻ bần cùng của xã

hội VN, ông đã bỏ tiền ra mua hàng tấn gạo và phân phát cho họ, một người Mỹ trắng tốt bụng được mọi người trong làng tán dương, khen ngợi, nhưng đó không phải là điều ông muốn. Ông bảo thế.

Ngày tiễn họ ra về sau một tuần đến thăm chơi nhà tôi. Chị và ông Jay, nhất là ông Jay hứa hẹn sẽ trở lại...nhiều lần nữa, vì thành phố nơi chúng tôi ở có nhiều người VN, đi dự lễ Chùa đầu năm, đi chợ Tết VN, vui quá. Ông Jay thật sự là một người Mỹ hiếm thấy, chúng tôi đã đưa ông đi ăn nhiều hàng quán VN, nơi nào ông đến đều tấm tắc khen ngon, ngay cả “quán Ông già”, quán cà phê nổi tiếng nơi chúng tôi ở, ông cũng thích đến ngồi vỉa hè để “xem ông đi qua, bà đi lại”.

Ngày trước ở bên nhà, mỗi khi có mối tình “dị chủng”, người đời vẫn dòm ngó xì xầm, gán ghép danh nọ, tội kia, có lẽ vì ..thành kiến, mà cũng vì nhiều lý do khác nữa, nên mới có từ “Me Mỹ-Me Tây”. Nhưng thời buổi bây giờ khác rồi, đã sống ở xứ người, con trẻ lớn lên trên “quê hương của chúng- nơi chôn nhau cắt rốn mà”! nên chuyện kết hôn với người bản xứ không còn là vấn đề đáng nói. Nhưng những người lớn tuổi như chị, gặp được một người bản xứ quá tốt về gần cuối cuộc đời, họ lo lắng cho đủ mọi vấn đề trong cuộc sống, ngay cả từ “di chúc” cho mai sau. Đúng là chị đã gặp được mối duyên mơ! Xin chúc mừng cho chị.

Lê thị Hoài Niệm



Mỗi ngày có thể không phải là ngày tốt nhưng chắc chắn sẽ có điều gì đó tốt đẹp mỗi ngày =>

hãy mỉm cười và đón nhận ngày mới với thái độ hào hứng tích cực.



Mây Ngàn Diệt tàu cộng

Biên trời của ta, đất của ta
Cớ sao Tàu cộng cứ gọi là
Đồng Phạm, Minh Hồ dâng cho chúng
Bán dân Tổ Quốc, nhục Ông Cha

Ngư phủ Việt Nam nay đói meo
Dân đen cơ cực lại càng nghèo
Chim trời cá nước không bắt được
Trẻ thơ đói rét, ốm tong teo

Ai người yêu nước phải vùng lên
Đánh lũ Tàu phù, bắn đạn, tên
Khí thế Diên Hồng, dân nước mạnh
Quyết giữ giang sơn được vững bền

Mây Ngàn

30/05/2014



Phan Văn Truồi
Dấu vết chân xưa

Ta là ai
Hận quá mặt trời
Sao mặt trời xóa vết chân em
Tình ngăn mây
Mặt trời vụt đến
Ai giăng mây
Xua mặt trời đi
Còn gì đâu ngoài bóng đêm...

Ta là ai
Hận quá loài người
Người lấp kín dấu vết tình xa
Đêm ru đêm
Ru giấc ngủ
Ngày ru ngày
Hoài trần trở
Ta ru nhau tình mãi đọa đày...

Ta là ai
Hận quá cuộc đời
Đã mất rồi dấu chân qua phố
Nhạc ru đêm
Đâu đây vang vọng tiếng cười
Nghe trong tim
Lời thì thầm kể lẽ
Sài gòn ơi!
Đường tình qua
Ta mất rồi
Dấu vết chân xưa!!!



Trần Hồng Văn

Phóng tác Truyện Ngắn Anh Quốc

Một Cuộc Trao Đổi Công Bằng

Khi chiếc máy bay phản lực của hãng hàng không Airlanka bay thấp dần và hướng về phía phi trường quốc tế Katunayke nằm ở phía bắc thủ đô Columbo, giáo sư Anderson nhìn qua khung cửa sổ và lại kinh ngạc trước màu xanh tươi tốt của hòn đảo Tích Lan. Tận cùng tầm mắt là một khối dày đặc cây dừa, chạy dài dọc theo bờ biển suốt từ bắc xuống nam. Nhiều thế kỷ trước, những người Ả Rập đầu tiên tới đây đã gọi nơi này là “Vườn Địa Đàng”.

Ông mong đợi cuộc thăm viếng khu vườn địa đàng nhiệt đới lần thứ nhì này không phải chỉ vì “Khoá Hội Thảo Quốc Tế Lần Thứ Ba Mười Một Về Độc Tố” mà ông là một diễn giả, mà còn là những ngày nghỉ sau đó. Ông mong đợi cuộc trèo lên tận đỉnh núi Adam cao 3,000 mét mà từ trên đó có thể thấy quang cảnh toàn hòn đảo vào ngày trời trong. Cách đây mười năm, trong lần thăm hòn đảo này lần đầu, ông đã mất dịp trèo lên nhưng vì có việc khẩn cấp phải trở về Luân Đôn lập tức sau khoá hội thảo. Nếu may mắn hơn nữa, ông có thể đi câu tại những dòng sông chung quanh Nuwara Eliya, một cấu tạo lạ lùng ở độ cao 2,000 mét mà hiện nay vẫn còn biết bao di tích của các thời đại vua chúa xa xưa.

Khi giáo sư Anderson ra khỏi máy bay, ông có lại cái kinh nghiệm mười năm về trước: cái nóng khủng khiếp tại sân bay thay thế cho cái lạnh mát trong máy bay. Ông đoán là nhiệt độ phải gần 90 độ F., thay cho nhiệt độ hiện nay vào giữa tháng mười hai tại Gatwick là vài độ trên độ đông đá.

Như được sắp đặt từ trước, Tiến sĩ William Abeywira thuộc Viện Miễn Nhiễm Columbo đón ông tại phi trường. Chiếc xe của viện lúc lắc, nhảy tung lên khi chạy qua những ổ gà trên con đường dài 21 cây số từ phi trường Katunayke tới thủ đô Columbo. Do kinh nghiệm của chuyến đi trước, giáo sư Anderson đã chuẩn bị tinh thần cho sự ồn ào, bụi bặm cùng màu sắc trong thành phố này. Tiếng huyên náo kèm theo tiếng còi nhức óc của khối xe cộ gồm những chiếc xe vận tải khổng lồ xen lẫn với những chiếc xe ba bánh, xe gắn máy, xe đạp và khối người đi bộ khổng lồ, tất cả tràn ngập đường phố làm cho khó phân biệt đâu là ranh giới của đường

xe chạy và hè phố. Dù cho đã quen thuộc, ông cũng chóng mặt vì màu sắc trên đường phố, những chiếc quần *saree* đủ màu sắc của các bà xen vào những chiếc *sarong* màu trắng của các ông, những quán bên đường bán trái cây, quần áo, nước uống và nhiều thứ khác nữa. Những rạp chiếu bóng được xây từ thập niên 1930, đến nay đã bong sơn, hồ tô tường đã vụn nát, kính cửa sổ vỡ hay không còn trên khung nữa. Vài rạp bị bỏ hoang hay đã đóng cửa, nhưng phần lớn được sử dụng với mục đích khác như chợ búa, làm nơi trao đổi hàng hoá. Tiếng ồn ào, màu sắc chói mắt cộng thêm cái nóng, bụi bặm và tính khùng điên của viên tài xế khiến ông cảm thấy mệt mỏi. Khi chiếc xe đậu trước cửa khách sạn, Tiến sĩ Anderson cảm thấy nhẹ hẫng người và như trút được gánh nặng.

Viện đã dành cho ông một nơi nghỉ thật thoải mái và đắt tiền, đó là khách sạn Lanka Obeiroi trên con đường Galle, đây là con đường chính và bận rộn của thủ đô Columbo. Sau khi tắm rửa và thay bộ quần áo mới thoải mái, giáo sư Anderson cùng Tiến sĩ Abeywira tới quán rượu khách sạn. Trong kỳ trước, viên viện trưởng viện nghiên cứu Abeywira tỏ ra rất thân thiện và hiếu khách, trong khi ngồi nói chuyện, ông đã hỏi giáo sư rất nhiều công việc nghiên cứu về độc chất *batrachotoxin*, một chất độc tiết ra từ loài ếch mà giống dân da đỏ *choco* tại Columbia dùng để bôi trên đầu mũi tên. Tiến sĩ viện trưởng tỏ vẻ hài lòng khi ông nói đó là một trong những độc chất nguy hiểm nhất trong thế giới động vật, chỉ một phần tư mili-gram cũng đủ để giết chết một người. Ông ta còn đặt ra nhiều câu hỏi khác nữa, nhưng giáo sư Anderson cười nói:

- Ông để cho tôi trình bày trong bản báo cáo chứ. Tôi cũng không muốn không chính thức phát biểu trước những điều cần phải nói. Tiến sĩ Abeywira tỏ vẻ hài lòng và đứng lên từ ghế sau khi dặn là xe sẽ tới đón ông tới địa điểm hội thảo vào sáng ngày mai lúc 9 giờ.

Sau khi hút xong điếu thuốc lá, giáo sư Anderson xuống phòng ăn và tại đây ông tìm lại được hương vị của các loại trái cây vùng nhiệt đới. Ông ngây ngất dưới khung cửa sổ, ngắm nhìn bầu trời xanh biếc, sự tương phản giữa sự vội vã của những tia nắng cuối ngày cùng bóng đêm đang lấp ló đó đây và những người dân Tích Lan đi qua với quần áo sặc sỡ đủ màu. Ông có thể hiểu được lý do tại sao nhiều người phương tây tới đây và rồi không muốn rời khỏi hòn đảo này nữa. Ông cũng hiểu lý do tại sao người Ả Rập lần đầu tiên tình cờ khám phá ra đã đặt tên cho hòn đảo này là

“Vườn Địa Đàng”. Ông mơ màng và ao ước tình cờ được tìm ra một điều gì đáng ghi nhớ. Trong chuyến trước ông nhớ lại chỉ có kinh nghiệm chẳng vui chút nào cả.

Ông vui thú suốt mấy ngày hội thảo vì gặp đồng nghiệp khắp nơi trên thế giới. Những nhà khoa học như ông tham gia vào việc nghiên cứu độc chất và những loại thuốc giải độc một lãnh vực đã làm ông say đắm. Tiến sĩ Abeywira trình bày năm loại rắn cực độc tại Tích Lan và viện nghiên cứu của ông đang cố gắng tìm một loại thuốc giải độc cho tất cả năm loại này. Có tất cả 92 loại rắn tại đây, một số lượng đông đảo hơn hẳn tại bất cứ quốc gia nào trên thế giới và dĩ nhiên nước này có nhiều vấn đề. Một ví dụ đưa ra là một công nhân đồn điền cao su bị rắn cắn, khi được chở vào nhà thương thì bác sĩ không biết phải chữa trị như thế nào. Một loại thuốc giải độc cho *rắn cạp nong* không thể dùng cho nạn nhân bị *rắn lục* cắn.

Nghiên cứu của tiến sĩ Seneviratne về thuốc giải độc cho loài rắn biển độc gây cho ông chú ý vì nó tương tự như cuộc nghiên cứu của ông về loài ếch độc. Mọi người cũng thích thú khi ông chứng minh chỉ một liều lượng thật nhỏ độc chất *batrachotoxin* qua vết trầy ở da cũng gây cho nạn nhân đau đớn và chết ngay lập tức.

Khi cuộc hội thảo chấm dứt, giáo sư Anderson giả từ các đồng nghiệp. Ông chuẩn bị cho những ngày còn lại trên đất nước này một kỳ nghỉ thật ý nghĩa, tuy vậy tiền lại không có nhiều. Ông quyết định tới một ngân hàng để đổi ít tiền du lịch ra tiền bản xứ. Khi rời ngân hàng, một người theo sát bên ông:

- Chào mừng ông tới hòn đảo đẹp này.

Người lạ là một người Tích Lan, hần ăn mặc âu phục chứ không quần *sarong* như những người khác, nói tiếng Anh với âm điệu bản xứ nhưng chải chuốt.

- Cảm ơn. - Ông không biết phải nói gì hơn vì đang bận suy nghĩ. Vào mười năm trước đây, cũng người này đã tới làm quen với ông cũng tại nơi này. Nhưng người này không nhận ra ông. Ông nghĩ là dưới mắt người Tích Lan, những người Âu Châu giống nhau, và lại khi vợ ông chết cách nay tám năm, ông phải nuôi con nên thay đổi rất nhiều. Tóc ông bạc và nặng cân hơn. Ông biết là người này sẽ nói câu gì kế tiếp.

- Ông không nên đổi tiền ở ngân hàng, tôi sẽ đổi cho ông theo một giá thật cao.

- Bao nhiêu?
 - Tôi có thể đổi 30 *rupees* một *bảng* Anh. Ngân hàng chỉ đổi với giá 23 hay 24 thôi.
- Câu chuyện tiếp tục như đã nói vào mười năm trước.
- Tại sao ông có thể đổi như vậy được, ông chịu thiệt hại như vậy sao?
 - Không, tôi không thiệt gì cả. Này nhé, tôi dùng tiền ngoại quốc này đi mua tại cửa hàng miễn thuế, ví dụ một chai Whiskey là mười hai đồng rồi bán lại với giá 24 đồng, như vậy là lời một trăm phần trăm.
 - Nhưng tôi vừa đổi tiền du lịch rồi, tôi không cần thêm tiền nữa.
 - Ông có tiền đô la Mỹ không? Tôi phải trả bằng tiền đô tại cửa hàng miễn thuế. Tôi cần đô la Mỹ.
 - Có chứ, nhưng không nhiều. Tôi chỉ có khoảng năm trăm đô la thôi.
- Nét mặt người đàn ông Tích Lan rạng rỡ hẳn lên:
- Có tiền nhỏ không. Tiền nhỏ có giá hơn. Nhưng không sao, nếu là giấy 50 hay 100 cũng được.
 - Toàn là giấy năm, mười và hai mươi đồng thôi.
 - Thật là tuyệt. Vậy ông có muốn đổi không? Tôi sẽ đổi cho với giá 12,500 *rupees* thay vì giá chính thức là 10,000 *rupees*, vậy là ông có lời 2,500 *rupees* đó.
 - Được, tôi bằng lòng. Mình sẽ gặp nhau tối nay tại khách sạn Renuka nhé.
 - Không được, ở đó đông người quá. Ông ở tại khách sạn Renuka à?
 - Không, khách sạn Oberoi.
 - Vậy thì tôi sẽ gặp ông tối nay lúc 7 giờ tại đường 22 nhé, phía bên kia đường, đối diện với cửa chính của khách sạn Lanka Oberoi, ông biết chứ?
 - Tôi biết. Gặp ông lúc 7 giờ.
 - Được rồi. Nhớ bỏ tiền vào trong phong bì nhỏ màu nâu bán tại tiệm ngay cạnh khách sạn nhé.
- Giáo sư Anderson nhìn theo người đàn ông khuất dần trong đám đông. Vài người dân bản xứ cũng mặc âu phục, nhưng phần đông cuốn những chiếc *sarong* hay *seree* màu sắc sặc sỡ. Ông chậm bước xuôi theo con đường đông đúc rồi vào một tiệm ăn. Gọi một ly cà phê đá, châm điếu xì gà nhỏ, ông mung lung suy nghĩ.

Thật lạ lùng người đàn ông đó không nhận ra ông. Rõ ràng hắn và tên tông phạm quanh quần tại các ngân hàng để lừa gạt du khách với sự rèn luyện thuần thục và khéo léo. Chắc là chúng đã lừa được nhiều người trong mỗi mùa du lịch.

Ông nhớ lại vào mười năm trước, chúng đã lừa ông 100 đô la một cách khéo léo. Không sao quên được chi tiết lừa đảo này, dù cho không chấp nhận hành vi vô luân này nhưng ông cũng phục tài nghệ của chúng. Đó là cách lừa thật đơn giản. Khi mang tiền tới điểm hẹn, tên đó với nét mặt rạng rỡ giới thiệu cho ông một tên thứ hai, thấp lùn, quần chiếc *sarong* :

- Đây là xếp của tôi.

Họ bắt tay.

- Ông có mang theo tiền không?

- Có đây. - Ông đưa chiếc bao thư màu nâu đựng tiền không dán cho tên thứ nhì. Hắn đếm cẩn thận rồi bỏ lại vào bao thư, dán lại rồi viết bên ngoài: \$100 = 3000 rupees. Hắn đưa bao thư cho tên thứ nhất, miệng nói:

- Đã kiểm soát kỹ chưa?

- Có, đủ rồi. - Nói xong hắn trao chiếc bao thư lại cho tên thứ nhì.

Ông vội hỏi:

- Thế tiền rupee của tôi đâu?

- Ông sẽ lấy sau. Mình đứng ở đây đã quá lâu, có thể cảnh sát đang lưu ý. Bây giờ ông về lại khách sạn với chiếc bao thư này rồi trở lại sau 10 phút. Chúng tôi sẽ mang tiền rupee cho ông trong một bao thư khác, lúc đó mình sẽ trao đổi bao thư rất nhanh.

- Nhưng làm sao tôi biết trong bao thư của ông có tiền?

- Không sao. Bao thư của tôi sẽ không dán, ông có thể đếm lại thật nhanh.

Giáo sư lấy lại bao thư đựng tiền rồi quay trở về khách sạn. Mười phút sau quay lại chỗ hẹn. Cả hai tên chẳng thấy xuất hiện dù ông đợi cả nửa tiếng. Sau đó ông trở lại khách sạn và mở bao thư ra. Nhưng thật lạ lùng, chiếc bao thư bây giờ chỉ chứa toàn giấy báo có khuôn khổ như tờ giấy bạc. Phải mất vài phút ông mới nghĩ ra cách lường gạt của chúng. Dĩ nhiên cần có hai người mới thực hiện được sự lừa gạt này: Tên thứ hai đưa lại chiếc bao thư đựng 100 đô la cho tên thứ nhất để yêu cầu coi lại. Với tài nghệ nhanh nhẹn, tên thứ hai trao lại với chiếc bao thư khác chứa giấy vụn, trên cũng đề câu \$100 = 3,000 rupees y hệt chiếc bao thư kia. Một điều chúng cũng cần biết là có bao nhiêu tiền lẻ để chuẩn bị số tờ

giấy cho khách khỏi nghi ngờ. Thật là đơn giản và không biết bao nhiêu du khách đã bị lừa do mảnh khõe này.

Giáo sư Anderson gọi thêm ly cà phê đá thứ nhì. Khi điều thuốc thứ nhì cũng đã tàn, ông trở về lại khách sạn không quên mua chiếc bao thư nhỏ màu nâu tại tiệm bên cạnh. Ông lấy và đếm đủ 500 đô la ra rồi bỏ vào.

Vài phút trước 7 giờ, ông rời khỏi khách sạn, băng qua đường Galle để tới đường 22, một con đường chạy thẳng ra biển. Chẳng bao xa, tên lừa đảo bước ra từ một cửa hàng và cũng vẫn là xếp của hắn ra gặp ông, vở kịch lại tái diễn đúng như đã xảy ra vào mười năm trước.

Sau đó tên “xếp” nói với ông:

- Trở lại sau 10 phút để lấy tiền rupee nhé.
- Được rồi, tôi sẽ trở lại sau mười phút.

Trở về khách sạn, mở chiếc bao thư màu nâu ra và thấy toàn giấy vụn. Ông cười gằn, vất tất cả vào thùng rác rồi xuống phòng ăn.

Giáo sư Anderson có những ngày nghỉ thật thú vị. Đỉnh ngọn Adam thật tuyệt vời hơn cả những gì trong cuốn sách chỉ dẫn du lịch quảng cáo. Ông đã lên tới tận đỉnh để ngắm mặt trời mọc, ngắm bóng ngọn núi in trên những đám mây hay đám sương sớm ban chiều phía dưới. Quang cảnh phía đông và tây cũng như biển ở cả hai phía thật đẹp. Cố đô Polonnaruwa và Anuradhapura thật đáng ghi nhớ, những vườn thảo mộc tại Hakdagla trồng thật nhiều loài kỳ hoa dị thảo.

Ông là khách của tiến sĩ Abeywira và phu nhân trong buổi tiệc cuối cùng tại Columbo. Cả ba người con của ông bà đều tham dự. Ông hứa sẽ trở lại vào kỳ hội nghị tới.

Khi chiếc máy bay chạy trên phi đạo và cất cánh giáo sư Anderson thoải mái nhìn qua cửa kính, hàng cây cọ trồng dọc theo bãi biển mờ dần. Chiếc phi cơ bay về phía mặt trời ở hướng tây. Nghỉ lại, đây là một cuộc hội thảo đầy bổ ích, ông có dịp làm quen với những nhà khoa học nổi tiếng trên thế giới như giáo sư Julo Asquinas đang làm việc ở viện y khoa nhiệt đới tại Bologna, trong tương lai ông này chắc sẽ giúp rất nhiều cho công cuộc nghiên cứu độc chất *batrachotoxin* mà ông đang làm. Ngoài ra ông cũng hài lòng với những ngày nghỉ mà bao năm ông mơ ước.

Ông móc túi lấy ra mảnh giấy báo cắt ra từ tờ Sunday Observer, một tờ báo Anh ngữ tại Tích Lan. Tiến sĩ Abeywira đã đưa cho ông tờ báo này để lưu ý ông. Đây là lần thứ nhì ông đọc bản tin:

Sở cảnh sát lúng túng trước cái chết của hai người là Razeen Ibrahim và Gopal Vettinuram. Hai người này chết vào tối thứ Sáu qua tại một căn nhà đường 22. Các bác sĩ tại bệnh viện Columbo General Hospital xác định hai người này chết là do một loài động vật thật độc cắn phải mặc dù trên thân thể của họ không có vết cắn. Ibrahim và Vettinuram là hai kẻ có những thành tích tội phạm từ lâu về lừa gạt cũng như ăn cắp xe hơi, nhưng vì chưa có đủ bằng chứng để bị đưa ra toà. Một cuộc khám nghiệm tử thi sẽ được thực hiện vào ngày thứ Hai.

Giáo sư Anderson cất mảnh giấy vào túi áo. Ông đề ý hai tên này có thói quen cắn móng tay khi có quyết định nhanh để tránh cảnh sát bắt trong khi đang hành nghề lừa đảo. Thấy thói quen này, một ý nghĩ trả thù lóe lên. Ông tự hỏi không hiểu chúng có nghi ngờ khi đếm những tờ giấy bạc ẩm ướt mà ông đã thấm chất độc tổ cực độc vào không.

Giáo sư Anderson ngồi thoải mái trên ghế, đầu tựa vào tấm kính và chìm vào giấc ngủ khi tiếng động cơ của chiếc máy bay rầm rì bên tai. Phía trên đầu là chiếc ngăn chứa những chiếc xách tay nhỏ. Ông để những chiếc lọ chứa độc chất *batrachotoxin* trong đó. Tại sân bay ở Tích Lan, một người phu bắt cần ném mạnh chiếc xách tay xuống đất khiến những chiếc lọ bị bể ra và bây giờ chiếc máy bay rung chuyển làm chất độc trong những chiếc lọ rỉ ra. Nó chảy xuống thành những giọt nhỏ lên má giáo sư, lan xuống những vết cắt nhỏ tại góc miệng mà sáng nay ông vô tình làm đứt. Và khi phi cơ hạ cánh, khi hành khách đã xuống hết người ta phát giác ra là giáo sư Anderson đã chết, và nguyên do từ một loài động vật thật độc cắn phải mặc dù trên thân thể của ông không có vết cắn.

***Trần Hồng Văn**

thv1987@hotmail.com

Tác giả: *Carey Blyton* làm hai nghề: tác giả và nhạc trưởng. Về viết văn, ông thích thể loại truyện ngắn, những sáng tác của ông xuất hiện trên rất nhiều tạp chí cũng như được đọc trên đài BBC. Về âm nhạc, ông đã viết hoà âm cho những buổi hoà nhạc, các cuốn phim.



Đào Lê

Cà Phê, Mưa và Nước Mắt

Cà phê

Cà phê nhỏ giọt nhớ sân vườn
Trăng gió tự tình ướp mùi hương
Như lệ long lanh ngời ánh mắt
Môi chờ ru mộng ngọt lời thương

Đen màu, vị đắng náu tơ vương
Nhấp chút môi thơm, cuộc tình ghiền
Sáng sáng, chiều chiều tim bối rối
Ai vừa sóng sánh mắt môi duyên?

Mưa

Mưa từ biển núi gió đưa sang
Nhớ ai trời rơi lệ hàng hàng
Tình lỡ duyên trôi theo dòng chảy
Mưa đàn cung oán lạnh giường chăn

Nước Mắt

Giọt nước mắt từ niềm vui bất chợt
Hay nỗi đau không thể nhốt trong lòng
Tim rướm máu mỗi lần nhìn em khóc
Nước mắt nhân tình thành trận bão giông

Cà phê thơm giọt đắng
Mưa rơi ướt lòng buồn
Nước mắt rung, môi mẫn
Những dòng tình mệnh mông / thả rong

Đào Lê

25/05/2014



NGUYỄN LẬP ĐÔNG

Âm Bình

Uống đi cho cạn ly đầy
Rót thêm rượu nữa cho đầy ly vơi
Trần gian bỏ lửng cuộc chơi
Đem thân bách chiến nói cười như không!
Mười năm nhớ vó ngựa hồng
Quần quanh lại lạc giữa vòng âm binh

Mây Phả

Chai rượu đã đóng bụi
Chờ bạn ở phương xa
Hồn nệm như mây phả
Thở từng ngày – ngày qua
Hồn rượu – đã tan ngoài cương tỏa
Tứ thơ - còn động giữa phong ba

7/ 2014

120 Tin Văn



Hoàng Thị Thanh Nga **Mỗi tình hoa**

Chị nhìn bóng mình trong gương, đưa tay vén vài sợi tóc lòa xòa trước trán, chân tóc mới nhú trắng ràn rạt như rừng bông cỏ lau, thân tóc vàng hoe xơ xác bởi thuốc nhuộm phai màu... Thời gian nhất định phải để lại dấu vết lên mái tóc, khi cảm thấy bất lực trước vóc dáng và khuôn mặt khó đoán tuổi người. Và thời gian đã tố cáo thành công độ tuổi xế chiều của chị.

Nhưng có sao? Thời nay người ta trẻ trung tươi thắm hơn nhiều, bởi tâm hồn phóng khoáng thư thái, điều kiện sống quá tốt nơi xứ sở là miền đất hứa của nhiều dân tộc. Chị không ngoại lệ, càng lớn tuổi những “anh hoa” tiềm ẩn lặng thầm nay bỗng “phát tiết” hết ra ngoài. Ngày nhỏ chị là cô bé nhút nhát luôn bị bạn bè trêu chọc chế riễu. Chúng nó chê chị to lớn dềnh dàng vì chị cao hơn bạn bè trang lứa một cái đầu. Chúng chê môi chị dày thừ lừ như Tây đen, bởi ngày đó “mốt” môi mỏng cắn chỉ mới xinh, gầy gò bé nhỏ mới dễ thương. Chúng chê ...đít chị cong như đít con bộ ngựa. Chúng gọi chị là Hậu khờ, bởi Hậu chỉ lủi thủi ngồi một mình dưới gốc cây giờ ra chơi, nhặt cánh phượng đầu mùa ngớ ngẩn...Trải bao thăng trầm dâu bể cho đến tận bây giờ, bỗng Hậu đổi thay hoàn toàn thành một con người khác. Những khuyết điểm về nhân dáng ngày xưa nay trở nên hợp thời với vóc cao dong, môi dày gợi cảm. Chị còn dám đứng trước đám đông nói năng lưu loát, chẳng bù ngày xưa chỉ cần nghĩ sẽ nói với đứa bạn một chuyện chơi đùa gì đó cũng đủ làm trổng ngực cô bé khuya đến nghẹt thở. Và kỳ diệu hơn, từ một người lậm lì không nói ra hơi chị bỗng trở thành ... ca sĩ nghiệp dư. Chẳng là mỗi khi được mời dự tiệc tùng gì, chị mạnh dạn lên sân khấu đóng góp phần văn nghệ vài bản nhạc vàng, hay diễn ngâm mấy bài thơ tình yêu đương suốt mướt, lâm ly bi đát. Rồi chị còn tập tành viết văn làm thơ... Tóm lại là đủ món văn nghệ văn gừng!

Thế hệ trưởng thành ngày xưa lúc bỏ nước ra đi chạy trốn cộng sản, nay đã là những vị lão thành đức cao vọng trọng. Tuổi về hưu nhàn rồi cộng với niềm day dứt nhớ quê hương khiến nhiều người hốt nhiên trở thành ...dzăn sĩ, thơ sĩ và hát sĩ. Nói riêng về giới “hát sĩ”, các vị cao niên thường hát những tình khúc thiết tha của

Đoàn Chuẩn Từ Linh thời tiền chiến, những bài tình ca về lính chiến của Trúc Phương, Lam Phương, Trần Thiện Thanh, gọi lại bao ký ức ngậm ngùi thời gian khổ giữ nước xưa, khán giả mê say hơn là phải nghe những bài ca cuồng loạn gào thét múa may điên đảo trên sân khấu ngày nay, nên nhiệt liệt ủng hộ phong trào ca sĩ...lão. Chị bỗng nổi tiếng, được nhiều người ái mộ từ phía phái nữ lẫn phái nam, dù “ngôi sao” chỉ có tuổi không có tên, hát với “chất giọng” chẳng giống ai, văn thơ thì làng nhàng lủng củng!

Là “người của công chúng”, chị hào phóng cho địa chỉ email nhiều “fan” hâm mộ. Mỗi lần mở máy chị nhận được nhiều thư, từ những lời thăm hỏi vu vơ đến những lời tình ái vắn vơ. Có cô bạn gái gửi mail sau vài lần gặp:

- Chị ơi, chị chọn bài hát hợp với giọng chị lắm, nhìn dáng chị đứng hát em thấy có cảm tình lạ, ái mộ vô cùng, em cũng thích đọc thơ của chị nữa. Chị cho em làm quen nhé...

Chị nồng nhiệt tán thành. Và cô em thua chị một con giáp trở thành người em tâm giao từ đó.

Cũng có người cùng trang lứa hỏi thăm:

- Bạn ta ơi, hôm nay vui hay buồn?

Chị hững hờ:

- Không vui không buồn, một ngày như ngàn ngày...

Người bạn sơ giao kinh ngạc:

- Quá lạnh lùng. Quá bi quan. Quá náo nùng. Quá ...lùng bùng...

Chị cười to trên trang viết:

- Bạn nhầm! Rất nóng bỏng nồng nàn, nhưng không có gì để ...đốt. Rất lạc quan yêu đời nhưng không yêu người. Vui vẻ trẻ trung nhưng lòng phiến đá. Và mọi thứ đều dờ dang lung bùng. Điều này đúng! Ha...ha.

- Bạn có vẻ bất cần đời. Buồn vui không ai biết. Than thở như...phở thiếu nước!

Hôm khác chị hân hạnh gặp vị “quân vương” giá lâm trên ô cửa hộp thư:

- Hậu ơi...trăm thương mến ái hậu nhiều!

Rồi hôm sau “báo cáo”:

- Hôm qua ta đến nhà hậu. Đứng hồi lâu...không dám bấm chuông. Rồi về!

Trời đất!...Bác “vua” này trông cây si kiêu thế kỷ trước. Lãng mạn, vu vơ và lơ mơ...

Bởi thời nay thiên hạ thường bị thơ “ám”, như người mộng du đi trong mơ hồ sương khói, hư thực khó phân.

Cũng có lúc chị gặp thi nhân thứ thiệt, vang lừng tiếng tăm trên văn đàn hải ngoại. Chàng tương tư rất ư nghệ sĩ, mỗi ngày “xuất xưởng” một bài thơ tặng nàng:

-Gởi vàng trăng nhớ.

Em là nửa mảnh trăng xanh

Nguyệt trâm sương phụ cũng đành khuyết thôi.

Nhủ lòng anh, mặc mây trôi

Tiếc thay tim vẫn bồi hồi lắt lay

Thương người ở cuối chân mây

Biến anh thành gã ngất ngây si tình

Dù ai đó chẳng thương mình

Riêng ta vẫn giữ chút tình mong manh.

Mùa thu lá thắm phai màu!

Chở bao nhiêu tuổi bạc đầu tương lai.

Phận hồng nhan liễu chương đài.

Sớm hôm đơn lẻ cùng ai tự tình?

Gặp ta là kẻ si tình.

Gặp em, ta sẽ điều linh mất rồi.

Ơi em!...con gái của trời.

Bỏ quên xiêm áo rong chơi một mình....

Và “nốt” thêm mấy dòng da diết. Anh nhớ em! Thật đấy. Không biết tại sao nữa! Chỉ biết là rất nhớ em! Nhớ miệt mài. Nhớ da diết. Nhớ dài lâu. Nhớ không thôi. Thiệt mà!...

Lời lẽ thiết tha “thiệt đấy, thật mà”...như thật trong thế giới ảo.

Lại còn có người đồ vấy tội vạ, thất tình em anh không còn tinh thần làm việc, buông bỏ hết, business giao cho con coi giữ, về ở ẩn!

Quả là tình già nồng cay hơn tình trẻ.

Chị băng khuâng nghĩ, ngày xưa thời con gái chị không có mảnh tình hèo vấy vai, sao giờ đào hoa đâu lắm thế!

Trong ngồn ngang thư từ bốn phương, có một email fwd những danh ngôn lời hay ý đẹp, với tiêu đề:- BẠN LÀ NGƯỜI CÓ PHÚC. Lòng trong bức tranh sinh động hoa nở bướm lượn rập rờn:

Nếu bạn thức dậy sáng nay vẫn có nhiều sức khỏe hơn bệnh tật, được sống tự do, không phải nằm trong phòng cấp cứu bệnh viện

...thì bạn đang may mắn hơn hàng triệu người sắp chết tuần này

...

Nếu bạn chưa từng cảm nhận sự nguy hiểm trong chiến trường, sự cô đơn trong ngục thất, sự đau đớn khi bị hành hình, cảnh nhục nhã, trốn tránh, sự đói ăn khát uống, cảnh sống lang thang vô gia cư...không biết ngày mai sẽ ra sao...

Thì bạn đã hạnh phúc hơn vô vàn người trên thế giới ...

Vậy nhưng người ta hay coi thường những gì mình đang có !

Chỉ khi nào mất đi, mới ân hận...muộn màng!...vv...

Và cuối cùng:

Nếu bạn là nhà văn có tác phẩm, bạn đã hơn ...7 tỉ người trên quả đất này. Nếu tiếng hát của bạn vang xa tới một trăm người nghe, bạn đã hơn 8 tỷ người...không biết hát. Vậy bạn hãy vui lên nhé.

Mail qua mail lại với chủ nhân fwd “bạn ...có phúc”, nói (viết) hết chuyện vu vơ này đến chuyện vu vơ khác, hết chuyện quá khứ đến chuyện hiện tại, chuyện trời trăng mây nước... Chuyện nào cũng sôi nổi hứng thú. Những email này khiến chị thấy vui, nhẹ nhàng thư thái tâm hồn, không giống nhiều thư khác làm chị nặng lòng xốn xang dù chẳng mấy may rung động. Đôi lúc chị ngẫm nghĩ tới lui, muốn tiến lại gần người này, người khác. Nhưng nghĩ chán lại ...thôi!

Một lần đi tiệc, tình cờ chị ngồi kế bên anh, tác giả email “Bạn Là Người Có Phúc”. Anh và chị không nói gì với nhau bởi ngại nhiều cặp mắt đang chiếu tướng. Hôm sau chị nhận được vài dòng email dí dỏm của anh:

- Chỗ ngồi của anh hôm qua có nhiều người rất ham, nhưng chỉ có anh hên, vậy mà anh không dám “tận dụng” cơ hội vì sợ mất duyên...già em. Và sẽ làm trở ngại tương lai sự nghiệp “ca sĩ” của em, bởi liếc sơ thấy mấy nhà lão thành kế cận người nào cũng kín đáo ngó anh...cắm hờn. Chuyện tưởng như đùa mà không đùa đâu nhé.

Chị hóm hỉnh trả lời:

- Sự nghiệp “ca sĩ” của em thì mắc mớ gì tới cái...chỗ ngồi? Nhưng cứ để người ta “cắm hờn” cho anh đừng ...manh động.

- Thế nên anh cũng không dám chàng rành nhiều sợ mất duyên em thì ăn năn hối hận không kịp...À, cái khăn choàng hôm đó anh

mua ủng hộ gây quỹ nhờ em cất làm kỷ niệm, mong em đừng chê vật rẻ tiền, tuy vật khinh mà tình trọng em à!

Chị bật đèn xanh:

-Anh thích chàng ràng thì cứ ...chàng ràng, “sự nghiệp” của em có khởi sắc hay không là do em khổ công luyện tập, chứ không dựa vào cái “nhân sắc” về chiều này đâu, em cũng không còn duyên để mất! Hơn nữa có anh chàng ràng “hình tượng” của em càng cao...hihi...

Anh nhún ga...tới liền:

- Thật sao? Vậy hay là thế này, chiều chủ nhật anh đem cho em mấy cuốn đặc san (bỏ vô bao rồi nè) sẵn anh mời em đi uống Cà phê nói chuyện lâm cảm thiên hạ sự chơi, hoặc đi ăn nhà hàng Mỹ cũng được, tùy em. Cho anh trúng lô... an ủi một kỳ coi. À không phải, độc đắc mới đúng. Mong lắm em!

Lần đầu hẹn hò sau bao năm “ngoan hiền”, chị mặc chiếc áo màu tím hoa cà. Màu tím và những cánh hoa kèn đối với chị luôn gợi nhiều hoài niệm thời thơ ấu.

Đúng là anh và chị bồi rồi chỉ nói chuyện “thiên hạ sự” lâm cảm băng quơ chẳng ăn nhập vào đâu, trong quán Cà phê Đại Hàn lảo xào những âm thanh từ ngữ trong phim.

Những lần sau thân quen hơn, anh dè dặt nắm tay chị đưa lên môi hôn, nụ hôn nồng nàn triu mến khiến từ sâu thẳm tâm hồn phiến đá của chị có nhịp rung lạc điệu.

Chị thường kể anh nghe về những nỗi ưu phiền trong đời sống. Sự hờ hững và đối nghịch trong suy nghĩ, nếp sống của con cái khiến chị mang lòng buồn bã u uất. Đó là tâm trạng chung của người cao niên ở xứ này, khi có xảy ra “đụng độ” trong gia đình thì luôn “tự nguyện” nhận phần thua, rồi phiền não, rồi trầm uất. Buồn bã khiến đôi khi chị muốn tự tìm đến cái chết, dù biết mình còn may mắn hạnh phúc nhiều lần hơn người khác cùng lứa tuổi...

Anh an ủi. Đọc bài thơ...trật đường rầy với nỗi buồn của chị:

*...Rồi hôm nao sầu nặng đáng em gầy
Hãy về đây dựa vai anh mà khóc
Nói với anh rằng người đời lừa lọc
Chia bớt cho anh nỗi khổ bị đối gian
Anh sẽ vỗ về dù mất cả trần gian
Em vẫn có bờ vai anh để khóc...*

Trời đất!...Chị có bị ai “lừa lọc” gì đâu, chị buồn con thôi mà! Nhưng anh đọc bài thơ của Trần huy Phương như gởi gắm cả tâm tình tha thiết, khiến chị bồi hồi...

Ngày Valentine, anh chuẩn bị một bất ngờ đặc biệt. Một chỗ riêng hai người, có bóng bay, có hoa, có nến, có rượu. Rót ly rượu uống chung, anh ôm chị run run, chị nghe tiếng trái tim đập liên hồi như sắp bung ra khỏi lồng ngực anh. Chị tránh né nụ hôn. Mặt anh đỏ bừng không hiểu do men rượu hay men tình? Chị bối rối đứng im, lòng hồi hộp lo nghĩ cách đối phó với tình huống bất đồng xảy ra. Khi anh đưa chị đến đây, chị thấy bất mãn trong lòng nhưng không thể giãi bày như con gái mới lớn. Lòng nhủ thầm, tùy cơ ứng biến!

Anh đặt bó hồng vào tay chị rồi đưa ra ngoài đi về. Chị thở phào nhẹ nhõm! Cảm ơn anh. Cảm ơn anh giữ cho buổi ban đầu thật đẹp, không nhuốm mùi phàm tục, không phải giằng co rồi chán ghét nhau. Anh đúng nghĩa chính nhân quân tử.

Hôm sau chị nhận được email anh bày tỏ:

- Anh yêu quý trân trọng em, chỉ muốn dành cho nhau một kỷ niệm đáng nhớ. Anh không bao giờ dám ...làm ẩu khi em chưa bằng lòng. Ngày quan trọng đó phải có một kỷ vật đánh dấu, anh nghĩ Diamond luôn tượng trưng cho sự vĩnh cửu, em thấy cái nhẫn...5 carat...được không?

Trời!...Quen nhau bấy lâu chị đâu ngờ anh biết nói đùa...ấn tượng vậy. Chị đùa lại:

- Thôi anh, tay em gầy guộc khô đét thế này làm sao “vác” được cái nhẫn nặng thế, gãy ngón tay chết! Em không dám...

Lời anh không còn vẻ đùa:

- Nói vậy thôi chứ 5 carat anh cũng không đủ sức...vác, nhưng một carat thì có thể, bao giờ bằng lòng em đưa anh ni tay anh đi đặt nhẫn.

Chị bàng hoàng ngơ ngẩn! Anh yêu quý chị đến vậy sao? Không ngại bỏ ra một số tiền lớn mua tặng chị món quà quý giá làm vật định tình, bởi đồng tiền liền khúc ruột, người ta sẵn sàng chia sẻ tình cảm chứ không muốn “chia sẻ” tiền! Chị cũng rất có cảm xúc với anh vì những ân cần chăm sóc, những biểu lộ chân tình trước giờ chị chưa cảm nhận được nơi ai. Nhưng chị rất ngại bước vào đường tình, như con chim bị thương sợ cành cong. Chị quay quắt rồi bời suy nghĩ, nội tâm giằng xé, nên hay không bước vào ngưỡng cửa tình yêu? Nơi đó có hạnh phúc trọn vẹn hay luôn

pha trộn đắng cay? Chén đắng cuộc đời không cần phải là tình yêu chị uống cũng nhiều rồi, mùi vị rất khó nuốt trôi!

Gặp nhau nhiều lần không thấy chị đã động gì đến chuyện đưa “ni tay”, anh bèn chồn sốt ruột nâng bàn tay chị lên ngắm nghía như muốn ước lượng độ lớn nhỏ của ngón tay để...nhắm đại!

Một ngày cuối xuân đất trời còn rạng rỡ hoa tươi cỏ thắm, lòng người cũng rộn ràng háo hức với nụ tình vừa nở. Anh hôn vào ngón tay chị chiếc nhẫn long lanh sáng rực, kèm giấy “khai sanh” của GIA chứng nhận phẩm chất viên đá quý hoàn hảo nhất... Viên đá biểu tượng sự vĩnh cửu.

Những ngày yêu nhau tràn đầy hạnh phúc. Biết chị yêu hoa cỏ, bốn mùa xuân hạ thu đông anh đem đến đủ chủng loại hoa hiếm xứ này, cả những loại cây ăn trái. Và chậu lớn chậu nhỏ, chậu sành chậu nhựa anh mang vác nặng nề đem lại cho chị trồng cây. Trong nhà ngoài sân, vườn trước vườn sau toàn là hoa của anh. Chị tận hưởng tháng ngày hạnh phúc ngọt ngào được anh cưng yêu nuông chiều, chưa bao giờ anh từ chối chị điều gì. Mỗi tình cuối đời thật quá thần tiên thơ mộng, phải chăng ông Trời bù đắp cho những thiệt thòi của số mệnh người trót sinh ra dưới vì sao xấu?

Nhưng ngày vui ngắn chẳng tày gang. Đêm nay thần thờ nhìn qua khung cửa, vầng trăng khuyết u buồn héo hắt treo lơ lửng góc trời, chị bất lực không thể ngăn được những giòng nước mắt tuôn rơi ào ạt. Nước mắt đâu nhiều thế? Chị khóc cả đời rồi chưa cạn nguồn sao!?

Dù anh vẫn ân cần chăm sóc, vẫn nồng nàn yêu dấu, nhưng chị đã thấy dấu hiệu trong lòng anh không chỉ có riêng hình bóng chị. Khi hỏi về chuyện này anh phủ nhận. Nhưng lúc chị muốn anh làm một việc anh có thể dễ dàng thực hiện để chứng minh lòng chung thủy thì anh im lặng. Sự im lặng của anh khiến chị day dứt đau khổ khôn nguôi. Chị hoang mang bối rối không thể hiểu rõ nguồn cơn, nhưng tin vào trực giác của mình...

Chị viết, nếu bao giờ anh mỏi mòn thất vọng, không đạt được điều mong muốn, hãy trở lại với em...! Buồn thì nói vậy thôi, chị đủ lòng bao dung để nhận về mảnh tình vỡ đó sao!?

Anh vẫn im lặng. Ngày nào chị cũng mở hộp thư dành riêng hai người, hy vọng...rồi thất vọng. Từng ngày trôi qua, hy vọng lui dần, có lẽ anh đã quên luôn địa chỉ hộp thư này trong ký ức! Chị hoang mang buồn bã. Chẳng lẽ chị đã nghĩ sai nên anh buồn giận

không thêm biện bạch? Hay nhân cơ hội này anh sẽ ...từ tốn bước ra khỏi đời chị, êm thấm, lạnh lùng!

Dù không nói gì, anh vẫn thường lệ đến đặt trước cửa nhà chị hộp bánh gói kẹo, chút quà vật chị ưa thích. Anh ơi, lưu luyến làm chi? Khi trái tim không còn dành riêng cho nhau nữa!

Mấy hôm bệnh nằm nhà, thấy anh ôm quà đến lặng lẽ đặt trước cửa rồi lầm lũi đi về, chị xót xa rơi nước mắt, muốn tung cửa chạy ra ôm chầm lấy anh cho vơi niềm nhung nhớ. Nhưng cô dần lòng mà trái tim nứt nẻ!...

Chị nhớ khắc khoải tháng ngày êm đềm hạnh phúc chứa chan đã lùi vào dĩ vãng. Phải chăng tình chỉ đẹp ở buổi đầu mới chớm!? Nhớ lần trước làm hòa sau vài ngày giận dỗi, chị trách móc, anh khiến em buồn, khóc hết nước mắt rồi nè. Anh cười xòa, xời, không ăn hiếp được người ta thì...khóc!”

Phải, làm sao em ăn hiếp được anh, bởi anh hiền nhưng cứng rắn. Ngày nào anh còn cung chiêu yêu quý thì anh nhường...

Nằm trong bóng tối lặng câm, không chịu nổi chị vùng dậy viết thư.

Anh, không biết điềm gì, tự nhiên em nhờ anh mua đĩa CD trong đó có một bài nhạc buồn em thích, để tập. Mỗi lần giọng ca sĩ cất lên, âm thanh réo rất náo nức trong phòng đêm quanh què làm buốt nhói lòng, nhưng em vẫn muốn nghe. Lại! đáng lẽ trong lúc này nên nghe nhạc vui cho tan loãng khuây khỏa nỗi buồn, nhưng hình như nghe nhạc buồn niềm đau được chia xẻ, hợp với tâm trạng nên nghe...đã hơn. Hát rằng: *Người ơi, biết đêm nay nữa là mấy đêm qua rồi. Ngồi đây ngắm trăng về soi bóng đêm chơi vui, ôi tiếng tơ sao còn vương gọi lại trong giấc mơ, bóng dáng năm xưa lúc xuân chưa tàn, mộng lòng còn đẹp đôi...*

Bóng trăng chơi vui nhưng trăng không cô độc! Trăng còn có những vì sao làm bạn, trăng còn cái thú nhìn xuống trần gian nhìn người vui buồn cười khóc. Không biết đã bao nhiêu đêm em không ngủ, đón đau trong nỗi niềm chẳng thể chia xẻ cùng ai. Càng không thể khóc, cố nuốt nước mắt tức tưởi ngược vào lòng nếu không muốn để ngày mai mọi người nhìn thấy đôi mắt sưng húp. Những lúc buồn như vậy, phải chỉ được khóc một trận thật to, thật lâu, thật dài, thật đã, cho hết nước mắt, cho trôi tuột nỗi đau ra ngoài thì dễ chịu biết mấy, như người bệnh có khối u trong cơ thể được bác sĩ giải phẫu lấy ra, mới nhẹ người và còn cơ hội sống sót. Trái tim em có khối bầm máu tụ, khối bầm âm ỉ bộc phá tan hoang

không được ai cứu chữa, giờ nhũn nhão thành một đồng bùn. Trái tim đang hấp hối!

Những đêm không thể ngủ, em ước mong có phép lạ để được ngủ một giấc thật sâu, thật dài, dài đến thiên thu cũng được. Bởi mỗi sáng phải trở dậy trong mệt mỏi rã rời, phải sống tiếp với cuộc đời ngao ngán. Mà đời có gì vui!? ...Ở tuổi này mới được một người tưởng là thương yêu mình tha thiết, ngờ đâu chỉ một chút không thuận ý là sẵn sàng buông rơi cả mối tình. Trong nhà, con mỗi đứa cầm sẵn trên tay một cây kim, lúc nào cũng có thể đâm vào da thịt mẹ đến tươm máu. Vậy thì cuộc sống còn có gì đáng cho mình trân trọng, níu giữ?

Từ sau hôm ấy. Mỗi ngày em mong đợi. Suốt cả ngày em mong đợi cái tên yêu dấu hiện lên màn hình. Mong đến khắc khoải một dòng chữ nhớ thương, em ơi, anh nhớ em lắm! Chỉ mấy câu ngắn ngủi ấy thôi cũng đủ cho em hồi sinh. Nhưng mỗi ngày mong đợi là mỗi ngày thất vọng. Và em biết đối với anh câu đó khó nói hơn ngàn lần câu khác, vì anh không thể nói dối rằng “nhớ” trong khi anh không nhớ. Không thể ép lòng hòa giải khi anh không muốn hòa giải, có lẽ anh đang mừng thầm còn không hết khi tự nhiên em sinh sự mở đường cho anh ra. Anh ung dung ra đi không hề ngoái lại, không phải mang tiếng phụ tình, không bị em oán hờn trách móc, vì điều đó do em tự đề nghị mà!

Hôm qua thấy tên anh hiện trên màn hình, em sung sướng lịm người! Dù chỉ là những lời báo tin về người khác, không liên quan hay có chút an ủi gì cho em, nhưng em vẫn thấy dễ chịu như người đang oằn mình đau đớn vì vết thương bị bác sĩ mổ sống, bỗng ông ta động lòng từ bi ban cho chút thuốc tê ân huệ, dịu bớt cơn đau thấu trời...Nhờ vậy em hơi hồi sức.

Em phone cho người quen hỏi thăm sức khỏe, họ thăm hỏi lại. Em nói mình không phải hoàn toàn khỏe mạnh như vẫn tưởng, mà có chút vấn đề về tim và ruột. Họ phá lên cười rồi đùa, ruột thì em đừng lo, y học bây giờ tân tiến lắm, chữa trị kịp thời sẽ không sao, còn về tim càng dễ hơn, cứ tìm một người yêu vuốt ve mơn trớn là tim khỏe ngay thôi mà. Họ đâu biết là em đã có anh và anh đang làm em đau. Em nghĩ, không có người yêu trái tim kém khỏe còn thoi thóp thở, có người yêu rồi tim mới càng vỡ tan mau!

Nhiều hôm em thấy đau nhói một bên ngực. Cái đau không biết xuất phát từ đâu, lúc em tưởng từ đầu lan xuống, lúc lại thấy đau như từ sợi thần kinh của chiếc răng. Rốt cuộc không biết đau ở

đau, nhưng ngực lạnh đủ, đau đến ghệt thở!... Nhiều khi em nghĩ em thật nực cười, đến tuổi này còn yêu iếc làm gì cho khổ!?

Nước mắt! Bản vị của nó là mặn. Những giọt nước mắt của em hôm nay mặn như muối của cả đại dương, bởi nó bị ngăn chặn không được tự do chảy ra tan loãng, cô đặc lại nên mặn.

Khi nhận được cái fwd bài Khổ Tận Cam Lai anh gửi, đọc đến câu cuối cùng em chợt bừng tỉnh.

Bạn đau khổ vì bạn cho rằng người khác làm bạn đau khổ ! Trong khi người làm cho bạn khổ đau luôn tự tại an nhiên !

Vậy tại sao bạn lại tự làm mình đau???

Vâng, tại sao em lại tự dày vò cấu xé mình cho đau đớn, trong khi anh tự tại an nhiên? Anh đứng trước nỗi buồn xé lòng của em. Anh ung dung đến nơi anh thích đến, ở đó nhiều niềm vui hơn là phải quay lại dỗ dành em! ...

Giờ đây em cần mượn bờ vai anh dựa vào để khóc, cho vơi nỗi buồn như lời anh ngầm hứa trước đây, nhưng anh ở đâu? Em đã mất cả trần gian khi mất anh, thì còn có bờ vai nào nữa cho em? Em muốn khóc một lần cho hết nước mắt, rồi mai đây có đau buồn cũng không còn có thể khóc được nữa. Phải chăng anh coi thường những gì đang có trong tay nên bỏ hình bắt bóng!? Và có khi nào tiếc nuôi tháng ngày ngọt ngào đã qua? Nhưng em vẫn cảm ơn anh, nhờ chén đắng anh trao em hết bệnh mộng mơ lãng mạn, hết ảo tưởng hoang đường về một tình yêu có thật, thứ tình yêu đã bị xếp vào khu vườn cổ tích từ lâu.

Đêm qua một trận mưa, hoa tan tác rụng. Đôi chim ríu rít cùng nhau nhặt nhạnh hạt rơi trong đất, bên những khóm hoa có hình bóng anh trong đó, sân trước vườn sau, mọi chỗ, mọi nơi, làm sao em quên!? Và kim cương, nó chỉ có giá trị vĩnh cửu trên tự giá thể riêng, không có lực gắn kết con người vào cõi tình bền vững! Nên viên đá không còn mang ý nghĩa thuần khiết tinh thần. Còn tình yêu thì luôn pha trộn bằng công thức mật ngọt và mật đắng!

Ngoài vườn, ong bướm dập dìu... Thêm hoa cũ vẫn rung rung nhớ, vẫn để lòng khờ dại đợi chờ cánh bướm lạc vườn xưa.

Ngắm lại, tình ái là trò đùa oái oăm cay nghiệt nhất của thượng đế dành cho loài người.

Hoàng Thị Thanh Nga

JUN 25/2014



Trần Việt Cường
Sông ngược sông đời

sông cứ chảy để dòng không cạn nước,
thơ tình yêu uơm mật mãi tuôn tràn
vàng trắng thanh xin dệt tròn mộng ước
nụ hôn nồng xao xuyến vẫn chưa tan

cuộc bể dâu vô thường nào hẹn trước
cuối hành trình bến hẹn vượt mất nhau
lỗi nhịp yêu trái tim đau cào xước
đôi bóng mình đêm lạnh bỗng dài sâu

người như thể cánh chim tung trời rộng
ta lạc loài sỏi đá đứng chờ vơ
mảnh tình xưa xoáy tròn theo gió lộng
lời hẹn thề ... rách toạc ... đã xác xơ

ừ, thì thế, chuyện hợp tan vốn vậy
mím môi cười che lấp xót lòng đau
chuốc ly mời cùng cạn nốt đêm nay
chia tay nhé...tình riêng ta đau đau....

đêm gió lùa ngày ngóng mây bay mãi
tự tình riêng hụt hẫng mấy lần đau
ừ thì thế, từ ly và chia biệt
khác gì nhau mộng vỡ kiếp phù hư.



Trần Văn Lê **Tôi uống Trăng** **và Trăng uống Tôi**

Tôi biết chó đêm nay trăng bắt đầu trăng khuyết! Trăng thượng tuần đã tuyệt, trăng hạ huyền vẫn xinh...Vì trăng ...trăng-của-mình!

Tôi ra sân đứng rình, trăng lên kia, ngoài ngõ. Con chó nhìn trăng sữa, tôi nhìn trăng, làm thình...vì trăng trăng-của-mình, cảm ơn trăng đã hiện!

Nói hiện là có biến (Phật nói Sắc tức Không). Tôi có lẽ...sắp khùng, bởi vì yêu trăng quá. Trăng giống như người lạ...mình chợt gặp ngàn xưa, trăng diễm tuyệt như mơ...

Nhiều đêm mơ, tôi tỉnh. Nhìn ra trời trống vắng. Trăng thượng tuần tà rồi...Nhiều đêm tôi chơi voi, trăng hạ huyền chưa mọc. Cả khu vườn còn thức chờ trăng, như tôi chẳng? Tôi lấy chổi quét sân tìm trăng từng chiếc lá...

Có đêm, tôi buồn quá. Trời mưa trăng không về. Con động đất mới vừa...chắc làm trăng biết sợ? Phải chi có dây nhợ tôi buộc trăng với tôi...Trăng với tôi sẽ ngồi bên nhau thơ thủ thi, bên nhau cạn trời bể...tàn trăng, tôi bay đi...

Nhớ quá những lùm tre bên con suối róc rách. Nhớ quá thời đánh giặc, tôi ôm trăng poncho trải bên những nấm mồ nhấp nhô sâu thẳm, tôi uống trăng giọt lệ, trăng uống tôi máu tươi...

Tôi gọi Trăng Trăng Oi tôi gọi Trăng Trăng Oi. Dòng sông Hương thăm thẳm. Quê Hương mình xa lắm. Tôi nhớ người hay trăng?



Nhà thơ trong thời đại văn xuôi

Dana Gioia; Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch)

Như Ezra Pound vẫn nói, nếu thơ tượng trưng cho “hình thức cô đọng nhất của diễn tả ngôn từ,” nó đã đạt được cá tính giản lược và cường độ bằng cách nhìn nhận cách thức mà chữ đã được dùng trước đó. Thơ không hiện hữu trong cô lập, nó chia sẻ, khai thác lịch sử và văn chương của thứ ngôn ngữ nó được viết ra. Cho dù mỗi bài thơ đều tìm cách tạo dựng nên một toàn hảo tạm thời ở trong và về chính nó, nó đạt được mục đích này qua cách thừa nhận kinh nghiệm cả đời của độc giả bằng chữ, hình ảnh, ký hiệu, truyện kể, âm thanh, và những ý tưởng nằm ngoài chính bài thơ. Cách dùng chữ hay hình ảnh thành công nảy bật ra bộ liên cấu, bài thơ có thể cô đọng một số lượng ý nghĩa trí tuệ, gợi cảm và xúc động vô lường trong một dòng hay một đoạn.

Lúc R.P. Blackmur lưu ý rằng “khi một chữ được dùng trong bài thơ, nó phải là tổng cộng của tất cả lịch sử thích hợp đã kết thể và riêng biệt trong một bối cảnh cá nhân,” ông có vẻ trù tượng và phân tích lạnh lùng quá. Nhưng Blackmur là nhà thơ kiêm phê bình gia, và quan sát của ông phản ánh những vấn đề thực tế của cách làm thơ chân thật. Nhà thơ biết rằng độc giả sẽ mang lại tổng số kinh nghiệm của anh hay chị ấy trong cả hai, văn học và đời sống, đến với bài thơ, và bản viết phải chịu được sức nặng chú ý ấy. Thơ hay không bao giờ lượng định giảm thiểu độc giả của nó. Nó tích cực theo đuổi sự cộng tác trí tuệ và tưởng tượng của họ bằng cách giả định và khai thác một cấu kết bổ túc có chung.

Thậm đoán chính xác điều gì cấu tạo nên cái cấu kết có chung ấy ở bất cứ lúc nào là phần việc của nhà thơ, bởi vì bất cứ truyền thống văn chương nào đang sinh hoạt cũng đều thay đổi liên tục. Việc định nghĩa truyền thống biến thành – ngấm ngấm hay ra mặt – một phần của hành động sáng tạo. Tác tạo từ phần kinh nghiệm văn hóa của độc giả mà nhà thơ đã phỏng chừng

dùng làm nền cho bài thơ mới, cấu kết này tạo nên truyền thống tiện dụng của thời đại ấy.

Ta luôn luôn có rủi ro bị hiểu lầm khi dùng chữ *truyền thống*. Ngay ở năm 1917 T.S. Eliot đã nhận xét rằng từ này hiếm khi được dùng “ngoại trừ trong một nhóm từ kiểm duyệt.” Nói đến truyền thống là nhắc đến hình ảnh những cuốn sách cũ trong thư viện mốc meo hay hàng hàng bức tượng chân dung bằng cẩm thạch đóng bụi dọc dài theo tường. Nhưng khi nói đến “truyền thống tiện dụng” tôi cố ý nói đến một điều nhỏ hơn và thực dụng hơn – đây chính là cái phần nhỏ của quá khứ mà nhà thơ dùng được ở một thời điểm riêng biệt trong lịch sử. Cái truyền thống tiện dụng này không phải là một thực thể cố định mà là một khái niệm năng động. Nó thay đổi – và thật thế, phải thay đổi – không phải chỉ từ thế hệ này sang thế hệ khác mà còn từ lớp độc giả này sang lớp độc giả khác.

Sáng tác một bài thơ cần – có hay không ý thức – khái niệm về một lớp độc giả. Để tạo nên thứ ngôn ngữ cần đến sự chính xác và cường độ, người viết phải phỏng đoán câu trả lời xác định của độc giả cho từng chữ, từng ý tưởng, từng hình ảnh. Một vài tác giả, như Shakespeare, hiểu biết độc giả trực tiếp. Những người khác, như Wallace Stevens, chỉ gián dị cho rằng có một lớp độc giả vô hình với trí thông minh uyên bác nhạy cảm. Còn những người khác nữa, như Pound trong *Cantos*, tìm cách phát minh, qua chính bài thơ, lớp độc giả lý tưởng chưa có mặt. Bất kể trường hợp nào vừa nói trên, ý tưởng của tác giả về lớp độc giả giúp anh hay chị ấy hình thành bài thơ. Trong quá khứ, quan hệ giữa nhà thơ và công chúng hình như không có vấn đề gì cả. Xã hội lúc đó chặt chẽ và đồng dạng hơn. Truyền thống văn hóa thay đổi chậm chạp, và độc giả cùng chia sẻ một số kiến thức và quan tâm bình thường. Nhà văn – kể cả những người canh tân như William Blake hay Walt Whitman – thường có thể lựa chọn lớp độc giả mà tri cảm của lớp độc giả ấy họ hiểu được (nếu không muốn nói là ủng hộ) và những giả định văn hóa chung chung họ cùng chia sẻ.

Ngày nay, nhà thơ đối diện một vấn đề thực tế khi cố gắng định nghĩa một truyền thống văn hóa bình thường tiện dụng cho họ và độc giả. Cái khó khăn này bắt nguồn từ xã hội đương đại, nơi mà sự gặt hái thông tin liên tục ngày càng phân tán độc giả vào những nhóm văn hóa chuyên môn không chia sẻ một cấu kết bổ túc bình thường nào. Trường hợp lại càng tệ hơn nữa bởi sự dời

đổi văn hóa ra khỏi chữ in như là căn nguyên chính của thông tin và giải trí. Mặc dù vấn đề không hẳn riêng trong văn chương nhưng ảnh hưởng đến nhà thơ nặng nề hơn những nghệ sĩ khác vì nó hủy diệt cái cấu kết hồi tưởng đã cho thơ sự tập trung và cường độ riêng biệt. Làm cách nào để một nghệ thuật xuyên bản như thơ giữ được sức mạnh trong một nền văn hóa không còn học hỏi và yêu chuộng bản viết bằng chữ nữa? Nếu các nhà thơ giới hạn độc giả của mình trong những nhóm vẫn còn xem trọng chữ viết, thì làm sao họ viết cho những người không còn biết thơ là một môi giới nghệ thuật nghiêm túc được?

Chỉ cần nhắc đến sự nguyên tử hóa đời sống văn hóa Mỹ cũng đã đủ để hệ thống báo động ở mỗi trường phái tư tưởng bật sáng. Nhưng – trong giới hạn của tiểu luận này – tôi xin độc giả gác qua một bên tất cả mọi lý thuyết tại sao việc phân mảnh này xảy ra, mà còn gác qua cả chuyện thay đổi ấy có là một biến cố tích cực hay tiêu cực hay không. Ở đây, yếu tố liên hệ duy nhất là khái niệm truyền thống mà một nhà thơ nghiêm túc thời 1940 ưa chuộng đã không còn hiện hữu nữa. Chúng ta sống ở một xứ sở mà sinh viên năm đầu đại học không biết cuộc Nội chiến xảy ra ở thế kỷ nào, không thể nhận biết ngôn ngữ đối thoại thời La mã cổ, và không thể kể được tên một nhà thơ Lãng mạn. Không những, các sinh viên này chưa bao giờ đọc một trang của Milton, mà còn có thể là họ cũng không hiểu nổi nếu như có đọc. Đề từ một bài thơ gần đây của Edgar Bowers tóm tắt một cách thích ứng trường hợp này. Nhắc lại lời của một sinh viên, “Apollo là ai?” Dĩ nhiên, sinh viên, không hoàn toàn đại diện cho cả lớp độc giả Mỹ, nhưng họ là, mượn tạm một thành ngữ của môn kinh tế, mức đo lường có thể tin tưởng được về những phương hướng văn hoá chung chung.

Vì nhà thơ không còn viết một cách ước đoán cho lớp độc giả đa dạng dùng chung một cấu kết lịch sử, văn chương, khoa học, thần thoại, và tôn giáo, anh hay chị ấy đối diện một loạt thỏa hiệp khốn khổ. Nhà thơ có thể lột trần ngôn ngữ của mình khỏi phần lớn những tham chiếu và cấu tạo nên một loại văn vần tối thiểu đạt được sự trong sáng với cái giá phải trả là sự thấu hiểu và cường độ. Hoặc, nhà thơ có thể để vào đây một bố cục riêng tư (mà ở xã hội vị kỷ của chúng ta, gần như không tránh khỏi là tự truyện) thay thế cho cái bố cục truyền thống đại chúng đã mất. Phương pháp tự truyện đạt được tính trực tiếp nhưng lại mất tính phóng khoáng và quan chiếu. Hoặc, nhà thơ có thể tán đồng một tư tưởng đại chúng

(thường là tín điều chính trị hay tôn giáo) để cung cấp một kết cấu xác định trước. Phương pháp này đạt được sự tiếp cận và chiều sâu nhưng thường với cái giá phải trả là ngay lập tức và độc lập. Sau cùng, nhà thơ có thể giới hạn độc giả của mình trong tầng lớp có học vẫn còn hiểu được những tín hiệu văn chương truyền thống – một quyết định giữ được cường độ của nghệ thuật thơ nhưng lại phớt lờ sinh khí và kết cấu có chung cho may rủi.

Ta có thể dễ dàng nhìn thấy lịch sử thơ Mỹ cận đại như một loạt dấy loạn chống lại và dung hợp với phạm trù văn hóa của người viết. Hầu hết những cách tân lớn đều bắt nguồn từ sự bất mãn về việc thơ bị sung công trong giới hàn lâm. Mỗi phong trào trọng đại mới đều cố gắng hình thành một vài hợp quần có ý nghĩa nằm ngoài đại học – vừa liên kết thơ với truyền thống văn hóa sinh thời, vừa hồi phục sinh khí cho truyền thống ấy với mục đích xã hội chân thật. Thí dụ như nhóm the Beats, nổi viển ảnh văn chương của họ với thái độ bất tương hợp của phe Tả, chống lại truyền thống văn hóa. Các nhà thơ Da Đen tìm lại tiếng nói của chính chủng tộc bị tước quyền của họ. Những nhà thơ chống đối ở cuối thập niên sáu mươi thần thoại hóa bố cục chính trị của thời chiến tranh Việt Nam thành truyền thống văn học cho đại chúng tham dự. Các nhà văn phái nữ tán đồng cấu trúc tư tưởng thuyết nữ quyền để mang lại trong thơ của họ một quan hệ xã hội lớn lao. Bất cứ gì có thể nghĩ đến là thành công nghệ thuật của những phong trào này, ta phải nhận thức được cái năng lực nảy giật khởi đầu mà thành công ấy đã đem lại, bằng cách tái thiết sự liên kết thơ với nền văn hóa rộng lớn hơn. (Nhưng, mỉa may thay, mỗi cuộc dấy loạn đến từ giới hàn lâm hầu như đều bị dập xuống ngay tức thì bằng cách đồng hóa người lãnh đạo của phong trào ấy trong giới đại học, và sự va chạm trên văn hóa chung chung sau cùng bị giới hạn).

Thuyết Tân hình thức đại diện cho cuộc dấy loạn mới nhất trong loạt chống đối tính biên tế văn hóa của thơ. Sự thay đổi chung chung trong cảm tính văn chương, mà rồi sẽ được gọi là chủ nghĩa Tân hình thức, đã bắt đầu cách đây 20 năm khi một nhóm nhà thơ trẻ tạo ra – phải nhìn nhận là chỉ có trong tâm trí của họ – một lớp độc giả mới cho thơ. Xa lạ với loại thơ đang được tán thưởng và truyền bá ở đại học, những nhà thơ trẻ này – như tất cả mọi thế hệ nhà văn mới – tìm cách định nghĩa nghệ thuật đang lộ dạng của họ qua quan hệ với lớp độc giả tưởng tượng. Những độc

giả lý tưởng của họ không phải là nhà chuyên môn về thơ trong những chương trình Viết Văn, độc đoán bác bỏ loại thơ thể luật và tính truyện. Họ cũng không phải là những chuyên viên của ngành Văn khoa, thường quý giá sự khó khăn trên hết.

Lạc điệu với nhóm độc giả hàn lâm tuy nhỏ nhưng vững chắc về thơ mới, những người viết trẻ này bèn tưởng tượng thay vào đây là những độc giả yêu mến văn chương nghệ thuật nhưng, hoặc chối từ hoặc chưa bao giờ biết đến dòng thơ đương đại. Đây không phải là khối độc giả của truyền hình hay radio, đối với những người này, chữ viết không phải là phương tiện thông tin chính yếu. Đó là lớp độc giả của văn xuôi – những cá nhân thông minh, có học, và phức tạp, tuy không còn đọc thơ nữa, nhưng vẫn ưa thích tiểu thuyết loại nghiêm túc, phim ảnh, kịch nghệ, vũ, nhạc cổ điển, tranh, và những nghệ thuật hiện đại khác. Trong khi những độc giả văn xuôi này có kinh nghiệm giới hạn về thơ đương đại, họ lại ít tiên kiến hơn về thơ đương đại nên hay không nên như thế nào. Đối với họ, thơ có thể luật hay tính truyện không vi phạm bất cứ cấm đoán lý thuyết nào trước đó, vì họ thường thức nhịp điệu, thể luật và truyện kể một cách không vị kỷ xem chúng vẫn là những yếu tố tự nhiên của nghệ thuật đại chúng như nhạc rock, nhạc kịch, và điện ảnh. Viết cho lớp độc giả chung chung mà thơ đã đánh mất từ lâu, những nhà Tân hình thức lựa chọn chấp nhận thay vì khước từ những khuynh hướng văn hóa rộng rãi trong thời đại của họ. Thay vì là những cái gai trong dòng nhóm văn hóa, họ mong mỗi biến thành nhà thơ trong thời đại văn xuôi.

Cho dù những nhà thơ Tân hình thức có thật sự với tới lớp độc giả rộng lớn này hay không, không phải là vấn đề ở đây. Điểm quan trọng – như những nhà thơ Beats và nhà thơ sức mạnh da đen trước đó – họ tìm cách phá vỡ tình trạng văn hóa trí tử nan giải đang xiết cổ nghệ thuật của họ. Trong trường hợp của các nhà thơ Tân hình thức, sự cố gắng này dính dáng tới việc tạo nên một lớp độc giả lý tưởng bình thường để định nghĩa những truyền thống văn hóa có ích cho họ, như những nhà thơ. Họ đánh liều trong việc theo đuổi lớp độc giả văn xuôi thường xa lạ với thơ nghiêm túc thay vì hướng đến những bè phái hàn lâm đang có mặt. Khi làm như thế, họ đã mặc nhiên ra khỏi hàng ngũ mô hình đang thịnh hành của thơ đương đại, khước từ những quan niệm thẩm mỹ siêu phức tạp hay thông minh hóa cao độ của những nhà thơ hàn lâm thời trang như Ashbery, Olson, Creeley, hay Merwin là những

người mà tác phẩm của họ dường như chính yếu chỉ nhắm vào lớp độc giả riêng biệt gồm có các nhà phê bình và nhà thơ đồng nghiệp mà thôi.

Không rõ rệt như trên, ít nhất ngay từ đầu, là sự kiện các nhà thơ trẻ cũng từ giã những tiêu biểu thơ hình thức của thế hệ trước (như Merrill, Hecht, hay Hollander), là những người tự cho mình là người canh giữ cho truyền thống văn hóa cao Âu châu đang lâm cảnh hiểm nghèo. Lần tuyệt giao đầu tiên được tuyên bố với lời lẽ mãnh liệt bởi các nhà thơ trong phong trào hầu hết đều ít có cảm tình với dòng chính hàn lâm. Tuy vậy, lần tuyệt giao thứ hai lại không được mạch lạc rõ ràng cho lắm, vì người viết trẻ thường ngưỡng mộ những nhà thơ thế luật thời trước và xem họ như đồng minh văn chương. Tuy nhiên, hướng đi tất nhiên của thơ Tân hình thức cho thấy quan niệm thẩm mỹ của hai trường phái già trẻ không thể nào dung hòa được trên nhiều phương diện.

Vì không có xung đột ra mặt giữa hai thế hệ già trẻ, một vài nhà phê bình đã dồn hai phe thành một. Những người gièm pha thường phê bình các nhà thơ Tân hình thức không làm nên điều gì mới cả. Theo họ, những nhà thơ trẻ này là lớp vỏ ngoài chứ không phải nhà cách tân, vì họ chỉ tiêu biểu cho thể thơ truyền thống Mỹ nổi dài của những thập niên 1940, 1950. Lý luận kiểu này có đặc điểm giản dị, nhưng tiếc thay, nó cho thấy là họ không biết về những gì mà các nhà thơ trẻ này thật sự viết. Ta chỉ cần so sánh một bài thơ của Merrill hoặc Hollander với bài thơ của Tom Disch hay Molly Peacock cũng đủ nhận thấy họ khác nhau cấp tiến như thế nào qua độc giả, thể loại, âm sắc, di sản văn hóa, và ngay cả trong vận luật nữa. Sự lầm lẫn giữa hai nhóm tuy có liên quan nhưng bất đồng căn nguyên thể hệ, ta có thể đoán, nằm trong chính cụm từ *chủ nghĩa Tân hình thức*, là cụm từ rất dễ lầm lẫn. Ta không cần phải triết lý tối thiểu để biết rằng bất cứ người nào có hy vọng hiểu được một phong trào nghệ thuật – dù là Tân hình thức, Hiện đại, hay Lãng mạn – phải phân biệt được chính cái tên và hiện tượng mà cái tên ấy cố miêu tả. Cuộc tìm kiếm có trách nhiệm sẽ bắt đầu với những tác phẩm thật thụ mà phong trào ấy có, chứ không thể kết luận đại khái về cái tên mà những nhà văn học đã đặt cho một cách thờ ơ qua tuyên cáo thuở đầu của phong trào.

Bằng cách chỉ chú ý đến sự hồi sinh hình thức thể luật, cụm từ *chủ nghĩa Tân hình thức* đã làm mờ khuất sự thay đổi lớn lao

hơn trong tính đa cảm của những nhà thơ trẻ này đang tỏ bày. Sử dụng nhịp điệu và vần luật chỉ là khía cạnh đời đời thẩm mỹ sâu đậm hơn ra khỏi văn hóa bè phái trong giới đại học. Tính đa cảm mới này cũng dẫn đến sự trở lại của thơ tính truyện, thám hiểm văn hóa đại chúng cho cả thể thức và chủ đề, khước từ vẻ giả tạo avant-garde, bất tín những chủ đề tự truyện hẹp hòi, dùng lời nói đời thường tự nhiên không hồ thẹn, và khôi phục cảm xúc trực tiếp không châm biếm. Nhìn từ khía cạnh này, phong trào có thể được tả một cách chính xác hơn bằng một từ thay thế khác là thơ *Mở Rộng* (Expansive). Thuật ngữ này nắm được những quan tâm chiết trung và tham vọng văn hóa rộng lớn hơn của phong trào. Trong khi khả thi để chủ tâm một cách lợi ích trong việc hồi sinh thể luật thơ, thứ nhận thức hẹp hòi như thế lại có cái rủi là lỡ đi những vấn đề văn hóa to lớn đang lâm nguy. Nó còn bóp méo cả quan hệ giữa những nhà thơ trẻ hình thức và tính truyện với những nhà thơ thế hệ trước.

Có vài liên tục nối kết giữa các nhà thơ Tân hình thức và Phê bình Mới. Cả hai nhóm đều xác nhận nhịp điệu và thể luật là những phương thức chính đáng và “hữu cơ” của sáng tác văn chương. Họ còn cho những bài thơ đã làm xong là một tác phẩm nghệ thuật có ý thức hơn là một sáng tạo ngẫu nhiên hay may rủi. Và cả hai trường phái đều tin rằng cốt yếu thơ là một nghệ thuật xuyên bản. Nói một cách khác, họ cho rằng thơ chỉ liên hệ đến đời sống qua lăng kính tự liên tưởng phức tạp của ngôn ngữ và mỗi bài thơ riêng biệt chỉ phô bày trọn vẹn ý nghĩa của nó trong bối cảnh văn chương rộng lớn.

Tuy vậy, ở những khía cạnh khác, quan niệm thẩm mỹ của nhóm Tân hình thức và Phê bình Mới bất đồng ý kiến với nhau. Nếu họ cùng chia sẻ niềm tin trong sự cần thiết đặt những bài thơ mới liên hệ với truyền thống, thì lại khác nhau đến độ không hòa giải được trong việc định nghĩa truyền thống nào dùng được cho những nghệ sĩ đương đại như họ. Nếu cả hai đều nhận thức được sự quan trọng của ý niệm độc giả trong việc hình thành bài thơ, mỗi nhóm lại chọn lấy một loại độc giả khác nhau. Tiếp đó là sự lựa chọn về âm sắc, văn phong, và chủ đề trong tác phẩm theo những đường hướng căn bản khác nhau mặc dù những tương tự đôi khi có trong vận luật. Và sau cùng, nhận biết lệch hướng về truyền thống có sẵn và độc giả dự kiến của họ dẫn đến chỗ theo đuổi những phương cách và thể loại khác nhau trong diễn bày văn

chương. Tuy vậy, sự kiện hai trường phái văn chương khác nhau tự trong bản thể này không có gì đáng ngạc nhiên, vì mỗi trường phái xuất hiện trong một thời điểm lịch sử riêng biệt.

Thế hệ hình thức thời trước trưởng thành lúc Đệ nhị Thế chiến, và sự xuất hiện của họ trùng hợp với lúc văn hóa Mỹ thời hậu chiến đang nở rộ. Cái giả định trí tuệ đằng sau tác phẩm của họ phản ánh niềm tự tin bùng nổ trong ưu thế quốc tế mới của Mỹ. Đi quanh Âu châu trong tư thế lính chiến hay nghiên cứu sinh học bổng Fulbright (hoặc kiêm cả hai), họ nhất quyết phải đứng ngang hàng với Cự Thế giới bằng cách chứng tỏ sự tinh thông những phương cách truyền thống. Như thế, những nhà văn thế hệ trước này cũng là thế hệ đầu tiên của nhà thơ trong lịch sử văn học Mỹ đã đi vào thế giới đại học *bằng số đông* – đây là môi trường mà họ nhận ra là thông minh và có nghệ sĩ tính thích hợp. Và cũng ở đây, họ nhất định hướng đến đồng nghiệp hàn lâm của mình một cách bình đẳng. Họ làm những bài thơ cho thấy tài sử dụng trọn vẹn truyền thống văn chương Anh ngữ, hiểu biết và sung động bởi chủ nghĩa Hiện đại quốc tế. Trong nhiều trường hợp, liều mạng để bảo vệ (và sau đó, bỏ cả sự nghiệp giáo chức cho) nền Văn hóa phương Tây, họ phỏng chừng – như một trung tâm tư tưởng – đây là sự quen thuộc sâu xa của độc giả với văn chương truyền thống. Tác phẩm của họ được làm ra để gánh trọn sức nặng của truyền thống và chịu đựng được sự soi mói của phê bình khảo sát. Tác phẩm của họ đòi hỏi trí tuệ, thẩm mỹ tự thức, tách rời cảm xúc, và cấu tạo phức tạp. Độc giả của họ, theo định nghĩa, giới hạn trong nhóm đồng nghiệp trí thức của hàn lâm và nghệ sĩ ưu tú.

Nhóm Tân hình thức xuất hiện trong thời điểm ít lạc quan và giả định hơn. Họ trưởng thành lúc văn hóa mục rã ở thời đại chiến tranh Việt Nam, khi một loạt cách mạng tư tưởng thách đố những khái niệm bình thường về giá trị văn chương và chủ thể trí tuệ, hình thành quan niệm thẩm mỹ của thế hệ trước họ. Ý tưởng truyền thống – bao gồm luôn cả nguyên tắc hệ luận về thể loại, cách chọn lời, thi pháp và thể thơ – bị bác bỏ. Khái niệm kinh điển thông thường về một tác phẩm lớn ai cũng biết đến đã bị phá vỡ nát vụn thành những mảnh truyền thống cạnh tranh lẫn nhau, mỗi mảnh dựa trên quan niệm thẩm mỹ mang tính cách loại bỏ của riêng nó. Nghệ thuật ly dị lạc thú và gắn liền với tư tưởng – nhất là về khái niệm giảm thiểu của avant-garde, cho rằng văn cách, như

những họa đồ kỹ thuật của microchip, lúc nào cũng biến hóa chỉ để không hợp thời ngay lập tức bởi sự cách tân kế tiếp.

Nhận ra văn hóa cao đang lạc trong hỗn độn, nhóm Tân hình thức tìm phối cảnh trong văn hóa đại chúng. Trong phim ảnh, nhạc rock, khoa học giả tưởng, và những nghệ thuật đại chúng khác, họ tìm ra hình thức truyền thống và thể loại, mà hàn lâm đã bắt tín nhiệm vì lý do tư tưởng trong nghệ thuật cao, vẫn còn được dùng một cách tích cực. Ngây thơ với lý thuyết, bằng một cách nào đó, quần chúng không còn hiểu được văn luật, thể loại và tính truyện là những phương cách xuất chúng của đàm luận làm ra để chế ngự tính cá biệt của họ mà thôi. Những tên khờ khạo ấy (quần chúng) thật sự tìm thấy thú vị và lạc thú trong những kỹ thuật lỗi thời ấy. Khoảng cách giữa thứ mà hàn lâm tuyên bố là đại diện cho nghệ thuật đại chúng và chính tự *biểu trưng* thật sự muốn là kích bác tưởng tượng. Các nhà thơ trẻ nhận thức được rằng, sau cuộc cách mạng, trong khi có thể quần chúng kêu gào cho thơ dự phóng và những xô kịch tâm tân-DaDa, thì hiện tại lũng đoạn cho thấy là một thứ nghệ thuật dễ tham dự hơn đang được tiếp nhận.

Điều mà nhóm Tân hình thức – và những người đồng chí hướng trong âm nhạc, nghệ thuật, điêu khắc, và kịch nghệ – tưởng tượng đến là một phương cách tưởng tượng mới lấy chất liệu từ nghệ thuật đại chúng – những thể loại dễ tham gia, những chủ đề tâm tình ngay thẳng, cái khôi hài khiếm nhã, linh hoạt tính truyện, và tính chân thực của ngôn ngữ – và phối hợp chúng với sự chính xác, súc tích và tham vọng của nghệ thuật cao. Họ vẫn giữ trọn lời ký thác vào căn bản tuyệt mỹ của văn hóa cao nhưng nhận thức được rằng nghệ thuật nghiêm túc ấy đã biến thành xa lạ và tự gieo giống đồng tộc (inbreed). Như những nhà thơ Lãng mạn Anh và Đức tìm cách sửa đổi Tân-Cổ điển thể kỷ mười tám bằng cách đón nhận những dân ca lý tưởng hóa, huyền thoại, và ngôn ngữ thông thường, nhóm Tân hình thức lãnh trách nhiệm đòi hỏi phục thơ đương đại bằng cách trộn lẫn những mô hình dân chủ và ưu tú trong một tổng hợp mới.

Công cuộc táo bạo đầy tưởng tượng trộn lẫn văn hóa cao và văn hóa đại chúng này làm bối rối hầu hết những nhà phê bình giới hàn lâm là những người đã cố gắng khảo sát chủ nghĩa Tân Hình Thức dựa trên những tập tục thông thường trong lãnh vực chuyên môn của họ. Vì phong trào này không có ý nghĩa gì hết trong khung cảnh cường tiến Hiện đại thường được dùng trong đại

học để thảo luận về thơ đương đại, nó chỉ có thể được xem như là vài thứ tuyên ngôn thi vị, trở lại thể hệ Wilbur và Nemerov. Và cũng vậy, vì thể thơ và chủ đề lấy từ văn hóa đại chúng nằm ngoài những phương sách kinh điển của đại học về văn chương đương đại, những nhà tiên phong gọn lốc này hoặc vô hình hoặc khó hiểu đối với hầu hết những nhà phê bình. Trong khi nhiều lý thuyết gia văn chương có ảnh hưởng bàn luận say mê về văn hóa đại chúng nói chung, họ hiếm khi nào tỏ bày nhiệt tâm đến những đặc điểm rạch rỡ của nó. Vì chủ tâm của họ chính yếu là tư tưởng, chính trị chứ không phải lạc thú biến thành nguyên tắc chủ yếu của họ. Không giống như những độc giả thật thụ của nghệ thuật đại chúng, họ quan sát nó, nói chung, trong dạng trừu tượng – thường là với yếu tố vô ý thức của nhà giáo dục hạ cổ tới sự việc. Cho dù khao khát có được một ý thức chính trị vô giai cấp, họ không thể tránh khỏi điều kiện xã hội trong đẳng cấp ưu tú đại học của họ. Khi bàn bạc đến văn hóa đại chúng, họ cảm thấy bị bắt buộc một cách tự giác phải báo hiệu trình độ thường thức trí thức Bà la môn (Brahmin) của mình, bằng cách biểu lộ sự cách biệt phức tạp và trí thức hơn cái chất liệu thua kém đang được khảo sát. Kết quả là khái niệm, một nghệ sĩ nghiêm túc dùng những hình thức phổ thông không châm biếm, thiếu cách biệt, và phi chính trị làm cho những lý thuyết gia đương thời không những kinh ngạc mà còn xấu hổ.

Một vài nhà phê bình ngay lúc đầu đã hiểu được tính chính yếu của thơ tính truyện đối với công cuộc của Tân hình thức. Mặc dù sơ thiển không dính dáng gì đến cách dùng vần và luật, sự hồi sinh của thơ tính truyện cho phép những nhà thơ trẻ nói lên được vài vấn đề chung của văn hóa rộng lớn hơn, dẫn dắt họ trở lại với thể luật thơ. Trước hết, nó cho họ một phương cách văn chương bao hàm, tuy không được những lý thuyết gia hàn lâm ưa chuộng, nhưng lại hấp dẫn ngay lập tức lớp độc giả không-chuyên-nghệp của tiểu thuyết và truyện ngắn. Thứ hai, truyện kể cung cấp cho các nhà thơ trẻ một thể loại tránh được chủ nghĩa tự yêu trong phong cách tự thú (thường làm bại hoại tác phẩm của thế hệ trước) và cho phép họ viết trực tiếp về những tình huống cảm xúc cao độ. Thứ ba, nó cho họ cơ hội cách tân vì thơ tính truyện đã không còn được tích cực khai phá bởi nhà thơ Mỹ từ thời Frost và Jeffers. Sau cùng – và cũng xảo diệu nhất – thơ tính truyện lấp đầy khoảng trống để lại bởi sự dần dần biến mất của bối cảnh văn hóa thông

thường. Theo định nghĩa, một câu truyện tạo nên bối cảnh riêng trong lúc diễn biến. Những bối cảnh tâm lý, xã hội, và văn hóa kín đáo mà tiểu thuyết cấu tạo trong tâm trí độc giả cho phép truyện kể thất lại ở những chỗ nào đó và đạt tới thời điểm luyến láy mạnh mẽ – “epiphanies” một độc giả của Joyce gọi thế – tiêu biểu cho hiệu quả thi vị tinh túy. Sự nghèo nàn về văn hóa đại chúng khiến cho khó mà đạt được những nối kết liên tưởng trong thơ trữ tình mà không giới hạn độc giả trong nhóm ưu tú. Bằng cách cấu tạo bối cảnh *ad hoc* (một lần duy nhất) của riêng mình trong bài thơ tính truyện, nhóm Tân hình thức theo đuổi thứ epiphanies tượng tượng như thế trong phương thức tiếp cận rộng rãi hơn.

Tuy nhiên cái phương thức mới, đặc biệt cho thấy là không thể tham dự được bởi giới hàn lâm, đã đặt ra những khái niệm về thơ đương đại phải hoặc không phải là cái gì. Thí dụ như bài hùng ca khoa học giả tưởng, *The New World* của Frederick Turner, đã gặp phải sự chững hững hoặc sách nhiễu của những nhà bình luận hàn lâm, ngay cả khi nó nhận được những lời khen ngợi từ những tờ định kỳ không thuộc giới hàn lâm. Cũng như thế, tiểu thuyết thơ của Vikram Seth (sắp đặt theo kiểu kịch xã hội soap opera), *The Golden Gate*, bị gạt bỏ bởi một nhà bên vực néo-avant-garde như Marjorie Perloff nhưng lại được chào đón nồng nhiệt bởi cả ngàn độc giả tiểu thuyết phức tạp. Nhiều nhà phê bình không hiểu được quan điểm rõ rệt rằng những người trong phong trào – như Timothy Steele hay R.S. Gwyn – đã phục hồi sinh khí cho thơ tình, thơ chế giễu, và thơ tính truyện, không phải từ những chủ nghĩa văn chương đồ cổ mà vì cả hai, tác giả và độc giả không thuộc giới hàn lâm, thật sự có khoái lạc với những thể loại này. Tôi nghĩ rằng, đây không phải tình cờ, mà những nhà phê bình ký thác vào cái “mới” thường bỏ sót cái nguyên thủy nhất trong chủ nghĩa Tân hình thức. Và cũng không phải là tình cờ khi nhiều người trong nhóm lãnh đạo Tân hình thức hoặc làm việc ngoài đại học, hoặc nếu họ là thầy giáo, thường dạy về văn chương hơn là dạy về khoa viết văn. Như Perloff và những nhà phê bình khác đã lưu ý, phong trào ấy là cả hai, đáp lời thế hệ và đối nghịch, cho cái hôn mê của thơ dòng chính, hàn lâm Mỹ.

Đặc tính thế hệ và đối nghịch của chủ nghĩa Tân hình thức tối hậu là căn nguyên cho cả hai sức mạnh và yếu điểm của nó. Nếu phong trào mới có được linh hoạt và tự tin của tuổi trẻ, nó thường cho thấy sự ngây thơ, liều lĩnh và thiếu kinh nghiệm. Nó còn có

tính cứng cỏi của một nhóm đã tự định nghĩa mình ngược chiều với thực hành dòng chính. Nhưng nếu cái khởi nguyên ấy phù cho các nhà thơ sự độc lập mạnh mẽ và bất cần đối với phê bình thời thượng và mẫu mã chuyên nghiệp đã làm suy yếu dòng thơ đương thời, thì nó cũng khuyến khích một thứ tự cho mình là chánh đáng thiên cận. Ta thấy tính hẹp hòi này rất rõ giữa đám cứng đầu trong nhóm Tân hình thức trẻ tuổi là những người có bản chất chống chủ nghĩa hiện đại. Là nhà phê bình, thì họ thường có khuynh hướng chiến đấu hơn là thám hiểm những ý tưởng mới, là nhà thơ thì họ lại có hướng bắt chước hơn là cách tân. Tuy vậy, những nhà truyền thống nóng nảy đó, chỉ đại diện cho một số nhỏ trong cái phong trào lớn lao đa dạng này.

Chủ nghĩa Tân Hình Thức vẫn còn là một phong trào trẻ đang trên tiến trình phát triển và tự định nghĩa. Bỏ qua những chống đối tích cực của thế hệ tuổi trung niên đã từng chiếm ưu thế trong thi ca, phong trào mới này không những chỉ tạo được tên tuổi mà còn thay đổi cả chương trình nghị sự của thơ Mỹ đương đại qua nhiều cách quan trọng. Thứ nhất, nó đã đòi hỏi sự quan tâm của thơ đương đại bằng cách mang sự chú ý nghiêm túc về thể luật, phương cách, và thể loại sau hàng thập niên bị quên lãng. Thứ hai, thơ và phê bình Tân hình thức đã dân chủ hóa đàm luận văn chương. Thơ có được sự tiếp cận của độc giả không chuyên môn. Cũng thế, bất cứ giới hạn nào mà họ có trong phạm vi nhà phê bình, nhóm Tân hình thức đã viết về thơ bằng những đặc ngữ đại chúng và như thế, vừa làm sống động vừa tiêu hủy huyền thoại phê bình. Sau chót, sự trở lại với thể thơ, tính truyện và những thể loại truyền thống làm thay đổi khái niệm dùng lại quá khứ bằng cách hồi sinh những khả thể đang giấc miên hàn trong thơ Mỹ ở thế kỷ hai mươi. Đến nay thì dường như những nhà thơ lớn có liên hệ với tính truyện như Frost, Jeffers và Robinson là trọng điểm của thực hành thơ đương đại. Trong lúc này những thay đổi mang lại bởi chủ nghĩa Tân hình thức vẫn còn tiếp tục với mức độ nhanh chóng, và số lượng thơ mới xuất hiện ngập tràn quá dồi dào để có được một phán đoán vững chắc về chỗ đứng lâu dài của nó, nhưng không có gì để nghi ngờ nữa, phong trào ấy đã biến dạng và mở rộng nhiều khả thể cho nền thơ Mỹ.

Nguyễn Thị Ngọc Nhung dịch

Trong cuốn *After new formalism*, Annie Finch chủ biên, 1999



Lê Đình

Tân Nhạc Việt Nam hiện giờ

Lời dẫn

Việt Nam hiện nay không có nền tân nhạc mà chỉ có “nhạc nói và nhạc chạy đua” nghĩa là nhạc Việt Nam bây giờ toàn là những lời nói khi thì chậm, khi thì thật nhanh như chạy đua, chẳng có cung điệu trầm bổng du dương gì cả, và nhạc sĩ chỉ việc theo lời nói lên xuống hay mau chậm này mà viết nốt nhạc vào đấy là thành một bản nhạc, cho nên chẳng có một bản nhạc nào ra hồn cả, do đó không có ai thêm nhớ dù chỉ một câu.

Từ 38 năm nay Việt Nam không có một tình khúc nào làm cho người Việt hải ngoại cảm thông, nói huych toẹt ra là ngửi được cả. Sau khi Nhạc sĩ Nguyễn Ánh 9 phê bình “Gào sĩ” Đàm Vĩnh Hưng không biết diễn tả bài hát mà chỉ biết gào hét để câu khách, nay thì Nhạc sĩ Lê Đình lên tiếng về hiện tình tân nhạc Việt Nam mời các bạn xem dưới đây. Đừng có nói rằng vì người Việt hải ngoại ghét cộng sản mà cho rằng cái gì cũng xấu, mà thực tế là chế độ nào sinh ra con người đó, nhạc Việt dưới chế độ bất nhân bán nước thì làm gì có tình cảm như Việt Nam Cộng Hòa trước đây.

Bài của Nhạc Sĩ Lê Đình

viết về 2 dòng nhạc VN dưới thời VNCH và nhạc XHCN



Nhạc sĩ LÊ DINH

Về âm nhạc, từ 38 năm nay, thành thật và công bình mà nói, chúng ta có thấy sự tiến triển nào trong bộ môn này không, hay là một sự tụt lùi tệ hại từ năm 1975 đến nay, hay nói một cách khác, CSVN đã giết chết âm nhạc Việt Nam.

Nhìn lại ngày khởi đầu của nền âm nhạc Việt Nam, từ những ca khúc đầu tiên mà những bậc tiên liệt của nền âm nhạc để lại – được gọi là nhạc cải cách – như Một kiếp hoa (Nguyễn văn Tuyên & Nguyễn văn Côn), Khúc yêu đương (Thầm Oánh) Bình minh (Nguyễn Xuân Khoát), Bản đàn xuân (Lê Thương), Tâm hồn anh tìm em (Dương Thiệu Tước), Bóng ai qua thềm (Văn Chung), Cùng nhau đi Hồng Bình (Đình Nhu), Thu trên đảo Kinh Châu (Lê Thương)... chúng ta thấy, dù đã ra đời hơn 80 năm nay, còn phôi thai, nhưng âm nhạc VN thuở đó nghe rất có hồn nhạc, lời lẽ tuy không trau chuốt văn chương, nhưng không khó nghe và lai căng như bây giờ. Chẳng hạn như bài “Thu trên đảo Kinh Châu” của Lê Thương, một bài âm hưởng nhạc Nhật thời đó, tuy được soạn sau, nhưng cũng được coi như là một trong những ca khúc đầu tiên của gia tài âm nhạc Việt Nam.

Nhắc lại để chúng ta thấy rằng tuy là những ca khúc đầu tiên, khởi thủy của nền âm nhạc Việt Nam, nhưng dù đã 83 năm qua, vẫn còn nghe được, hơn nhạc bây giờ ở trong một nước có tên là Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Chứng minh điều đó là gần một thế kỷ qua mà người ta còn nhớ ca khúc “Thu trên đảo Kinh Châu” của Lê Thương.

Tiếp theo thời kỳ âm nhạc phôi thai, hay âm nhạc cải cách, đó là giai đoạn nhạc được gọi là nhạc tiền chiến mà tôi nghĩ rằng vài trăm năm sau đi nữa, vẫn còn được nhắc nhở tới. Những tác giả như Văn Cao, Đặng Thế Phong, Hoàng Giác, Dzoãn Mẫn, Hoàng Quý, Nguyễn văn Thương, Phan Huỳnh Điểu, Nguyễn văn Tý, Dương Thiệu Tước, Thầm Oánh, Lê Thương... đã để lại cho chúng ta một gia sản âm nhạc đồ sộ, chỉ trong vòng có 20 năm ngắn ngủi. Nhắc lại những bài như:

*“Tiếng ai hát chiều nay vang lòng trên sóng
Nhớ Lưu Nguyễn ngày xưa lạc lối đào nguyên...”*

Hoặc:

*Suối mơ, bên rừng thu vắng
Giòng sông trôi lững lờ ngoài nắng...”*

Hay:

*Ngoài hiên giọt mưa thu thánh thoát rơi
Trời lắng u buồn, mây hắt hiu ngừng trôi...*

Hoặc như:

*“Biệt ly, nhớ nhung từ đây
Chiếc lá rơi theo heo may...”*

Chúng ta nghe âm điệu sao mà du dương, uyển chuyển, tha thiết, thấm vào lòng người. Còn lời ca sao mà lắng mạn, yêu đương, tình tứ ngọt ngào đến như thế.

Rồi bước qua giai đoạn nhạc kháng chiến (nhạc cách mạng), một loại nhạc hùng hực lửa của thời toàn dân đứng lên đánh đuổi thực dân. Những tác giả tiêu biểu cho loại nhạc hùng tráng như đánh thẳng vào lòng người này có Phạm Duy, Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Hoàng Quý, Lê Yên, Phạm Duy Nhuận, Phạm Đình Chương, Văn Giảng... Nhưng phải công nhận rằng Phạm Duy là người có tác phẩm âm nhạc cô sứa tinh thần tranh đấu bài thực nhiều nhất, hay nhất. Làm sao mà chúng ta quên được, dù 1000 năm sau, những âm điệu và lời ca như:

*Ngày bao hùng binh tiến lên
Bờ cõi vang lừng câu quyết chiến...”*

Hoặc man mác căm hờn, như:

*“Chiều qua, tôi đi qua vùng chiếm đóng
Không bóng trâu cày bên đồng
Vẳng tiếng heo gà trên sân
Chiều qua, gánh nước cho Vệ Quốc Quân
Nghe tiếng o nghèo kể rằng:
Quân thù về đây đốt làng...”*

Rồi 1954 ập đến, chia hai nền âm nhạc, một nửa phát triển mạnh mẽ ở xứ tự do, phóng khoáng và một nửa chôn vùi trong chốn ngục tù, sau bức màn tre. Một số đông nhạc sĩ sáng tác ở miền Bắc ngày trước đã tìm tự do nơi miền Nam – đất lành chim đậu – cùng chung với những nhạc sĩ sáng tác đã sống trước đây dưới chính thể Đế nhất Cộng Hòa, kết hợp thành một lực lượng sáng tác mạnh nhất, vững chải nhất, nhân bản nhất và lắng mạn nhất. Thôi thì trăm hoa đua nở.



Nhạc sĩ Văn Phụng

Ngay từ ngày đầu di cư, chúng ta có những Văn Phụng, Nguyễn Hiền, Y Vân, Nhật Bằng, Hoàng Trọng, Đoàn Chuẩn, Huyền Linh, Phạm Đình Chương, Ngọc Bích, Đan Thọ, Xuân Tiên, Xuân Lôi, Trọng Khương, Tuấn Khanh, Hoài Linh, Phó Quốc Thắng, Phó Quốc Lân, Canh Thân, Vũ Thành, Vũ Huyền, Hoài An, Thanh Bình, Lê Hoàng Long, Nhật Bằng..., cùng với những nhạc sĩ miền Nam nổi bật lúc đó, như Phạm Duy (đã có mặt ở Saigon từ 1951), Lam Phương, Trúc Phương, Châu Kỳ, Nhật Ngân, Trần Trịnh, Anh Việt Thu, Châu Kỳ, Mạnh Phát, Hoàng Thi Thơ, Nguyễn Văn Đông, Hoàng Nguyên, Anh Việt, Phạm Mạnh Cương, Lê Mộng Bảo, Huỳnh Anh, Trần Thiện Thanh, Duy Khánh, Khánh Băng, Minh Kỳ, Anh Bằng, Lê Dinh... và một số nhạc sĩ trẻ của thời đó như Từ Công Phụng, Ngô Thụy Miên, Trầm Tử Thiêng, Trường Sa, Trường Hải, Đỗ Lễ, Nguyễn Ánh 9, Thanh Sơn, Bảo Tổ, Song Ngọc, Dzũng Chinh, Hàn Châu, Mặc Thế Nhân, Hoàng Trang, Đinh Trầm Ca, Giao Tiên, Thăng Long, Đài Phương Trang... hợp thành một đội ngũ sáng tác dưới chính thể tự do của hai nền Cộng Hòa ở miền Nam từ năm 1954 cho đến năm 1975. *(Hình trên: Nhạc sĩ Văn Phụng)*

Dù dưới hình thức nào, với bất cứ đề tài nào, nhạc sĩ của miền Nam tự do cũng viết nên những tác phẩm giá trị, nhất là những tình khúc và những bài ca ngợi người chiến sĩ VNCH, còn tồn tại, vang dội cho đến ngày nay.



Nhạc sĩ Nguyễn Hiền

Trong khi đó, miền Bắc với chính sách bịt miệng và lão khoét, cho nên nhạc sĩ miền Bắc viết toàn những bài ca tụng bác Hồ (của họ) gàn dở, vô duyên, không thể nào lọt vào tai thính giả được. Chỉ một mình nhạc sĩ Thuận Yến thôi mà cũng có đến 26 bài ca ngợi bác Hồ. Ngoài ra còn có những Đỗ Nhuận, Phạm Tuyên, Văn An, Trần Hoàn, Lưu Cầu, Trọng Loan, Phong Nhã, Huy Thục, Lê Lô, Chu Minh v.v... viết những bài nhạc tuyên truyền, đề cao CS một cách lộ bịch. Cả Văn Cao, Lưu Hữu Phước, Phan Huỳnh Điểu, Đỗ Nhuận... cũng bị lôi cuốn trong việc sáng tác loại nhạc bùng bô này, như Văn Cao với “Ca ngợi Hồ Chủ tịch”, Lưu Hữu Phước với “Tình bác sáng đời ta”, Phan Huỳnh Điểu với “Nhớ ơn bác”, Đỗ Nhuận với “Bé yêu bác Hồ”... vì không viết đề ca tụng, tung hô bác thì không có gạo mà ăn. Nội cái áo của bác và đôi dép của bác thôi mà cũng có đến 5 bài hát nói về áo và dép này. Chỉ còn thiếu cái áo lót của bác thì chưa có nhạc mà thôi.

(Dưới thời đệ Nhất Cộng Hòa – và luôn cả thời Đệ Nhị Cộng Hòa – miền Nam VN chỉ vốn vẹn có một bài hát duy nhất ca tụng cá nhân vị nguyên thủ quốc gia mà thôi. Đó là bài Suy tôn Ngô Tổng Thống của Ngọc Bích và Thanh Nam. Đây không phải là chủ trương của chính phủ đề ra để bắt buộc văn nghệ sĩ sáng tác ca tụng lãnh tụ, mà đó là ý nghĩ riêng của hai tác giả, vì muốn mang ơn người đã khó khăn lắm mới đem đến sự an cư lạc nghiệp cho gần một triệu đồng bào di cư miền Bắc, trong đó có hai tác giả. Đây chỉ là một hành động để nói lên lòng biết ơn thôi)

Từ 1975 là một sự tuột dốc thê thảm, nhìn thấy và nghe thấy, không cần phải đắn đo suy nghĩ khi nói về nền âm nhạc ở nước CHXHCN Việt Nam bây giờ. Không phải nhìn từ bên ngoài rồi chúng ta nói thánh nói tướng, muốn nói gì thì nói, hay nói để... chống Cộng, nhưng phải nói rằng sự thật là như vậy. Thử hỏi có ai nghe được hết một câu lời ca trong một bài nhạc nào đó không?



Có ai hiểu ca sĩ hát gì, nói gì trong bài hát đó không? Còn nhạc thì nghe qua rồi – dù cho nghe 5 lần 7 lượt đi nữa – hỏi có ai nhớ âm điệu ra sao không, do-ré-mi-fa-sol-la-si thế nào không? Chúng tôi không nói quá lời đâu. Mở YouTube ra, bấm đại một bài nào đó ở VN ngày nay, quý vị sẽ thấy ngay lời nói của chúng tôi không mấy may quá

đáng. Bấm đại bài của Cẩm Ly hát đi, thí dụ bài “Chồng xa”, chúng ta sẽ nghe lời lẽ, văn chương quá buồn cười, trong một bài hát, nghe sao giống như lời đối thoại trong một vở tuồng cải lương hạng bét:

***“Dậy đi mua đồ nấu canh chua
Về cho ba mấy bữa cơm trưa...”***

Về âm điệu, chúng tôi đồ người Việt tự do ở hải ngoại nhớ một câu nhạc nào đó, trong một bài hát A, B, C nào đó ở VN bây giờ. Tại sao không nhớ được? Xin thưa vì đó không phải là âm điệu mà là những nốt nhạc khác nhau, bỏ chung vào một cái túi và rút ra 5, 6, 7 hoặc 8 nốt, rồi ráp lại cho thành một câu nhạc thôi. Trong khi đó, thử tình cờ lấy một bài nào đó của miền Nam, trước 1975, như:

*“Xuyên lá cành trăng lên lều vải
Lòng đất ấm thương tình đôi mươi...”*

Hay như:

“Đường vào tình yêu có trăm lần vui, có vạn lần buồn...”

Hoặc:

*“Thượng đế hồi có thấu cho VN này,
Nhiều sóng gió trôi dạt lâu dài...”*

Chúng ta nghe sao mà tha thiết quá, du dương quá và dễ nhớ, dễ thuộc, dễ thương quá, dù cho cả đời mình hay một trăm năm sau cũng khó quên được.

Và xin quý vị thử bấm vào tựa một bài hát nào đó của CHXHCNVN ngày nay xem. Thí dụ như bài: “Xin anh đừng” (đừng cái gì mới được chứ?) Và vô số bài nữa, như Giác mơ không phải của anh – Anh sẽ không níu kéo – Anh ba Khía – Ông xã bà xã – Khi cô đơn em nhớ ai – Anh sai rồi – Quen một ngày

cho vui – Em có thể làm bạn gái anh không – Đừng buông tay anh..., nếu kể thêm, chắc hẳn quý độc giả sẽ bị nhức đầu. Tựa đề của một tác phẩm âm nhạc là như vậy đó sao? Chúng tôi nghĩ tác giả là những trẻ con, chưa biết nói tiếng Việt hoặc là người đã trưởng thành nhưng chưa biết viết tiếng Việt. Tựa đề của một bài hát cũng phải nghe cho được chứ? “Xin anh đừng” rồi thôi, hết.

Về lời ca, mời quý vị nghe ca khúc “Giá như chưa từng quen”. Mới nghe qua tên ca khúc, chúng ta liên tưởng ngay đến một bài hát khác của miền Nam trước 1975, bài “Nếu ta đừng quen nhau”. Cùng một ý, một nội dung, nhưng người nhạc sĩ miền Nam viết tựa là: “Nếu ta đừng quen nhau”. Bây giờ, chúng ta hãy xem qua lời ca:

Bài “Giá như chưa từng quen”:

*“Giá như chưa từng quen, chưa quan tâm nhiều về nhau
Người yêu ơi, anh không thể nhớ mỗi lần cách xa...”*

Còn bài “Nếu ta đừng quen nhau” có lời ca:

*“Nếu ta đừng quen nhau, thì đời chưa vương u sầu
Ngày xanh chưa nhuộm thương đau, màu hoa chưa ủa phai màu...”*

Chúng tôi đề quý vị kết luận. Chúng tôi chỉ thấy “tội nghiệp” cho tác giả bài “Giá như chưa từng quen” mà thôi.

Nếu quý vị muốn nghe thêm nữa, thì đây:

“Vì ngày hôm qua anh đã thấy em ôm hôn một người...

Như muốn cào xé nát tan trái tim anh...”

Đây là lời ca của bài “Đừng làm anh đau” và xin nói thêm, chỉ có việc “anh đau” này thôi mà có tới ba bài nhạc khác nhau, của 3 tác giả khác nhau: “Đừng làm anh đau”, “Em khóc làm anh đau” và “Mưa làm anh đau”. Đó, âm nhạc XHCNVN là như thế đó.



Về phần ca sĩ trình bày, mà người bên đó gọi là “thể hiện”, phải nói một cách công bằng, vì là nơi đông dân số, gần 90 triệu người, thì làm sao không có ca sĩ hát hay. Nhưng tiếc thay, có một số đông chỉ biết la, biết hét, hét toáng lên, khiến người nghe không biết họ hát cái gì. Và còn nữa, họ hay uốn éo ở chữ cuối

câu (fioritures), có người còn ẹo ở giữa câu, nghe rất khó chịu. Việc điểm fioritures này – tức là láy – người viết nhạc chỉ dùng khi nào thật cần thiết thôi. Nếu tác giả không có để thêm nốt fioritures thì ca sĩ đừng có tự động láy, tự động uốn éo, tự động ẻo ẹo cho nó lả lướt, như vậy là lả lướt không đúng chỗ, nghe không thể nào chịu được. Người mình có tài hay bắt chước và bắt chước giỏi. Cái uốn éo này xuất xứ từ nhạc Âu Mỹ, nhưng mà với lời ca tiếng ngoại quốc, và cũng tùy thuộc chữ nào, ý nghĩa ra sao, thì nghe được, chứ cứ uốn éo tự do, uốn éo lung tung, bất kể quân thần thì không hợp với lời Việt chút nào.

Một phần việc ca sĩ VN trong nước bây giờ hát khó nghe, lý do cũng tại cách viết lời ca của đa số những nhạc sĩ “lớp ba trường làng”, “trẻ tuổi tài cao” của thời XHCN này: chỗ nốt cao thì để chữ dấu huyền hay dấu hỏi, còn chỗ nốt thấp thì để chữ dấu sắc, hay dấu ngã. Viết lời ca như thế thì chỉ có giết ca sĩ mà thôi, bởi ca sĩ không thể nào truyền đạt cho thính giả hiểu được mình hát cái gì. Hát mà người nghe không hiểu gì thì hát làm chi?

38 năm, một thời gian đủ để những “đỉnh cao trí tuệ” giết chết tất cả, từ chữ nghĩa văn chương cho đến âm nhạc. Riêng về âm nhạc, họ đã vùi dập bao nhiêu công lao của những người đi trước, trải qua bao thế hệ, từ thời kỳ âm nhạc cải cách, đến nhạc mới hay tân nhạc, rồi nhạc vàng (chữ của họ gọi để ám chỉ nhạc miền Nam từ 1954 đến 1975 mà họ đã cố tiêu diệt nhưng không được) và nay là nhạc của thời XHCN, của thời: “Dậy đi mua đồ nấu canh chua Về cho ba mâm bữa cơm trưa”.

LÊ DINH



Đừng nghĩ mãi về quá khứ. Nó chỉ mang tới những giọt nước mắt. Đừng nghĩ nhiều về tương lai. Nó chỉ mang lại lo sợ. SỐNG Ở HIỆN TẠI VỚI NỤ CƯỜI TRÊN MÔI. Nó sẽ mang lại niềm vui cho bạn.



Văn Nguyên Dưỡng

TÔI !

Tôi đi hoang giữa hàng súng gục đầu
Cúi mặt xuống,
Nghe chân mình nhẹ bổng
Đôi giày saut bết gót tự bao giờ?
Chiếc áo trận xác xơ ngoài pháo lũy,
Cờ quân hiệu tả tơi trên chiến địa...

Ngẩng đầu lên
Bốn cõi thật hoang vu !

EM !

Ngẩng mặt lên cho anh nhìn một lần nữa
Nét đài trang sao biến mất tự đâu rồi.
Em! Hỡi Em!
Trời! Lãng kính của hồn tôi...
Đôi mắt sáng bỗng sao thành giếng lệ,
Đôi môi hồng sao giá lạnh xanh xao !
Tôi đã đi giữa hàng súng gục đầu
Em cúi mặt ngùi thương thân áo trắng.

Phận mỏng
Bây giờ
Chờ
Gió cuốn, mưa tuôn...

Vĩnh Định/ NVD



Songthy **Mua để tặng người**

*Nỗi buồn ai bán tôi mua
Dẫu nhiều đau khổ thiệt thua một đời
Mua sầu đong mảnh tình vơi
Mua đêm chờ ánh trăng vời vợi lên*

*Tim sầu người bán tôi mua
Nhốt vào ngăn nhớ, ngăn xưa đợi chờ
Mua kim vá lại tim ngơ
Se thêm sợi chỉ hồng mơ cho mình*

*Vần thơ rao bán tôi xin
Ru thương vào vận ru tình khóc mưa
Nhớ Hàn thi sĩ thuở xưa
Hận tình bán ánh trăng vừa nằm im...*

*Tôi mua luôn những ngăn tim
Chứa tình đọng máu tím biên biếc chiều
Mặc đời miếu mạo nghiêng xiêu
Trăng đùa cột gió thêm rêu gởi sầu.*

*Tôi mua hết cả ngàn sau
Tặng người yêu dấu hồi đầu quy tâm.*

St



GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG

Mỗi người có cái tâm riêng - Suy đoán từ cái tâm riêng của mình, biết người ta đã nghĩ gì về mình.

Tựu chung tất cả chỉ là suy đoán mà thôi.

Khi ta gõ lên bất cứ vật chất nào đó, vật chất đó rung lên. Sự rung lên là sóng truyền trong bản thể của vật chất.

Bản thể vật chất tượng trưng cho Tâm Phật. Tâm Phật nằm ngay chính trong lòng người. Vì thế giảng thuyết làm sao cho cái tâm rung lên như truyền cho bá tánh cùng rung theo (mass line)



Một hôm Tô Đông Pha(*) đến chơi chùa, cùng ngồi thiền với nhà sư, trong khi ngồi thiền thấy an lạc xuất hiện. Xả thiền xong, Tô rất vui vẻ hỏi nhà sư:

- Ngài thấy tôi ngồi thiền như thế giống cái gì?
- Trông ngài giống như Đức Phật.

...

Tô nghe thế vui lắm. Thiền sư hỏi lại:

- Thế ngài thấy tôi ngồi thiền giống cái gì?

Tô đáp:

- Trông ngài ngồi thiền giống 1 đồng phân bò.
- Thiền sư nghe thế cũng hứng chí lắm.

@

Tô Đông Pha cười suốt dọc đường về, nghĩ bụng hôm nay ta đã thắng lão hòa thượng đó một phen rồi. Bị ta nói là đồng phân bò mà không bẻ lại được câu nào cả. Tô về khoe với em gái Tô tiểu muội:

- Hôm nay anh đã qua mặt được lão sư già đó rồi.

Tô tiểu muội hỏi chuyện gì, Tô Đông Pha hào hứng kể lại.

Tô tiểu muội cười ầm lên, Tô Đông Pha càng hào hứng.

Tiểu muội nói:

-Muội cười là cười huynh đó, huynh lại thua lão hòa thượng ấy rồi.

Tô ngạc nhiên hỏi thế nào. Tiểu muội đáp:

- Tâm lão hòa thượng là tâm Phật, nên thấy huynh cũng giống như Phật. Còn tâm của huynh thì toàn phân bò nên huynh thấy hòa thượng như đồng phân bò thôi. Tâm huynh như thế làm sao mà bằng được tâm lão hòa thượng.

(*) *Tô Thức (Chữ Hán: 苏轼, 8/1/1037–24/8/1101), tự Tử Chiêm, một tự khác là Hòa Trọng, hiệu Đông Pha cư sĩ nên còn gọi là Tô Đông Pha, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời Tống. Ông được mệnh danh là một trong Bát đại gia Đường Tống...*

inter. source



Quan trọng đâu chỉ là bạn sẽ được mọi người nhớ đến trong bao lâu, mà là họ nhớ gì về bạn.



Hoàng Xuân Sơn

Chôn Vào

về thôi
gió lú canh tàn
trên vai khuất đầu
dậy ngàn tinh văn
cởi. buông
ngụy hóa xung thẳng
cho hồn bộ gậy
tìm cung quăng đời
thuở ấu trùng
biết nằm nôi
biết nghe tan ụ
tháng đời. năm di
ta lớn. ngu cũng tại. vì
lỡ chôn thơ đại
vào bi lụy. người

Để Muộn

trong cái hiu hiu buổi sáng
cái chang chang bữa trưa
cái ui ui về chiều
cũng liêu bước ra thế gian
giật mình
thiên hạ
đã
tan hàng



Võ Thanh Văn
Giấc Mơ Vợ Buồn

Ta mơ thấy em về
Ngồi khóc trên bậc cửa
Mắt buồn rười rượi lửa
Môi bầm tím cơn mê

Ta đưa tay nâng cằm
Nhìn vào khóe lệ đầm
Vực sâu vời vợi thẳm
Thấp thoáng bóng trắng rằm

Ta bế em vào phòng
Khơi trầm hương lãng đãng
Ru em mềm dĩ vãng
Khói quyện tròn long đong

Trên trán em thơm nồng
Ta làm dấu thánh giá
Môi chợt bừng nụ lạ
Cánh đỏ tươi lan hồng

Em chính là vì sao
Đi lạc vào cõi mộng
Giữa mùa sông biển động
Sóng nước mừng xô xao.



Lan Cao
Thơ ác mộng

Anh cứ ngủ
Em ra phố kiếm chồng
Khuya rũ bong
Ngọn đèn canh ngái thức
Những cô gái lang thang
Khóc đàn ông
Em trở lại với chồng.

Anh cứ xin
Gật gù môi ly rượu
Ngong ngịu đọc thơ say
Vớ tay tìm tay
Đêm lãng mạn
Giả vờ như không biết
Khi say rồi, có biết cũng không hay.

Anh ngồi rũ rượi
Thơ ác mộng du hành
Em dắt ra phố
Đọc kiếm chồng, nhưng chẳng có đàn ông
Anh ngất ngưỡng
Bảo em là thơ anh đó
Vườn trần gian
Hôn một đóa hoa hồng .



Nguyễn Thị Thanh Dương **CHỜ MONG TỜ ĐIỆN TÍN.**

Sau 1975 những người còn ở lại miền Nam Việt Nam không biết những ai đã nghĩ ra và những ai đã là người đầu tiên ra khơi vượt biển đi tìm tự do? để cho dòng người đi sau tiếp nối không bao giờ ngừng nghỉ nếu các trại tị nạn không đóng cửa chấm dứt chương trình cuu mang những người vượt biển.

Ai cũng mơ ước, cũng tính đường đi tìm tự do tùy theo hoàn cảnh khả năng tài chính của mình. Bao nhiêu người đã may mắn đến bến bờ và cũng bao nhiêu người bất hạnh bỏ xác ngoài biển khơi...

Tôi nhớ mãi một câu chuyện vượt biên dù đã mấy chục năm qua rồi.

Khoảng năm 1983 nhà tôi quay trở lại bán cà phê và nước ngọt, lúc này công nhân viên của nhà máy Z751 (tức “Lục quân công xưởng” trước 1975) không đông đảo như nhân viên và lính tráng trước kia, nhưng khách hàng vẫn khá đông là bà con lối xóm.

Chú Bích là người hàng xóm hay ra uống cà phê tại quán tôi. Nhà chú ở trong hẻm, bước ra khỏi hẻm đi vài căn là tới quán cà phê nên rất thuận tiện cho chú.

Lần nào ra quán chú cũng dẫn theo thằng con út tên Báu khoảng 10 tuổi và gọi cho nó một chai nước ngọt, hai bố con ngồi uống như hai người bạn, bố uống xong cà phê trước thì đợi thằng con uống xong phần chai nước ngọt hai bố con mới ra về, dù nó vừa uống vừa nói huyên thuyên với bố đủ thứ chuyện thật lâu.

Có lần hai bố con đang uống trong quán thì thằng Báu thấy ông bán cá Lia Thia cá Xiêm dắt xe đạp đi ngang qua, nó vùng chạy ra xem và đòi bố mua. Chú Bích bỏ dở ly cà phê đen nóng bước ra ngoài, ông bán cá đã đứng lại đợi khách, thằng Báu ngắm nghía đã

đời từng con cá sắc màu đang bơi ngoe nguẩy trong những bịch ny lông treo tòn ten đầy trên khung giầy thép cứng chõ sau xe của ông bán cá rồi mới chọn cho mình 1 con cá Xiêm vừa ý, thằng bé khôn thật cá Xiêm đắt tiền hơn cá Lia Thia và đẹp hơn, trẻ con nào cũng thích.

Khi trở vào quán ly cà phê của chú Bích đã nguội tanh mà cả bố và con cùng vui. Chú thương con và chiều con lắm.

Thằng Báu giống bố, đẹp trai giống bố. Hình ảnh hai cha con đi đâu cũng có nhau đã quen thuộc với tôi cũng như với mọi người hàng xóm, ngay cả khi chú Bích mang chiếc xe đạp ra tiệm sửa xe thằng Báu cũng lót tốt đi theo, tôi cũng đang chờ vá chiếc xe đạp tại đây và nghe thằng Báu nói với bố:

- Mai một con lớn con làm nghề sửa xe đạp, sửa xe cho bố không lấy tiền,

Lời nói ngây thơ mà chí hiếu, tôi nghe còn cảm kích nói gì chú Bích, chắc chú rất mát lòng.

Hai cha con thật thân tình và gần gũi như bóng với hình.

Chú Bích là đại úy của quân lực Việt Nam Cộng Hòa, ngày 30 tháng Tư năm 1975 chú đang nằm điều trị tại Tổng y viện Cộng Hòa.

Khi quân Việt Cộng chiếm bệnh viện và xua đuổi những thương bệnh binh chế độ cũ ra ngoài, chú trở về nhà với vết thương điều trị dở dang..Nhưng nhờ thế mà chú không thể đi trình diện tập trung “học tập cải tạo” được,.. ủy ban phường đã cho chú Bích ở nhà dưới sự quản chế của địa phương, chú Bích không thể đi đâu xa hay vắng mặt lâu được.

Mấy năm qua, từ ngày miền Nam bị “giải phóng” chú Bích chỉ ở nhà, làm việc nhà trong khi vợ chú bận ba làm việc hết tổ hợp này đến tổ hợp khác để nuôi chồng và 3 con. Không ai hiểu vì sao chú không đi làm khi sức khỏe đã tương đối khá.

Vậy mà một hôm hàng xóm kháo nhau rằng chú Bích dẫn thằng Báu đi vượt biên. Người đời thính tai và tinh ý thật, nhà nào có ai đi vắng chẳng dấu được lâu, nếu một hai tháng không trở về thì một là đi vượt biển trót lọt, hai là chết biển hay là vào tù...

Bởi thế có ai đó đã chế ra câu “ Con đi được con nuôi má, con chết biển thì nuôi cá, và con ngồi tù thì má nuôi con”

Xóm tôi thời điểm đó đã có hai gia đình có con đi vượt biển bị mất tích.

Nhà bà Tịnh đưa con gái đi chuyển tàu chưa ra tới khơi xa đã bị đắm, nghe đồn những xác chết trôi tấp vào Mũi Né Phan Thiết, bà Tịnh đã tắt lửa ra Phan Thiết ăn chực nằm chờ thuê người đi tìm xác con gái mấy ngày mà không được..

Nhà bà Trí thì tang thương hơn, cả con và cháu là 5 người, họ ra đi biệt không một tăm hơi gì. Bà Trí chờ mong tin và đau khổ đến héo hon gầy rộc đi như một xác mummified. Nhưng bà vẫn can đảm một năm sau lại cho thằng con trai đi vượt biển tiếp, chuyến này trời không phụ lòng bà, chuyến tàu nó đi đã cập bến bình yên. Bà Trí từng tuyên bố với người bạn thân: “ Tôi cho các con đi vượt biển để tìm tương lai, các con đi được thì dù tôi có ra chợ ăn mày hay ai mang tôi ra chợ bán chết tôi cũng chịu”

Tôi thông cảm cho hoàn cảnh chú Bích lắm, vì gia đình tôi cũng đang “xây mộng” cho các em đi vượt biển nên cầu mong nếu tin đồn ấy là sự thật thì hai cha con chú được bình yên đến nơi đến chốn.

Chú Bích không dẫn con đến quán tôi uống cà phê suốt hai tuần lễ liền. Có lẽ giờ này hai cha con chú đang lênh đênh ngoài biển khơi rồi?

Bây giờ thì hàng xóm đã hiểu ra, chú Bích không đi làm vì không muốn bị ràng buộc bởi công việc để dễ dàng toan tính chuyện vượt biển.

Nhà cô Bích thì cửa đóng then cài để tránh sự dòm ngó của hàng xóm và công an khu vực.

Cho đến tuần lễ thứ tư thì hàng xóm lại kháo nhau:

- Chú Bích đến đảo rồi.
- Hai cha con thật may mắn.
- Cũng may cho ông đại úy, ở nhà bị công an quản chế, cứ mỗi tháng phải ra trụ sở công an trình diện một lần, đi đâu phải xin phép, tù giam lỏng như thế ai mà chịu nổi, mấy năm qua tuy mang tiếng là hết hạn quản chế nhưng công an khu vực vẫn thỉnh thoảng đến nhà thì khác gì bị quản chế đâu.

Có bà không tin hỏi lại cho chắc ăn:

- Sao bà biết là đại úy Bích đến đảo rồi? mà đảo nào?
- Chẳng biết đảo nào, miễn là đến xứ tự do. Sáng qua chính mắt tôi thấy cô Bích hớn hờ nấu cà ri gà, chắc mấy mẹ con ăn mừng vì được tin chồng vượt biển thành công.
- Sao bà biết cô Bích nấu cà ri gà? bà có vào bếp nhà cô Bích không ?

Bà kia quyết liệt:

- Tôi đi chợ thấy cô Bích mua 1 con gà và bó xả..

Một bà có mấy đứa con đi vượt biên may mắn đến nơi đã tỏ ra hiểu biết:

- Nay mai cô Bích có điện tín thì biết ngay, không đảo Bidong Mã Lai, thì đảo Galang Indonesia, không đến Songkla Thái Lan, thì đến Phi Luật Tân, Hồng Kông...

Thế là tin đồn bố con chú Bích đi vượt biên đến nơi và ở nhà vợ chú đã nấu món cà ri gà ăn mừng bung ra, càng lúc càng lan rộng, mấy người hàng xóm đến quán tôi uống cà phê truyền tai nhau thoải mái thì làm gì mà công an khu vực và uỷ ban phường không biết.

Công an phường đã gọi cô Bích lên để chất vấn và dọa sẽ cắt hộ khẩu chồng con cô, cô Bích một mực chối cãi nói rằng hai vợ chồng bất hòa cãi nhau rồi ông chồng giận dữ mang thằng út đi đâu cô không hề biết.

Tới giờ phút này thì khó có thể dấu diếm được nữa, với niềm vui mừng cô Bích đã tâm sự kín đáo với vài người hàng xóm thân là chú Bích và thằng Báu đi vượt biển, hai người cùng chuyến tàu đã đánh điện tín về nên cô rất mừng, chỉ yên trí đợi điện tín của chồng gọi về thôi.

Thế là tất cả những tin đồn đều là sự thật, kể cả chuyện nhà cô Bích nấu cà ri gà ăn mừng. “Tình báo” hàng xóm thật bén nhạy.

Ngày nào cô Bích cũng mong chờ anh đưa thư đi qua, thậm chí nhà không có thư cô Bích cũng vậy anh đưa thư để hỏi thăm là có điện tín hay thư từ gửi đến địa chỉ nhà cô không?

Chắc cô Bích e rằng anh đưa thư để thất lạc tờ điện tín của chồng cô đâu đó, vì mỗi ngày qua mà vẫn bật vô âm tín.

Vài tháng đã trôi qua, niềm vui mừng của gia đình cô Bích đã xẹp xuống bớt, cô bồn khoăn và lo lắng ra mặt, ai hỏi thăm thì cô chỉ trả lời đang chờ đợi điện tín của chồng, cô đặt nghi vấn là có thể chú Bích làm mất chỉ vàng mang theo nên không còn tiền để thư từ hay đánh điện tín nữa? Hoặc chú muốn làm gia đình bất ngờ đợi đến Mỹ mới báo tin chăng?

Cô Bích đã bám víu vào những lý do mong manh ấy để hi vọng, để đợi chờ.

Và rồi không ai dám lên tiếng hỏi thăm cô Bích về tin chồng con của cô nữa, chỉ sợ làm cô hoang mang thêm và lo lắng thêm.

Nhưng cô Bích vẫn không ngừng hi vọng, cô vẫn chờ anh đưa thư mỗi ngày đi qua nhà. .

Anh đưa thư quá quen thuộc với địa chỉ những người trong xóm, anh hiểu thấu tim gan người ta, biết tâm lý của người ta, nhà nào có thư thường tức thư nội địa trong nước Việt Nam thì anh làm xong nhiệm vụ một cách mau chóng, chẳng trông mong gì, nhà nào có thư từ nước ngoài gửi về anh hơn hờ mang tới và bao giờ cũng nhận được tiền thưởng của người nhận thư dù chưa biết trong thư nói gì.. Nhất là nhà có người đi vượt biên gửi điện tín báo tin đã đến trại tị nạn là anh càng lãnh thưởng nhiều, anh biết mình sẽ là người đầu tiên báo tin vui, anh biết cách làm người ta sốt ruột mới chìa tờ điện tín ra.

Có lần anh mang tờ điện tín cho bà Sáu hàng xóm cạnh nhà tôi, 2 đứa con bà đi vượt biên 4-5 tuần lễ mà chưa có tin, gia đình bà như ngồi trên chảo lửa, anh đưa thư thông thả chống chân xe đạp và càng thông thả mở cái túi đeo trên vai đựng đầy thư từ rồi lại thông thả nói khi cả nhà bà Sáu đã đứng trước mặt anh này giờ::

- Điện tín... từ Mã Lai nè...ai ra ký tên nhận giùm.

Cả nhà bà Sáu cùng vỡ òa niềm vui mừng không cần dấu điểm, nhận tờ điện tín và dúi vào tay anh đưa thư một nắm tiền không cần đếm..

Sau này anh đưa thư sắm xe Honda loại xịn đi đưa thư chắc là nhờ anh ký cốp những bổng lộc này.

Anh đưa thư đã mang tin vui đến cho nhiều người, nhưng nhà cô Bích thì không, nhìn vẻ mặt cô Bích hi vọng và thất vọng mỗi ngày khi không có thư từ, anh đưa thư cũng mủi lòng, anh né không dám đi ngang qua nhà cô Bích nữa mà đi lòng vòng lối khác để giao thư cho được yên thân. Tôi hỏi điều này thì anh đưa thư xác nhận:

- Tôi không nỡ nhìn cô Bích thất vọng chị à, mỗi lần thấy tôi cô Bích không hỏi nữa chắc vì cô ngại đã hỏi nhiều lần mà không có gì, nhưng cô vẫn nhìn tôi với ánh mắt chờ mong....

Tôi chỉ biết thở dài:

- Cô Bích cũng có lý chứ, biết đâu tin vui đến muộn? Không lẽ người đi cùng tàu đến nơi mà cha con chú Bích không đến nơi.

Đã nhiều lần cô Bích đến hai gia đình họ hàng bên chồng có người thân đi cùng chuyến tàu với chồng con cô để hỏi thăm tin tức nhưng vẫn không biết gì hơn.

Rồi họ đã đi định cư ở nước ngoài do được bảo lãnh từ lâu, mà cô Bích vẫn chưa nhận được điện tín của chồng.

Điều bí ẩn ấy bao trùm lên gia đình cô Bích và hàng xóm suốt nhiều năm trời.

Năm 1991 gia đình tôi sang Mỹ định cư diện HO.5, và hơn 10 năm sau tôi tình cờ bắt liên lạc được với người bạn thân cùng xóm tên Hằng sống ở Houston , Texas . Hằng di tản sang Mỹ từ năm 1975, Hằng là cháu ruột của chú Bích.

Sau những lần chuyện trò hỏi thăm nhau từ quá khứ đến hiện tại kể từ khi biến cố 1975, tôi mới chợt nhớ ra và hỏi Hằng về chú Bích và đã biết sự thật đau lòng.

Chuyến tàu chở hơn 70 người đi vượt biên bị lạc hướng lênh đênh nhiều ngày trên biển, xăng dầu, thực phẩm và nước uống dự trữ hầu như cạn kiệt, thuyền trôi tự do và chờ chết chum, không chết vì biển thì cũng chết vì đói khát, mọi người lo sợ khóc lóc và đọc kinh cầu nguyện ngày đêm tùy theo tôn giáo của mình, cả tàu tuyệt vọng và bi thảm như đại tang..Họ suy sụp cả thể xác lẫn tinh thần, đoàn người như những bóng ma trong con tàu trôi vờ vờ vô định cả ngày lẫn đêm

Chiếc tàu trôi dạt vào gần một hòn đảo thì mắc cạn, ai nấy đều mừng rỡ coi như vừa chết đi sống lại, đám đông kéo nhau lên đảo, nước ngập lên tới cổ tới ngực tùy chỗ nông sâu.

Chưa biết trên đảo có gì nhưng biết là không bị chết chìm ngoài biển khơi là mừng rồi.

Giữa cảnh chen lấn nhau lên bờ thẳng Báu xây chân ngã xuống biển, khi người ta biết và cứu được thì nó đã chết đuối rồi. Chú Bích ôm xác con lên bờ khóc lóc một cách điên dại.

Dù mệt mỏi và đuối sức, những người đồng hành cũng giúp chú Bích để xác thẳng Báu vào một khe đá và lấy những tảng đá nhỏ khác che chắn lại coi như một nấm mồ.

Một nhóm khác đi dạo thử trên đảo để xem xét tình hình, họ nói đây là đảo hoang chỉ toàn là san hô và đá tảng với vài loại cây mọc thưa thớt chẳng thể tìm đâu ra lương thực hay nước uống cả.

Bây giờ đám thuyền nhân lại lo chết đói chết khát trên hòn đảo hoang vu rộng lớn này. Họ quyết định rủ nhau đi tìm chỗ nào cao ráo nhất để đốt vải, đốt áo làm khói hiệu may ra có tàu nào trông thấy mà đến cứu còn hơn ngồi chờ chết.

Mọi người đi, nhưng chú Bích không chịu đi. Chú Bích bây giờ như một người điên, chú ngồi khur khur bên xác thằng Báu với đôi mắt vô hồn và miệng thì không ngớt lảm bảm một câu duy nhất:

- Cứu con tôi! cứu con tôi! cứu con tôi!

Mọi người xúm vào khuyên giải và năn nỉ chú:

- Đàng nào cháu cũng chết rồi, anh hãy đi theo chúng tôi để tìm sự sống...

Hai người cháu họ của chú cũng vừa rơi nước mắt vừa vỗ về chú như vỗ về một đứa trẻ con:

- Chú ơi, chú để xác thằng Báu ở đây, đi với tụi cháu, chúng ta phải đi khỏi nơi đây may ra sẽ sống sót...

Nhưng chú Bích vẫn khẳng khăng từ chối, chú lảm nhảm gọi tên con và khóc tu tu thảm thiết.

Thật không ngờ một người lính tác chiến từng vào sinh ra tử, chỉ sau những ngày lênh đênh trên biển với bao căng thẳng lo âu, bao suy nhược tinh thần và thể xác cộng thêm cái chết bất ngờ của thằng con thân yêu mà người đàn ông can trường ấy bỗng hóa thành điên dại.

Không thể thuyết phục được chú Bích đoàn người để chú ở lại bên xác con và kéo nhau đi tìm chỗ khác trên đảo. Họ lôi thôi lếch thếch dắt díu nhau, bồng bế nhau, lôi kéo nhau đi trên những tảng đá nhọn gập ghềnh cả nửa buổi trời đến nỗi nhiều người chân chảy máu hay sưng vù lên ...

Tới một chỗ khá cao, tầm nhìn ra biển rộng hơn thoáng hơn thì họ dừng lại. Khi trông thấy bóng con tàu nhỏ xíu ngoài xa họ đột áo cho khói lên liên tục nhưng chiếc tàu vẫn vô tâm không hề hay biết.

Sáng hôm sau họ tỉnh dậy sớm thì thấy một con tàu đang lù lù đến rất gần, nhiều người mừng vui quá hét hò lên vang trời vang biển, nhiều người khác thì lo đột áo làm khói hiệu và cả đám đông kéo nhau đứng trên những tảng đá cao nhất để giơ tay vẫy vẫy cầu cứu.

Tất cả những người trên chuyến tàu đã được cứu thoát như một phép nhiệm màu. trừ hai cha con chú Bích. Cùng đi một chuyến tàu, cùng trải qua những gian nan nguy khốn vậy mà số phận đã nghiệt ngã với hai cha con chú, không được đến bến bờ mơ ước cùng với họ..

Có người thương tâm nói với thủy thủ trên tàu về trường hợp chú Bích, nhưng họ nói nếu không nhớ đích xác ở đâu thì họ không có

thì giờ đi tìm được, và có những nơi trên đảo con tàu không thể đến gần vì san hô và đá ngầm.

Các thủy thủ cũng cho biết đây là đảo hoang không có con người và các phương tiện sinh hoạt khác.

Chuyến tàu của Indonesia đã đưa đoàn người vượt biển đến đảo Galang xong họ tiếp tục cuộc hành trình.

Hai người cháu họ của chú Bích đánh điện tín về cho gia đình, sau đó họ khuyên gia đình dấu kín cái chết thương tâm của cha con chú Bích trong nhiều năm, đợi thời gian như liều thuốc nhuộm màu từ từ chữa lành vết thương của gia đình người bất hạnh, mãi những năm sau này họ mới cho cô Bích biết .

Hằng đã liên lạc với hai người cháu họ ấy ở Mỹ và được biết sự thật chuyến đi vượt biển này từ họ..

Hơn 30 mấy năm qua tờ điện tín mà cô Bích mong đợi không hề đến và không bao giờ đến.

Không ai biết tin gì về cha con chú Bích, nhưng ai cũng có thể suy đoán đoán kết vở bị kịch là chú Bích đã chết đói chết khát bên cạnh xác con trai mình trong tình trạng tâm thần điên loạn.

Cha con chú Bích đã thoát khỏi Việt Nam , chú Bích đã thoát khỏi cảnh công an quân chế giam lỏng.

Nhưng họ chỉ đi được nửa cuộc hành trình, đã bỏ xác nơi đảo hoang.

Hai cha con chú Bích vẫn bên nhau như ngày nào nơi mái nhà xưa, nơi hàng xóm cũ.

Xung quanh hai cha con chú là biển khơi bao la. Sóng và biển sẽ ru hai linh hồn bơ vơ kia giấc ngủ ngàn đời, ngàn đời...!!.

Nguyễn Thị Thanh Dương/ 4/2014



***Quan trọng không chỉ là
những ký ức, mà phải là ký ức về
những người đã yêu thương bạn.***



Phan Các Chiêu Hằng

Chỉ là

là sương mỏng buổi chiều thu
là mùi hương khói của mùa mận xa
là mơ hồ vật nằng tã
mà sao rất thật lệ ta khóc người.

Xoa tóc

Ngồi khoan nhớ nắng hôm qua
Giọt nghiêng thêm cũ la đà tóc em
Nay về nắng đã ngủ quên
Nhặt nhòa dấu bụi in nền gạch hoa
Tóc xưa hương cũ la đà
Rộn ràng đâu tiếng chân qua một thời...



Nguyễn Mạnh An Dân **Giờ cuối ở một đơn vị nhỏ**

Phần 2

@

Tùng nhận lệnh rút quân về Tòa Hành Chánh Tỉnh. Kế hoạch cuối cùng quyết định bỏ tuyến phòng thủ phía ngoài, mỗi đơn vị nhỏ chịu trách nhiệm tử thủ bảo vệ một yếu điểm của Tiểu khu. Tùng cẩn thận áp dụng đúng chiến thuật lui binh, cho rút từng toán nhỏ từ xa đến gần, di chuyển mỏng để tránh pháo kích. Anh cho đơn vị đi dọc theo những con đường đá lở chỗ hố đạn về phía trung tâm thị xã. Tỉnh lỵ Hậu Nghĩa như một chàng nhà quê mặc áo gấm: Vì như cầu chiến thuật tỉnh được thành lập vội vã, tạm bợ. Một số công ốc và nhà phố được xây dựng lên giữa một đồng ruộng xác xơ, khô cháy không che dấu được vẻ nghèo nàn, xơ xác cố hữu. Dân chúng phần lớn đã di tản từ nhiều ngày trước, nhà cửa bốp khóa im lìm, nhiều nơi trúng đạn sụp nát hoang tàn, có nơi còn âm ỷ cháy, quang cảnh tiêu điều, ngột ngạt.

Tùng được cho tần số trực tiếp với Tiểu khu, anh gọi mấy khi đơn vị đến gần vị trí được chỉ định. Tiếng Tiểu khu trưởng ngọt ngào, ấm áp trên máy:

- Trần Biên đó phải không, qua đây, số 1 đây. Qua được báo em đang trên đường về giữ nhà chính, gắng lên, qua chờ gặp em ở đây.

Tùng tiếp tục điều động đơn vị di chuyển. Kinh nghiệm chiến trường buộc Tùng phải dè dặt: Tất cả các điểm án ngữ ngoại vi đều đã rút bỏ, chắc chắn mọi hỏa lực của đối phương sẽ tập trung vào các điểm trọng yếu trong thị xã, không thể coi thường được. Tùng gọi Thiếu úy Còn, Trung đội trưởng thâm niên nhất vào nhận bàn giao tuyến và theo dõi tình hình, anh cho Đại đội bung rộng chung quanh sân vận động đối diện với Tòa Hành Chánh để chờ đợi.

Trời sáng rõ, thành phố bỗng chao rạo khác thường, nhiều binh sĩ lạc đơn vị, áo quần xốc xếch, hốt hải tới lui. Đám tù ở Trung Tâm Cải Huấn phá cửa ra đường chạy tứ tán. Tùng ra lệnh kiểm soát chặt chẽ, tuyệt đối ngăn chặn mọi người lạ không cho lẫn lộn vào khu vực đóng quân để ngăn ngừa nội tuyệt bất trắc, anh bốc máy định liên lạc với Cờn, đúng lúc có giọng hét to, nửa hốt hoảng nửa bức dọc của Cờn trong máy.

- 51! Đây Vạn Lộc gọi. Báo 51 rõ ông đầu tàu ở đây đang chuẩn bị Zulu (rút lui), đã thay đồ dân sự, đang lên xe, trả lời. Toàn bộ chủ nhà lớn nhỏ đang giải tán, chờ lệnh, trả lời.

Tùng lịm người mấy giây trước tin tức nhận được, anh yêu cầu Cờn giữ vững vị trí, chấm dứt tình trạng tăng phái về nhận lệnh từ hệ thống Tiểu đoàn và chờ anh gọi lại. Tùng báo sự việc lên Tiểu đoàn. Tiểu đoàn trưởng như đang chờ sẵn bên máy, ông trả lời chậm rãi và buồn buồn:

- Bình tĩnh đi em, tôi biết chuyện đó rồi. Mình đã làm tròn nhiệm vụ nhưng đơn vị gốc không còn, tình hình nguy ngập. Mình đang ở ngoài khả năng và ngoài tầm yểm trợ của gia đình lớn, chỉ còn mỗi mình ở đây thôi, phải tự lo cho mình. Chờ một chút, tôi sẽ có quyết định.

Tùng gọi máy cho các Trung đội, yêu cầu tất cả dừng giao động, thông báo cho anh em biết tình hình Tiểu đoàn bình thường, mọi liên lạc hàng dọc đều tốt, bình tĩnh chờ lệnh.

Địch bắt đầu pháo kích trở lại vào thành phố. Sơn báo về đã nhìn thấy xe tăng và nhiều dấu hiệu chuyển quân trong tầm ống dòm ở phía bắc thị xã. Tiểu đoàn trưởng nhận báo cáo, ông im lặng một chút như để suy nghĩ, chọn lựa thái độ rồi có tiếng chép miệng trên máy và tiếng Tiểu đoàn trưởng rõ ràng, dứt khoát.

- 50, 51, 53! Đây 45 gọi. Các gia đình nghe được cho con cái di tản, lấy hai lần Charli (Củ Chi) làm hướng 12 giờ, di chuyển hướng 1.30. 51 bung đội hình làm đầu cầu, tôi và thằng 50 sẽ có mặt ngay bây giờ, 53 giữ đuôi, nhận rõ trả lời.

Tùng nhận lệnh, anh lấy địa bàn ra dò phương giác rồi ra lệnh cho các trung đội di chuyển bằng ngang một khoảng ruộng trống, dàn hàng ngang dựa theo một con rạch cạn. Nhiều binh sĩ, cảnh sát, cán bộ của Tiểu khu đi theo, có người dẫn cả gia đình, bồng bế, gồng gánh vừa đi vừa khóc. Tùng nóng ruột chờ nhưng không thấy Tiểu đoàn trưởng, cũng không thấy Đại đội chỉ huy yểm trợ và Thám báo Tiểu đoàn, liên lạc vô tuyến bị gián đoạn. Mưu dẫn

Đại đội theo Tùng, anh yên chí có quân mở đường, cẩn thận cho Đại đội di chuyển theo đội hình chữ U ngược, hai toán quân nhỏ đi hàng dọc giữ hông trái và phải, toàn bộ lực lượng chủ lực rải hàng ngang phía sau. Mưu đi trong cánh quân này.

Địch quân có lẽ vẫn còn e dè, chưa biết thành phố đã bỏ ngõ nên vẫn tiếp tục pháo kích liên tục. Không có dấu hiệu nào là có giao tranh trong thành phố, vậy thì Tiểu đoàn trưởng không phải bị chặn đánh, bị kẹt lại, nhưng ông ở đâu? Sao liên lạc bị cắt? Tùng chợt nghĩ đến một điều làm tim anh đau nhói: Tiểu đoàn trưởng can trường và liêm sỉ, biết đâu vì nhận thấy tình hình đã tuyệt vọng nên ông quyết định ở lại Hậu Nghĩa, chấp nhận đối diện với những giây phút cuối cùng như một người lính đúng nghĩa. Tùng nghĩ điều này có thể xảy ra nhưng rồi anh lại nghĩ khác. Tiểu đoàn trưởng rất nhân ái và thực lòng thương mến tất cả anh em thuộc cấp, ông có thể chọn cho mình một thái độ sống còn nhưng chắc chắn không bao giờ muốn nhiều người khác chia xẻ chọn lựa bi thảm của mình. Vậy Đại đội chỉ huy và Thám báo ở đâu?

Tùng rồi ren với nhiều ý nghĩ, có thể Tiểu đoàn trưởng sẽ đi một cách riêng để yểm trợ cho Tùng? Cũng có thể ông muốn đi riêng với một đội hình gọn nhẹ hơn để mau đến được điểm an toàn? Điều gì cũng có thể xảy ra và cho dầu thế nào Tùng cũng không có gì phiền trách. Tất cả quá nhỏ nhoi trong hoàn cảnh này, hãy thông cảm và tha thứ cho những yếu hèn, vị kỷ của con người nếu có.

Tùng gọi máy cho Tiểu đoàn lần nữa, anh ra lệnh cho âm thoại viên thay ăng ten lá lúa bằng ăng - ten bẫy đoạn để có thể phát và nhận những tần số rõ hơn, xa hơn hy vọng liên lạc được với Tiểu đoàn nhưng đầu máy vẫn hoàn toàn im lặng. Tùng không thể chờ được nữa, hoàn cảnh không cho phép anh mất bình tĩnh, sinh mạng của năm, sáu trăm con người phải được lo liệu, bảo vệ bằng những quyết định hợp lý và sáng suốt nhất của người chỉ huy. Tùng là sĩ quan cao cấp nhất đang có mặt tại chỗ, dù muốn hay không, trách nhiệm đã đặt vào tay anh.

Tùng gọi Mưu và tất cả Trung đội trưởng của cả hai Đại đội đến gặp, anh vẫn tắc phở biến tình hình và những chỉ thị cần thiết. Đơn vị sẽ băng đồng bung về Hóc Môn, tập trung hỏa lực mạnh về phía trước và hai cạnh sườn, giữ vững đội hình bảo vệ những người thấp tùng phía trong. Tất cả vô chung một tần số liên lạc trực tiếp với Tùng. Toàn bộ Ban Chỉ Huy Đại đội tăng cường cho đội hình

chiến đấu ngoại trừ các âm thoại viên và toán Biệt kích cố hữu. Tùng nói một hơi dài mọi điều rồi kết luận:

- Anh em sắp xếp đội hình mình bắt đầu di chuyển, nhớ là không có ai yểm trợ cho chúng ta hết, cố gắng. Lộ trình có thể gặp du kích nhưng hy vọng không có đơn vị lớn. Đạp lên nó mà đi, yên chí, mình còn vũng vàng và đầy đủ hỏa lực, cố gắng chiều nay sẽ bắt tay được với quân bạn.

Các Trung đội trưởng nhận lệnh chuẩn bị di chuyển, Tùng cho tập trung những người tháp tùng vào chính giữa, anh bắt tất cả ngồi ngay ngắn và đồng dục lên tiếng:

- Anh chị em muốn đi theo, chúng tôi sẵn sàng, chúng tôi sẽ cố gắng đưa anh chị em về nơi an toàn nhưng yêu cầu tất cả tuyệt đối tuân lệnh, tuyệt đối bình tĩnh trong mọi trường hợp. Nếu có đột biến gì, yêu cầu tất cả nằm yên tại chỗ, không được tác xạ bừa bãi trừ khi có sự điều động, không được hoảng loạn gây ảnh hưởng chung...

Tùng ngừng lại một chút nhìn mọi người rồi nói tiếp, giọng nhẹ nhàng nhưng rất nghiêm:

- Anh chị em cố gắng, chúng ta cùng cảnh ngộ, phải thương và giúp nhau. Tôi buộc lòng phải có biện pháp với bất kỳ ai vô kỷ luật.

Những người dân, người lính lạc ngũ ngơ ngác và sợ hãi, không biết trông cậy vào đâu đã im lặng lắng nghe và ngồi mắt tin tưởng. Có những lúc tình nghĩa dân quân và màu áo chiến sĩ bỗng trở thành một cái gì hết sức thiêng liêng, hết sức gần gũi, đáng yêu và đáng tin cậy.

Đoàn quân bắt đầu di chuyển, Tùng nhìn ngược về phía Hậu Nghĩa hy vọng sẽ thấy Tiểu đoàn trưởng, Sơn hoặc bất kỳ một người lính nào có đeo cái phù hiệu Sét Miền Đông nhưng không có gì. Khói từ những đám cháy vẫn tiếp tục bốc cao, lảng đảng, buồn bã. Tùng lắc đầu bước theo đoàn quân. Phải quên Hậu Nghĩa đi, với anh bây giờ là trước mặt, là những gian nan sẽ trải qua và những trách nhiệm phải chu toàn.

@

Đội hình di chuyển nhanh và thuận lợi, pháo nhỏ bắt đầu vượt theo nhưng hút tầm rút xa đằng sau không gây tác hại nào mà còn như một động lực giúp đoàn quân tiến nhanh hơn. Có bóng cờ xanh

trắng sao vàng phát phới ở một rìa xóm bên trái hướng tiến quân. Tùng nhận báo cáo, nhưng anh ra lệnh tiếp tục giữ đúng phương giác, đi thẳng.

Giữa trưa, bắt đầu khó khăn, nắng đổ lửa và đoàn quân phải lội ngang một đồng lầy mướt tầm mắt. Cánh đồng hoang đầy lau sậy và cỏ gai, sinh bám quá gối và trên mặt nổi lên một lớp nước phèn vàng óng, sánh đặc. Mọi người di chuyển nặng nhọc và chậm chạp. Tùng hiểu sự khó khăn của anh em, bản thân anh chỉ nhẹ nhàng chiếc nón sắt, cái áo giáp, cái ống dòm và sợi giây ba chạc mang khẩu súng nhỏ, hộp địa bàn và bình nước mà đã như mang đá trên người, đôi bốt - dờ - sô nặng nề như gián xuống sinh, huống chi những người khác.

Người lính bộ binh lưu động phải mang cả gia tài sinh hoạt, ăn ngủ và vũ khí chiến đấu trên lưng. Đã nhiều lần Tùng kiểm tra quân trang, cố tìm nhưng thứ có thể bỏ được cho anh em nhẹ nhàng một chút nhưng lần nào anh cũng phải bỏ cuộc: Cái gì cũng cần thiết cho người lính để sống và chiến đấu, vai người lính bộ binh phải oằn xuống vì mang vác và nhiệm vụ.

Tùng ra lệnh vứt bỏ quân trang, quân dụng ngoại trừ vũ khí và một ngày ăn. Đoàn người nhẹ nhàng tiến nhanh được một chút rồi thấm mệt và chậm lại. Tùng không đốc thúc anh em tiến nhanh, nhưng anh luôn miệng kêu gào, hò hét phải giữ vững đội hình. Cái gì sẽ xảy ra nếu chạm địch trong hoàn cảnh này. Tùng tiên liệu và an tâm về cánh quân lớn của địch phía sau. Nếu “họ” đã vào Hậu Nghĩa, mục tiêu đã đạt, chắc chắn họ sẽ dừng lại để tiếp thu và củng cố đơn vị, ít ra cũng trong một thời gian ngắn không mở rộng tầm hoạt động. Nhưng còn những toán quân khác, còn du kích địa phương? Các đơn vị này thật ra không là gì với Tiểu đoàn, với Tùng trước kia nhưng bây giờ tình hình đã đổi khác, đơn vị Tùng bị kẹt giữa cánh đồng bưng này, biết làm sao?

Tùng nóng lòng muốn đưa đơn vị ra khỏi đầm lầy, vùng này ở ven đô không thuộc phạm vi trách nhiệm của Sư đoàn, cũng không ai tiên liệu có ngày một đơn vị chủ lực phải rút về đây nên không trang bị sẵn bản đồ. Tùng không rành rẽ địa hình, chỉ nhắm chừng và đưa đơn vị đi theo một phương giác nhất định. Đồng bưng rộng thênh thang thỉnh thoảng nổi lên một gò đất cao, lác đác mấy mái chòi tranh xơ xác, khuất lấp và khả nghi. Đội hình đang di chuyển bỗng chùn lại, toán quân đầu nằm rạp xuống và tiếng đạn AK bắn

ngược chiều kêu “pắc, pắc” chói tai. Tiếng Mưu hấp tấp trong máy:

- 51, đây 53B gọi, phục kích, địch tác xạ từ hướng trái gia đình tôi, trả lời.

Có tiếng đạn cối bắn đi, đoàn người tháp tùng bắt đầu hỗn loạn. Tùng hét lớn buộc mọi người ngồi xuống và lấy ống dòm ra quan sát. Đạn pháo nhỏ rơi xuống sinh nổ bụp một tiếng yếu ớt và chấm dứt, không bùng mảnh gây tằm sát hại lớn như trên đất khô, không nguy hiểm lắm. Phía trước, đồng bùng vẫn tiếp tục kéo dài, không có chỗ để làm vị trí chiến đấu kiên cố, không có chỗ để bố trí một lực lượng lớn. Tùng phán đoán tình hình rất nhanh và bốc máy gọi Mưu và Cồn, hai người chỉ huy toán quân đầu, anh nói ngắt đoạn từng câu ngắn, rõ ràng, tự tin pha chút khôi hài:

- Bình tĩnh đi mấy cậu, mấy con vị đệt quấy phá thôi chứ không có gì đâu. Câu M. 79 vào các điểm khả nghi, cho con cái vừa tác xạ vừa càn tới, giữ hàng ngang tránh ngộ nhận. Bắn “bắc cú” đừng nổ “tự động” phí đạn. Coi kỹ có con nào núp dưới sinh kéo cổ vãi đừa làm gương. Tôi sẽ cho ông già 60 ho vài tràng dọn bãi cho mấy cậu.

Tùng buông máy, anh gọi xạ thủ súng cối cho yếu tố tác xạ. Bãi sinh không đủ cứng để đặt bàn tiếp hậu, xạ thủ nhanh nhẹn lật ngược nỏn sát tì trên gối, tháo nòng súng đặt vào nỏn và lấy phương hướng. Phụ xạ thủ quì một bên, lanh lẹ và thành thạo vượt từng trái đạn bắn đi. Tùng quan sát trái nỏ, điều chỉnh tầm bắn và dặn dò binh sĩ tiếp đạn:

- Cẩn thận thuốc bồi, coi chừng thuốc bị ẩm, hút tằm nguy hiểm cho quân bạn.

Anh bốc máy gọi lên phía trước:

- Chuẩn bị, dứt đệt pháo thì càn lên, ép phải một chút, không càn ăn thua đủ với nó, tác xạ áp đảo cho nó câm miệng và đi tới.

Đoàn quân tiếp tục tiến lên, đạn bắn xối xả về một hướng. Tùng ra lệnh cho toán quân bên trái xoay ngang tác xạ yểm trợ cho toán quân đi đầu. Pháo địch vẫn rót đạn nhưng rời rạc, lẻ tẻ. Tâm lý phải nỗ lực để vượt qua vùng nguy hiểm, để về điểm an toàn, gấp lại quân bạn như một liều thuốc bổ đủ mạnh để giúp toán quân mệt mỏi lao tới bằng sức lực của một con hổ và đè bẹp đợc sức ngăn trả của đối phương. Có bốn binh sĩ bị thương vì đạn pháo nhưng không nguy hiểm, họ tự thích nghi và cố gắng đi theo đồng đội.

Tùng cho đơn vị dừng lại khi đã vượt xa khu vực chạm địch, anh muốn cho anh em dưỡng sức đồng thời để có thì giờ suy nghĩ kế hoạch. Đồng bụng đã khô dần về phía trước, có nhiều gò đất, bờ bụi và nhiều nhà chòi khiến Tùng e ngại. Anh ra lệnh sắp xếp lại đội hình, rải đều quân tạo thành một hình vuông khép kín, tất cả binh sĩ quay mặt ra ngoài, hỏa lực chia đều bốn phía và ngồi lại nghỉ ngơi.

Người hạ sĩ già nấu bếp mon men đến gần Tùng, ngần ngại đưa cho anh bình nước lạnh và nói nhỏ như một người đang có lỗi:

- Ông Thầy uống miếng nước, sáng nay không kịp pha trà, không có cà phê cho thầy, bậy quá!

Tùng mỉm cười, anh mở bình đồng hóp từng ngụm nhỏ, miệng khô khản và đắng ngắt. Nước ruộng nhưng có mùi thơm của xác trà còn sót trong bình là lạ, dễ chịu. Tùng nhìn người lính già đã theo anh qua bao gian khổ trong nhiều ngày tháng dài và thấy thương hại anh ta, thương những người lính như anh vô cùng. Người lính ít học, không biết gì về chủ nghĩa, về những khúc mắc chính trị, họ nhẫn nại chịu đựng và cố gắng chu toàn nhiệm vụ của mình, phó thác số phận cho trời và cho những cấp chỉ huy gần gũi, trực tiếp nhất của mình. Họ nhỏ nhoi cam chịu, không đòi hỏi, không ý kiến, không có những tiên liệu, toan tính riêng tư. Họ ràn buộc đời mình vào quân đội, vào đơn vị như một chỗ dựa an toàn, khả tín, nhất là trong những lúc tình hình nguy ngập. Tùng rùng mình nghĩ đến một lúc nào đó, có thể người lính sẽ phải đối diện với những tai biến, những thảm cảnh ngoài sức tưởng tượng của họ. Tùng rất đau lòng, anh thân mật vỗ vai người lính già, dịu dàng:

- Lỗi phải gì, anh có kịp ăn đâu mà áy náy vì tôi thiếu cà phê. Thôi, rán đi, về được rồi tính.

Tùng đưa ống dòm quan sát một lần nữa. Địa hình phức tạp và nguy hiểm. Tùng định gọi Muru, yêu cầu cho một toán tiên sát mở đường, thăm dò trước tình hình nhưng rồi anh lại đổi ý. Hoàn cảnh này không cho phép những sự cẩn trọng e dè và sách vở chiến thuật quá đáng, phải nhanh chóng, liều lĩnh vượt nguyên tắc. Anh cầm máy gọi tất cả chỉ huy các toán quân nhỏ:

- Cho con cái chuẩn bị, di chuyển theo phương giác và đội hình cũ. Địa hình phức tạp và khả nghi, cẩn thận tối đa. Hai cây số nữa mình sẽ về đến bờ sông Vàm Cỏ, sang sông là đất nhà. Gắng lên anh em.

@

Tùng ngồi bệt xuống dưới một gốc bần sát bờ sông, anh thả cả hai chân xuống nước, quơ tới quơ lui cho sạch bớt lớp bùn sinh bám đầy trên boots - đồ - xô và bê bết hai ống quần treili cao quá gối.

Đơn vị đã đến được bờ sông, đã có một trung đội sang bờ bên kia án ngữ làm đầu cầu và toàn bộ quân số còn lại đang chuẩn bị vượt sông theo kế hoạch. Cuộc di tản nhọc nhằn và nguy hiểm đã hoàn tất nhưng Tùng thực sự không vui vì cái chết của Thiếu úy Còn và những vết thương trầm kha của mấy binh sĩ khác. Giá vào một lúc khác, nổi ray rức của Tùng có lẽ sẽ không quá nặng nề, giai đoạn như bây giờ. Chiến tranh, chiến đấu và hy sinh là chuyện bình thường của mọi người lính. Cái chết không phải là điều dễ quên nhưng cũng không thể là nỗi ám ảnh quá đáng đối với những người còn phải thi hành nhiệm vụ. Tùng biết điều đó nhưng lần này, trong tận cùng tâm khảm, anh cảm nhận được tính chất đặc biệt của hoàn cảnh. Biết đâu, tình hình sẽ biến chuyển thuận lợi theo một hướng nào đó; biết đâu, chiến tranh sẽ kết thúc trong những ngày rất gần và những sự hy sinh lúc này sẽ trở thành một bi kịch, bi thảm hơn tất cả mọi sự hy sinh khác.

Tùng nhớ lại tất cả mọi việc: Đơn vị bị phục kích, toán quân đầu lọt vào tầm tác xạ của một chốt án ngữ có hỏa lực khá mạnh. Khẩu trung liên nổi quét đạn xối xả vào quân bạn cùng lúc hàng loạt AK tạo thành một mạng lưới đạn dày đặc, dữ dội. Không có tổn thất nào trong những giây phút đầu tiên nhưng áp lực của địch buộc đoàn quân phải dừng lại. Tùng tiến lên gặp Mưu và Còn, anh quan sát trận thế, ước lượng tình hình, tiên đoán địch quân có quân số cấp Trung đội, có hàm chiến đấu kiên cố và kết luận khó có thể đánh trực diện, chỉ có thể vượt qua nếu có bộ phận cảm tử vượt lên từ sau lưng địch đánh ngược lại. Tùng chỉ nhận xét, anh chưa ra lệnh nhưng Còn đã đứng lên nhìn Tùng một thoáng rồi nói gọn:

- Tôi lo việc này cho.

Tùng chưa có ý kiến gì, anh biết Còn tình nguyện một phần vì chính anh cũng nóng lòng muốn khai thông lộ trình cho đơn vị, phần khác vì Tùng đang trực tiếp chỉ huy, có hai Đại đội chả lẽ đùn khó khăn cho Mưu, cũng không thể đẩy trách nhiệm cho các Chuẩn úy trẻ. Bao giờ Còn cũng sòng phẳng và luôn thể hiện ý chí và tư cách của một sĩ quan thâm niên. Thấy Tùng ngần ngừ, Còn lập lại đề nghị, rành mạch và cả quyết:

- Kế hoạch tối ưu, tôi làm được.

176 Tin Văn

Tùng gật đầu, nói nhỏ:

- Được, cậu rán đi, tùy nghi quyết định số lượng và chọn lựa những anh em tháp tùng thích hợp. Tôi sẽ có cánh yểm trợ cho cậu.

Còn chọn mười binh sĩ khỏe mạnh, yêu cầu anh em bỏ vũ khí cộng đồng, chỉ mang súng cá nhân và lựu đạn, rồi vừa dận dò anh em phương cách tác chiến, vừa khom người dẫn đầu toán quân lao vào một lùm rậm, men theo những mô, gò um tùm tiến về phía trước.

Tùng ra lệnh rải quân lấp đầy khoảng trống, tác xạ về phía trước để nguy trang, anh điều động một toán quân nhỏ tiến lên một khoảng xa, như chuẩn bị tấn công để lôi kéo sự chú ý của đối phương, giúp Còn dễ dàng di chuyển và đột kích. Thời gian nặng nề và căng thẳng trôi qua. Tùng ước chừng đường đi của Còn, tiên đoán bạn đã tiến khá xa, anh ra lệnh chuyển hướng tác xạ về một phía, hơi nhắc nòng súng lên cao, bắn chỉ cốt để thị uy mà tầm đạn không gây tác hại cho quân bạn. Tùng an tâm thấy hỏa lực địch vẫn tập trung bắn về phía mình, chứng tỏ địch không ngờ và không phát hiện được sự hoạt động của Còn. Tùng nhìn sang Mưu, gật đầu cười. Mưu cũng đáp lại như thế.

Có nhiều tiếng súng và tiếng lựu đạn nổ ở hướng chốt địch, khẩu trung liên khựng lại một chút, rồi được chuyển hướng tác xạ, nổ dòn một tràng dài trước khi ngưng bật. Tùng đứng lên, khoát tay ra hiệu, cả hàng quân cùng bật dậy, lao về phía trước.

Chốt án ngữ đã hoàn toàn bị tiêu diệt, khẩu trung liên của địch bị trúng lựu đạn văng ra xa, cong nhúm, xác mười một địch quân nằm rải rác trên những vũng máu, thi thể bầy nhầy, nhiều cái không toàn vẹn, số còn lại đã tháo chạy.

Tùng hồi hợp quan sát, anh không chú ý đến những chiến lợi phẩm ngổn ngang, chỉ cố sức lao nhanh về phía những người lính đang quần quai, rên rĩ. Kế hoạch đột kích tốt đẹp đến phút cuối cùng, toán quân của Còn di động dễ dàng, áp sát được vào chốt địch hoàn toàn bất ngờ và thuận lợi. Đột khai hỏa đầu tiên đã gây cho địch một tổn thất lớn, nhưng chưa tiêu diệt được khẩu trung liên và trong cái giây phút thất thần hoảng loạn đó, gã xạ thủ đã quay súng bóp cò theo phản xạ, đúng lúc Còn và các anh em khác nhào lên tung những quả lựu đạn quyết định chiến trường. Loạt súng oan nghiệt đó bứt lìa một chân của Còn và gây trọng thương cho ba anh em khác. Còn quỵ xuống cùng lúc với tiếng nổ làm văng khẩu trung liên.

Tùng đi một vòng, coi từng anh em rồi trở lại quỳ xuống, đỡ Còn nằm dựa vào mình. Mặt Còn tái nhợt vì mất máu, một ống chân gãy lìa, chỉ còn dính với phần trên bằng một phần da nhỏ, ống chân gãy quay ngược ra ngoài, dị dạng. Còn khẽ mở mắt, thều thào:

- Ổn chưa, 51?

Tùng ứa nước mắt, anh cuối sát gần mặt Còn, vỗ về:

- Xong rồi, đẹp lắm, như xi - nê. Nhưng thôi, cậu nghỉ đi, đừng nói chuyện nhiều, mất sức, y tá sẽ chích thuốc cho cậu, tôi sẽ cho tải thương ngay, yên chí, mình sắp về tới rồi.

Còn lẩm bẩm, mắt nhắm nghiền, nhưng khóe miệng hơi hé cười:

- Sắp tới rồi, mình sắp tới rồi à?

Tùng nhẹ nhàng đặt Còn nằm xuống bãi cỏ. Y tá đại đội quỳ bên cạnh chỉ vào chân Còn, ra hiệu hỏi Tùng có nên cắt đoạn chân lìa ra khỏi người của Còn hay không? Tùng nhìn Còn, anh suy nghĩ một chút, rồi lắc đầu. Tình trạng Còn rất nguy hiểm, có bề gì, cũng nên giữ thân thể anh đầy đủ, tốt hơn.

Tùng đứng dậy, anh nhìn đoàn quân, tất cả đều mệt mỏi vì đói và vì bãi lầy. Mọi người đều khó khăn để tự lo liệu cho mình, lấy ai để tải thương trong hoàn cảnh này. Tùng gọi hai khẩu đội súng cối, anh quyết định ra lệnh bỏ một súng và đạn cối để tải thương.

Tùng dặn Mưu bố trí lại đội hình chuẩn bị đi tiếp rồi trở lại chỗ Còn nằm. Tất cả chỉ có hai băng ca, Tùng dành cho Còn một cái, cái còn lại cho người thương binh nặng nhất, hai người khác nhẹ hơn, được đồng đội dìu theo đoàn quân.

Tùng im lặng nhìn anh em bế Còn lên băng ca, y tá cảm khúc chân gãy rề theo, tránh làm căng miếng da gây đau đớn và đặt song song với chân lành lặn của Còn. Chắc Còn đau đớn cùng cực, nhưng anh không đủ sức để la lớn, chỉ rên khe khẽ và hé mắt nhìn, có ý tìm kiếm. Tùng cúi xuống, nắm tay Còn, dịu dàng:

- Tôi đây, chúng ta sẽ đi chuyên bây giờ, cậu yên tâm, tôi sẽ đưa cậu về Cộng Hòa, nhất định sẽ về kịp.

Còn lặng lẽ nhìn Tùng, ánh mắt như đại đi và có ngấn lệ ứa ra bên khóe:

- Xa lắm, phiền... khổ anh em... 51 ... bắn giùm tôi đi.

Tùng đứt ruột đau xót, anh chồm người, gần như ôm trọn lấy Còn, nước mắt chảy ra và nghẹn ngào nói:

- Đừng nghĩ quần, không sao đâu, nghỉ đi, tôi và anh em sẽ lo cho cậu.

Còn kiệt sức, giọng yếu dần, môi chỉ còn mấp máy. Tùng cúi người thật sát, kề tai cố nghe:

- Cái chân tôi....về....thôi....mẹ tôi....

Còn nói không hết câu, anh hơi nẩy người lên một chút rồi rũ ra. Tùng đặt tay lên ngực Còn, anh khẽ lắc đầu rồi đưa tay vuốt mặt bạn và lặng lẽ đứng lên nhìn những người lính tải thương, chậm rãi nói bằng một giọng buồn buồn:

- Cố gắng đưa Thiếu úy về, tôi nhờ anh em.

Tùng nói xong và bỏ đi, anh không đủ can đảm nhìn thi thể Còn lâu hơn. Tùng điều động đơn vị di chuyển, nhưng đầu óc anh rối beng với nhiều ý nghĩ. Cái chốt án ngữ quân số không đông, chỉ nguy hiểm mỗi cay trung liên, nếu Tùng không quá nôn nóng, cứ cho dừng quân lại, nã cối để tiêu diệt, hoặc giả cứ nghi binh khiêu khích khiến địch hoảng sợ phải tác xạ liên tục thì chỉ trong một lúc đạn dược sẽ sẽ cạn dần, khi ấy anh sẽ dùng hỏa lực tràn lên chiếm mục tiêu thì biết đâu Còn đã không phải hy sinh? Tùng suy nghĩ một lúc và thấy là mình lảm cảm. Trong chiến tranh, mỗi quyết định đều có cái giá của nó, không ai biết trước được điều gì sẽ xảy ra. Tùng hiểu điều đó, trách nhiệm không ràng buộc anh, nhưng tình cảm vẫn làm anh buồn lòng, áy náy.

@

Tùng sang sông theo đợt quân cuối cùng. Đơn vị đã qua hết và mọi người đang nằm, ngồi rải rác trên cánh đồng. Phía xa đằng trước là một xóm nhà rải dọc theo quốc lộ, với xe cộ đi lại tấp nập trên đường. Niềm vui về được đất nhà như làm mọi người hồi sinh, quên hết mệt nhọc. Tùng thở phào như trút được một gánh nặng, để mọi người tự do muốn làm gì thì làm. Tùng nhìn bao quát lượng định tình hình. Giòng sông Vàm Cỏ rộng lớn phía sau như một chướng ngại vật thiên nhiên tuyệt vời bảo vệ mặt lưng đơn vị, còn phía trước là quân bạn, như vậy không có gì đáng lo ngại nữa...Tùng định sẽ để mọi người nghỉ ngơi, cho người tải thương vào xóm và mua đồ ăn uống, sẽ ngủ một đêm an toàn trước khi liên lạc để nhận nhiệm vụ mới, anh ngồi bệt xuống đất, dựa lưng vào bờ ruộng nhìn ra đường. Nắng chiều dịu dịu và bầu trời trong xanh, Tùng mỉm cười nhìn xe cộ chạy xa xa và thấy vui vui khi nghĩ đã có lúc Thiên Kim đi lại trên con đường này. Người hạ sĩ già mang đến cho Tùng một gói mì khô và nói vui vẻ:

- Tôi có mang đủ đồ cho Trung úy mà nặng quá, bỏ dần, Trung úy dùng đỡ gói mì.

Tùng mỉm cười, dễ dãi:

- Còn gói nào anh ăn đi, rồi vào xóm kiếm cái gì cho tôi, mình khao quân xóm xóm một chút.

Tùng nói và mở gói mì nhai từng miếng nhỏ. Suốt ngày không có gì trong bụng, cơn đói và niềm vui làm Tùng thấy những cộng mì ngọt ngào, thơm ngon lạ thường, Tùng vừa ăn vừa nhìn ra chung quanh, những người tháp tùng đã lần lượt vào xóm, trên cánh đồng rộng chỉ còn các binh sĩ thuộc quyền của Tùng, anh em một số đang nói chuyện, số khác đang nằm lăn ra đất, đồ đạc, súng ống vứt bừa bãi không chút e dè, phòng bị. Tùng nhìn thấy nhưng không nói gì, kệ, để anh em được sống bình thường, được làm người bình thường hưởng một chút thoải mái, nghỉ ngơi hiếm có này.

Tùng rất thương những người lính của mình, đa số họ còn rất trẻ, chiến trường như một phán quan khó tính và độc ác, nó loại bỏ dần từng con người, cướp đi từng mạng sống, ít ai kịp lớn, kịp già trong chiến tranh và một lớp người khác phải thay thế. Tùng rất hiểu những chàng trai tội nghiệp này, họ cũng có một thôn làng, một góc phố, một mái nhà nào đó để nhớ về; một nụ cười, một mái tóc nào đó để nghĩ tới; họ cũng cần những phút mơ mộng, lang thang uống một ly cà phê, nghe một bản nhạc; những ước mơ rất bình thường, rất con người mà họ phải từ bỏ tất cả; đời sống có một chút kiêu hãnh nhưng rất nhiều chua xót. Tùng hiểu và anh đã cố gắng dung hòa giữa trách nhiệm của một cấp chỉ huy và tình thương của một người anh, nghiêm khắc tuyệt đối khi cần thiết và thoải mái tới đa khi có thể.

Tùng cởi giày, vắt khô đôi vớ dày dầm nước và bóp bóp hai bàn chân bạc tảng, nhăn nhúm vì bị bó ứ quá lâu của mình, anh nằm dài ra đất nhìn trời và suy nghĩ mông lung: Không biết giờ này Tiểu đoàn ở đâu? Trung đoàn ra sao? Sư đoàn thế nào? Không biết Thiên Kim đang làm gì? Ở đâu? Còn cha mẹ? Tùng thấy xôn xan, đau đớn. Niềm vui thoát hiểm chỉ thoáng qua nhưng nỗi lo trước mắt dần dặc. Tùng ngồi dậy, anh nghĩ phải vào xóm ngay, phải hỏi thăm tin tức, phải liên lạc với đơn vị và tái phối trí tức thì. Tình hình này không thể và không được nghỉ ngơi gì cả. Tùng thấy mình giống như một đứa trẻ quá hưng phấn đã muốn tự tưởng thưởng mình làm được một bài toán khó bằng cách bỏ dở một buổi học. Không được, đơn vị anh đã bỏ Hậu Nghĩa, biết đâu, nhiều đơn vị khác cũng làm công việc tương tự như thế ở nhiều nơi khác

và tình hình chung chưa biết thế nào, chuyện gì cũng có thể xảy ra và thời gian lúc này không thể tính bằng tháng, bằng ngày mà phải từng giây, từng phút.

Tùng vội vã mang giày. Có nhiều tiếng lao xao và một nhóm người bu lại ở một góc xa. Tùng nhìn thấy một người đàn bà đứng tuổi đang quơ chân, múa tay nói một điều gì đó và nhiều người chỉ về phía Tùng. Tùng ngồi thẳng người khi người đàn bà đến gần, chị ta nhìn Tùng và hỏi trống:

- Anh chỉ huy toán quân nguy này?

Tùng trừng mắt, anh hết sức khó chịu khi nghe giọng điệu của người đàn bà nhưng cố dần lòng trả lời, cộc lốc, thách thức.

- Vâng, chị là ai, muốn gì?

Người đàn bà tiếp tục nhìn Tùng đăm đăm như đang đánh giá, ước tính một điều gì đó rồi mới mỉm cười, nói lớn, không trực tiếp trả lời câu hỏi của Tùng:

- Quân đội nhân dân đã làm chủ khu vực này, chính quyền cách mạng yêu cầu các anh buông súng.

Tùng mở tròn mắt, anh hỏi lại như không tin vào tai mình:

- Chị nói gì?

Người đàn bà chậm rãi nói tiếp:

- Tôi là ủy viên hội liên hiệp phụ nữ giải phóng, đây là xã Tân Thới Nhì, Huyện Hóc Môn. Tôi được huyện ủy và bộ chỉ huy quân sự huyện ủy nhiệm, đến đây thông báo cho anh rõ: Toàn bộ các tỉnh Tây Ninh, Hậu Nghĩa, Bình Dương đã được giải phóng; Hóc Môn và khu vực chung quanh sân bay Tân Sơn Nhất, Bà Quẹo cũng đã được giải phóng, Quân đội nhân dân đang tiến về tiếp quản Sài Gòn, yêu cầu anh ra lệnh cho binh sĩ buông súng trình diện chính quyền Cách mạng.

Tùng sững sờ, anh bỏ mặc người đàn bà, đứng lên cầm ống dòm nhìn vào xóm nhà. Khắp một tuyết dài dọc theo bờ xóm có bóng những người lính ghim súng hướng ra cách đồng; trên đường, tất cả các xe đều có lá nguy trang và cắm cờ xanh trắng, sao vàng. Tùng hiểu mọi sự, hiểu sự ỷ ỷ, lằm lằm của mình, anh lặng lẽ ngồi xuống, nhìn thẳng người đàn bà, chậm rãi:

- Tôi hiểu, nhưng tôi không thể trả lời cho chị ngay bây giờ, tôi cần thời gian, chị đi đi.

Người đàn bà ngần ngừ một chút rồi đề nghị:

- Anh làm gì cứ làm đi, tôi chờ để biết ý kiến của anh.

Tùng không muốn bắt kỳ ai, nhất là người đàn bà đại diện cho kẻ thù chứng kiến những giây phút khó khăn, chua xót của đơn vị mình, anh nói dứt khoát:

- Không được, chị ngồi đây tôi sẽ không giải quyết gì hết, tùy chị: Người đàn bà mỉm cười, tỏ vẻ dễ dãi, cởi mở của một người đang có ưu thế:

- Cũng được thôi, nhưng báo anh biết chúng tôi không có nhiều thì giờ, lực lượng của chúng tôi đầy đủ trong kia, chúng tôi đã sẵn sàng từ lúc các anh chưa sang sông, nhưng hòa bình rồi, giải phóng rồi, không nên đổ máu vô ích nữa, cả hai bên, anh suy nghĩ đi.

Người đàn bà nói xong quay người đi vào xóm nhà, Tùng ngồi im như một pho tượng. Tin tức về tình hình thất lợi đã lan khắp đoàn quân, mọi người đều bật dậy, im lặng đến gần vây quanh lấy Tùng, tất cả đều mang súng ống sẵn sàng.

Tùng lặng lẽ nhìn khắp một lượt anh em, ánh mắt của mọi người làm Tùng bối rối và đau xót. Tất cả mọi người đều chăm chú nhìn Tùng như chờ đợi, như dò hỏi, như hy vọng, như trao gởi và tin cậy. Tùng cuối gằm mặt xuống, mắt mờ đi: “Đừng nhìn tôi, đừng hy vọng gì ở tôi nữa anh em ơi! Chúng ta đã lạc mất đơn vị từ sáng nay, tôi cũng nhỏ nhoi yếu đuối lắm, tôi cũng hy vọng và chờ đợi một lời khuyên, một mệnh lệnh nhưng không có gì cả, không còn ai cả. Anh em chúng ta đều lạc lõng, tội nghiệp và vô vọng như nhau. Tôi biết nói gì với anh em? Tôi quyết định được gì cho anh em? Tôi chỉ là một sĩ quan quá nhỏ bé trong quân đội, mọi quyết định ở một chỗ khác, mọi trách nhiệm cũng ở một chỗ khác, nhưng hoàn cảnh đã biến tôi thành cái gạch nối gần nhất của cả một hệ thống chỉ huy không hoàn thành trách nhiệm trước anh em, tôi phải làm tròn vai trò đó và cá nhân tôi, tôi nhận lỗi và xin thông cảm cho tôi. Tôi xấu hổ vì sự bất lực của mình nhưng tôi cũng hãnh diện được có mặt bên cạnh anh em, chia xẻ với anh em những giờ phút hào hùng và bi thảm cuối cùng. Tôi không thể phiêu lưu dẫn anh em lùi lại trong cánh đồng bùng; tôi cũng không thể điên cuồng ra lệnh cho anh em tấn công vào xóm nhà, tấn công giữa một khu vực không còn quân bạn, chúng ta không còn một nơi nào để nhắm tới, tôi không còn một cách nào khác, xin hiểu cho tôi...”

Tùng chấm dứt dòng suy nghĩ và chậm rãi đứng lên. Mọi người im phất và tất cả nóng lòng hồi hộp chờ nghe một điều gì đó từ người

chỉ huy của mình. "... Tôi nghiệp anh em quá, tôi nghiệp tôi quá, chúng ta không có phép là nào hết, không có ơn phước nào đến với chúng ta lúc này hết, phải can đảm chấp nhận thực tế chua cay của số phận mình anh em ơi..."

Tùng thấy mắt mình cay cay, anh nói nghẹn ngào:

- Hoàn cảnh của chúng ta anh em đã biết hết rồi; sáng nay tôi rất hy vọng và có hứa đưa anh em về nơi an toàn, anh em đã cố gắng hết sức và tỏ ra rất xứng đáng, rất can trường, tôi ghi nhận và xin cảm ơn, tiếc là chúng ta đã đến quá muộn, tôi đau đớn lắm và tôi biết anh em cũng như thế nhưng không biết làm sao hơn...

Có nhiều tiếng xì xào trong hàng quân, nhiều người gục đầu chảy nước mắt. Tùng ngừng lại lấy khăn lau mặt rồi ngược lên nói nhanh, mắt đỏ hoe không nhìn ai:

- Thôi, chúng ta không có thì giờ. Kể từ giờ phút này tôi không còn là chỉ huy của anh em nữa, xin anh em tự lo liệu, chúc anh em may mắn.

Hàng quân trở nên hỗn loạn, mọi người đứng lên bu kín lấy Tùng, mỗi người tranh nhau nói một câu, tất cả đều muốn ở lại, muốn theo Tùng. Tùng lắc đầu, anh nói từ tốn:

- Cảm ơn anh em nhưng không được, tôi không còn làm gì cho anh em được nữa hết, đừng mất thì giờ, không biết chúng ta có còn được gần nhau lâu nữa không, xin chia tay và hy vọng có ngày gặp lại anh em. Thôi, anh em cho tôi yên một chút.

Tùng nói xong những điều khó nói nhất, anh thần thờ ngồi xuống và im lặng không nhìn ai. Đám đông ồn ào, chộn rộn, có người hốt hải lo âu, có người phẫn nộ uất ức, đau đớn oán than, họ bịn rịn và e dè chờ đợi một lúc rồi cũng lẻ tẻ kéo nhau vào xóm. Đoàn người vắng đi dần dần, chung quanh Tùng chỉ còn Mưu, mấy sĩ quan Trung đội trưởng, người hạ sĩ già nấu bếp, mấy âm thoa viên và toán biệt kích Đại đội, những người đã từng gần gũi, lăn lộn sống chết nhiều phen với Tùng. Mưu e dè lên tiếng:

- Trung úy coi lại xem có cách nào khác không?

- Không!

- Vậy chúng ta cũng vào à?

- Đúng!

Mưu tần ngần một chút rồi nói tiếp:

- Tôi không dám trách trung úy, nhưng hình như ông hơi vội!

Tùng cười buồn, anh cầm tay Mưu:

- Cậu nói đúng một phần, nếu tôi đi một mình, hoặc nếu tôi không bị ràng buộc gì với ai, có thể tôi cũng sẽ nghĩ như cậu, nhưng tôi còn chỉ huy, tôi còn trách nhiệm - trách nhiệm cuối cùng - tôi không thể liều lĩnh được. Người đàn bà hồi nãy có nói một điều đúng “không nên để xương máu đổ thêm nữa”, không ích lợi gì trong hoàn cảnh này, cậu hiểu giùm tôi.

Tùng không nói gì thêm, anh im lặng tháo băng đạn khẩu súng colt, lơ đãng lấy tay bấm cho những viên đạn rơi xuống đất rồi hồ hững bỏ súng vào bao, cuốn giấy ba chạc gọn ghẽ quanh chiếc nón sắt ngay ngắn như những lần so hàng trong quân trường, ngồi trầm ngâm một chút rồi đứng lên buông thõng mấy tiếng:

- Thôi mình đi.

Tất cả đứng lên theo. Tùng như chợt nhớ ra, nói vội với mọi người.

- À! Chút nữa tôi quên, anh em nào biết nhà Trung úy Thắng, Thiếu úy Còn và các anh em thiếu may mắn khác, nếu được về sớm báo giùm tình trạng của các anh em ấy. Tôi sợ không làm được, sợ khó về. Đây là điều cuối cùng chúng ta có thể làm cho nhau, anh em cố gắng, tôi cảm ơn.

Nguyễn Mạnh An Dân



***Quan trọng không phải là
những thứ bạn mang theo
bên mình, mà là những gì bạn
đã đóng góp.***



Luân Hoán Vùng Thanh Thoát

một bữa nọ tình cờ tình nghịch đặt
bàn tay che vừa kín cửa thiên đường
thân phát sốt theo động tiên vun mãi
trời không mưa mà tay ngấm mật hương

sự màu nhiệm vẫn từng giây biến hoá
từ u mê bỗng linh hoạt khác thường
rời từ đó mỗi ngày tôi mỗi đặt
bàn tay lên cõi sống văn chương

nhận rất rõ mình trưởng thành từng phút
qua khe hoa muốt ngọt tình sương
đời ghen tức lắm lần ngăn tay đặt
nên đôi khi tâm thức thiếu bình thường

em, nghiệp chủ kho tàng vô giá đó
riêng mà chung nhờ đồng dạng môi trường
cùng thanh thoát mở lòng cho tay đặt
nên thơ thơm từ thêm cửa thiên đường

cảm ơn lắm ngọn đời linh hiển mộng
chúm chim cười chờ phân phát yêu thương
đã quì gối bao lần không đếm nổi
và còn hơi nguyện tiếp tục cúng dường

em nghiệp chủ, năm nghiêng hay năm ngửa
đứng hay ngồi không sai biệt nguồn hương
điều kỳ diệu của từng lần tay đặt
đều ban cho những khác biệt lạ thường

tôi đã lớn đã khôn từng bữa một
vẫn nức lòng chờ đợi lớn khôn thêm.



Vũ Tiên Lập Hoa thiên nữ

Đằng sau hơi thở
lửa tan sẽ về đâu
gió mài lưỡi trên đầu mũi lạnh
ấm áp hạnh phúc lần đón đau
ly tán trong vòng quay ngờ vực
mùa đông đã mọc
chắc hẳn phải tương tàn
bầu vút nổi bất tường
hạt ảo tưởng đậm rề
khó hun đúc một lẽ hằng
không gian trắng hoa thiên nữ
tuyệt nhiên trong tay

ngược giòng tìm nhau
những ngán đời xa lạ
xuôi giòng gặp mặt
lặng lẽ từng ngày trôi
dấu chân uyên áo
trắng giữa ban ngày.



Như Phong
Bệnh Bồng

Chiều đông mưa bụi
nghe băng khuâng buồn
ngồi trông cổ quận
nghe lòng lệ tuôn
ta từ đâu đến
mai về nơi đâu
tình em là sắc
ta đi tìm không
đêm rơi vào vọng
ta ngộ sắc không

em xoa tóc thề đi tìm bến giác
chiều về mắt ướt đọng dư âm
nhân gian xuôi ngược đời hư ảo
ta đã tụng nhàm mấy trang kinh
chiếc lá cuối cùng mùa thu trước
đêm qua rụng chết trước sân thềm
làm sao em biết đâu bờ giác
rượu sân si vẫn ngọt môi mềm

em về từ thăm thẳm
ta chân đời ngả nghiêng
bồng bênh trong bể khổ
em mất trí ta điên
bụi trần gian phủ tóc
ta bắt lực tìm nhau
đời mình như cánh gió
len lách đi tìm nhau

bồng nghe ra đời như trần trời
chợt sắc chợt không chợt xót xa.



Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng và Tiếng Chuông Gọi Người Tình Trở Về qua nét bút của họa sĩ Chóc



Du Tử Lê. Đâu là chân dung đích thực của tác giả tiểu thuyết "Vòng tay học trò"?

Trong sinh hoạt văn chương miền Nam 20 năm (1955-1975), Nguyễn Thị Hoàng là một trong vài nhà văn nữ, nổi tiếng ngay với tác phẩm văn xuôi đầu tay “Vòng Tay Học Trò” . Nhưng, nếu Nhã Ca (ở lãnh vực văn xuôi) cũng nổi tiếng ngay với truyện vừa “Đêm nghe tiếng đại bác”, lấy bối cảnh sinh hoạt của một gia đình viết về chiến tranh thì, Nguyễn Thị Hoàng lại nổi tiếng khi bà vượt qua vạch phẩn cấm kỵ (taboo) của truyền thống đạo đức xã hội Việt Nam, khi viết về lãnh vực tình yêu và , tình dục giữa một cô giáo và học trò của mình, theo xu hướng hiện sinh.

Trong phần giới thiệu ngắn gọn về tiểu sử nhà văn Nguyễn Thị Hoàng, trang mạng Wikipedia – Tiếng Việt, cũng ghi nhận như sau:

“Tác phẩm đầu tay của bà (NTH) có nhan đề Vòng Tay Học Trò dưới bút danh Hoàng Đông Phương. Đây là một tiểu thuyết hiện sinh mô tả vấn đề tình yêu, tình dục giữa một cô giáo tên Tôn Nữ Quỳnh Trâm và học trò Nguyễn Duy Minh được đăng dưới hình thức nhiều kỳ trên tạp chí Bách Khoa. Tác phẩm trở thành một trong những tác phẩm gây tranh cãi nhất thời kỳ này, và về sau được tái bản nhiều lần.”

Tuy nhiên, theo một vài tư liệu hiện có trên Wikipedia thì , bước chân đầu tiên tìm đến với cõi giới văn chương của người nữ văn sĩ này, vốn là thi ca chứ không phải văn xuôi.

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho nhà văn Mai Ninh (hiện cư ngụ tại Paris) năm 2003, tác giả “Vòng Tay Học Trò” cũng xác nhận rằng:

“...NTH khởi viết, trước tiểu thuyết, bằng thơ (Tập chí Bách Khoa 1960), và căn chất mãi mãi cũng chỉ là thơ, rất ‘đốt’ và sợ cái gì liên quan đến khoa học...”

Thực tế cũng cho thấy, bà không chỉ làm thơ đăng báo mà , còn có tới hai thi phẩm đã được xuất bản . Đó là các tập thơ “Sầu riêng” , XB năm 1960 và “Kiếp đam mê” XB năm 1961. (1)

Tuy nhiên, cũng khác với Nhã Ca . Nếu tác giả “Đêm nghe tiếng đại bác” gây xôn xao dư luận những người yêu thơ cũng như văn giới ngay từ những bài thơ thứ nhất của bà , đăng tải trên Tạp chí Hiện Đại của nhà thơ Ngu yên Sa thì, dường như thơ Nguyễn Thị Hoàng lại kém may mắn hơn ! Chúng không nhận được sự chào đón hay, chú ý của dư luận quần chúng . Chính vì thế mà số người biết nhà văn Nguyễn Thị Hoàng là một người làm thơ trước khi viết văn không bao nhiêu - - Trừ những người có mối quan tâm đặc biệt , muốn tìm hiểu hoặc , nghiên cứu về sự nghiệp văn chương của bà.

Trong số những người có mối quan tâm đặc biệt tới lộ trình chữ , nghĩa của Nguyễn Thị Hoàng, tôi trộm nghĩ, chúng ta phải kể tới nhà văn Nguyễn Ngọc Chính . Ông là người có nhiều bài viết nhất về tác giả “Vòng Tay Học Trò”.

Với loạt bài nằm trong “Hồi ức Một Đời Người” , họ Nguyễn đã sưu tập về cõi thơ Nguyễn Thị Hoàng và, ghi nhận:

“... Trước khi nổi tiếng trong nhóm nhà văn nữ trước 1975, Nguyễn Thị Hoàng là một nhà thơ của xứ Huế với hai tập thơ Sầu riêng (1960) và Sau phút đam mê (1961). (2) Nổi bật hơn cả là bài thơ Chi lạ rứa với 40 câu thơ mang đặc những ngôn từ của miền Trung như chi lạ rứa, bởi vì răng, bên ni bờ, đau chi mô, hiểu chi mô... (...)

“Những vần lục bát là thể mạnh trong thơ Nguyễn Thị Hoàng với những câu thơ rất đa diết nhưng cũng rất tự nhiên như văn viết:

‘Em mười sáu tuổi tơ măng

Thịt da đốt cháy thiên đường tình yêu

‘Trong cơn chăn gối rã rời

Im nghe từng chuyến xe đời đi qua
 'Đường về không nhịp trùng lai
 Chúa ơi con sợ... ngày mai một mình
 'Nhìn lên thành phố không đèn
 Âm u còn một màn đêm cuối cùng
 Mắt sâu dòng lệ ngập ngừng
 Mình xa nhau đến muôn trùng thời gian
 'Lênh đênh tiếng hát kinh cầu
 Ẩn nấp cổ thụ cúi đầu ngẩn ngơ
 Trên cao tháp cũ nhà thờ
 Hồi chuông tưởng niệm bây giờ còn vang'
 "Lối gieo vần trong thơ 8 chữ cũng là một thể nghiệm mới lạ của nhà thơ nữ:
 'Em đợi anh về những chiều thứ bảy
 Hiu hắt vòm trời buổi sáng thứ hai
 Nhạc dạo mơ hồ trong tiếng mưa bay
 Thành phố ngủ quên những ngày chủ nhật"
 'Cho em xin một chiều vui thứ bảy
 Có nhạc phòng trà có lá me bay
 Tiếng gió reo vui đêm dài xa lộ
 Nửa cuộc đời còn khoắc kín vòng tay'
 "Và cuối cùng là những vần thơ 5 chữ trong bài Lời rêu:
 'Uống cùng nhau một giọt,
 Đắng cay nào chia đôi
 Chung một niềm đơn độc,
 Riêng môi đời phai phôi.
 'Say dùm nhau một giọt!
 Chút nồng thơm cuối đời.
 Vướng dùm nhau sợi tóc,
 Ràng buộc trời sinh đôi'. (...)"

Và người thứ ai, theo tôi, là nhà văn Trần Áng Sơn. Trong bài viết nhan đề "Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng – Người đàn bà đẹp", họ Trần kể, vào thời điểm tháng 4-2002, khi ông viết bài đó, trong tay ông "...không có 1 tác phẩm nào, như một tài liệu, để gọi nói có sách, mách có chứng. Nhưng, vì quá yêu ngòi bút của bà, khởi đi từ chi tiết rất xa xăm – bài thơ Lạ rúa! - do 1 người bạn ở Huế chép tặng 1957- tôi thực hiện cuộc trở về trong sương mù, viết bằng ký ức, cảm xúc. Cũng rất có thể, tôi bị lạc lối, nhưng tấm lòng dành cho bài thơ Lạ rúa! vẫn như xưa..."(2)

Dưới đây là nguyên văn bài thơ “Chi lạ rứa” của Nguyễn Thị Hoàng, trong ký ức của nhà văn Trần Áng Sơn:

*“Chi lạ rứa, chiều ni tui muốn khóc,
Ngó chi tui đồ cỏ mọn, hoa hèn.
Nhìn chi tui hình đom đóm đêm đen,
Cho tui tui bên ni bờ cô tịch.
“Tui ao ước có bao giờ tuyết đích,
Tui van xin răng mà cứ làm ngơ.
Rồi ngó tui, chi lạ rứa hững hờ,
Ghét, yêu, mến, vô duyên và trơ trên!
“Tui đã tắt nổi ngại ngùng bên lễn,
Bởi vì răng, ai biết được người hèn.
Nhưng màu chiều đã rũ bóng lê thê,
Ni với nó, có chi mô gần gũi!
“Chi lạ rứa, răng cứ làm tui tủi?
Tàn nhẫn chi với một đứa thương đau!
Khối tình cam nên không sắc, không màu,
Và van thuở chẳng nên câu luyến ái!
“Chi lạ rứa, người cứ làm tui ngại,
Biết sông sâu hay cạn giữa tình đời?
Bên ni bờ vẫn trong trắng chơi vơi,
Mà bên nó trầm ngâm mô có kể.
“Không muốn khóc, nhưng cứ từng ngăn lệ,
Động làn mi ấp ủ mối tâm tình.
Bên ni bờ hoa thắm bớt tươi xanh,
Mà bên nó huy hoàng và lộng lẫy”.*

Nguyễn Thị Hoàng. (3)

Tuy chỉ với vài bài thơ do hai tác giả Nguyễn Ngọc Chính và Trần Áng Sơn ghi lại, nhưng cũng đã có một số người tự hỏi, nếu không xảy ra cuộc tình nhiều tai tiếng giữa tác giả Nguyễn Thị Hoàng và câu học trò tên Mai Tiến Thành và (vẫn nếu), họ Hoàng không viết lại thành truyện thì không biết hôm nay , người đọc sẽ có một Nguyễn Thị Hoàng thi sĩ hay Nguyễn Thị Hoàng văn sĩ ? Nhất là khi bà từng nhấn mạnh, với bà, trước sau, căn bản vẫn là thi ca?

Chú thích:

(1) Nđd. Về nhan đề của tập thơ thứ hai , theo tư liệu của nhà văn Nguyễn Ngọc Chính thì lại có tên là “Sau phút đam mê”.

(2) , (3) Nđd.

Dư luận chung quanh "Vòng tay học trò" và đời thường của nhân vật chính.

Mặc dù căn cứ vào cuộc phỏng vấn Nguyễn Thị Hoàng dành cho nhà báo Tố Tâm ở tạp chí Đất Mới , số 4 bộ 2, tháng 4-1990, Việt Nam thì, cả hai tập thơ mà trang mạng Wikipedia liệt kê trong danh sách tác phẩm đã xuất bản, được bà nói rõ rằng:



Nhà văn Nguyễn thị Hoàng

“...Thơ chưa in thành tập, nhưng rải rác có đăng báo. Khởi đầu năm 1960 ở Bách Khoa và từ 1961-1962 thì ở tạp chí Văn. Nhưng khi những chương đầu tiên của Vòng Tay Học Trò được in ở Bách Khoa thì tiểu thuyết là chính, thơ chỉ còn là tô điểm thêm...” (3)

Nhưng, có lẽ trước sau thi ca vẫn là “cây bài chủ” , hay ngọn hải đăng tâm hồn họ Nguyễn . Nên khi bước qua văn xuôi , ngay tự những trang viết thứ nhất của tiểu thuyết “Vòng tay học trò” , bên cạnh sự hấp dẫn, lôi cuốn của cốt truyện chặt, chiết từ đời thật, tác giả vẫn có những đoạn tả cảnh, tình ấp đầy thi tính như:

“...Một tiếng chim hót lên đầu cành thông gần mái nhà. Trâm nhìn ra. Vòm trời xanh mênh mông in hình nét đôi cong thoai thoải, sáng rực nắng chiều. Một đám mây trắng sắp sửa nhô lên sau ngọn đồi thấp nhất. Hình ảnh của những buổi chiều yên tĩnh, cuộc đời cô quạnh, buồn lẳng mạn và nên thơ thoáng qua trong trí Trâm. Nàng chợt vừa sợ vừa thích nổi cô đơn hiện tại (...)

Trâm đứng lên mở rộng cánh cửa kính. Mùi thơm quen thuộc của cỏ khô và đất mới xới, lẫn với mùi dâu chín dưới thung lũng thoảng theo gió bay lên làm Trâm tự nhiên ấm áp trong lòng, tưởng như đang đời đời yên ổn sống trên đất quê hương...” (Trích VTHT, chương 1)(4)

Hoặc một đoạn khác , ở chương 2, tác giả ghi lại , những “cảm nhận” về cậu học trò tên Minh , nhân vật sẽ sớm trở thành người yêu của cô giáo Trâm (biến thân của chính tác giả):

“...Trâm giấu nụ cười trong bàn tay vừa đưa lên che môi. Bây giờ, bọn học trò chăm chú vào công việc, không nhìn lên nàng nữa. Trâm tự do, dễ chịu, tha hồ nhìn xuống, quan sát từng đũa đũa “trả thù” bị nhìn lúc mới vào. Vài đôi mắt nhìn ra cửa sổ. Trâm nghĩ, thế nào cũng có thông reo gió thổi. Có đôi mắt nhìn sững vào khoảng không hay trên vách tường trống trải. Có cặp mắt sáng rỡ nhìn lên như vừa bắt gặp một ý tưởng, một hình ảnh thần tiên nào đó đang chiếu vào khoảng tâm hồn u tối. Có cặp mắt đắm đắm nhìn xuống tờ giấy trắng như chờ mong những hàng chữ bỗng nhiên hiện hình theo phép lạ.

“Cuối cùng, Trâm nhìn xuống chỗ Minh ngồi. Cậu bé đang lơ đãng chống tay vào má nhìn lên phía nàng. Cây bút xoay tròn tinh nghịch trên mấy ngón tay trắng nhỏ. Nàng mỉm cười thật nhẹ như thầm nhắc, sao em không viết gì đi. Minh mỉm cười yên lặng. Nụ cười nửa đêm âm bất gặp vẻ quen thân trong xa lạ, nửa ngại ngùng bối rối muốn lẫn trốn, che dấu chính mình và những ý nghĩ mình trước đôi mắt dò xét và phán đoán của kẻ khác. Rồi đôi mắt Minh cúi xuống. Ngồi bút loay hoay trong tay , bây giờ bị cản nhẹ giữa hai hàm răng đều và nhỏ . Minh vò một mẩu giấy nhỏ vút xuống đất, giở trang giấy khác, nhưng không viết gì được. Trâm biết Minh muốn đứng lên, chạy bay ra khỏi phòng, chạy thật xa cái nhìn xoi mói của nàng . Nhưng Trâm cứ nhìn như kẻ đi săn nhìn con thú lúng túng tìm cách thoát thân khỏi cái bẫy của mình... (5)

Được biết “Vòng tay học trò” của Nguyễn Thị Hoàng trước khi in thành sách , đã được đăng nhiều kỳ trên tạp chí Bách Khoa , Saigon, 1964. Ngay khi còn ở dạng truyện đăng nhiều kỳ , VTHT cũng đã nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt của giới trẻ thời điểm đó. Nhưng mãi tới năm 1966, tiểu thuyết này mới được in ra . Và đó mới là thời điểm “cơn bão VTHT” đạt tới đỉnh điểm cao nhất của hân hoan đón nhận và, cùng lúc cực lực lên án.

Giải thích về sự chậm trễ này, trong cuộc phỏng vấn dành cho Mai Ninh, họ Nguyễn cho biết:

“Bách khoa in mấy kỳ, thiên hạ xôn xao. Nhưng sau đó chuyển cảnh qua chồng con, bản thảo VTHT xếp lại. Đến 66, một nhóm tìm kiếm VTHT, xuất bản. Tái bản 4 lần trong vòng mấy tháng. Sóng gió nổi lên từ mọi phía, vì những lý do và động lực khác nhau. 5 tờ báo, cùng nhất loạt lên tiếng phê phán, chỉ trích, tóm lại là chửi bới. Rất tiếc cuộc biến đâu cuốn trôi không còn một mảnh tài liệu nào, còn trí nhớ NTH thì chỉ gạn lọc lưu trữ những gì tốt đẹp. Hình như nhân danh hay đại diện phụ huynh học sinh, nhà trường gì đó có lên tiếng trong một bài báo. Không có những phản ứng trực tiếp tương tự như trong phim đối với cuốn truyện, còn gián tiếp thì không biết.

“Khi viết, với không phải viết cái gì đã sống, mà trên khung cảnh, sự kiện, nhân vật của khoảnh khắc thoáng qua “trong vai” cô giáo ấy, tăng giảm biến đổi để đúng vóc dáng một câu chuyện. Đã không tính đến chuyện viết tiểu thuyết hay hình thành một tác phẩm với dụng ý, mục đích nào mà chỉ góp nhặt lại những mảnh vụn của một khúc đời đã vỡ.

“Thế mà nó trở thành tác phẩm, tác giả với hàng loạt những hệ quả sinh khác liên hồi từ ấy...” (6)

Trước đây, cũng trong cuộc phỏng vấn của nhà báo Tố Tâm , nhà văn Nguyễn Thị Hoàng nói:

“...Riêng về Vòng Tay Học Trò, nếu bảo đó là thực thì cũng không hẳn là thực mà bảo là không thực thì...cũng chẳng phải là thế. Dư luận trộn lẫn tiểu thuyết của mình với đời sống thật. Cũng vì thế mà có những tiếng ác ý lao xao về đời sống của mình. Cho nên chỉ có cách là...phải thả nhiên...” (7)

Tuy nhiên, trong một bài viết được phổ biến vào cuối năm 2012, tác giả loạt bài “Hồi ức Một Đời Người” , Nguyễn Ngọc Chính , cũng là bạn thân với người học trò tên Minh (tức Mai Tiến Thành ngoài đời), đã ghi lại như sau:

“...Tác giả (NTH) xác định một cách nửa vơi về Vòng tay học trò: ‘...nếu bảo đó là thực thì cũng không hẳn là thực mà bảo là không thực thì...cũng chẳng phải là thế’. Như đã nói, những nhà văn nữ thường ‘tự thuật’ về cuộc đời mình và chính những kinh nghiệm bản thân khiến tác phẩm của họ dễ đi vào lòng người đọc. Dĩ nhiên việc ‘thêm mắm thêm muối’ còn tùy thuộc vào sự khéo léo của mỗi đầu bếp để có một món ăn ngon hay dở.

“Vòng tay học trò là câu chuyện có thật tại trường Trần Hưng Đạo Đà Lạt giữa cô giáo đệ nhất cấp Nguyễn Thị Hoàng và cậu học sinh đệ nhị cấp Mai Tiến Thành. Tôi vốn là bạn học rất thân với Thành từ năm Đệ Ngũ trên Ban Mê Thuật nên biết rõ chuyện tình của Thành. Tuy nhiên, những gì xảy ra ngoài đời thực có phần nào khác với Vòng tay học trò, đó là kỹ thuật ‘thêm mắm thêm muối’ của nhà văn Nguyễn Thị Hoàng. Nói khác đi, phần hư cấu trong tiểu thuyết được giữ ở mức vừa phải, có thể chấp nhận được.

“Hình như để giữ cho mối tình cô giáo-học trò thi vị hơn, tác giả đã để cho cuộc tình chấm dứt tại Sài Gòn và không đi đến động đến hậu quả của nó: một đứa con đã ra đời. Đứa bé được đặt tên Mai Quỳnh Chi, giao cho gia đình Thành nuôi nấng tại Ban Mê Thuật và ngày nay đã trở thành một thiếu nữ sống tại nước ngoài. Mai Tiến Thành đã trở thành người thiên cổ tại Hoa Kỳ và câu chuyện tình làm nên tác phẩm rồi cũng đi vào quên lãng...” (8)

***Nguyễn Thị Hoàng,
một biểu tượng “hồng nhan đa truân”?***



*Nguyễn Thị Hoàng, 2007
(Ảnh của Thái Kim Lan
chinhhoiuc.blogspot.com)*

Tôi nghĩ, dù đứng ở vị trí nào, văn học hay xã hội, đời thường hay đạo lý, khó ai có thể phủ nhận Nguyễn Thị Hoàng là một trong vài nhà văn nữ thực sự tài hoa của 20 năm VHNT miền Nam.

Tuy nhiên, nếu chúng ta chỉ thấy bà trong vòng phần của cuốn truyện “Vòng Tay Học Trò” (VTHT), vốn được nhìn như

một thứ bán hồi ký và , nhan sắc trời cho của bà , tôi cho là chúng ta đã không công bình với họ Nguyễn . Bởi vì , ngoài VHTT , Nguyễn Thị Hoàng còn có những sáng tác khác , cũng được nhiều người ưa thích , như “Về trong sương ng mù”, “Tuổi Saigon”, hoặc “Tiếng chuông gọi người tình trở về”...

Đó là một phần trong số lượng hàng chục tiểu thuyết mà bà đã viết được, trong một khoảng thời gian rất ngắn . Giải thích về sự “mắn đẻ” này, bà kể với nhà báo Tô Tâm rằng:

“... Từ năm 1966 đến 1969, mình viết liên tục theo những ‘đơn đặt hàng’. Trong thời gian này mình viết rất nhanh, có khi viết hai, ba truyện cùng một lúc...rồi thì lại buồn chán, mệt mỏi, kiệt sức và mất hoàn toàn tinh thần làm việc vì trong suốt những năm dài liên tục mình chỉ sống với bốn phận làm vợ, làm mẹ và gánh vác kinh tế gia đình. Cái nguồn sống riêng phải nín lại, bị khô héo đi...” (9)

Cũng trong cuộc phỏng vấn dành cho nhà báo Tô Tâm ở VN , Tác giả “Tiếng chuông gọi người tình trở về” đã tiết lộ phần nào đặc tính hay nét riêng thuộc cõi-giới tiểu thuyết của mình, như sau:

“...Truyện mình viết thường là truyện tình bé tắc và đi xuống. Trong đó những vai nữ bao giờ cũng khát khao đi tìm một đời sống thật của mình, nghĩa là tìm kiếm chính mình. Những nhân vật nữ lang thang bất định , và xa rời với phận sự gia đình . Chất liệu lấy từ những năm bất ổn lênh đênh trong cuộc đời đã qua của mình, đôi khi được ráp nối với những câu chuyện thời sự, cộng với một phần tưởng tượng, phóng tác, vẽ vời...rồi ráp thành chuyện. Không biết bên đàn ông thì sao, chứ cánh đàn bà thường mắc phải cái này là có những nét của nhân vật hoặc chính, hoặc phụ, thế nào cũng hắt bóng cá tính thói quen, đường nét và vóc dáng của tác giả...” (10)

Mặc dù là một nhà văn nữ có số bán cao nhất ở thị trường tiểu thuyết miền Nam trước đây (vì truyện của họ Nguyễn đáp ứng được những đòi hỏi , chờ đợi của giới trẻ , cũng như tâm lý nữ giới...?) - - Nhưng bà cũng bị một số người cho rằng càng về sau , khuynh hướng văn chương của bà càng mang tính “điệu đà” , có phần hơi nhiều...son, phấn.

Tiêu biểu hàng ngũ có cái nhìn tiêu cực ấy , người ta thường nhắc tới ghi nhận của nhà văn Nguyễn Ngọc Chính:

“...Có thể nói, văn phong của Nguyễn Thị Hoàng cũng tựa như của Mai Thảo: rất ‘điệu đà’, rất ‘bay bướm’ và rất ‘làm dáng’...

đến độ nhiều khi trở thành sáo rỗng. Chẳng hạn như trong *Người yêu của Đấng Trời*, một tiểu thuyết đã được viết từ hơn một chục năm nay nhưng chưa hề xuất bản. Hợp Lưu trích đăng một chương có những đoạn viết:

“ ‘Tất cả đều in bóng lên nền xanh bát ngát của lòng trời, và những đôi mắt linh hồn mãi mãi tìm nhau, vẫn dồn trút niềm yêu và nỗi đau trong cái nhìn đầy thắm tuyệt vời của im lặng và bóng tối.’...”

“ ‘Khoác lên trái tim chưa yêu của Chúa một vàng hoa nguyệt quế nghìn thu. Và trái tim nào đã yêu đến tan nát cả chân như thể tánh mình, hãy lấy búa kim cương đóng lên một chiếc đỉnh vàng, để dưới bóng Chúa lung linh nền hồng thuở trước, trên tình yêu không bao giờ có thực của chúng ta, một giọt máu trường sinh nhỏ xuống’.” (11)

Ở lãnh vực văn chương, nếu tác giả VTHT được dư luận theo dõi sát sao bao nhiêu thì ở lãnh vực tình trường của Nguyễn Thị Hoàng cũng được dư luận đề cập tới và, cũng không kém phần chi tiết.

Cụ thể như một “scandal” từng gây chấn động thành phố Nha Trang, khi nhà văn Nguyễn Thị Hoàng theo gia đình di chuyển về thành phố này năm 1957. (12) “Scandal” đó, nổ ra trước câu chuyện tình của bà và người học trò tên Mai Tiến Thành, đã được bà ghi lại một phần trong truyện VTHT.

Sự việc sau đó, cũng đã được bà thẳng thắn xác nhận qua đoạn văn dưới đây:

“...Trước khi lên Đà Lạt dậy học, gia đình Nguyễn Thị Hoàng sống tại Nha Trang. Những năm theo học tại trường Võ Tánh, Nguyễn Thị Hoàng dính vào một scandal một thời là đề tài nóng bỏng tại thành phố biển.

“Cô nữ sinh dan díu và có thai với ông Cung Giũ Nguyên, giáo sư Pháp văn, hơn Nguyễn Thị Hoàng gần ba mươi tuổi. (13) Biện cố đầy tai tiếng này được dàn xếp êm thấm giữa hai gia đình với lời thú nhận can đảm của người trong cuộc:

“ ‘Ông Cung Giũ Nguyên không có lỗi trong vụ này. Lỗi là do tôi dụ dỗ ông ta khi theo học thêm lớp Pháp văn tại nhà, vì tôi muốn có một đứa con thông minh xuất chúng như ông ấy!’

“Đứa con gái sinh ra được đặt tên Cung Giũ Nguyên Hoàng (tên gọi của ông Nguyên và bà Hoàng ghép lại) và được bà vợ chính thức của ông Nguyên nuôi dưỡng vì bà này không thể có con.

Trong ngày tang lễ của ông Cung Giũ Nguyên (tháng 11/2008) người ta thấy Cung Giũ Nguyên Hoàng phục tang cha, ôm bát nhang đi trước linh vị...” (14)

*

Hôm nay, nhìn lại toàn bộ cuộc đời, sự nghiệp của nhà văn tài hoa Nguyễn Thị Hoàng, không ít người đã có cùng một kết luận, đại ý, phải chăng, định mệnh của tác giả “Vòng Tay Học Trò” tiêu biểu cho những trường hợp mà chúng ta quen gọi là “hồng nhan đa truân”?

Du Tử Lê,

(Calif. Mar. 27 – 2014)

Chú thích:

(9) Theo trang mạng Wikipedia -Mở sau truyện VTHT , xuất bản năm 1966, thì chỉ trong vòng 4 năm (từ 1967 tới 1970), nhà văn Nguyễn Thị Hoàng đã có tới 12 tác phẩm được xuất bản.

(10) Tổ Tâm, Nđd.

(11) Nguyễn Ngọc Chính, Nđd.

(12) Tư liệu của Wikipedia - Tiếng Việt ghi rằng , “Nguyễn Thị Hoàng sinh ngày 11 tháng 12 năm 1939 tại Huế. Năm 1957, bà chuyển vào sinh sống ở Nha Trang rồi đến năm 1960 bà vào Sài Gòn học Đại học Văn khoa và Luật nhưng bà bỏ ngang, không học hết mà lên Đà Lạt dạy học. Đến năm 1966, bà chuyển sang chuyên tâm viết tiểu thuyết...”

(13) “Cung Giũ Nguyên (28 tháng 4 năm 1909 – 7 tháng 11 năm 2008) là một nhà văn , nhà báo Việt Nam, gốc Hoa, được biết đến với những tác phẩm tiếng Pháp . Về mặt văn chương, tên tuổi ông được ít người Việt biết đến vì các tác phẩm của ông được viết bằng tiếng Pháp . Tuy nhiên về mặt hoạt động xã hội , ông là một huynh trưởng nổi bật thuộc thế hệ sáng lập ra phong trào Hướng đạo Việt Nam. Cuối đời, ông cư ngụ tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa và mất tại đây”. (Wikipedia – Tiếng Việt).

(14) Nguyễn Ngọc Chính, Nđd.



Ngô Nguyên Nghiễm
Thơ Viết Giữa Trời Hạ Chí

Tặng Con Mơ Của Rừng

Từ tranh bay vút linh cầm
Móng đảo sắc giăng đôi thanh khí
Cháy ngút bình nguyên hạ chí
Lửa lập lòe khép kín mưa hoa

Quẻ kiên thắt nút thiên hà
Bụi tinh tú long lanh sấm sét
Lất phất hạt cường toan đội nát
Hóa thân chơi, ánh sáng nhòe bay

Ngựa hồng tụ tán hí đầu đây
Một gánh phong trần vút đại
Hằng hà mưa trời sắc giới
Làm sao nhảy vọt pháp thân

Lăn lóc rừng mã não bập bùng
Ổ kìa, niềm hoan hỉ cháy
Trận gió Càn đong đưa ngọn cỏ quái
Ổ kìa, nặng phân tử nhà ai ?

Nảy mầm a, thiên thu đảo tuế
Hải nhi về nhú trắng xanh
Ồ, hạt sữa trắng xóa thiên nhiên
Ấm ắp đầy hoa thạch nhũ

Chim kỷ hà liên hồi cánh vỗ
Ngàn xưa nhuộm đỏ bụi đường
Vun vút gió chở làn hương
Đùn đẩy trông quanh cổ mộ

Bắn bắt đàn tràng đảo vũ
Ổ kìa, lóng lánh rừng nguyên sơ
Phon phớt sườn thảo nguyên khô
Thịt xương ai nằm vương bụi cỏ

Lác đác thái dương áo rách
Trời Phạm Thiên vén cánh hoàng hôn
Vút bay thoáng bóng linh cầm
Phong vũ bơi đầy đáy mắt

Ổ kìa, bầy linh cầm phương Đông
Oằn mình tắm cầu vòng đảo sắc
Sừng sững gáy từng hồi trong vắt
Khắc đầy pho kinh điển san hô

Hằng hà thánh địa trong mơ
Cháy đỏ càn khôn khủng khiếp
Âm âm lãng mộ thảng tư chay
Mưa phủ núi bao giờ dứt hạt ?

Ngô Nguyên Nghiễm



Phạm Tín An Ninh Song Vũ và bút ký "Sau Cơn Binh Lửa"

Cuộc chiến đã chấm dứt gần bốn mươi năm. Thời gian đủ để chôn xóa tất cả mọi dấu tích bom đạn trên quê hương, nhưng vẫn chưa mờ nhạt trong ký ức và làm lành được vết thương trong lòng những ai từng tham dự hoặc chịu nhiều hệ lụy từ cuộc chiến ấy. Đặc biệt, những người lính miền Nam, một thời chiến đấu can trường, sẵn sàng hy sinh cho đất nước, để rồi bất ngờ phải nhận chịu thân phận kẻ bại trận trong đón đầu tức tưởi.

Từ nỗi oan khiên đó, trong suốt thời gian qua, đã có đông đảo những người lính trong mọi quân binh chủng viết về cuộc chiến, phân tích các nguyên nhân thắng bại hoặc kể lại những năm tháng hào hùng với biết bao chiến công hiển hách, ngỡ như không thể có ngày phải bàng hoàng buồn sủng. Đa số trong họ không phải là nhà văn, hoặc muốn trở thành nhà văn. Họ cầm bút chỉ để viết ra, giải tỏa những điều ảm ức theo tháng năm đè nặng trong lòng. Viết để chia sẻ với những đồng đội cũ hâu cùng nhau tìm lại những kỷ niệm kiêu hùng của một thời trai trẻ, sẵn sàng chết cho quê hương. Viết để phân tích tìm hiểu những nguyên nhân nào đã đưa cuộc chiến đến một kết thúc đau lòng. Và cũng để cho con cháu - thế hệ

Tin Văn 201

ít nhiều bị hệ lụy từ cuộc chiến ấy - hiểu được tinh thần và khả năng chiến đấu của cha ông, nhưng vì sao đã có một ngày 30 tháng 4 buồn thảm.

Trong số nhiều cây bút ấy, thỉnh thoảng chúng ta đọc được một số bài viết của tác giả Song Vũ. Một cái tên còn khá xa lạ, nhưng có lẽ ai cũng rất thích thú và nhận ra những giá trị đặc biệt ở các bài viết của ông. Không phải chỉ ở cách hành văn, mà còn ở sự trung thực, sống động cùng những nhận định sâu sắc, độc đáo mà chúng ta không tìm được ở nhiều tác giả khác. Một trong những nguyên nhân dẫn tới thành công: tác giả là người trong cuộc, luôn có mặt trong các trận chiến với những quyền hạn, trách nhiệm trực tiếp. Vì vậy, ngoài tính trung thực được xác tín, tâm hồn tác giả cũng chan hòa theo từng dòng chữ, từng sự kiện, đã tạo cái hồn cho các bài viết.

Song Vũ là bút hiệu của cựu Trung Tá Ngô Văn Xuân, tốt nghiệp Khóa 17 Võ Bị QGVN. Trong suốt 13 năm binh nghiệp, ông đều ở các đơn vị tác chiến, và liên tục trải qua hầu hết các chức vụ chỉ huy từ cấp trung đội, đại đội, tiểu đoàn đến trung đoàn, ngoại trừ những thời gian theo học các khóa tham mưu, dưỡng thương và gần một năm giữ chức vụ Trưởng Phòng 3 (Hành Quân) Sư Đoàn. Trước tháng 4/1975, ông là Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 44/ SD23BB, đơn vị ưu tú đã tạo nhiều chiến tích lẫy lừng, góp phần giữ vững được Kontum -Tây Nguyên trong Mùa Hè Đỏ Lửa 1972. Ngoài khả năng lãnh đạo chỉ huy, đảm lược, ông còn nổi tiếng là một vị chỉ huy trẻ đạo đức, thanh liêm, bình dị, luôn được tất cả mọi thuộc cấp thương yêu, kính phục. Ông sống chết cùng đơn vị cho tới giờ phút cuối cùng. Sau khi miền Nam thất thủ, bị giam cầm trong nhà tù CS trên 13 năm, ông sống còn qua nhiều cơn bệnh thập tử nhất sinh, nhờ vào tình thương yêu của bạn tù và ông tin có sự nhiệm mầu nào đó.

Qua tập bút ký dày 510 trang, người đọc sẽ nhìn thấy rõ hơn con người và cả tâm hồn, cũng như lòng trắc ẩn của tác giả.

Mở đầu cuốn sách, tác giả đã mượn lời của Erich Maria Remarque, lời tựa trong tác phẩm All Quiet On The Western Front (Mặt Trận Miền Tây Yên Tĩnh) để nói lên suy nghĩ và mục đích khi khai sinh tác phẩm của mình:

“Cuốn sách này không phải là sự buộc tội , cũng không phải là sự thú tội, lại càng không phải là một cuộc phiêu lưu; bởi vì những ai đã từng đối mặt với cái chết thì chẳng ai phiêu lưu đi tìm nó cả” .

Cuốn sách chỉ đơn giản là nói về một thế hệ những con người, cho dù đã thoát ra khỏi làn tên mũi đạn, cũng đã bị hủy diệt mất rồi.”

Và trong “Lời Thừa” thay cho lời tựa, tác giả cũng “thừa” thêm:

Tuổi đời chồng chất, sức khỏe và những hăng say của tuổi thanh xuân ngày càng nguội dần. Tôi thấy cuộc sống mình hụt hẫng hoang mang. Mỗi năm lại vắng thêm đồng đội và rồi một ngày nào đó, cũng sẽ tới lượt chính mình. Điều tự nhiên đó, thực chất chẳng phải là nỗi ưu tư bởi vì đó là quy luật. Nhưng điều làm tôi suy ngẫm là ý nghĩa về cuộc đời của chính mình, thế hệ của chúng tôi, qua những việc đã làm, những đau thương đã trải, thực sự là gì? Hoặc chẳng là gì hết ?

Những băn khoăn đó là cảm hứng cho tôi viết tiếp một số bút ký tiếp theo có mặt trong cuốn sách này. Dĩ nhiên đây vẫn chỉ là những cảm nhận của riêng tôi và việc viết ra là mong muốn chia sẻ biết đâu chẳng là một việc hữu ích cho những thế hệ tiếp nối?

Ngoài “Lời Thừa” và “Lời Cảm Tạ” ở các trang đầu và cuối sách, tập bút ký gồm 21 bài viết. Mỗi bài là những mảnh đời của tác giả ghép lại, lồng trong các đơn vị tác giả đã từng phục vụ, trong các trận chiến mà ông đã từng chỉ huy, tham dự. Tâm hồn của ông chan hòa trong tình đồng đội và số phận thăng trầm của quê hương đất nước. Ở đó, gần như trong bất cứ trang sách nào, người đọc cũng sẽ thấy phảng phất hình ảnh của những người lính chiến thực thụ, trách nhiệm hiểm nguy và số phận nghiệt ngã của họ cùng với tình huynh đệ mà họ đã dành cho nhau trong suốt cuộc chiến cũng như sau ngày buông súng.

Nếu là người đã từng phục vụ cùng đơn vị hoặc bị giam giữ cùng tù với tác giả, đọc những bài viết của ông, sẽ có cảm giác thời gian như đang quay ngược lại, để được nhìn thấy khuôn mặt, dáng dấp của hầu hết bạn bè, sẽ có cảm xúc từ hãnh diện đến đau đớn xót xa. Mỗi trang, mỗi chữ trong bài viết như thấm đẫm máu, nước mắt và cả nghĩa tình đồng đội, những người còn sống hay đã hy sinh.

Sau những kỷ niệm vui buồn của tác giả từ ngày bước chân vào “*Con đường binh nghiệp*” rồi “*Vào nơi gió cát*” là các bài viết sống động về các trận chiến Kontum mùa hè 1972 và Mặt trận Cao Nguyên tháng 3/75. Ở đây độc giả sẽ đọc được nhiều điều mới lạ, hiểu thêm về nguyên nhân mất Ban Mê Thuột dẫn đến “triệt thoái Cao Nguyên” để cuối cùng mất cả miền Nam.

Song Vũ đã viết về cuộc chiến không chỉ bằng nhãn quan, tâm trạng mà còn bằng máu của một người lính chiến trường thực thụ trong hơn 13 năm binh nghiệp. Sau đó ông còn có 13 năm tù, một lượng thời gian tương đương binh nghiệp. Mười ba năm ấy, là thời gian tác giả có thể gặp gỡ hầu hết bạn bè cùng cấp, những tướng lĩnh có trách nhiệm trong nhiều mặt trận cũng như ở các bộ tham mưu đầu não, giúp ông có thêm nhiều dữ kiện chính xác. Thời gian 13 năm ấy cũng đủ để ông suy ngẫm và cho chúng ta những nhận định có giá trị. Vì vậy những phân tích thắng bại, ngoài tính chuyên nghiệp còn bằng những trải nghiệm, hiểu biết thực tiễn và sâu sắc.

Điều đặc biệt là ông không hề quy trách nhiệm cho các lực lượng đồng minh hay một bàn tay ngoại nhân nào, mà trước hết là ở chính chúng ta.

Trong cuối bài dịch thuật tiểu phẩm *Raid at Entebbe* (Cuộc đột kích tại Entebbe) của tác giả Ira Peek, tường thuật lại cuộc đột kích thần kỳ của Lực lượng Do Thái vào phi trường Entebbe /Uganda, vào tối ngày 3 rạng ngày 4/7/1976, giải cứu 103 con tin bị bọn khủng bố PFLP bắt cóc, Song Vũ đã viết :

Qua câu chuyện về chiến công kỳ diệu này, tôi nghĩ đã có thể nhìn thấy nguyên do đó. Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, phe thắng trận ít nhất cũng phải có được một yếu tố nổi bật: Một nhóm chỉ đạo chiến lược thật sự tài năng hơn kẻ thù. Từ yếu tố này sẽ mang đến những hệ quả tất nhiên - sự tổng hợp sức mạnh cần thiết để đưa cuộc chiến đấu tới thắng lợi sau cùng. Dân tộc Do Thái có yếu tố ấy còn chúng ta thì không.

Các tướng lĩnh, sĩ quan Do Thái sống chết với lính, còn hơn thế nữa, các lãnh tụ chính trị của họ đồng kham cộng khổ với dân, sẵn sàng hy sinh quyền lợi riêng tư cho lợi ích chung của đất nước.

Tôi không chia sẻ quan điểm của một số người khác cho rằng, một ngày nào đó khi Do Thái không còn cần thiết cho lợi ích của Hoa Kỳ, họ sẽ bị bỏ rơi, nhưng tôi tin chắc rằng, chính phủ Hoa Kỳ không thể bắt một dân tộc đồng minh diệt vong khi dân tộc ấy có đủ tài trí và khả năng để tự sinh tồn.

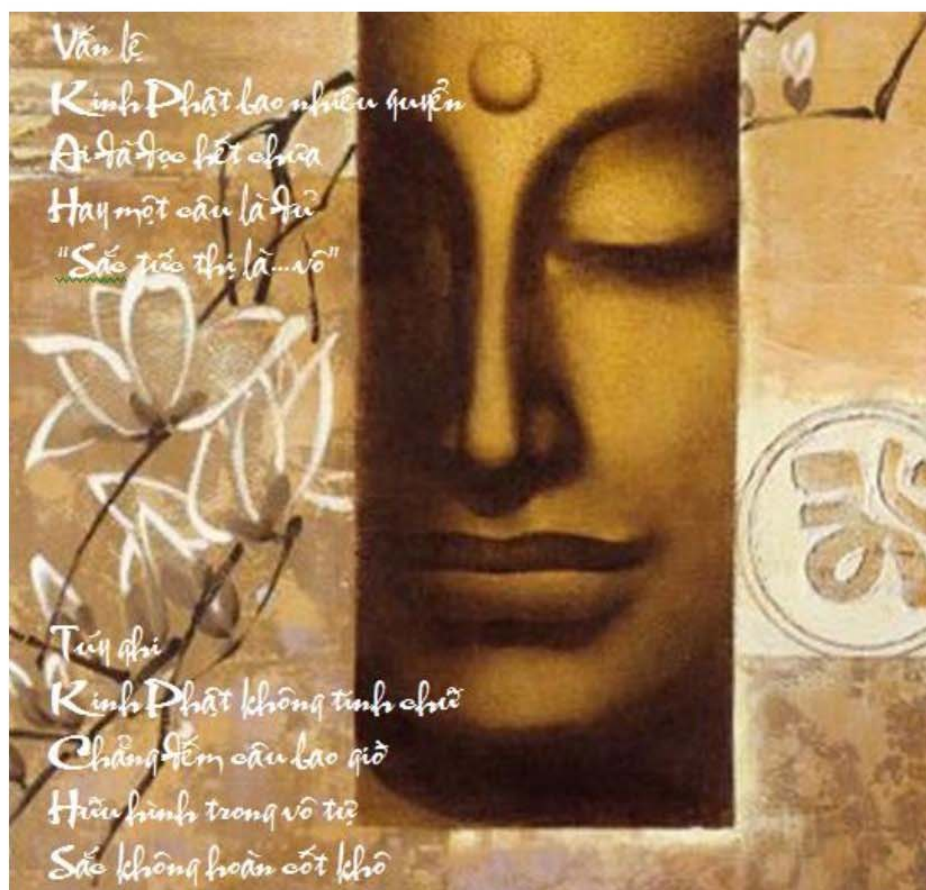
Thực tâm tôi không muốn khơi dậy một vết thương chưa lành trong nỗi đau chung của những thế hệ trong trang lứa chúng tôi, một thế hệ đã lãnh đủ mọi tai ách, hy sinh mà không hoàn thành được sứ mạng bảo vệ đất nước, dân tộc mình. Nhưng nếu cứ mãi đổ vấy cho sự thất bại ấy là do sự tráo trở của đồng minh, tự coi

mình là một thứ lính đánh thuê thì theo tôi, sự hy sinh của thể hệ chúng tôi trong cuộc chiến vừa qua là một điều rất đáng buồn!”

Là một sĩ quan tốt nghiệp từ quân trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam, được đào tạo để *“không cầu an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm”* như lời dạy của vị Chỉ Huy Trưởng năm nào, tác giả Song Vũ đã làm hết khả năng và tâm huyết, kể cả việc sẵn sàng hy sinh tính mệnh, nhưng cuối cùng đã phải đón đầu xót xa trước số phận của mình và vận nước.

Người viết ngưỡng mộ tác giả và rất tâm đắc khi đọc qua tập bút ký Sau Con Bình Lửa, nhưng không có đủ khả năng trình bày hết các đặc điểm cùng những phân tích sâu sắc của tác giả và cả cảm xúc của chính mình. Cách tốt nhất, xin mời quý vị tìm đọc để có thể hiểu rõ giá trị của tác phẩm. Đây cũng là một cách chia sẻ và khích lệ dành cho tác giả.

Phạm Tín An Ninh/ Tháng ba 2014





Cù Hòa Phong

Và bài thơ QUA ĐÈO NGANG

Trên đường vào Phú Xuân...bước tới đèo Ngang lúc chiều tà, cảm xúc dâng trào lòng người, Bà huyện Thanh Quan sáng tác bài "Qua đèo Ngang". Bài thơ tả cảnh Đèo Ngang lúc xế tà và nói lên nỗi buồn cô đơn, nỗi nhớ nhà của người lữ khách. Địa giới tự nhiên giữa hai tỉnh Hà Tĩnh - Quảng Bình, tâm thơ rạo rức, biểu lộ sự ngạc nhiên và xúc động về cảnh sắc hoang vắng nơi Đèo Ngang 200 năm về trước. Còn ta, cố thổ quê nhà đang héo hắt bởi sự dâng hiến của bè lũ Tam Vô với quan thầy phương Bắc.

QUA ĐÈO NGANG

Bà Huyện Thanh Quan

*Bước tới đèo Ngang, bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiều vài chú,
Lác đác bên sông, rợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng, con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng, cái gia gia.
Dừng chân đứng lại, trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta.*

Họa

HIỆP KHÚC

Cù Hòa Phong

Gió cuốn mây đưa đuôi nắng tà
Cáo hồng tru tréo tím ngàn hoa
Bờ lau xác xơ thâm màu bạc
Bãi sậy vàng hoe úa góc nhà
Nhớ thuở xa quê, bỏ ruộng vườn
Đếm lần biệt xứ, mất đường gia
Hẹn ngày tái ngộ cùng vui sống
Hiệp khúc khai hoàng ta với ta.



Trương Sĩ Lương **Một Đời Nuối Tiếc**

Từ ngày có phương tiện di chuyển, Liên bắt đầu làm quen với nhiều thành phần trong cộng đồng người Việt. Trong lúc Dũng cố gắng thức khuya dậy sớm làm hai job một ngày thì Liên cũng rong chơi có khi hai ba giờ sáng mới về. Dũng cũng không muốn hỏi tới, nhưng các con thì cảm rằm là mẹ thường hay bỏ chúng ăn mì gói dài dài như hồi còn ở trại tỵ nạn. Dũng thường khuyên hai con nên thương mẹ bởi chỉ là vấn đề ngoại giao và công việc bận bịu của người lớn.

Chàng cũng biết dạo này tính tình Liên đã có những đổi thay rõ rệt. Những câu trả lời nhát gừng và viện lý do này nọ để tránh gặp mặt chàng đã thường xảy ra.

Một hôm cuối tuần, Dũng xin nghỉ sớm để về nhà vui với Liên một tối. Đợi nàng để đi ăn cơm với các con, nhưng trông hoài cũng chẳng thấy tăm hơi. Hai giờ sáng, rồi ba giờ sáng, rồi bốn giờ sáng... Dũng quá lo, muốn ra xe đi tìm, nhưng chàng lại nghĩ biết nàng ở đâu mà kiếm!

Hết ngồi rồi lại đứng, Chàng thả bộ ra ngoài đường để chờ Liên. Lại tự trách mình sao không thể nhắm mắt! Đến đâu thì đến, nhưng chàng vẫn cảm thấy lo sợ, chỉ còn cầu nguyện cho nàng bình an ở một nơi nào đó là đã mãn nguyện. Nhìn đồng hồ, gần 5 giờ sáng! Chàng sốt ruột, có cảm tưởng như ai đang nhét vào bụng cả hủ gừng. Chàng thấy nhói lên ở ngực, đầu óc quay cuồng với những thắc mắc:

☐Liên đi đâu? Làm gì? Với ai? ☐

Một chiếc xe trời tới. Mừng quá, nhưng lại thất vọng! Không phải xe nàng! Lại đốt thuốc lá rít khói ran cả buồng phổi. Chàng thở dài:

☐Trời ơi!Sao lại phạt mình trong đợi chờ như thế này?☐

☐Tại sao nàng có thể tàn nhẫn đến nỗi này?☐

☐Không yêu được thì thôi!Nói toẹt ra để chia tay có phải dễ chịu hơn không?☐

Dĩ nhiên là Dũng phải đau một thời gian, bởi chàng đã yêu Liên thật tình.

Lại một chiếc xe khác trời tới. Đúng rồi, chàng vừa mừng vừa giận, thế nhưng cũng cố tỏ ra nhẹ nhàng:

- Em về khuya quá! Anh chỉ sợ xảy ra tai nạn. Anh lo!

Liên đóng cửa xe rồi tỉnh bơ:

- Đi sinh hoạt với bạn bè cho đỡ buồn. Sao anh không ngủ mà ngồi chờ.Lớn rồi có gì mà lo?

Dũng không trả lời được nữa, nghe bùng cả lỗ tai. Chàng muốn nói nhiều lắm, muốn thổ lộ cái khổ của kẻ đợi chờ.Nhưng không, chàng đã không mở miệng được. Cứ nghĩ:

- Liên có thể nói được câu đó sao? Trời ơi! Hết rồi!

Những gì chàng cố gắng tạo dựng trong bao nhiêu năm nay đã hoàn toàn sụp đổ, đến rồi đi như một giấc chiêm bao. Thế mà chàng đã xây cái lâu đài hạnh phúc cho chính con tim chàng như xây một ngôi nhà lá gần vùng biển động.

Liên lặng lẽ bước vào nhà với một mùi nước hoa quyến rũ.Vào phòng nằm lăn ra giường chẳng cần nói thêm một lời. Dũng chán nản quăng mình trên ghế sa lông rồi thiếp đi trong mệt mỏi.

Buổi sáng thức dậy mặt Dũng bơ phờ như người qua một cơn bạo bệnh.Thế nhưng chàng vẫn cố gắng ngồi dậy, đánh răng rửa mặt và sửa soạn đi làm. Tiếng bé Loan nghe thật rõ ở nhà bếp:

- Cháu nấu mì và bỏ hột gà cho chú ăn?

Dũng cố giấu những muộn phiền:

- Cháu ăn rồi đi học, chiều về nhắc mẹ đi chợ mua thêm đồ ăn.

Loan tuy còn nhỏ nhưng rất khôn.Cô bé đã hiểu rõ những thay đổi của mẹ từ hơn mấy tháng nay.Rất nhiều lần bé định khuyên Dũng nên săn sóc và dành thì giờ nhiều hơn với mẹ, nhưng lần nào Dũng cũng lờ đi như không có chuyện gì xảy ra.

Từ ngày không còn ba, hai chị em tụi nó đã coi Dũng như là cha ruột.Bởi Dũng đã chăm sóc và thương yêu chúng nó thật lòng, tình

thương ấy được bồi đắp một cách tự nhiên gần ba năm qua. Những lần có sự xích mích tranh cãi giữa mẹ và chú Dũng, bao giờ hai đứa tụi nó cũng về phe Dũng. Thật ra trẻ con là thế, khi chúng được thương yêu chiều chuộng và tình cảm được thể hiện qua tấm lòng thành thật, thì dù không phải là một người có liên hệ máu mủ, chúng vẫn cảm thấy gần gũi như một người ruột thịt.

Dũng đã cắn răng chịu đựng mấy tháng nay, nhưng càng ngày Liên càng tỏ ra lạnh nhạt. Tình thế bây giờ đã khác, bởi sự thay đổi đột ngột làm Dũng cảm thấy cuộc tình đã đến hồi chấm dứt.

Nhớ lại hơn hai năm ở trại tỵ nạn. Dù chỉ là một mối tình chớp nối, già vợ chồng non nhân nghĩa, nhưng họ cũng đã quán quýt bên nhau chia ngọt, xẻ bùi.

Gặp nhau tại Trại tỵ nạn Paulau Bidong trong một đêm văn nghệ, một thời gian sau đó, họ quyết định dọn về ở chung một lều. Dũng vượt biên, vợ con kẹt lại. Liên hai con, Loan 14 và Đức 12 tuổi. Nghe kể chồng Liên bị hải tặc đâm chết xuống biển.

Sống trong trại tỵ nạn hơn một năm trời trước khi gặp Dũng, Liên phải phấn đấu trên nhiều phương diện để được yên thân. Có chút nhan sắc, cũng là mục tiêu cho đám đàn ông con trai chọc ghẹo, phá phách. Việc cho đi định cư vẫn còn mù mịt, Cao Uy Liên Hiệp Quốc đã kêu lên phỏng vấn nhiều lần nhưng vẫn chưa cho đi định cư vì Liên không có thân nhân ở ngoại quốc. Vả lại, quá trình học sinh của Liên khó có thể chấp nhận được đi Mỹ. Thật ra, ở trại tỵ nạn ai cũng muốn được đi, nếu không được Mỹ rước đi định cư thì mới chịu đi các nước khác. Liên thì cứ thả liều đến đâu thì đến! Hơn một nửa đời người, chồng chết, đi đâu cũng thế thôi, nàng chẳng màng tới.

Sau một thời gian gặp Liên, Dũng quyết định lên Văn Phòng Điều Hành trại khai chung vào một gia đình để được ra đi theo danh nghĩa vợ chồng chớp nối. Thế mà cũng mất gần hai năm sau họ mới được đi định cư.

Khi đặt chân lên đất Mỹ cách đây gần một năm, Dũng vì thương Liên và hai con, chàng đã phải cày ngày cày đêm cho đời sống gia đình mau quân bình. Hết làm cu ly ở các xưởng kỹ nghệ, chàng lại nhào vô nhà hàng Tàu rửa chén. Một ngày đôi khi làm tới 16 tiếng đồng hồ. Vì thế nên đã lâu lắm rồi, chàng chưa hề có một ngày nghỉ trọn vẹn để vui sống với gia đình. Liên ở nhà, học lái xe, tập tành theo bạn bè đi rong, mua sắm và chưng diện.

Đáng lẽ Dũng phải dành thì giờ đi học một nghề nào đó để xây dựng tương lai trên xứ người, nhưng vì thương Liên nên chàng đã dồn nỗ lực vào việc kiếm tiền cho lệ. Chàng cũng dự định, khi đã có chút vốn và đời sống yên ổn đâu ra đó, sẽ nghỉ bớt một việc và đi học cũng chưa muộn. Thêm vào đó, từ ngày nghe tin vợ theo người khác, Dũng quyết định sẽ sống đời với Liên. Vì vậy, chàng đã không quản ngại dồn hết tâm trí lo lắng, hy sinh tất cả cho nàng.

Thấy Liên chỉ biết chung diện, rong chơi, Dũng thường nhắc nhở Liên nên dành thì giờ vào việc học Anh ngữ và trau dồi kiến thức để tiến thân. Nhưng Liên viện cớ này nọ, riết rồi chàng cũng đâm nản. Biết rằng, trên xứ này mà không nghề nghiệp, không kiến thức thì rất khó sống. Nhưng Liên đâu cần để ý tới điều đó, ý lại có chút nhan sắc thế nào cũng có người rước. Thật sự, hơn hai tháng nay Liên đã không còn để ý tới Dũng nữa. Liên đã có Đông, một người đàn ông mới trong trái tim nàng.

Đàn bà qua xứ này bỗng dưng có giá một cách lạ kỳ, hễ đụng một chút là muốn làm trời làm đất. Dũng cũng biết thân phận đàn ông lưu lạc nơi đất khách quê người, vợ con coi như tiêu tùng. Gặp Liên, hy vọng sẽ tìm được chút mái ấm gia đình và một tình yêu dù là chấp nối, ít ra cũng bớt cô đơn. Do đó, chàng vẫn cố chịu đựng để vượt qua những khó khăn hiện tại. Thế nhưng, đã đến lúc chàng cảm thấy hết thuốc chữa, nghĩa là chắc chắn Liên đã có người khác. Nhiều lần Dũng định nói thẳng vấn đề với Liên rồi chia tay cũng được, nhưng nghĩ đến Loan và Đức chàng lại thôi.

oOo

Một buổi chiều trên đường đi làm về, Dũng bắt gặp Liên đang tung tăng bước ra khỏi khách sạn với một người đàn ông. Tức quá, Dũng quay xe trở lại nhưng họ đã biến mất. Chàng hậm hực quay về nhà với những tan nát ở trong tâm hồn.

Thế là hết, nhất định lần này chàng sẽ ra đi, cho dù thương Loan và Đức đến đâu đi nữa thì chàng cũng không thể chấp nhận được sự lén lút của Liên.

Suốt thời gian qua, Dũng đã sống những ngày thật buồn nản nơi đất lạ quê người. Chàng đã cố gắng tận lực để lo lắng cho Liên, nhưng được trả bằng một sự phản bội trắng trợn. Chàng cũng tự trách mình tại sao lại có thể đi yêu nột người đàn bà như Liên! Tại sao chàng có thể say đắm ở một con người không tình không nghĩa! Gần ba năm rồi, dù muốn dù không thì Dũng cũng đã

chung sống với Liên và hai con bằng một tấm lòng chân thật. Ai ngờ... đến xứ này, Liên lại đua đòi chạy theo thú vui và bị cuốn hút vào vòng luẩn quẩn của cuộc sống vật chất. Cuối cùng nàng lại quăng mình vào bầu sập đắm mê. Dũng đã khuyên răn rất nhiều lần, nhưng Liên cứ cho rằng Dũng kém hiểu biết.

Dũng cũng biết, khi người đàn bà đã chấp nhận một ngã rẽ tâm tình thì hãy để họ ra đi. Bởi khi họ đã qua tay một gã đàn ông khác, cho dù bị hoàn cảnh hay bất cứ vì một lý do gì đi nữa thì việc níu kéo chỉ uống công sức. Dũng cố gắng tự an ủi cho số phận mình, do đó khi gặp Liên ở nhà, chàng cố gắng để không tỏ ra tức giận:

- Chiều nay đi đâu mà có vẻ bơ phờ thế?
- Thì đi rong kiếm việc làm chứ đi đâu!

Dũng cười mỉa mai:

- Thật ra, đến giờ phút này mà em vẫn còn đang tâm giấu diếm anh là một chuyện lạ. Vừa lạ vừa tàn nhẫn đối với một người đã sống rất thật với em. Tại sao em không nói thẳng ra thì phải hay hơn không?

Liên hơi lúng túng, nhưng nàng lấy lại bình tĩnh ngay. Lại nhớ tới lời nói của Đông như một thúc đẩy, một động lực buộc nàng phải giải quyết vấn đề với Dũng: □ Chúng mình không thể lén lút như thế này được! Em nên nói thẳng với Dũng. Hẳn chắc sẽ tự ái và ra đi. Lúc đó anh sẽ tính chuyện dọn về ở với em, chúng mình hoàn toàn tự do.”

Quen Đông hơn mấy tháng nay, nhiều lúc nàng cũng tự hỏi tại sao nàng có thể yêu chàng nhanh đến thế? Ở □ Đông có một hấp lực gì đã làm cho nàng nhớ nhung mỗi lần vắng chàng. Đông là một người đàn ông lớn tuổi, chàng cho biết là đã ly dị vợ mấy năm qua. Thật ra, Liên cũng chẳng cần tìm hiểu về cuộc sống và nghề nghiệp của chàng. Điều mà Liên thường lý luận: tìm hiểu thêm một, bởi khi đã yêu thì bất chấp mọi chuyện khó khăn bất kể từ đâu đến, miễn là được sống gần nhau. Đã nhiều lần nàng định nói toẹt cho Dũng để chàng tự giải quyết và dọn đi nơi khác. Nhưng khổ nỗi là hai đứa con nàng rất thương yêu Dũng.

Chiều nay khi nghe những lời trách móc của Dũng, Liên quyết định nói thẳng:

- Thì như anh đã biết, mình không hợp nhau. Con đường của anh còn dài, và anh có thể tìm một người khác thích hợp hơn. Riêng

em, em đã có người khác và em cũng quyết định sẽ dọn về với anh ấy trong một thời gian ngắn.

Mặc dù đã biết sự việc tất phải xảy đến, nhưng khi nghe những lời nói càn tàu ráo máng của Liên, chàng cũng không dẫn được con bối rồi. Dững ngồi xuống sa lông, ôm đầu suy nghĩ. Một hồi lâu chàng mới lên tiếng:

- Đúng ra anh cũng đã biết thái độ của em hơn mấy tháng nay, nhưng vì thương hai đứa nhỏ nên anh mới chân chừ và hoãn lại quyết định dọn đi một nơi khác cho em rảnh tay...Vả lại, mới đến xứ này chân ướt chân ráo...anh thấy thương tội nó không cha, em thì rong chơi suốt ngày, lỡ có chuyện gì thì sẽ ân hận!

Liên nói một cách dứt khoát:

- Chúng nó là con của em, dĩ nhiên em biết lo! Cám ơn anh đã săn sóc tội nó trong mấy năm qua.Em biết những gì phải làm và những gì không cần làm.

Dững cảm thấy đau nhói ở tim, chàng cũng không ngờ Liên có thể thốt ra những lời dứt khoát như ngày hôm nay. Thì ra, người xưa đã không sai khi nhận xét về người đàn bà, lòng dạ của họ còn sâu hơn đáy biển, nhưng rất ngắn tầm, chỉ thấy cái lợi trước mắt, còn chuyện về lâu về dài thì họ lại tính không ra. Khi lâm vào con đường tình một cách đam mê thì sự thay đổi được ví như trở bàn tay.

Nãy giờ Loan vẫn lấp ló ở nhà bếp.Nghe Chú Dững và mẹ đối đáp, bé Loan róm nước mắt.Biết mẹ đổi thay và dùng những lời dứt khoát với Dững, bé cảm thấy mất mát. Mấy năm rồi bé vẫn thương Dững như cha, nên khi nghe sự đổ vỡ sắp phải xảy đến, Loan khóc nức nở và lên tiếng:

- Tại sao mẹ làm như vậy? Chú Dững đừng bỏ tội cháu nghen?

Liên ngửa gan:

- Tao bảo mày im ngay! Con nít mà cứ xía vô chuyện người lớn. Loạng quạng tao bỏ đói bây giờ?

Loan chẳng còn nghe gì nữa, bé càng khóc to hơn. Dững an ủi:

- Chú dọn đi nơi khác, nhưng thỉnh thoảng sẽ đến thăm hai cháu. Rán học hành và nghe lời mẹ chú sẽ thưởng cho.

Liên nổi cáu và lớn tiếng:

- Tội nó đã có người lo! Anh cứ lo cho tương lai của anh là được rồi.

Dững định phân tích cái tàn nhẫn đối với sự chia li giữa tình cảm con người, nhưng thấy Liên tỏ ra dứt khoát nên chàng lại thôi.

Tối hôm đó, Loan và Đức cứ quần quít bên chàng, chúng nó buồn như mất một người thân nhất trên đời. Dũng vẫn khuyên răn và hứa sẽ lui tới viếng thăm. Hôm sau Dũng dọn khỏi nhà Liên, để lại một lá thư dài bảy trang, nhắc lại kỷ niệm của những ngày thật đẹp bên nhau khi còn ở trại tỵ nạn. Lá thư cũng nhắc nhở Liên phải sống bình thản, có tình nghĩa mới mong tránh khỏi những khổ đau tan nát. Liên cầm lấy thư, không thèm bóc ra đọc, nhét vào tủ.

oOo

Từ ngày Dũng ra đi, Đông dọn về ở chung với gia đình Liên. Loan và Đức ban đầu chống đối mãnh liệt, nhưng Liên thì hăm lên hăm xuống, nên tụi nó đành lặng thinh nhận chịu những đổi thay trong cuộc sống mới với một người đàn ông lạ trong nhà.

Một thời gian đầu mới dọn về, Đông và Liên còn khăng khít như hình với bóng, ngọt ngào như những ngày còn lén lút của một đôi uyên ương trốn đời bên nhau. Nhưng rồi, một thời gian sau, chứng nào tật đó, Đông lại lòi ra những thói quen như thời gian trước khi gặp Liên. Đi sớm về trễ, lang thang ở các quán nước, phòng trà, đầu lảo, bày mưu này kế nọ.

Ban đầu Liên còn nhịn nhục đủ điều, nhưng càng ngày Đông càng quá quắt, Liên đâm ghen tuông và những cãi vã bắt đầu xảy ra giữa hai người. Liên đã có việc làm ở một siêu thị, đầu tắt mặt tối, không còn thì giờ để chăm sóc hai con, chúng ở nhà đụng độ với Đông liên miên. Mỗi lần về nhà, nghe toàn chuyện cảm râm từ cả hai phía: Đông thì cho rằng chúng nó không có cha nên mất dạy, hỗn lảo. Những lời chê trách làm Liên tự ái không thể chịu được, nhiều lần dòn ép đâm quạu, Liên lại đánh đập con cái nên không khí gia đình càng ngày càng căng thẳng. Hai đứa nhỏ thì bảo rằng Đông còn khó hơn ông nội của chúng.

Đông viện vào lý do đó, đi la cà ở các quán rượu, và rồi chứng nào tật nấy: say sưa, bồ bịch. Liên thỉnh thoảng cũng tức lộn gan, nhưng rồi mỗi lần nhắc tới chuyện lang thang của Đông, họ lại xích mích và nặng lời với nhau. Từ đó, Liên cũng bắt đầu chán nản, bởi nàng đã rõ bộ mặt thật của Đông, hấn chỉ có cái bề ngoài, quần áo tươm tất, ăn chơi theo kiểu đàn ông điểm. Đúng như câu: □ Đi lâu mới biết đường dài, ở lâu mới biết là ai thật lòng. □ Bây giờ, Liên mới cảm thấy ân hận là đã lỡ quen Đông và yêu Đông một cách mù quáng. Đôi khi, nàng cũng tự hỏi: □ Được gì từ ngày quen hấn? □ Hay chỉ là một tai nạn trong cuộc đời nàng!

Thêm vào đó, từ ngày Đông dọn về ở chung, kinh tế gia đình nàng còn tệ hơn trước ngày còn Dững. Liên phải đi làm một ngày gần 10 tiếng mà vẫn không đủ cho sự tiêu pha trong gia đình. Đông thì thỉnh thoảng mới đưa chút đỉnh, y viện có là phải đóng tiền cấp dưỡng cho những đứa con của chàng. Đã thế, lại còn xui xẻo, xe cô bị tai nạn hư hỏng, phải tu bổ liên miên. Đức thì đau lên đau xuống làm nàng cảm thấy cuộc sống mỗi ngày mỗi khó khăn, chán nản.

Một chiều Thứ bảy, Liên đi làm, Đông trở về nhà say mèm. Thấy Đức và Loan đang ngồi xem TV, Đông tự nhiên đổi thái độ một cách bất ngờ. Y móc túi lấy mấy chục đô đưa cho Đức rồi bảo:

- Đức chạy ra đầu đường mua một ít thịt gà chiên về ăn nhé?

Từ lâu, chúng nó vẫn thường tránh mặt Đông. Mỗi lần có sự hiện diện của y ở phòng khách là hai chị em rút vào phòng và ít khi nói chuyện với nhau. Chiều nay, thấy Đông có vẻ thân thiện trong cách nói và còn cho tiền để đi mua thịt gà chiên, Đức ngạc nhiên, nhưng cũng nhận lời rồi lẳng lặng đi mua. Đức có ý định rủ Loan cùng đi, nhưng thấy chị đang mê phim Tàu nên thôi.

Đông vào phòng ngủ, nằm lên giường. Bất chợt hắt kêu Loan vào phòng:

- Loan vào đây bác nhờ chuyện này, bác mệt quá.

Thấy Đông có vẻ say, Loan định từ chối như không nghe tiếng gọi, nhưng Đông lại năn nỉ nên Loan chạy vào. Đông nằm dài trên giường, bảo Loan đến gần. Loan thấy sợ, không biết ông ta giờ trò gì, nhưng cũng tiến lại. Bất thành linh, hắt ôm Loan vào lòng hôn tút bụi lên mặt...

Từ ngày Đông dọn về ở chung nhà, họ chưa lần đối diện với nhau quá năm phút, nói gì đến chuyện cử chỉ thân thiện như thế này. Loan tuy mới 15 tuổi nhưng cũng phốp pháp và khôn lanh ra phết. Phản ứng tự nhiên của đứa con gái mới lớn đối với một người khác phái, nhất là đối với Đông, người mà bé rất hận trong thời gian qua về cách cư xử với mẹ nó. Loan đẩy mặt Đông ra:

- Bác làm gì vậy? Thả ra!

Đông nói trong men rượu:

- Thương lắm!

Nói xong Đông kéo mạnh Loan lên giường, nằm đè lên người Loan, hôn lên mặt, rồi hôn lên môi. Bé Loan ngộp thở, cựa quậy vùng vẫy, bấu vào mặt Đông. Đông vẫn tỉnh bơ như một con cạp dữ đang xơi tái con mèo con. Loan cố vùng vẫy thì Đông lại càng

siết chặt hơn. Tay hắn bắt đầu làm việc, sờ lên những chỗ kín của bé. Hắn nói trong cơn mê loạn:

- Đừng vùng, đừng la vô ích, biết điều từ nay bác thương, bác sắm đồ đẹp, bác chở đi học, bác thương, bác lo đủ thứ...

Nói xong, Đông lại tiếp tục hôn môi. Loan toát mồ hôi và ngộp thở vì sặc mùi rượu. Loan cố lấy hết sức mình đẩy mạnh người ra, nhưng Đông nặng quá. Biết không còn chống cự được bằng sức, Loan cố chịu đựng nằm yên, may ra thằng Đức về kịp. Hết thế gỡ, Loan hét thật lớn và bật khóc.

Có lẽ nghe tiếng hét thất thanh, Đông tỉnh người và cơn dục tình dường như hạ xuống... Hắn trụt xuống giường. Thừa cơ hội, Loan chạy vụt ra phòng khách, vừa khóc vừa gọi điện thoại cho mẹ. Ban đầu Liên không tin, bởi nàng cứ nghĩ hai đứa nhỏ hay mặc cảm và ghét Đông nên đặt chuyện. Thế nhưng, nghe Loan thở hổn hển và khóc càng lúc càng to tiếng nên Liên xin supervisor về nhà vì có chuyện khẩn cấp.

Vừa bước tới nhà, Liên đã thấy Đông đang đánh thằng Đức. Loan thì úp mặt khóc nức nở ở ghế sa lông. Liên sẵn tới định ăn thua với Đông, nhưng hắn sẵn đà chửi rủa và đâm tới tấp vào mặt Liên. Liên lùi lại phía nhà bếp, tức quá, chụp lấy con dao rồi nổi điên nhào tới đâm túi bụi vào người Đông:

- Tao giết mày thằng khốn nạn, hãm hiếp con tao rồi đánh trống la làng...mày bị ối, mày bị ối...Liên vừa hét vừa đâm như một con thú.

Thấy ngực Đông đầy máu, thấy mẹ như một người điên, Loan hốt hoảng, bốc điện thoại gọi cảnh sát...

oOo

Từ ngày rời bỏ gia đình Liên, Dũng quyết định dọn về Austin vừa đi học vừa đi làm part time. Thi vào được trường Đại Học UT là một cố gắng vượt bậc đối với Dũng, cũng nhờ trước 75 có học một năm PMC tại Đại Học Saigon, nên cũng đỡ phần ngỡ ngàng trước ngưỡng cửa học đường. Hơn nữa đời người quay lại với đèn sách, ban đầu Dũng cảm thấy khó chấp nhận, nhưng riết rồi dần quen. Sinh viên Việt Nam tại đây cũng khá đông, hầu hết đều là những người bạn trẻ. Thấy Dũng hiếu học, họ thương mến và hướng dẫn tận tình.

Quen được một lô bạn mới, Dũng dọn về ở chung phòng với họ. Ngày đi học, chiều về đi làm bồi bàn cho một nhà hàng Tàu. Nơi đây Dũng gặp Tuyết, một sinh viên còn trẻ, học chung trường, làm

chung nhà hàng. Tính tình Tuyết vui vẻ hồn nhiên, giờ rảnh vắng khách, Tuyết thường hay đầu lảo và giúp đỡ Dũng về phần Anh ngữ. Lâu ngày, họ trở thành bạn thân. Dũng tuy lớn tuổi, nhưng bản chất nghệ sĩ nên chàng rất dễ hoà đồng với giới trẻ.

Gần cuối niên học, Dũng được anh em ở trường bầu làm anh cả trong nhóm. Họ thường giúp nhau làm bài tập, đàm luận chuyện đời, chuyện chính trị, chuyện quê hương đất nước và luôn cả những chuyện gia đình riêng tư. Tuyết cũng ở trong nhóm, nàng rất thông minh và hoạt bát, năm nay là năm cuối của BS. Hoàn cảnh của Tuyết cũng không sáng sủa gì cho lắm! Nghe Tuyết kể: ba mẹ đã ly dị gần 3 năm qua, hai người anh đã ra trường và có việc làm, Tuyết phải tự túc, mẹ ở với anh trai, thỉnh thoảng nàng cũng về thăm. Ba thì năm khi mười họa mới gặp một lần, tình cảm cha con càng ngày càng phai nhạt. Đang vui, nhắc đến chuyện gia đình, Tuyết buồn:

- Nghe nói, ba đã lấy một người khác rồi! Không biết đây là bà thứ mấy từ ngày ly dị mẹ!

- Gia đình Tuyết ở đâu?

- Houston.

Tuyết thở ra:

- Đành rằng, ở xứ này ly dị là chuyện thường xảy ra như cơm bữa, nhưng theo em thì là một mất mát lớn cho con cái, xét trên phương diện tâm lý. Cũng may tụi em đã lớn nên không ảnh hưởng mấy. Tuy vậy, gia đình cũng hay chào xáo. Anh Tư vì thương mẹ nên nhất quyết không thèm nhìn mặt ba nữa!

Dũng an ủi:

- Chuyện vợ chồng là do ý trời sắp đặt.

- Em không tin.

- Tại sao?

- Mẹ nói, hồi trước 75, ở Việt Nam ít ai ly dị lắm.

- Thì tại hoàn cảnh xã hội gây ra, người Việt mình qua xứ này cũng do ý trời và ý trời sắp đặt mình thay đổi theo sự cuốn hút của xã hội.

Tuyết cười:

- Anh cứ ý trời...ý trời nghe như trong phim Tàu.

Tuyết qua Mỹ hồi mới tám tuổi, bây giờ đã 22. Đọc báo Việt không thông thạo cho mấy, nhưng nói thì khá rành. So với những bạn bè cùng lứa, Tuyết được liệt vào hạng giỏi trong việc gìn giữ văn hoá Việt trên đất người. Mặc dầu, ba mẹ Tuyết tan vỡ, nhưng

cũng may, không ảnh hưởng tới sự học hành của nàng. Dũng khen:

- Anh có lời khen và xin tặng em hai chữ đoan trang.
- Đoan trang là gì?
- Không hiểu à? Đoan trang là đức hạnh tốt, là sự đàng hoàng của một người con gái, đại khái là vậy đó.
- Gần anh học thêm được tiếng Việt, mai mốt trở về Việt Nam khỏi bỏ ngỡ.
- Em cũng về?
- Hết Cộng sản thì về, chứ ở đây đâu phải nước của mình!
- Thật không?
- Sure! Chắc chắn! Trở về đóng góp và xây dựng cho một Việt Nam hùng mạnh. Thỉnh thoảng coi video, thấy quê hương mình nghèo khổ, chậm tiến, lòng em cảm thấy se thắt và buồn man mác.

Tuyết thở ra rồi hỏi sang một chuyện khác:

- Sao anh không lập gia đình? Già rồi, mai mốt không có con buồn lắm!
- Có, ở Việt Nam nhưng đã bỏ anh theo người khác rồi!
- Sao vậy? Ý trời!
- Đúng, lại Ý trời!

Dũng và Tuyết đang say sưa đấu láo với nhiều đề tài khác nhau, thì Xuân bạn của Tuyết hơ hải chạy sang báo tin:

- Tuyết, mày có điện thoại Emergency từ Houston gọi lên và bảo bỏ gọi lại gấp. Nghe nói ba bỏ bị tai nạn gì đó, rất trầm trọng đang nằm ở bệnh viện.

Lâu lắm rồi Tuyết không gặp ba nàng. Lần trước, ông có nhét cho Tuyết hai trăm, nhưng Tuyết không nhận. Bây giờ nghe ông bị tai nạn, Tuyết hốt hoảng lo sợ không biết bị gì? Nàng chạy về cư xá và gọi cho mẹ:

- Mẹ?
- Nghe nói ông già con bị bà bỏ ông đâm gần chết, vì ông lăng nhăng gì với đứa con riêng của bà ấy. Tao cũng chưa rõ nội vụ, báo chí địa phương có đăng. Mẹ chỉ muốn báo tin để con muốn về thăm ông thì thăm?

Tuyết lo lắng:

- Sao mẹ không đi thăm ba?

Mẹ Tuyết nói trong tức giận:

- Đồ cái thằng cha mắc dịch đó có chết đến nơi tao cũng không thèm đến, chứ đừng nói tới bị thương nằm ở bệnh viện!

- Thôi mà mẹ!

- Mẹ đã bảo con rồi, ông cặn tàu ráo máng với mẹ mấy năm nay con đã biết? Hỏi mẹ thăm thiếc gì nữa!

Tuyết biết tính mẹ rất khó lay chuyển, nhưng vì lo quá không biết ba ra sao! Nàng cố nắn nỉ trên điện thoại một hồi lâu, nhưng cũng không thuyết phục được mẹ, nàng đành gác điện thoại và gọi nhà hàng xin nghỉ việc để lái xe về thăm ba.

Tuyết chạy qua báo tin cho Dũng và nhờ chàng cùng đi Houston. Thấy Tuyết có chuyện buồn, Dũng đồng ý đi ngay để cùng lái xe. Dũng ngỏ lời chia buồn và trấn an nàng:

- Chắc chỉ bị thương, đừng quá lo, sẽ không lợi lộc gì. Hãy bình tĩnh anh sẽ lái xe cho.

Trên đường về Houston, mỗi người mỗi ý nghĩ. Dũng cố lái câu chuyện để an ủi Tuyết, nhưng nàng cứ nhắc đến những chuyện xảy ra trong cộng đồng Việt Nam gần đây làm nàng ngao ngán:

- Báo chí Mỹ cho rằng người Việt mình rất là ☐ wild☐ , nghĩa là ☐ rừng rú☐ , tàn sát tập thể không gớm tay! Tuyết nhắc lại chuyện một người đàn ông cũng ở Houston, buồn hận vì bị vợ bỏ theo người khác, ông ấy mua súng về tự tay giết hết 4 đứa con một cách tàn nhẫn rồi tự sát. Câu chuyện tang thương của gia đình đó đã làm chấn động dư luận cộng đồng người bản xứ và làm đau tập thể người Việt tại Houston rất nhiều!

Tuyết thở ra rồi tiếp:

- Đúng là ông ấy điên. Bà vợ bỏ thì thôi, mắc gì phải bắn hết con rồi tự sát!

Dũng góp ý một cách khách quan:

- Anh cũng không rõ nội vụ cho lắm, nhưng người ta cho rằng ông ấy vì quá buồn phiền, nên đâm ra quần trí. Như em đã biết, một khi hệ thống thần kinh giao động thì khó có thể giải thích tại sao con người có thể hành động một cách điên rồ như thế được. Nghĩ cho cùng âu chỉ là ☐ nghiệp☐ cả!

Hết chuyện này đến chuyện khác, họ đã vào thành phố. Dũng ngừng xe đỗ xăng. Tuyết gọi điện thoại cho mẹ để hỏi ba nằm ở nhà thương nào. Tuyết rành đường, giành lấy tay lái và chạy thẳng tới bệnh viện.

Vừa bước vào phòng đợi để thăm bệnh nhân thì Tuyết đã ngay gặp ngay Nhân, người anh kế của nàng đang ngồi chờ người trên băng

ghế, tay cầm tờ báo đọc bản tin về vụ án xảy ra. Tuyết ôm lấy Nhân rơm nước mắt:

- Anh Tư đâu? Ba ra sao rồi?

- Nghe bác sĩ nói ba đang ở phòng hồi sinh và đang chuyển máu vì bị ra máu quá nhiều! Anh Tư vẫn còn giận ba nên cũng quyết định như mẹ!

- Không đến?

- Chẳng thấy!

- Ba đã tỉnh chưa? Nội vụ ra sao?

Nhân lắc đầu:

- Đang ở phòng hồi sinh. Em đọc báo thì biết! Chỉ làm xấu gia đình mình thêm!

Nãy giờ vì quá lo lắng, Tuyết quên giới thiệu Dũng với anh của nàng. Dũng chia buồn và bắt tay Nhân:

- Cấp cứu thì nhà thương Mỹ là số một, hai em đừng lo, thế nào bác cũng khỏi.

Tuyết chụp tờ báo và đọc ngấu ngiến bản tin về vụ án, hình bị can là một người đàn bà và hai đứa con. Dũng ngồi sát vào Tuyết cùng đọc bản tin. Nhìn bức hình hung thủ ba mẹ con, Dũng thấy hoa mắt. Trong một thoáng giây, chàng bật thành tiếng:

- Liên?

Tuyết nhìn Dũng ngạc nhiên:

- Anh biết tên người trong hình? Ngọc Liên Thị Nguyễn và hai đứa con là Loan Lê và Đức Lê?

Dũng cố lấy lại bình tĩnh, nhưng chàng không thể giấu được sự bối rối và xúc động:

- Là một gia đình anh biết từ khi còn ở trại tỵ nạn. Nội vụ ra sao?

Tuyết kể lại theo tờ báo:

- Ba em sống chung với người đàn bà này gần một năm nay, hai người cãi vã về chuyện ba em loạng quạng gì đó với đứa con 15 tuổi, rồi họ sinh ầu ẩu...và bà ấy chụp con dao đâm túi bụi vào ba trong cơn nóng giận. Đó là theo báo chí, còn sự thật ra sao thì chưa rõ. Biết đâu họ bịa chuyện để buộc tội ba cũng có. Bà ấy và người con gái đang bị cảnh sát câu lưu.

Dũng cũng không mấy ngạc nhiên về câu chuyện, bởi hơn ai hết, Dũng rất rành về sự nóng nảy của Liên. Thế nhưng, chàng vẫn khuyên Tuyết:

- Chuyện đâu còn có đó, chắc nội vụ phải có gì bí ẩn. Hay là để anh đến nhà bà ấy hỏi thằng nhỏ xem sao? Em ngồi chờ thăm ba, anh mượn xe chạy lại đằng đó xem sự việc ra sao?

Gần một năm qua, Dũng đã không liên lạc được với Đức và Loan vì Liên đã thay điện thoại □ ần số □ .Dũng vẫn biết họ còn ở ngôi nhà cũ, chàng phóng thẳng tới nhà. Gặp Dũng, hai đứa oà lên khóc làm chàng phải an ủi đủ điều mới hỏi được tự sự đầu đuôi câu chuyện.

- Rồi mẹ ra sao?

Loan lại khóc:

- Bị cảnh sát bắt. Cháu cũng bị họ chở ra phòng điều tra và mới về thì chú đến.

- Vậy khi nào mẹ mới được về?

- Cháu cũng không biết!

Dũng ôm hai đứa vào lòng, chàng giải thích lý do tại sao không liên lạc được vì Liên đã đổi điện thoại, cố ý cắt đứt liên lạc giữa chàng với Loan và Đức. Loan lắc đầu thở ra:

- Bây giờ thì chắc mẹ đã hối hận vì chú ra đi...

Dũng đổi qua một đề tài khác:

- Hai cháu đứa nào cũng lớn như thôi, nhất là Loan chỉ mới chưa đầy một năm mà đã cao bằng mẹ.

Đức ngồi sát vào người Dũng:

- Cháu nhớ chú lắm!

Dũng cảm động:

- Chú cũng vậy.

- Khi nào chú đi thăm mẹ?

Dũng im lặng không trả lời. Đức tiếp:

- Đêm nay chú ở lại với tụi cháu? Chú biết không, nếu mẹ ở tù, tụi cháu sẽ bị chính phủ đem đi ở với người ta đó!

- Uà, để chú đi trả xe cho người bạn rồi sẽ trở lại ngay và tính những chuyện kế tiếp phải làm gì để lo cho mẹ cháu ra.

Hai đứa vui mừng ra mặt:

- Có thật không chú? Chú về đây ở luôn với mẹ như xưa nhá?

Dũng xoa đầu Đức.Thì ra, tâm hồn trong trắng của trẻ thơ là thế. Tình thương được thể hiện qua những lời nói chân thật, phát xuất từ đáy tâm hồn một cách hồn nhiên, rất đơn giản, không tính toán, không thắc mắc, không tranh chấp muôn phần...

- Hai cháu ăn uống gì chưa? Chú chở đi ăn thịt gà chiên ghen?

Cả hai đứa đứng dậy ôm lấy Dũng, niềm vui chột đến như mấy năm về trước, khi họ còn sống bên nhau trong một mái ấm gia đình.

oOo

Ở phòng tạm giam, được tin có người đến thăm, Liên ngạc nhiên và hồi hộp không biết ai đã nghĩ tới thân phận của nàng hiện tại. Ngoài hai con, Liên chẳng con ai là người thân trong thành phố này. Ân hận xen lẫn muộn phiền cho số kiếp hẩm hiu đã dày vò nàng đến tuyệt vọng. Sau song cửa sắt, cơn mưa mùa buổi chiều đổ xuống như ai trút từng thùng nước xuống mái hiên. Liên bỗng nhớ tới Dũng, nhớ tới những ngày thật hạnh phúc bên nhau tại Paulau Bidong, nhớ tới những lần hẹn hò và hầu như mỗi lần họ gặp nhau là trời đổ mưa. Có lần chính nàng đã nói:

□ Cuộc tình của chúng ta chứa đầy nước mắt” .

Bây giờ những chiều mưa kỷ niệm ấy đã tan theo sự bội bạc, tàn nhẫn của nàng đối với Dũng, kể từ khi đặt chân lên đất Mỹ. Liên theo người nữ cảnh sát tiến ra phòng đợi thân nhân. Thì ra chẳng ai xa lạ, mà là hai đứa con nàng.

Liên ôm Loan và Đức vào lòng, như tìm cho chính nàng một sự triu mến dung tha mà từ lâu nàng đã bỏ quên cái bổn phận thiêng liêng của một người mẹ. Chẳng qua chỉ là những vay trả mà chính nàng đã không ý thức cho sự trả vay!

Loan rơi nước mắt:

- Khi nào mẹ mới được về?
- Mẹ đang nhờ luật sư của chính phủ lo giùm!
- Lâu không mẹ?

Liên không trả lời. Loan đưa cho mẹ lá thư của Dũng, Liên ngạc nhiên đến sững sờ:

- Chú Dũng đã về đây?
- Tối hôm qua, chú ở lại với tụi con một đêm và sáng nay thì phải về Austin. Nghe chú nói, đang trong mùa thi cử nên chú phải về liền, chú sẽ liên lạc sau?

Liên bỗng cảm thấy tâm hồn mình giao động, nàng cũng tự hiểu làm sao Dũng có thể đi thăm nàng, dù không bận thi cử. Và nếu Dũng đến thăm nàng, Liên có đủ can đảm để nhìn thẳng vào mặt chàng không? Liên cầm lấy lá thư đọc vội vã:

“ Liên,

□ Trước nhất, anh cầu xin ơn trên phù hộ cho em mọi sự như ý. Anh về đây và biết được sự việc chỉ là một tình cờ, rất trùng hợp

như có sự sắp đặt của bề trên. Thật sự, anh không biết gì cả cho đến khi Tuyết - một người bạn học và là con gái của ông Đông - nhờ lái xe giùm cho cô ta về thăm ông ở bệnh viện. Rồi anh xem báo...

Theo anh biết thì em có thể được về và tại ngoại hầu tra, vì em chỉ phản ứng trong trường hợp tự vệ. Riêng ông Đông, sau khi bình phục sẽ bị truy tố ra toà về tội toan cưỡng hiếp vị thành niên và hành hung con nít (thằng Đức) có thương tích.

Anh chắc thế nào em cũng được về sớm để còn lo cho hai cháu. Hãy bình tĩnh và cầu nguyện ơn trên phù hộ cho em tai qua nạn khỏi.

Rất tiếc anh không thể vào thăm em được, phải về trường vì quá bận, vừa đi học full time, vừa đi làm để sinh sống. Hết mùa thi anh sẽ về thăm hai cháu.

Cầu chúc em vạn sự như ý.

Liên đọc đi đọc lại, mấy lần. Một lá thư ngắn nhưng đã quá đầy đủ. Lá thư dài mà Dũng đã viết cho Liên hôm chàng ra đi, bây giờ nghĩ lại, sự việc đã xảy ra như một khúc phim. Liên xếp lá thư bỏ vào túi rồi hỏi Đức:

- Chú Dũng có nói gì nữa không?

- Chú Dũng dẫn tụi con đi ăn tối, cho con tiền và ngủ lại một đêm. Chú và con thức thật khuya, nhắc lại những chuyện vui khi còn sống bên nhau. Con có hỏi chú chuyển trường về dưới này đi học, nhưng chú chỉ lắc đầu.

Liên hỏi nhanh:

- Chú có khỏe không?

Loan xen vào:

- Chú trẻ ra, trông rất thư sinh.

Ba mẹ con lại im lặng nhìn nhau thật lâu. Không gian như chìm trong tiếc nuối, ân hận. Ngoài kia trời vẫn mưa nặng hạt, cơn mưa đầu mùa gợi lại kỷ niệm của những ngày sống thật hạnh phúc bên nhau với Dũng...bây giờ thì đã quá xa...

Trương Sĩ Lương



VÔ TÌNH **VĂN BÚT NAM HOA KỲ**

Đón chào Văn Bút Nam Hoa Kỳ :
Tổ chức gặp nhau được mấy khi
Tay bắt mặt mừng nơi Hải ngoại
Cùng nhau gắn bó bởi văn thi.!?
Lắm khi ta hướng về quê Mẹ
Mong mỗi Tự Do đến tức thì
Dân Chủ Nhân quyền dân ước vọng
Một ngày sẽ đến - khó khăn chi..!?

NHÂN QUYỀN CHO VIỆT NAM

Nhân quyền cho Việt Nam – Ta ơi
Hãy đứng vùng lên – chỉ một lời
Dân Chu - ấm no - điều khát vọng
Tự Do – mơ ước – suốt bao đời
Việt Khang lên tiếng - lời ca đó
Chế độ im re - cứng họng rồi.
Nếu biết đổi thay nên thông trị
Toàn dân hạnh phúc quá đi thôi.

HÁN CHỆT VA CỘNG NÔ

Không lẽ Cộng Nô - lại quá ngu?
Xưa nay Chệt bắc giống như thù
Ý đồ bọn chúng từng xâm lược.!
Muốn biến nước ta thành Hán khu

Cố giữ Đảng uy – hay cần nợ..!?
Cộng quyền đánh cút Ải Nam Quan
Hoàng Sa Bản Giốc cùng chung phận
Bô Xít Tay Nguyên.. sẽ mất dần..!

Đừng bảo dân ta chẳng biết chi
Tình hình như thế ắt lâm nguy.!
Họ chờ vùng dậy – Ngày Dân Chủ
Chế độ - Vô thần phải biệt ly



Mắt Nâu **Giọt lệ cho từ bi**

Bước ra khỏi thang máy của khu shopping, trời còn sớm. Một chút nắng vàng hanh, một chút mây lãng đãng, bãi đậu xe đã vắng, người qua lại không vội vã, tạo cho khung cảnh của khu thương mại một sắc thái thanh nhàn.

Chưa bao giờ Hảo thấy mình nhàn hạ như bây giờ.

Mấy đứa con đi học xa nhà.... Những bữa ăn tối một mình.... Ngôi biệt thự màu xanh, và số tiền hưu dưỡng của người chồng đã khuất ... Khung trời vắng vẻ ấy, là nơi chốn bình yên cho một người quả phụ chớm ngả về chiều như Hảo.

Đang suy nghĩ vẩn vơ, Hảo giật mình nhìn sững người đàn bà vừa bước vào chiếc xe màu trắng -

Quá khứ đã ngủ quên, chợt thức dậy -

Một thoáng xót xa ập đến, hòa nhập vào mạch máu đang nhảy mạnh trong lồng ngực... Thần thờ mất vài giây, Hảo đi tiếp về phía chiếc xe của mình nơi cuối bãi, trong bước chân rời rã.

Chiều vẫn xuống, khung cảnh vẫn bình yên.

Nhưng một cái gì dường như thốn thức, một cái gì dường như tê tái băng khuâng. Hảo ngất ngây như người lên cơn sốt, một cơn sốt chìm sâu trong tiềm thức rã rượi não nề.

Bữa cơm tối nay tại nhà hàng Con Voi Đất, của nhóm Thân hữu các bà mẹ, do nhà thờ chiêu đãi, bỗng trở thành nhạt nhẽo, và túi quà vừa mua trong mall trở nên nặng trĩu treo trên mấy ngón tay.

Phải rồi, chỉ vì người đàn bà đặc biệt, không bao giờ quên được! Khuôn mặt ấy, vóc dáng ấy... với Hảo, là bóng hình của thiên sứ, của xả thân, mang trái tim của hiến thân và cứu khổ.

Tám hình hài đẹp đẽ đã dám quên thân mình, để cứu cho nhiều mảnh đời thoát khỏi khổ đau, tan hoang, vò xé và oan trái.... mà khổ nổi, ở đời này, những thảm kịch oan trái, vò xé ray rứt lẫn nhau, để tạo ra tang thương tội nghiệp, chỉ toàn do lòng nhỏ nhen

ích kỷ, hẹp hòi đến đê tiện. Và nó cứ tồn tại mãi hoài, do thành kiến vô minh, do khốn nạn của loài người cố chấp.

Bãi đậu xe vắng dần.

Gần đến xe của mình, Hảo bấm nút tự động từ xa, mở cửa chui vào, nhìn thoáng mình trong tấm gương trước mặt, Hảo thấy khuôn mặt mình dường như hơi tái đi. Hảo nhắm mắt một giây, hít thở vài hơi, rồi mở máy, gài số, lái chậm chậm đi tới nhà hàng.

Cảnh sắc hai bên như lùi lại.

Buổi chiều vẫn đẹp, vẫn bình yên, pha lẫn chút hoang tàn.

Và hình bóng người đàn bà lúc nãy vẫn vật vờ ám ảnh Hảo trong suốt chặng đường. Nó vừa xa, như từ bao nhiêu kiếp song lại rất gần, như đứng ngay trước mắt. Và nó đang nhờn nhờn lơ lửng tựa như một bóng ma khoác áo thiên thần...

Tới nhà hàng, đẩy cửa bước vào, Hảo thấy ngay dãy bàn đã đặt cho bữa cơm tối nay của nhóm thân hữu các bà mẹ do nhà thờ chiêu đãi.

Năm bảy người đã đến trước, vẫy tay. Hảo bước đến, kéo ghế ngồi xuống và lặng im chẳng nói. Một chút gì như lãng quên, và một chút gì như nhung nhớ đến quận thất cả người.

Hảo ngồi nghe câu chuyện nói qua, nói lại và cố hình dung ra dung nhan bà hội trưởng, đại diện nhóm nhà thờ của buổi tối hôm nay.

Song, chẳng hiểu sao, trong tâm tưởng, hình ảnh của toàn bộ chặng đường vượt biển năm xưa, nối tiếp với quãng đời tha hương đơn chiếc của Hảo bỗng hiện ra, cùng với khuôn mặt người đàn bà lúc nãy - Tất, tất cả chập chờn sống dậy trong thẳng thốt, trong hỗn loạn, hải hùng:

Chuyến tàu ngày đó, 25 người nhào trong sóng dữ... Xứ Mỹ với những ngày đầu ám ảnh khó quên... giọt nước mắt trào ra lúc Hảo biết mình được mang bầu, và cái xúc động của lần đầu tiên làm mẹ... Bầy con thơ chiu chít và người chồng quá cố im lìm.... Căn nhà màu xanh êm ả của một thành phố nhỏ.... Những buổi chiều hoang vắng trong cảnh hoàng hôn ... Tất cả, quay thật chậm và cuối cùng vẫn là khởi đi từ một hình ảnh khốc liệt hoang tàn, với khuôn mặt đàn bà rã rời tan tác ...

Đang miên man như thế, thì cánh cửa nhà hàng mở rộng, sáu bảy người đến cùng một lúc.

Mấy bà ngồi trong bàn, hướng về phía người đàn bà mặc áo màu hoàng yến, thì thầm:

Kia, bà Hội trưởng đến rồi kia.

Họ nói với thái độ thân thương ngưỡng mộ.

Và thoang thoảng bên tai lời xì xầm nhỏ nhỏ:

- Bà ấy không con, chỉ biết làm việc thiện.

Hảo nhìn lên. Tim đập mạnh. Ô kìa, chính là người đàn bà Hảo đã nhìn thấy ở bãi đậu xe khu shopping hồi nãy.

Trong bộ đồ màu hoàng yến, người đàn bà khá đẹp với cái dáng vừa tầm, thanh nhã. Khuôn mặt bình thản đến lạnh lùng, nhưng dễ gây thiện cảm. Vẻ đẹp mang nét chín muồi, so với ngày xưa.

Khuôn mặt này, Hảo quên làm sao được... Và nó đang kích động toàn bộ thần kinh của Hảo.

Hảo nhắm mắt lại, toàn thân rung động. Và Hảo nhớ như in, hoạt cảnh tàn nhẫn lạ lùng của cái ngày vượt biên thê lương:

Phải, hôm ấy, khi nghe cướp sắp tràn sang chiếc tàu vượt biển... Một màn múa tabu gợi cảm đã diễn ra ngay ở sàn tàu... Một trận cười dã man rú lên của loài cầm thú... Lũ cướp biển thỏa thuê luân phiên cưỡng hiếp ... Một tấm thân bê bết máu... Và sự rút lui rất nhanh của bọn hải tặc sau khi thỏa mãn... Tất cả bàng hoàng như trong một giấc mộng hãi hùng.

Người ta đưa mắt bảo nhau người đàn bà bị hiếp đó là một tú bà – Và cũng chính người tú bà trẻ đó đã là người hành động hiến thân, để cứu cho mười bốn phụ nữ đi cùng chuyến (trong đó có Hảo), không bị lũ cướp hiếp dâm trên biển....

Con ác mộng đã tàn, đám chị em phụ nữ hoàn hồn, vội quơ tấm mền bọc lấy tấm thân rỉ máu của người đàn bà lại và khóc rống lên... Chẳng ai biết chị tên gì, tuổi tác bao nhiêu. Có lẽ chỉ một người biết - đó là vị chủ tàu, đã chết vì vừa bị quăng xuống biển.

Người đàn bà bị hiếp đã ngất đi như thế hàng giờ, và khi tỉnh dậy, rất trầm tĩnh nói với tất cả phụ nữ trên tàu bằng một âm thanh thảm thiết:

- Mọi chuyện đã qua rồi... Tôi không chết vì số trời chưa cho chết.

Mọi người òa lên và cúi lạy tạ ơn, chị khua tay, thề thào nhưng rành rọt rõ ràng:

- “ Không cần làm thế... Tôi chỉ xin các chị em phụ nữ hai điều:

* Điều một, khi đến đất liền, không về cùng một chỗ, hãy chia nhau đi mỗi người một phương để sống.

* Điều hai, sau này, có gặp lại nhau, thì coi như không hề quen biết và không bao giờ nhắc lại chuyện hôm nay... Riêng tôi, với tấm thân không còn trong trắng, xin chịu nạn thay cho mọi người

“trong trắng” ... Đây là cái duyên duy nhất chúng ta có thể cho nhau trong cuộc đời này.... Kể từ đây, chúng ta là những người xa lạ. Sau này có gặp nhau, tuyệt đối không chào hỏi và không cần đối mặt... Các chị hãy quì xuống cầu xin ơn Chúa cho chúng ta gặp điều may mắn.”

Lời nói của mấy mươi năm ấy, bây giờ vang vang ở bên tai.

Hào kín đáo nhìn người đàn bà lặng lẽ – Một giọt lệ từ trái tim nóng trào ra, cay xé ở rèm mi.

Giọt lệ của cảm kích, biết ơn.

Giọt lệ dâng cho lòng tốt bụng từ bi!

Ngọn Lửa Hòn Cầm
- Trầm Vân -

*Hoàng Sa Và Trường Sa Là Của Việt Nam!
Paracel And Spratly Islands Belong To Vietnam!*



Đêm ngối uống rượu một mình
Rót vào đêm tối lặng thính nỗi buồn
Trong làn sương lạnh chấp chờn
Chợt nghe bao nỗi căm hờn trào dâng
Hàn quân Trung Quốc xâm lăng
Hoàng Sa tiếng sóng thét gấm vọng xa
Cầm giàn khoan tại biển ta
Địch quân hung hãn nước nhà lâm nguy
Làm gì, ta phải làm gì?
Hai bàn tay trắng so bì với ai
Nỗi đau triu nặng bờ vai
Trái tim rỉ máu ra ngoài biển Đông
Những trang sử sách oai hùng
Hồn thiêng cứu nước Bà Trưng... Đức Trần
Đang gào thét chống ngoại xâm
Tiếng quân reo mãi vọng âm xa vơi
Bạch Đằng xác giặc lạnh trôi
Đống Đa chiến thắng sáng ngời bình minh

Dân trong ngoài nước biểu tình
"Cút về đi bọn yêu tinh gian tà"
Tiếng hò dã dáo bay xa
Trùng khơi vọng tiếng Hoàng Sa đáp lời
Quán khuya rừng động chỗ ngồi
Gió hờn căm thổi ra khơi diệt thù
Trái tim lồng lộng tiếng thơ
Vấn thơ quyết chiến phát cờ Quang Trung
Kẻ thù khó dợ trời chung
Âm mưu bành trướng vô cùng gian manh
Lửa hờn căm cháy trời xanh
Vấn thơ sắc nhọn vót thành giáo gươm



Tùý Bút SONG AN CHÂU **MỘT ÁNH SAO RƠI** **Tưởng nhớ nhà văn Ái Khanh** **(1941-2008)**

Trên vòm trời bao la của vũ trụ, đêm đêm ta nhìn thấy hàng vạn vì sao lấp lánh trên cao vời vợi. Đôi khi ta bất chợt nhìn thấy một vì sao lẻ loi rơi vào màn đêm u tối, kéo dài lần sáng rồi mất nhanh trong

khoảng không gian vô tận. Theo thuyết tâm linh nhiều người cho đó là một linh hồn đã ra đi vào cõi vĩnh hằng.

Không biết tôi có cường điệu hay không khi tôi ví nhà văn Ái Khanh, nhũ danh Đỗ Lê Ann (tên thật Lê Thị An) là một vì sao sáng trên vòm trời văn nghệ hải ngoại đã từ trần vào lúc 4 giờ chiều ngày 15 tháng 10 năm 2008 tại tư gia ở thành phố

Casselberry, Florida. Chị đã ra đi đến miền xa xăm không bao giờ trở lại cõi trần gian mà trong 67 năm Chị đã sống trong yêu thương, vui buồn của một đời người ngắn ngủi. Thời gian qua mau, như bóng câu vụt qua cửa. Tưởng nhớ đến Chị, mới đây đã 6 năm qua rồi, Chị biến biệt ra đi để lại bao thương tiếc cho gia đình, thân nhân và bạn bè trên văn đàn.

Xác thân Chị đã trở về cát bụi, hồn thiêng của Chị đã trở về cõi vô biên, nhưng Chị không bao giờ mất trong lòng những người thân đã thương yêu, cảm mến Chị. Hình ảnh của Chị không bao giờ phai nhòa trong tâm tư, ký ức của những bè bạn, anh chị em văn nghệ, báo chí và những độc giả thân thương luôn cảm mến Chị qua những dòng văn, lời thơ tràn đầy tình cảm, những cảm xúc chân thành thể hiện trong cuộc sống đã xoáy vào lòng người đọc và những tâm tình, những lời khuyên nhủ thân thương, thực tế qua kinh nghiệm sống mà Chị đã gởi đến các độc giả qua mục: “*Gỡ Rối Tư Lòng*” trên các báo mà Chị phụ trách.

Tôi được quen biết Chị khi tôi là một cộng tác viên thường xuyên của tờ báo Bán Nguyệt San Rạng Đông xuất bản tại Atlanta, tiểu bang Georgia, do anh Lê Ngọc Diệp làm Chủ Nhiệm và Chị làm Chủ Bút.

Trên mười năm đảm trách nhiệm vụ Chủ bút cho báo Rạng Đông, Chị luôn làm tròn nhiệm vụ trong việc chăm sóc bài vở,

thường xuyên viết Lá thư Chủ Bút cho mỗi kỳ báo xuất bản. Người Chủ Bút là linh hồn của một tờ báo, Chị đảm trách một công việc nặng nề, mệt trí, nhưng Chị luôn hoàn tất một cách tốt đẹp.

Anh Lê Ngọc Diệp, chủ nhiệm báo Rạng Đông đã hết lòng cảm mến, khen ngợi việc làm chu đáo của Chị trong những năm qua lúc Chị sanh tiền. Vì thấy sức khỏe của Chị càng ngày càng yếu, do bệnh hoạn, nên anh Lê Ngọc Diệp đã khuyên Chị nghỉ ngơi dưỡng sức và tạm bớt công việc chủ bút trong vài tháng, khi nào bình phục sức khỏe sẽ trở lại tiếp tục công việc, nhưng không ngờ Chị ra đi ... không bao giờ trở lại ...

Thương thay! Một nhà văn nữ đã nổi tiếng qua những tập truyện ngắn: Một Thời Để Nhớ (1994), Hình Như Là Tình Yêu (1997), Truyện ngắn Ái Khanh (2006). Ngoài việc đảm trách Chủ bút Báo Nguyệt San Rạng Đông, Chị cũng còn đảm trách Chủ bút nhiều tập san, nguyệt san, Chủ tịch Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt-Mỹ VAALA, chi hội Florida; thành viên Văn bút VN Hải Ngoại vùng Đông Nam Hoa Kỳ (Florida). Tác phẩm đầu tay, truyện ngắn “*Những Gối Mi Trên Biển Đông*” được nhiều người chú ý là bước đầu Chị bước vào văn đàn hải ngoại. Ngoài ra, Chị là người rất tích cực hoạt động trong mọi lãnh vực văn học nghệ thuật, xã hội và cộng đồng tại địa phương. Một người tài hoa mà bạc mệnh, không cái được số trời đã định. Nguyên cầu hương Chị sớm tiêu diêu nơi miền cực lạc.

Chúng tôi, những người đã cùng cộng tác với Chị dưới một mái nhà văn nghệ trong những tháng năm qua, đã từng gần Chị, mến mộ Chị qua việc làm chu đáo, qua văn tài và tình nghĩa anh chị em đồng liêu, đồng cảnh ngộ.

Hôm nay, chúng tôi xin gửi cả tâm tình, lòng cảm mến tưởng nhớ đến Chị. Nhớ như mới đây tôi nói chuyện với Chị mà nay đã sáu năm qua Chị về cõi vĩnh hằng. Cầu mong anh linh chị sớm thành thoi nơi cõi non bông nước nhược, ngàn năm cực lạc.

Hơn 5 năm qua, tôi thay thế đảm trách nhiệm vụ của Chị trong việc chăm sóc bài vở, viết lá Thư Tòa Soạn cho tờ Báo Nguyệt San Rạng Đông, tôi mới nhận ra việc làm nặng nề, mệt trí của Chị trong những năm chị đã dốc sức hoàn tất nhiệm vụ một cách tốt đẹp. Chân thành tưởng nhớ đến Chị với lòng ngưỡng mộ của tôi.

Song An Châu / Atlanta, GA, 2014

Song An Châu ***Nhớ Lời Mẹ Dặn***

Con vẫn nhớ những lời mẹ dặn
Yêu quê hương, đất nước, đồng bào
Dù quê mình vận nước lao đao
Cả ngàn năm bao lần Bắc thuộc.

Từ ngàn xưa muôn người như một
Đã vùng lên diệt bọn tham tàn
Phá gông xiềng đuổi bọn dã man
Phải cầm cổ chạy về phương Bắc.

Quân dân ta anh hùng chống giặc
Đã bao đời rạng rỡ nước nhà
Nay chúng ta đừng hèn để mất
Một tấc đất Trường Sa, Hoàng Sa.

Hãy bảo vệ di sản ông cha
Bao công khó, nhọc nhằn giữ nước
Nay ta phải giữ cho bằng được
Và cùng nhau bảo vệ sơn hà.

Một tấc đất không cho lấn chiếm
Từ núi cao, sông ngòi đến biển
Cả rừng sâu, gềnh thác thiên nhiên
Đừng để mất vào tay Tàu cộng.

Hỡi đồng bào nhất loạt đứng lên
Nắm tay nhau bảo vệ sơn hà
Để đẹp lòng công khó ông cha
Và đền đáp công lao hãn mã.

Tiểu thuyết “*gửi người yêu và tin*” của Nguyễn Thị Từ Huy vừa được nhà xuất bản Người Việt phát hành tại hải ngoại với lời giới thiệu đầy trân trọng của ba ngài viết uy tín là Hoàng Ngọc Tuấn, Đỗ Quý Toàn và Phan Huy Đường.

Nhà thơ Đỗ Quý Toàn viết rằng Nguyễn Thị Từ Huy kể chuyện một nhân vật hư cấu để mượn cơ viết bản cáo trạng lối sống giả dối bao trùm trên xã hội hiện tại. Không cần nói ra, ai cũng biết, tác giả muốn mọi người thức tỉnh, từ chối cách sống đó.

Nhà phê bình văn học Hoàng Ngọc Tuấn thì viết: Từ Huy đã viết cuốn tiểu thuyết “*gửi người yêu và tin*” với một ngòi bút tỉnh táo và sắc bén của một nhà phân tích tâm lý và một nhà phê phán xã hội và, dưới ngòi bút ấy, nhân vật chính trong tác phẩm - một nhân vật hư cấu nhưng đích thực là điển hình của loại người đang làm mục ruỗng xã hội và đạo đức ở Việt Nam hiện nay - tự phơi bày bản chất qua nhiều chặng biến đổi khác nhau từ trang sách đầu tiên cho đến trang sách cuối cùng.

Chúng tôi có cuộc trao đổi ngắn với tác giả Nguyễn Thị Từ Huy hy vọng sẽ mở ra thêm những trang sách mà tác giả còn ấp ủ chưa thể viết ra mời quý vị theo dõi.

Mặc Lâm: *Thưa bà, “Gửi người yêu và tin”. Cái tựa có vẻ đánh đố người đọc lắm. Chữ tin có phải bắt đầu cho một loạt câu hỏi về sự bất tín của nhân vật trong tiểu thuyết hay chỉ đơn giản như nó vốn có?*

Nguyễn Thị Từ Huy: Biết nói như thế nào? Có một thời điểm, hai chữ “tin” và “yêu” gần như đi tới chỗ mất hết trọng lượng, và tôi cần phải làm gì đó để giữ lại một chút sức nặng của hai chữ đó, cho tôi. Hoặc nói cách khác, đó là thời điểm mà tôi cảm nhận một cách rõ rệt đời sống đang bị sa mạc hóa xung quanh tôi, đến mức chữ “tin” và chữ “yêu” bị khô quắt lại. Chúng ta đều biết một số trường hợp thực tế: chữ “yêu” càng được sử dụng nhiều bao nhiêu, thì đối tượng “được yêu” càng bị tàn phá, bị hủy hoại bấy nhiêu. Các diễn từ viết về lòng tin càng đẹp bao nhiêu, càng long lạnh bao nhiêu thì trong thực tế niềm tin càng bị đánh mất bấy nhiêu. Hai chữ “tin” và “yêu” dường như chỉ còn lại vỏ chữ mà thôi.

Anh đọc truyện này 5 lần, thấy như sống lại cái cảm giác những ngày tuyệt vọng ở Việt Nam những năm 70, 80, trước khi phải vào tù nhiều lần, rồi phải liều chết vượt biên ra đi...Đọc lại 5 lần, và lần nào cũng thế, không thể không rơi nước mắt...

Hoàng Ngọc-Tuấn

Giữa lúc đó, tôi nhận thấy phần của ba tôi vẫn tiếp tục chảy trong tôi, phần của yêu tin, là thứ mà ba tôi lúc còn sống luôn giữ tràn đầy nơi trái tim ông, trong cái hình hài lúc nào cũng khô gầy của ông, là thứ mà trước lúc mất đi, ông để lại cho chúng tôi, và nó chảy thành cuốn sách này. Yêu và tin phải chảy qua những thử thách của thác ghềnh bất tín, đôi khi phải bị hút khô như cát trên sa mạc, để có thể chảy ra thành chữ.

Tác giả cuốn tiểu thuyết Gửi người yêu và tin, Nguyễn Thị Từ Huy

Và khi tôi gửi lá thư đầu tiên trong cả série này cho Hoàng Ngọc-Tuấn, anh ấy trả lời rằng: “Anh đọc truyện này 5 lần, thấy như sống lại cái cảm giác những ngày tuyệt vọng ở Việt Nam những năm 70, 80, trước khi phải vào tù nhiều lần, rồi phải liều chết vượt biên ra đi... Đọc lại 5 lần, và lần nào cũng thế, không thể không rơi



nước mắt...”. Lúc đó anh ấy không biết rằng nước mắt của anh đã làm cho sa mạc nở hoa trong lòng tôi.

Ở đây, con người đang bị biến thành những búi cỏ khô trên sa mạc. Tôi mượn lời nói của Milovan Djilas, bởi nó quá chính xác. Từng ngày từng giờ, con người bị đe dọa bị khủng bố và bị mua chuộc, cả hai cách đó đều dẫn tới chỗ sa mạc hóa xã hội người, biến con người thành bụi, thành cỏ khô hoặc thành thú dữ.

Vậy, còn lại là, mỗi người có chịu để cho người ta biến mình

thành cỏ khô hoặc thành công cụ hay không. Vấn đề chỉ còn là như vậy mà thôi. Mỗi cá nhân có tự bảo vệ được mình trước sự sa mạc hóa của chế độ hậu toàn trị này hay không mà thôi.

Mặc Lâm: Nhân vật nam trong tiểu thuyết phản ánh trần trụi một nền giáo dục tha hóa đến tận cùng, có phải là kinh nghiệm đau xót

của chính tác giả vốn là người làm việc lâu năm trong môi trường đại học hay không?

Nguyễn Thị Từ Huy: Thế nào là phản ảnh trần trụi? Không. Tôi không cạnh tranh với thực tế. Vì không cạnh tranh nổi. Thực tế khủng khiếp hơn rất nhiều so với những gì tôi có thể viết. Đó cũng chẳng phải là kinh nghiệm của riêng tôi. Chẳng cần phải làm trong ngành giáo dục cũng biết được mức độ tha hóa của những hiệu trưởng như Sâm Đức Xương, của những giáo sư đại học hay hiệu trưởng đánh bạc, đạo văn, đăng đầy trên các báo chính thống. Nhân vật của tôi cũng không ăn hối lộ của chỉ một người thôi mà lên đến 1,5 triệu đô la như tướng Phạm Quý Ngọ, mà khắp các báo đều nói đến. Thực tế là thứ mà văn chương của tôi không chạy theo nổi.

Không phải chỉ là lừa dối người khác, mà kẻ tự lừa dối bản thân đến một mức nào đó tin luôn vào những gì do chính mình bịa ra, đồng thời lại vẫn biết rõ đó là những thứ bịa đặt. Địa ngục không chỉ là tha nhân, địa ngục là chính mình

Nguyễn Thị Từ Huy

Nỗi đau xót cũng là nỗi đau xót chung, của tất cả mọi người. Tuy nhiên, điều mà tôi băn khoăn là: làm sao một hiện thực như thế lại có thể trở nên bình thường trong mắt chính những người làm giáo dục? “Ở đây người ta làm như mọi việc đều bình thường, trong khi chẳng bình thường tí nào, nhiều chuyện bất thường xảy ra mà người ta cố tình không nhìn thấy, như thế thật nguy hiểm”, một người Pháp nói với tôi như vậy.

Tôi không viết để phản ánh. Hoàng Ngọc Tuấn nói một cách chính xác về “niềm hy vọng mong manh” trước khả năng thức tỉnh của con người. Niềm hy vọng mong manh ấy đứng ở cuối con đường mà các chữ phải đi qua, nó là động lực khiến cho các chữ phải bước vào cuộc hành trình của những bức thư này.

Mặc Lâm: *Sự giả dối, hèn nhát, lừa lọc và đập lên nhau mà sống dường như đã không còn cứu chữa được nữa. Hình ảnh địa ngục ấy phải chăng chỉ để chia sẻ trong một giới nào đó vì xã hội hình như không có cùng cách nhìn như vậy?*

Nguyễn Thị Từ Huy: Điều mà tôi nhìn thấy, Phan Huy Đường đã diễn tả trong mấy chữ đó: “sự giả dối với chính mình”. Đỗ Quý Toàn cũng có lý khi nói rằng sự dối trá đã trở thành một thứ “hệ thống điều hành” của não trạng cá nhân và não trạng xã hội. Không phải chỉ là lừa dối người khác, mà kẻ tự lừa dối bản thân đến một

mức nào đó tin luôn vào những gì do chính mình bịa ra, đồng thời lại vẫn biết rõ đó là những thứ bịa đặt. Địa ngục không chỉ là tha nhân, địa ngục là chính mình. Vì thế, không còn có thể nhìn vào chính mình được nữa. Nội tâm trở thành một khoảng trống, một khoảng trắng. Nội tâm là thứ người ta không đụng đến, người ta nhìn vào người khác, để khỏi phải nhìn vào bản thân mình. Chỉ cần tự nhìn mình, tự vấn mình, chỉ cần có chút ít gì đó cựa quậy trong nội tâm, người ta sẽ khó mà trở thành độc ác đến như thế, khó mà có thể vô cảm đến như thế, khó mà phạm tội được. Vì cái nội tâm ấy trống rỗng nên dẫn đến sự nghèo nàn tinh thần và thiếu vắng nhân tính. Tôi chỉ tìm cách lấp đầy một khoảng trống thôi, cấp cho nội tâm trắng hếu của một người bất kỳ nào đó cái nội dung tinh thần do tôi tưởng tượng ra.

Tôi nghĩ, chỉ có thể cứu chữa được, một khi con người quyết định nhìn thẳng vào nội tâm của chính mình. Chỉ khi đó mà thôi.

Mặc Lâm: *Trong 16 bức thư ấy bà thấy bức nào cần phải đọc ít nhất hai lần mới chạm được những ẩn ý chôn sâu mà ngôn ngữ tiểu thuyết cũng không chuyên chở nổi?*

Nguyễn Thị Từ Huy: Câu hỏi này có lẽ nên dành cho độc giả chẳng...

Mặc Lâm: *Tác phẩm được viết dưới hình thức các bức thư, nó tước mất những thói quen của người đọc và có khi làm cho họ bỏ dở các trang sách để hít thở không khí bên ngoài cuốn sách. Bà có gì nói thêm khi chọn cách viết rất khó này?*

Nguyễn Thị Từ Huy: Tôi không nghĩ rằng cách viết này là khó đối với người viết. Hình thức thư tín đến với tôi một cách tự nhiên, như nó phải vậy, như thế nó là hình thức cần thiết cho tác phẩm này.

Nhưng có thể nó buồn chán với người đọc, như anh nói, để họ phải bỏ giữa chừng mà ra đứng cửa sổ chẳng. Điều ấy còn tùy độc giả.

Vì sao tôi đã nghĩ đến việc dùng những lá thư để kết nối các cá nhân với nhau, và để kết nối các mảnh tưởng chừng như không thể tương hợp trong một con người?

Thư đang là một hình thức được sử dụng khá thường xuyên trong đời sống hàng ngày của chúng ta hiện nay. Có biết bao nhiêu văn bản được viết dưới hình thức thư! Từ trao đổi giữa hai cá nhân, đến các đề nghị gửi một nhân vật lãnh đạo nào đó, hay gửi một tập thể nào đó. Chúng ta cứ đọc báo mạng mà xem, thư đang là một

phương tiện hiệu quả để trình bày những yêu cầu chung của cộng đồng. Nhiều khi người ta cũng công bố những thư riêng có ý nghĩa xã hội. Trong số đó có những bức thư rất hay, đó là những thư của Trần Huỳnh Duy Thức gửi con, viết ở Xuyên Mộc, từ ngày 3 đến ngày 6/11/2013. Tôi thấy những bức thư của anh Thức giống như một tác phẩm văn học vậy đó. Những thư đó không chỉ là câu chuyện giữa người cha và các con của mình, đó là câu chuyện của cả dân tộc này.

Cũng tương tự như thế, nhà văn Hoàng Ngọc Biên đã nhận ra rằng những bức thư của tôi không chỉ là câu chuyện giữa hai người yêu nhau, đó là câu chuyện của cả đất nước này, vì thế ông đã dùng bức tranh “Đất & Nước” của ông để trình bày bìa cho cuốn sách.

Chúng ta, ai nấy đều biết rằng hầu như tất cả những thư trình bày nguyện vọng của người dân sau khi được gửi đi đều bị rơi vào im lặng. Nhưng mọi người vẫn tiếp tục viết thư. Tôi cũng biết thế, nhưng tôi vẫn viết những bức thư này.

Vừa qua là cuộc trao đổi ngắn giữa chúng tôi và TS Nguyễn Thị Từ Huy tác giả tiểu thuyết “gửi người yêu và tin”. Chúng tôi xin một lần nữa trích đoạn giới thiệu của Hoàng Ngọc Tuấn nói về tác phẩm này để giới thiệu đến người yêu sách:

“Đọc xong “gửi người yêu và tin” của Từ Huy, tôi chợt có thêm một thoáng hy vọng nữa, một thoáng hy vọng cũng vô cùng mong manh, rằng tác phẩm này sẽ có cơ hội được đọc bởi chính những con người mà nó phản ánh, và biết đâu có một giây phút tự phản tỉnh sẽ xảy ra trong lòng những con người ấy.”



***Thời điểm mà bạn đã sẵn sàng
buông xuôi mọi thứ thường là
thời điểm ngay trước khi
một phép lạ xảy ra, vì thế đừng từ bỏ.***

THƠ NHƯ LÀ MỸ HỌC CỦA CÁI KHÁC ĐỖ LAI THÚY

... Chỉ ở thời hậu - Nhân văn, tức khi phong trào Nhân văn Giai phẩm bị đập tan, Trần Dần, Lê Đạt cùng bạn bè ông bị đẩy ra ngoài lề xã hội, không còn được tham dự vào các cuộc hành hương truy hội của cách mạng, không được nói thứ ngôn ngữ chính thống và chính thức của cách mạng, thì bây giờ, trong sự “cô đơn toàn phần” (chữ của Đặng Đình Hưng), các ông mới *được/ phải* nói thứ ngôn ngữ riêng của mình và của thơ, một thơ không có bất kỳ một tính từ nào đi kèm, mới toàn tâm, toàn sức cho cuộc cách mạng thơ đích thực. Bởi lúc này, thơ và cách tân thơ với các ông là lý do tồn tại, là lẽ sống duy nhất: Thơ hay là Chết! Và chính nhờ sự tập trung năng lượng này, Trần Dần, Lê Đạt đã vượt qua được mô hình Nghĩa -> Chữ, chuyển sang mô hình:

CHỮ -> NGHĨA

Lấy *chữ* làm tính thứ nhất, làm căn cứ để phát nghĩa, thậm chí cùng lúc phát nhiều nghĩa. Như vậy, chữ, rộng ra là ngôn ngữ, không còn bị lệ thuộc vào cái nghĩa, cái tư tưởng có/ cho trước, nên thoát khỏi thân phận công cụ, trở thành mục đích của văn học, của mỹ học. Đến đây, có lẽ ai cũng thấy mọi cuộc cách mạng *kể cả hoặc nhất là* cuộc cách mạng nghệ thuật, đều phải trả giá. Và sự trả giá càng lớn, càng khốc liệt thì cơ may tạo ra sự đứt đoạn nghệ thuật càng cao. Bởi thế trả giá là số phận của nghệ thuật. Còn dám trả giá, tức dám sống hiểm nguy như Nietzsche nói, là số phận của nghệ sĩ. Có điều trong trường hợp của Trần Dần, Lê Đạt, Đặng Đình Hưng, Hoàng Cầm, cái giá của cách mạng thơ này là không nhỏ.

Ở thành thị miền Nam, từ 1955 đến đầu những năm 60, thơ Việt với biết bao tâm sức cũng chuyển được sang mô hình Chữ -> Nghĩa, nhưng bằng con đường phát triển tự nhiên. Do hoàn cảnh chính trị - xã hội đặc biệt văn hóa đô thị miền Nam, sau chín năm chiến tranh, lại tiếp tục liên thông với thế giới như tình trạng trước 1945. Bởi vậy, những trào lưu sáng tác văn học nghệ thuật của thế giới đương đại vẫn tiếp tục được tầng lớp thanh niên, sinh viên, trí

thức du nhập vào. Các nhà văn, do vậy, nhận thức được văn học nước mình đang ở đâu trên địa dư văn hóa thế giới. Họ kiên quyết vượt qua Thơ Mới và tiểu thuyết Tự lực Văn đoàn như là những biểu tượng của văn học tiền hiện đại để bước vào văn học hiện đại (chủ nghĩa). Nhóm *Sáng tạo* bao gồm các nghệ sĩ trẻ như Mai Thảo, Quách Thoại, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên, Thái Tuấn..., ra đời để thực hiện sứ mệnh này. Bằng cả lý luận lẫn sáng tác đăng trên tập san cùng tên, họ đã tạo ra được một luồng gió mới trong văn xuôi tiểu thuyết, đặc biệt là thơ, với Thanh Tâm Tuyền, một trong ba nhà thơ lớn nhất của thơ Việt miền Nam bây giờ.

Thơ Thanh Tâm Tuyền toàn bộ đều là thơ tự do, tức nhạc thơ không dựa vào vần điệu, mà dựa vào nhịp điệu. Trong tuyên ngôn “Nỗi buồn trong thơ hôm nay”, Thanh Tâm Tuyền cũng như Nguyễn Đình Thi trước đây bàn nhiều về nhịp điệu hình ảnh. Và khác Nguyễn Đình Thi ở *nhịp điệu tư tưởng*. Thi nhân tuyên bố ông không dính dáng gì đến các trào lưu phương Tây hiện đại mà tiến thẳng từ ca dao, tức hoàn toàn mới, không hề có “quá khứ thơ ca”, nhất là của thơ Việt. Đặt thơ mình trên cái “mỹ học của khoảng trống” này, Thanh Tâm Tuyền hẳn muốn được hoàn toàn tự do. Nhờ thế, thơ ông mới có thể nhẹ/nhịp bước cùng thời đại. Trước hết *nhịp thơ đô thị*. Thơ Mới trước đây cũng nói đến thành phố, nhưng là thứ thành phố *nằm ngoài* cư dân của nó, thành phố *lạc nhịp* với con người: những thị dân tuy vẫn sống “ở đây và bây giờ” mà đầu óc và trái tim thì lại thuộc về cây đa, bến nước, sân đình ở ngoài kia và trước đây. Còn thành phố của thơ Thanh Tâm Tuyền là thành phố hiện đại với xi măng, sắt thép, nhà máy, bến cảng, cầu tàu. Thành phố tạo ra nhịp sống của con người và con người tạo ra nhịp sống của thành phố. Con người và thành phố nằm trong nhau. Thơ Thanh Tâm Tuyền, vì thế, có một tình thần đô thị hiện đại, đích thực. Cũng vì thế mà thơ ông mới cùng nhịp đập với thế giới đương đại, quan tâm đến những vấn đề của nó, như màu da, nhạc jazz... Có lẽ, lần đầu tiên, thơ Việt mới cập nhật và cập thế giới đến như vậy.

Cuối những năm 50 đầu 60, xã hội miền Nam ở vào thời kỳ tương đối ổn định. Kinh tế thì phồn vinh do viện trợ của Mỹ. Văn hóa thì khởi sắc do chính sách hỗ trợ phát triển. Các trường đại học Sài Gòn, Huế, Đà Lạt đi vào nề nếp. Nhiều giáo sư, tiến sĩ triết học, văn học tốt nghiệp ở châu Âu, như Nguyễn Văn Trung,

Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm, Kim Định, Lê Tuyên, Đỗ Long Vân về nước tham gia giảng dạy. Họ phổ biến các trào lưu văn triết như hiện tượng học, chủ nghĩa hiện sinh, cấu trúc luận, phân tâm học. Bối cảnh kinh tế xã hội và văn hóa ấy đã kích thích sự tìm tòi, cách tân, sáng tạo. Không phải ngẫu nhiên mà Thanh Tâm Tuyên đặt tên các thi phẩm của mình như những lời tuyên bố: ***Tôi không còn cô độc*** và ***Liên đêm mặt trời tìm thấy***. Nhưng từ 1963, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ, miền Nam rơi vào sự bất ổn, rồi sau đó là chiến tranh, thì những cách tân nghệ thuật lại bị rơi vào sự lãnh đạm nên ít ai theo đuổi. Thơ thành thị miền Nam phần lớn trở lại với *thơ nội dung* và chỉ một phần nhỏ theo xu hướng *hậu hiện đại*. Và, hai nhân vật kiệt xuất, tiêu biểu cho hai lối đi này, lối trước là Tô Thùy Yên và lối sau là Bùi Giáng.

Thơ thành thị miền Nam sau 1963 cũng không còn những hiện tượng cách tân theo hướng hiện đại chủ nghĩa như Thanh Tâm Tuyên nữa. Thậm chí, chính Thanh Tâm Tuyên cũng thôi làm thơ. Hoàn cảnh chiến tranh, những bức xúc về các vấn đề chính trị, nhân sinh, nhân đạo, lấy đi toàn bộ tâm trí con người, nên thi nhân chỉ còn muốn mượn ngôn ngữ để nói ra. Phần lớn nhà thơ, vì vậy, lại trở về với những thể thơ quen thuộc của truyền thống hoặc của Thơ Mới. Hoặc tập trung vào những mảng đề tài chiến tranh, người lính, tình tự dân tộc, thiên nhiên. Tiêu biểu cho hướng đi này có Phạm Thiên Thư chuyên thơ thiên nhiên, Nguyễn Sa thơ tình yêu, tâm tình dân tộc. Đặc biệt là Tô Thùy Yên, người trước đó có tham gia vào nhóm *Sáng tạo*, nhưng dần dần không quan tâm đến cách tân hình thức câu thơ nữa, mà bận tâm đến những vấn đề triết lý, siêu hình. Tuy nhiên, thơ miền Nam với những hoàn cảnh đặc biệt của nó cũng còn để ra một số nhà thơ tư tưởng phóng túng, ngang tàng, dám vi phạm những cấm kỵ xã hội và văn hóa, điên điên khùng khùng, rất gần với hậu hiện đại như Phạm Công Thiện, Nguyễn Đức Sơn (Sơn núi) và Bùi Giáng. Nhưng Bùi Giáng thì *đã* là một nhà thơ hậu hiện đại rồi.

Bùi Giáng bắt đầu làm thơ với *Mưa nguồn* (1962), một tập thơ có nhiều ảnh hưởng bởi một cái nhìn hiện tượng học. Đó là việc đưa ngôn ngữ bị tha hóa trở lại với cội nguồn nguyên thủy và, quan trọng hơn, với bản thể nguyên nguyên của nó. Hơn nữa, con người trong *Mưa nguồn* không nhìn thế giới một cách duy nhiên, như một đối tượng, một sự vật, thậm chí một đồ vật, mà nhìn nó như một chủ thể khác đang đối thoại cùng/với mình. Sau đó, ông

viết nhiều về Heidegger và về tư tưởng hiện đại, dịch những công trình triết gia này diễn giải thơ Hoelderlin. Rồi chính ông lại dùng thông diễn học Heidegger để diễn giải các nhà thơ và các sự kiện triết học, văn học khác của Việt Nam và thế giới. Cùng với quá trình chín muồi tư tưởng này, Bùi Giáng từ bỏ lối làm thơ trong sáng, trang nghiêm, cân đối và đều đặn thuở *Mưa nguồn*, để viết thơ một cách phóng túng, phá cách. Từ đây, cái ngẫu nhiên đột nhập vào thơ Bùi Giáng, phá vỡ mọi quá trình nhân quả, tuyến tính. Tất cả đều là trò chơi của cái tình cờ, hỗn độn, bất định. Đứng cạnh nhau một cách ngẫu nhiên là các chữ thuần Việt/Hán Việt, các hình ảnh dân gian/bác học, các điển tích Đông/Tây, kim/cổ. Trong một bài thơ câu trước còn trang trọng, cổ điển thì câu sau đã nôm na mách quẻ một cách bất ngờ. Không có trò chơi chữ nào là không được áp dụng,

Nhưng từ trò chơi chữ, Bùi Giáng nhanh chóng chuyển sang trò chơi ngôn ngữ. Với ông, lúc này bài thơ như là *kết quả* sáng tạo không còn quan trọng nữa, mà quan trọng là *quá trình* sáng tạo, là *hành vi* sáng tạo. Bởi lẽ, như Heidegger nói: sự tồn tại chỉ ở cái nói về tồn tại, tức là ngôn ngữ. Từ đó, lối làm thơ của Bùi Giáng theo lối “xuất khẩu thành thi” hoặc “làm thơ tại chỗ”, lúc nào muốn dừng lại thì dừng và không phải sửa chữa gì cả. Mỗi bài thơ dường như chỉ là một nhát cắt từ một bài thơ duy nhất là toàn bộ sáng tác của ông, hoặc của chính cuộc đời ông. Bởi lẽ, cuộc đời Bùi Giáng cũng là một bài thơ. Ông sống như ông sáng tác, không hề có khoảng cách. Thậm chí, những gì Bùi Giáng không/chưa nói được bằng thơ thì ông “nói” bằng chính cuộc đời ông. Bởi thế, Bùi Giáng đã chọn, hoặc bị chọn, diễn như một thái độ sống, như một cách thế ở đời. Bùi Giáng là một thi sĩ - triết gia, vừa cổ điển vừa hiện đại. Đúng hơn, cái cổ điển của Bùi Giáng luôn là cái hiện đại, cái đương đại. Đó là cái mới của văn chương hậu hiện đại, một cái mới - cũ, chứ không phải cái mới - mới hiện đại chủ nghĩa.

Đỗ Lai Thúy

THI NHÂN VÀ THƠ

Nguyễn Minh Triết

“Yêu nàng bao nhiêu người làm thơ”. Có thể rất nhiều người đã làm quen với thi ca vì đã “yêu nàng”. Vì tình yêu người ta yêu đời hơn như Xuân Diệu khi yêu thì thấy “nắng trong lắm, lá êm, hoa đẹp quá / nhan sắc ời, cây cỏ chứa đầy sao”. Nhà thơ Nguyên Sa khi yêu thì “áo nàng vàng tôi về yêu hoa cúc, áo nàng xanh tôi mến lá sân trường”, hoặc khi có người yêu tìm đến thăm một chiều mưa thì “anh lạy trời mưa phong tỏa đường về và đêm ời xin cứ dài vô tận”.

Nhưng không phải ai cũng có diễm phúc cho tình đi rồi nhận được tình về, nên thường thường khách đa tình phải chịu thiệt thòi vì “yêu là chết trong lòng một ít”, và vì “mấy khi yêu mà chắc được yêu, cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu, người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết...”(Xuân Diệu). Cho nên ngoài chuyện ca ngợi người yêu, tình yêu, đa số thi ca, đặc biệt là thi ca tiền chiến thường là để khóc than cho những mối tình câm, những mối tình vu vơ như mới “nghe hơi gió ôm ngang lòng gió/ tưởng chừng như trong đó có hương/ của người mình nhớ mình thương/ nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì!”. (Hàn Mặc Tử), hoặc những mối tình tan vỡ, tuyệt vọng: “tưởng có nhau ai ngờ vẫn xa nhau/ em ác quá, lòng anh như tự xé” (Xuân Diệu), “Nàng hỏi nàng, muôn năm sâu thăm/ nhớ thương còn một nắm xương khô/ thân tàn ma dại đi rồi/ rầu rầu nước mắt, bồi bồi ruột gan” (Hàn Mặc Tử).

Có người nói thi nhân là người liên miên yêu và liên miên thất tình không hiểu có đúng không, nhưng nếu ta chịu khó đi vào vườn thơ ta sẽ thấy có rất nhiều thơ thất tình. Và nỗi đau khổ vì thất tình, vì tình đem cho không biếu không thường dè rất nặng trong tâm hồn con người nên ca dao Việt Nam cũng đã từng ghi nhận là “chiều nay có kẻ thất tình/ tựa mai mai ngã, tựa đình đình xiêu”. Không phải chỉ gần đây ta mới thấy tình yêu tràn đầy thơ văn mà từ xa xưa các cụ đã đem tình vào thơ. “Cầm kỳ thi tửu khách, phong vân tuyết nguyệt thiên” đã từng là đề tài cho bao nhiêu là bài thơ của các thi sĩ kiêm Nho gia ngày trước. Ta hãy nghe cụ Nguyễn Công Trứ nói về chữ tình: “Chữ tình là cái chi chi, dầu chi chi cũng chi chi với tình”. Vì các cụ thích “chi chi với tình” nên các cụ đã gây nên bao nhiêu là phong ba bão táp trong

tình trường và quan trường. Một Nguyễn Công Trứ vì thích “thần thoi thơ túi rượu bầu” và “thú tiêu sâu rượu rót đề thơ, có yền yền hường hường mới thú” nên cuộc đời cụ đã lăm lăm thăng trầm lên quan xuống lính. Một Cao Bá Quát quá đa tình nên cuộc đời lận đận không thôi, cứ chịu mãi cảnh “một thầy, một cô, một chó cái...”. Một Chu Mạnh Trinh khi nói về nàng Kiều thì “ta cũng nòi tình thương người đồng điệu”... Một Tản Đà lãng mạn đến ngông cuồng tương tự cả người không quen biết hoặc viết thơ cho trời xin cưới Hằng Nga...

Thi ca nói lên tình yêu và những hệ lụy của tình yêu thì nhiều vô số, chúng ta có thể kể hoài không hết. Điều này cho thấy thơ đã và sẽ là phương tiện được các người làm thơ dùng để giải tỏa nỗi lòng về tình yêu. Tình yêu ai lại không có nhứt là lúc tuổi đang xuân nên thơ Việt Nam rất là phong phú trong lãnh vực tình yêu và có thể nói mỗi người Việt Nam đều là một nhà thơ. Khởi thủy thơ được dùng để nói lên cảm xúc của lòng mình rồi từ đó thơ vươn mình lên vượt ra khỏi lằn ranh của tình yêu trai gái riêng tư để hội nhập vào cuộc sống. Vì cuộc sống muôn mặt nên thơ ghi nhận mọi khía cạnh tình cảm của đời người, những lúc buồn thương, sầu khổ, những khi sướng vui, hạnh phúc, những lần giận dữ, sân si đều được phản ánh trong thơ. Thơ có thể là cánh bướm nhẹ nhàng vờn bay khi chiều tà, một hạt sương long lanh buổi sáng tinh mơ, một giọt mưa rơi bên thềm nhà, một nụ non vừa chớm nở hay một đóa hoa hương sắc ngào ngạt mùi hương. Thơ có thể là tiếng cười và cũng có thể là tiếng khóc. Thơ có thể mang đến hương vị ngọt ngào nhưng cũng có thể cho ta những vị đắng cay. Thơ có thể là lời ca tụng những giá trị hay đẹp mà cũng có thể là lời lên án những điều xấu xa. Thơ có thể là những bùng nổ của tâm tư, của hoài vọng tích tụ lâu ngày hay lòng khát khao đạt thành một lý tưởng cao siêu. Thơ cũng là những lời thuyết phục bằng ý tưởng để dìu người đọc vào một hướng đi hoặc hòa nhập suy tư vào chung một niềm khát vọng. Thơ ghi nhận những hiện thực cuộc đời và thơ cũng phác họa những điều mộng tưởng. Thơ cũng có thể dùng để truyền đạt những ý tình của cá nhân hay những trạng huống trong xã hội. Tóm lại, thơ là tấm gương phản chiếu được tất cả hiện thực của cuộc sống con người.

Nếu người làm thơ ghi lại trung thực được những rung cảm của lòng mình về những hình tượng muôn màu của vạn vật và thiên nhiên thì dễ làm người khác rung động theo vì rung cảm như

làn sóng âm thanh, những làn sóng cùng tần số dễ dàng tìm gặp nhau, dễ dàng giao thoa, cộng hưởng. Cho nên người làm thơ không phải chỉ viết cho mình mà còn viết và rung động dùm cho người khác. Người làm thơ phải “trăm ngàn năm nẩy mãi sợi tơ lòng, ca những khúc sầu vui tình thiên hạ” (Lựa tiếng đàn - Thế Lữ). Người làm thơ phải biết soi chiếu, phải phản ánh những rung động, những ước mơ của tập thể, của cộng đồng trong đó nhà thơ đang sống. Người làm thơ phải biết ghi lại những suy nghĩ, nếp sống, hoặc hiện trạng của cá nhân nhưng phản ánh được các nét đặc thù của tập thể, của xã hội đương thời.

Do đó tuy làm thơ là làm cho riêng mình nhưng đồng thời cũng là làm cho mọi người. Khi người làm thơ phổ biến thơ mình dưới mọi hình thức là muốn tìm người đồng điệu có chung tần số, muốn tìm bạn tri âm để chia sẻ nỗi lòng. Bá Nha và Tử Kỳ là hình ảnh tiêu biểu cho hành động đi tìm sự giao thoa giữa người làm thi ca và người thưởng thức thi ca. Một bản đàn khảy lên hoặc một bài ca được ca sĩ ca lên phải có người nghe dù là một người đi nữa. Người làm thơ cũng vậy, thơ làm ra cũng nhằm một đối tượng là độc giả hay giới thưởng ngoạn. Độc giả có thể là một người như “nàng”, đối tượng của những vần thơ yêu, hoặc một số người hạn hẹp như những vần thơ viết tặng bạn bè, hoặc quảng đại quần chúng khi các bài thơ được tác giả cho phổ biến qua các phương tiện truyền thông.

Nhưng người đọc muốn hiểu thơ để cảm thông với người làm thơ cũng không phải dễ. Khi Tử Kỳ chết đi Bá Nha đã đập vỡ đàn vì không dễ gì tìm được một người bạn hiểu được tiếng đàn, “người bạn tri âm”. Đỗ Quý Toàn trong quyển *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói* (1) nhận định là trong thơ mỗi chữ là một tín hiệu, là một mật ngữ, người đọc phải hiểu được các tín hiệu này để tiếp nhận thông điệp của người viết hoặc phải biết cách giải khóa các mật ngữ mới mở được cửa lòng của tác giả. Mỗi người đọc tùy theo rung động của con tim mà hiểu các tín hiệu này một cách khác nhau và mở các mật ngữ theo một kiểu cách riêng biệt, đôi khi làm chạnh tác giả cũng không ngờ. Người đọc muốn hiểu thơ đủ để yêu thơ sâu đậm phải qua một tiến trình học hỏi của não bộ cùng sự cảm thụ của con tim. Do đó, với cùng một bài thơ mà mỗi người đọc hiểu và rung động một cách khác nhau tùy theo nhận thức chủ quan của mình.

Nhưng dù cho nhận thức của người đọc có khác nhau nhưng mục đích của thơ không thay đổi. Thơ là món ăn tinh thần để dinh dưỡng tâm hồn và làm cho đời đẹp hơn. Thơ làm cho con người trở nên phong nhã và thanh cao hơn. Như một triết gia đã nhận định thơ thổi sức sống và những chuyển động màu nhiệm vào thế giới chúng ta đang sống. Điều nhận định này hàm ý người làm thơ ngoài việc làm cho đời đẹp hơn còn phải biết sáng tạo, biết đem lại cho đời và cho người nhiều điều mới lạ. Hay nói một cách khác, nhiệm vụ của người làm thơ là phải phục vụ con người bằng cách dùng sự bén nhạy của cảm quan của mình để làm nhịp cầu giữa người với người và người với thiên nhiên chung quanh bằng những vần thơ ngày một hay, ngày một mới. Điều mà năm sáu chục năm trước đã từng tạo nên nhiều cuộc tranh luận là vấn đề nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh thiết nghĩ ngày nay không còn làm bận tâm mọi người nữa. Nghệ thuật trong “nghệ thuật vị nghệ thuật” tự nó là một đặc tính của con người, một kích thích của con người nên dù chủ trương nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh con người luôn luôn là đối tượng sau cùng. Nghệ thuật nói chung và thơ nói riêng lúc nào cũng phải phục vụ con người.

Con người ở đây là con người trọn vẹn với đủ mọi giác quan hỉ, nộ, ái, ố, con người đương thời cũng như con người dự tưởng của ngày mai. Thực vậy, vì thơ là sáng tạo nên thơ không những chỉ phản ánh và phục vụ con người đương thời mà còn phải dẫn đường và khai phá những điều mới lạ để phục vụ cho một giới công chúng đọc giả mà theo như nhà văn Italo Calvino (2) có văn hóa cao hơn giới thường ngoạn đương thời và cao hơn cả chánh bản thân người viết. Được như vậy thì thơ văn nói riêng và nghệ thuật nói chung mới mỗi ngày một tiến bộ và đáp ứng được kỳ vọng nơi giới hâm mộ cũng như làm tròn trọng trách của mình trong văn học.

Riêng đối với người làm văn học nói chung và làm thơ nói riêng ở hải ngoại trọng trách càng nặng nề hơn vì họ không những làm văn thơ cho riêng họ hoặc cho tập thể như đã minh định ở trên mà hơn thế nữa họ làm công việc bảo tồn văn hóa Việt. Khi sống ở đất nước người nhất là tại những nước có một nền văn hóa cao, con người tha hương rất dễ bị hòa tan vào nền văn hóa của nơi mình đang sống và do đó rất dễ bị mất gốc. Câu nói “tiếng Việt còn, văn hóa Việt còn và nước Việt còn” của ngày nào rất đúng

cho tình trạng hiện nay của tập thể người Việt ở hải ngoại. Cách hay nhất để bảo tồn văn hóa Việt ở ngoài nước là giữ cho tiếng Việt còn, mà muốn giữ cho tiếng Việt còn một trong những cách hay nhất là dẫn thân vào con đường văn chương, làm thơ hoặc viết văn.

Môi trường ở ngoài nước cũng rất thuận tiện cho những người muốn viết văn hoặc làm thơ. Trước nhất là một không khí tự do không bị trói buộc bởi bất cứ một điều cấm kỵ nào cho nên người viết có rất nhiều thoải mái trong khi sáng tác. Tất cả người Việt sống ở hải ngoại bản thân đều trải qua nhiều thử thách về nhiều phương diện cộng thêm lòng thương nhớ sâu đậm về quê hương yêu dấu nên có rất nhiều chất liệu quý giá cho sáng tác. Sống ở các xứ tiên tiến, một chân trời rộng mênh mông được mở ra trước tầm nhìn của tập thể người Việt. Nhờ đó ta học hỏi, đọc thấy được rất nhiều điều mới lạ và nếu muốn ta có thể đem ứng dụng vào văn chương. Trong hơn ba mươi lăm năm qua vườn hoa văn nghệ của tập thể người Việt ở hải ngoại đã nở rộ đầy hoa thơm muôn màu muôn sắc đã nói lên sức sống tâm thức mạnh mẽ của khối người Việt sống xa quê hương. Trong khu vườn hoa đủ loại đó có rất nhiều bông hoa mới vươn lên sau năm 1975 chen vai cùng những đóa hoa quý đã có từ trước 1975 làm cho khu vườn văn nghệ hải ngoại ngào ngạt hương thơm. Trong khi nền văn chương trong nước bị gò bó kiềm kẹp bởi chế độ toàn trị nên không phát triển được một cách tự do thoải mái thì vườn hoa văn nghệ hải ngoại còn là một cần thiết để bù trừ cho sự thiếu sót của văn chương trong xứ. Hi vọng một ngày không xa hai dòng văn chương trong và ngoài nước này sẽ hòa đồng, hợp nhất để tạo nên nền văn học Tiên Rồng phong phú, vững mạnh và đầy tình nhân ái.

Nguyễn Minh Triết

Chú Thích

1) Đỗ Quý Toàn, *Tìm Thơ Trong Tiếng Nói, California, USA: Thanh Văn Xuất bản, 1992.*

(2) _____, *Chủ Đề, Nhìn Lại 100 Năm Văn Học, “Chúng Ta Viết Cho Ai? Hay Chiếc Kệ Sách Giả Định”, Italo Calvino, Hoàng Ngọc Tuấn chuyển ngữ, trang 120-125.*

THÔNG TIN
Giới Thiệu Liên Danh Đắc cử Ban Đại Diện VB/Vùng
Nam Hoa Kỳ Nhiệm Kỳ 2014-2017
Bầu cử ngày 27-9-2014 tại Houston, TX
Chủ Tịch : Túy Hà
Phó chủ Tịch Nội vụ : Lưu Nguyễn Từ Thúc
Phó chủ Tịch Ngoại Vụ: Lê Thị Hoài Niệm
Tổng Thư Ký : Phạm Tương Như
Thủ Quỹ : Lê Hữu Liệu

Tân Ban Chấp Hành Văn Bút Nam Hoa kỳ (2014-2017)



Từ Trái sang phải:

Thị Hữu Lê Hữu Liệu (Thủ Quỹ) Văn Hữu Lê Thị Hoài Niệm (Phó Chủ Tịch Ngoại vụ)

Văn Hữu Túy Hà (Chủ Tịch) Thị Hữu Phạm Tương Như (Tổng Thư Ký)

Văn Hữu Lưu Nguyễn Từ Thúc (Phó Chủ Tịch Nội Vụ)

**VBNHK tham dự ngày ra mắt sách của các VH Thu Nga,
Huỳnh Công Ánh, Việt Phương Tại Dallas,TX**



Từ trái: Vĩnh Tuấn, Yên Sơn, Thu Nga, Thanh Trúc, Túy Hà,
Phạm Tương Như, Như Phong



VĂN BÚT VIỆT NAM HẢI NGOẠI

Vùng Nam Hoa Kỳ

Nhiệm kỳ 2014 – 2017

Cố vấn: **Doãn Quốc Sỹ**

BAN ĐẠI DIỆN

Chủ Tịch: **Túy Hà**

Phó CT Nội Vụ: **Lưu Nguyễn Từ Thúc**

Phó CT Ngoại Vụ: **Lê Thị Hoài Niệm**

Tổng Thư Ký: **Phạm Tương Như**

Thủ Quỹ: **Lê Hữu Liệu**

UV. Văn Nghệ Sĩ Bị Cầm Tù: **Trương Sĩ Lương**

UV. Giao Tế - Thông Tin : **Thu Nga**

UV. Tổ Chức: **Cù Hòa Phong**

UV. Âm Nhạc: **Linh Phương**

HỘI VIÊN HOẠT ĐỘNG

***Dương Phước Luyến** ***Huỳnh Quang Thế** ***Huyền Vũ Lê Văn**
***Huyền** ***Huỳnh Công Ánh** ***Lan Cao** ***Lê Hữu Minh Toán** ***Lê Thị**
***Hoài Niệm** ***Linh Phương** ***Nguyễn Thế Giác** ***Lê Hữu Liệu**

***Nguyễn Tuấn Chương** * **Phan Đình Minh** ***Thu Nga** ***Mây Ngân**
***Cù Hòa Phong** ***Lưu Nguyễn Từ Thúc** ***Vĩnh Tuấn** ***Vô Tình**
***Yên Sơn** * **Diễm Nghi** * **Lưu Thái Dzo** ***Dương Thượng Trúc**

***Song An Châu** ***Võ Thanh Văn** ***Nguyễn Đức Nhơn** ***Phạm Ngũ**
***Yên** * **Nguyễn Mạnh An Dân** * **Trương Sĩ Lương** ***Phạm Tương**
***Như** ***Túy Hà**.

HỘI VIÊN ÂN NHÂN

Lê Thị Thu Cúc

HỘI VIÊN TÌNH NGHĨA

Đặng Minh Hùng - **Bích Huyền** - **Quỳnh Nguyễn** - **Hoàng Tường** -

Kha Lăng Đa - **Kim Hà** - **Linh Du** - **Nguyễn Kim Long Phụng** -

Nguyễn Thanh Ngọc - **Tam Thanh** - **Thanh Hà** - **Tiffany Nguyễn** -

Thái Tầu - **Tuấn Trường** - **Bích Phương** - **Nhật Hạnh** -

Ngô Thu Hồng - **Song Thy** - **Trần Yên Thụy** -

Hoàng T. Thanh Nga - **Văn Ngọc Thy** - **Trần Bửu Tú** - **Út Võ** -

Tin Văn 247



Được tin Nhạc Mẫu cũng là Thân mẫu
của Văn Hữu Phạm Tương Như và Chị Như Hoa là Cụ Bà:
TRẦN NHƯ Ý

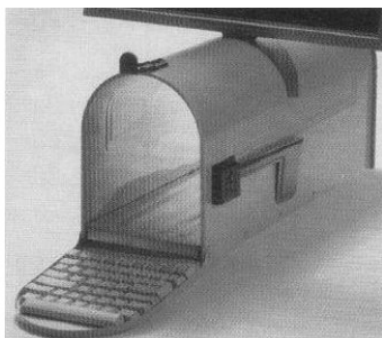
Nhũ danh Võ Thị Nhơn, Pháp Danh Diệu Hương
Sinh năm 1920 Tại Minh Đức Vĩnh Long
Đã mất phần ngày 23 tháng 6 năm 2014 tại Vĩnh Long, VN
Hưởng Đại Thượng Thọ 95 tuổi

Toàn Thể thành viên Văn Bút Nam Hoa Kỳ. Ban Biên Tập
và Cộng tác viên tạp chí Tin Văn

Đồng hiệp thông dâng lời cầu nguyện cho Hương Linh
Cụ Bà Diệu Hương sớm vẫn sanh cực lạc quốc
hưởng phước đời đời.

Và ĐỒNG THÀNH KÍNH
PHÂN ƯU CÙNG TANG QUYỀN.

Đại Diện
Túy Hà/ Chủ Tịch văn Bút Nam Hoa Kỳ



THÔNG BÁO CẦN LƯU Ý

@ Bài vở sáng tác đã gửi cho Tin Văn xin đừng gửi ở Báo khác. Tòa soạn toàn quyền không đăng hoặc cắt bớt nếu nội dung bài không phù hợp với chủ trương của Tin Văn (không viết thêm) và có thể hiệu đính nếu thấy cần thiết. Quý Tác giả nào không đồng ý vui lòng ghi chú trên đầu bài viết. Bài gửi đăng theo khổ giấy viết thư 8.5x11.5 không cần lay out trước, gửi qua attachment vui lòng dùng dạng chữ Unicode-Time new roman, cỡ chữ 14. Nếu có hình ảnh minh họa cần scane dạng JPG. Bản thảo không hoàn lại. Sáng tác về văn không dài quá 08 trang về Thơ không quá 03 trang.

@ Tin Văn hân hoan chào mời Quý độc giả và Quý thân hữu cổ động mua ủng hộ dài hạn Tin Văn một năm 4 số là 35 US. Kể cả cước phí. Ngoài USA xin thêm 10 US.

@ Chi phiếu ấn phí, ủng hộ, và quảng cáo, xin ghi gửi Thủ Quỹ là : Tòng Phạm theo địa chỉ:

**Mr.TONG PHAM P.O. BOX 681822
Houston,TX 77268**

@ Bài vở sáng tác xin gửi về email:
tuyha81@yahoo.com

Ngay sau ngày Tin Văn phát hành. Tòa soạn bắt đầu nhận bài mới (T rong thời gian 45 ngày).

Chân thành cảm ơn Quý Độc giả và thân hữu Cộng tác viên đã theo dõi Thông Báo Này.

Trân Trọng
TIN VĂN



Văn Bút Nam Hoa Kỳ và Tạp Chí Tin Văn Đặc biệt cảm tạ

Quý ân nhân và Quý cơ sở sau đây đã nhiệt tình yểm trợ tài chính và Quảng cáo cho Tin Văn có thêm điều kiện phát triển góp phần phục vụ cho hoạt động văn hóa Việt Nam Hải Ngoại.

Quý Ông Bà: Quỳnh Nguyễn - Tuấn Đào - Tông Phạm - Lập Nguyễn - Ngô Đặng - Trần Bửu Tú- Đào Lê

Quý Cơ Sở:

Phương My Video - Leon Vũ Insurance - Neuroreflexology Therapy - Vision Outlet - Cecile Nguyễn Insurance - Cao Nails- Beauty@ Spa Wholesale - JN Nails Supply

Linh Phuong music Productions- Love's Marina&Park

VP.TAX Lena Ngoc Nguyen,EA - Phở Thy



TRONG SỔ NÀY

**Lời vào tập 3/ *Lưu Nguyễn Từ Thức / tiếng sóng biển đông /5/ * Hoàng Đạo / 76 năm trước/6 *Nam Giao / Thời sự /8/ *Nguyễn Văn Trường / Thân phận con người /16/ *Túy Hà /Tiếp lửa quê xa /25/ *Cung Bảo Bình / Hoa nở quanh ta /28/ *NGƯỜI ĐI THƠ NGÁT HƯƠNG ĐỜI /31/ (Đình Hùng-Xuân Quỳnh-Thâm Tâm) *Đương Thượng Trúc / Tản Đà 34/ Chu Tất Tiến / Xin hãy đến /44/ *Kim Oanh / Cổ thi /45/ *Lưu Thái Dzo / Thương nhớ /46/ *Nguyễn Hữu Nhật / Lục bát /47/ *Yên Sơn / Ngọn đuốc soi đường /48/ *Ý Nga / Dao ta sắc /53/*

250 Tin Văn

***Phạm Tương Như** / Gió ngát /54/ ***Minh Xuân**/ Biện Đình / 60/
***Nguyễn Đức Nhơn** / Tráng sĩ /61/ ***Huỳnh Công Ánh** / Một
 lần bất tỉnh /62/ ***Lê Hữu Liệu** / Xa em /63/ ***Thái Bạch Vân** /
 Thất ngôn /64/ ***Lê Hữu Minh Toán** / Trăng mộng /65/ ***Phạm**
Ngũ Yên / Gởi lời thăm mùa xuân /66/ ***TÌNH TRONG Ý NGOÀI**
 /75 (Thy Lan Thảo, Vương Hồng Ngọc,Ht. Nguyệt Khuyết, Trần
 Trung Tá, Như Ly) ***Thu Nga** / Mấy Trăng.../82/ ***Trần Kiều Bạc**
 / Chữ Không /92/ ***Trần Yên Thủy** / Từ lạc đường bay /93/ ***Dạ**
Dung / Trăng nghiêng /94/ ***Đỗ Bình** / Mưa bên đời /95/ **Cái**
Trọng Ty / Tường đá đen /100/ ***Cao Thoại Châu** / Những cây
 bàng/102/ ***Phan Thanh Cường** / Đất và biển /103/ ***Lê Thị Hoài**
Niệm / Mối duyên mơ /104/ ***Mây Ngàn** / Diệt tàu cộng /110/
***Phan Văn Truồi** / Dấu vết xưa /111/ ***Trần Hồng Văn** / Một
 cuộc trao đổi /112/ ***Đào Lê** / Cà Phê Mưa /119/ ***Nguyễn Lập**
Đông / Âm binh /120/ ***Hoàng Thị Thanh Nga** / Mối tình hoa
 /121/ ***Trần Việt Cường** / Sông ngược dòng trôi /131/ ***Trần Văn**
Lệ / Tôi uống trăng /132/ ***Dana Giogia - Ngọc Dung** / Nhà
 Thơ...văn xuôi/133/ ***Lê Đình** / Nhận định âm nhạc /145/ ***Văn**
Nguyễn Dương / Tôi – Em /153/ ***Song Thy** / M /154/ ***Giai Thoại**
 /155/ ***Hoàng Xuân Sơn** / Chôn vào- Để muộn /157/ ***Võ Thanh**
Văn / Giấc mơ /158/ ***Lan Cao** / Ác mộng /159/ ***Nguyễn Thị**
Thanh Dương / Chờ mong /160
Phan Các Chiêu Hằng / Chỉ là /168/ ***Nguyễn Mạnh An Dân** /
 Giờ cuối phần 2 /169/ ***Luân Hoán** / Vùng thanh thoát /185/ ***Vũ**
Tiến Lập / Hoa Thiên Nữ /186
Như Phong / Bềnh bồng /187/ ***Du Tử Lê** / Đây là chân dung
 /188/ ***Ngô Nguyên Nghiễm** / Thơ viết giữa trời /199/ ***Phạm Tín**
An Ninh / Song Vũ bút ký /201/ ***Cù Hòa Phong** / Hiệp khúc /206/
***Trương Sĩ Lương** / Một đời nuôi tiếc /208/ ***Vô Tình** / Chùm thơ
 /223/ ***Mắt Nâu** / Giọt lệ từ bi /224/ ***Trầm Vân** / Ngọn lửa /227/
***Song An Châu** / Một ánh sao /228/ ***VIỄN KÍNH** / **Huỳnh**
Quang Thế /23 (Nguyễn Thị Từ Huy / Đỗ Lai Thúy / Nguyễn Minh
 Triết)
Sinh Hoạt gần xa /246/ ***Thông báo**/249

Mr. Print

Complete Printing Services



- ◆ *Wedding Invitations*
- ◆ *Business Cards; Invoices*
- ◆ *Books; Binding*
- ◆ *Flyers; Labels; Posters*
- ◆ *Graphic Design*

11331 Richmond Ave. Ste. N105
Houston Texas 77082

Tel: 281-556-9299
832-279-9180

Đảm trách mọi dịch vụ ấn loát
uy tín và đúng hẹn

PHƯƠNG MY

AUDIO & VIDEO

TRUNG TÂM ▪ BĂNG NHẠC ▪ SÁCH BÁO ▪ KARAOKE

CHUYÊN BÁN SỈ VÀ LẺ

- ◆ Đủ các loại máy Tự Diễn điện tử
 - ◆ Đầu máy Karaoke vi tính 45 ngàn bản nhạc
 - ◆ Đủ loại máy DVD - Mixer Karaoke
- Audio Systems và Wireless Microphone

ĐẶC BIỆT MUA 1 MIXER
tặng 1 cặp Wireless Microphone

Mở cửa 7 ngày:
10am - 9pm

Có đầy đủ DVD-CD của các trung tâm trên toàn quốc

- Phim bộ Việt Nam, Hong Kong, Đại Hàn, và Trung Quốc
- Phim miền Bắc và nam, Cải Lương, Hải Hước và Phóng Sự Việt Nam
- Phim lẻ Hong Kong và Đại Hàn có phụ đề Anh ngữ

Có bán đủ loại máy MASSAGE

Phương My là đại lý chính thức duy nhất của công ty TÂN TỰ
ĐIỂN tại Houston. Quý khách mua ở những cửa hàng khác trong
vùng sẽ không được bảo hành và sửa chữa của công ty
Tự Diễn Smart World

KHU HONG KONG
CITY MALL



11205 Bellaire Blvd., #B8, Houston, TX 77072
Tel: (281) 530-9155 / Fax: (281) 530-8379

ĐỜI SỐNG THAY ĐỔI .

**Tôi có thể giúp bảo hiểm của bạn theo kịp
sự thay đổi đó.**

Hãy gọi tôi ngày hôm nay để được xem xét miễn phí
những chương trình bảo hiểm Allstate có thể bảo vệ bạn.
Bạn mới có một cháu bé? Bạn đã mua một chiếc xe mới?
Bạn đang có một đứa con ở tuổi vị thành niên lái xe trên đường?
Có rất nhiều lý do để bạn cần phải hiện đại hóa chương
trình bảo hiểm của bạn. Tôi có thể giúp bạn có được một
chương trình bảo hiểm đúng cho bạn.



Cecile Nguyen

(713) 462-1447

9585 CLAY RD, Ste # 8

Houston

CecileNguyen@allstate.com



Allstate®
You're in good hands.

Auto
Home
Life
Retirement

Chương trình bảo hiểm tùy thuộc vào sự sẵn có và tiêu chuẩn của bạn. Công ty Bảo Hiểm Allstate và Công ty Bảo Hiểm Tài Sản và Tài Nạn Allstate: Northbrook, IL. © 2007 Allstate Insurance Company



LÊ HOÀNG NGUYỄN
WINNING AGENCY

LENA NGOC NGUYEN, EA
MASTER TAX ADVISOR
ENROLLED AGENT

Power of Attorney to represent clients in the Tax Court



10613 BELLAIRE BLVD. #200
HOUSTON, TX 77072

TEL: 281 • 498 • 9009

FAX: 281 • 498 • 9018

LENA@WINNINGAGENCY.COM

NTT BEAUTY SUPPLY

11210 Bellaire Blvd., #123
Houston, TX 77072
Tel: (281) 988-5653
Fax: (832) 328-4939

JN NAIL SUPPLY & SPA

12320 Bellaire Blvd., # A8A
Houston, TX 77072
Tel: (832) 328-4841
Fax: (832) 328-4939
Email: JNNail77072@yahoo.com

JN (SHOW ROOM)

11107 Bellaire Blvd., #D
Houston, TX 77072
Tel: (832) 512-6412
Cell: (713) 884-0479



- Điện
- Đồ gia dụng, nước
- Máy rửa
- Tủ lạnh
- Ghế ăn uống
- Đồ sơn tường
- Nhà vệ
- Tủ lạnh
- Máy giặt
- Máy hút
- Tủ lạnh
- Tủ lạnh
- Tủ lạnh

TÔ KỸ ĐỨC BUILDER

- * Nhận làm Plumbing, Điện, máy lạnh.
- * Có license
- * Công việc làm bảo đảm

Tel: (713) 367-6207

TIN VUI - TIN VUI - TIN VUI

Kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2011

chúng tôi đại lý sản phẩm hãng ODYSSEY Nail Systems Inc. tại Houston.

- Đèn U/V light cho Gel màu **3 Years warranty**
- Cần nhiều đại lý trong vùng
- Gel màu mua **10 Free 1**
- Liquid không mùi (thay thế Solar Liquid)
- Powder, màu trong, tươi, không bị bột như Sola
- * Nhận build tiệm, xin phép và pass inspection. Công việc làm bảo đảm
- * Có thợ lót gạch, điện, nước, Plumbing cho tiệm và tư gia



**JN NAILS NƠI CUNG CẤP ĐẦY ĐÚ CÁC
MẶT HÀNG PHỤC VỤ NGÀNH NAILS**
JN NAILS Beauty Supply & Tony Triển

Email: JN NAIL77072@yahoo.com

Kính Mời

Xin để tôi giúp quý vị về các nhu cầu bảo hiểm của quý vị.

Xe Cộ - Nhà Cửa - Nhân Thọ - Kinh Doanh
Các sản phẩm và dịch vụ có phẩm chất... của một công ty quý vị quen thuộc.
Xin mời quý vị ghé lại văn phòng hoặc gọi điện thoại cho tôi.



LEON VŨ TIẾN LẬP
Agent

Allstate Insurance Company

13120 Veterans Memorial Drive
Houston, TX 77014

Bus: (281) 866-0343

Fax: (281) 866-0373

www.allstate.com

Allstate Property and Casualty Company, Allstate Life Insurance Company, Northbrook, IL, Allstate County Mutual Insurance Company, Allstate Texas Lloyds Insurance Company, Irving, TX. © 2000 Allstate Insurance Company. Tùy thuộc vào mức cung ứng và hội đồng điều kiện mua bảo hiểm.



Allstate

You're in good hands.

Vision Outlet

8200 Wilcrest, suite 248 (at Beechmont - cạnh Kim Video và Quê Hương Restaurant)

Houston - Texas 77072 - ĐT: (281) 495-1403

- * Nơi phục vụ xứng đáng, chân thật và uy tín từ 10 năm qua
- * Tiệm có đủ mọi hiệu kính trên Thế Giới
- * Contact Lenses đủ loại, đủ màu
- * Bảo đảm giá hạ nhất Houston
- * **GỌNG HẠ GIÁ TỪ \$10.00, 1 CẶP KÍNH \$38.00 (gọng và tròng)**
- * **CÓ MÁY TỐI TÂN CẮT KÍNH LẤY LIỀN (SV)**

- * LẤY ĐỘ KIỂM CỬ LẠM KÍNH MỚI
- * CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO GIA ĐÌNH KHỔ KHĂN
- * NHẬN LẠM KÍNH GỬI ĐI XA, KHÔNG TÍNH TIỀN CƯỚC PHÍ

GIỜ MỞ CỬA:

Mở cửa 6 ngày

Thứ Hai - Chủ Nhật: Từ 10 AM - 7 PM

Đóng cửa: Thứ Ba



**Đã được người Mỹ xếp hạng 5 SAO -
Một trong những tiệm BEST của Texas
trong sách Underground Shopper**

Chúng ta yêu cuộc sống bằng trái tim và nhìn rõ những niềm vui thân thương qua đôi kính - Hãy đến VISION OUTLET để được săn sóc xứng đáng



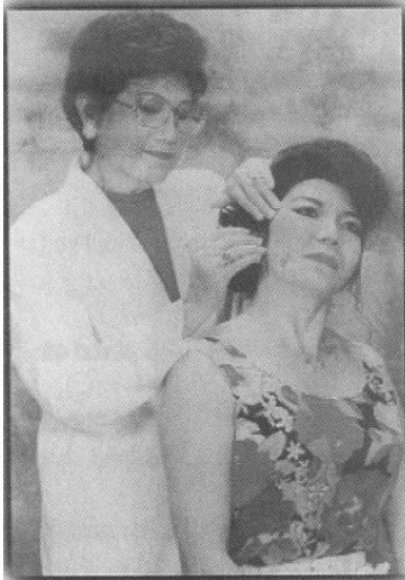
**Coupon
\$10.00**

PHẬT MINH Y KHOA ĐIỀU KỲ

NEUROREFLEXOLOGY THERAPY

LIỆU PHÁP PHẢN XẠ THẦN KINH

Bý Lê Thị Thu Cúc



LICENSE NO.MT 4550

8056 Boone @ Beechnut
Tel: (281) 498- 6777 * (713) 301-3645
1- 877- 279-7778

Xin gọi lấy hẹn:

Mon - Fri: 9am - 7pm

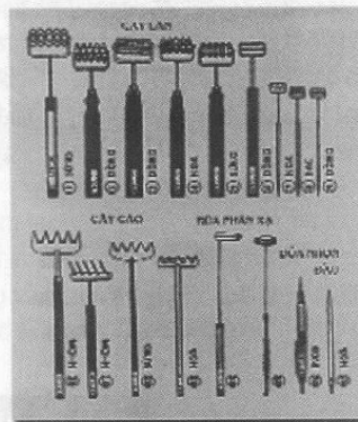
Sat: 9am - 2pm

Sun: Closed

Đã chữa lành được:

- Người mù tìm lại được ánh sáng.
- Người điếc nghe được tiếng chim liu lo.
- Người câm được trả lại tiếng nói.
- Người mù tìm lại được ánh sáng.
- Người bại liệt đi được bình thường.

Trích bài viết của linh mục James Vũ đăng trên báo Tin Việt



DỤNG CỤ SỬ DỤNG TRONG XOA BÓP PHẢN XẠ
ĐƯỢC CẢI TIẾN THEO:

* Larouse Medical 1952 trang 679 ảnh 1130
và trang 949 ảnh 1657

* Và tạp chí "The Guide of Acupunture"



LINH PHƯƠNG PRODUCTIONS

**HÂN HINH GIỚI THIỆU
NHỮNG ALBUMS CD CỦA
NHẠC SĨ LINH PHƯƠNG GỒM
NHỮNG NHẠC PHẨM TIỀN
CHIẾN BÁT HỦ**

Độc tấu dương cầm :

**MƯA TÌNH, MƯA LỆ, MƯA TƯƠNG TƯ,
MƯA DĨ VANG, SUỐI MƠ, NHẠC TRỪ TÌNH Á
CHÂU, NHỚ VỀ MIỀN TRUNG, TÌNH YÊU CUỐI
ĐỜI, CUNG ĐÀN THƯƠNG NHỚ.**

GIÓ CUỐN TÌNH XƯA (Giọng ca Huyền Châu)

VÀ ĐỜI ĐAU THƯƠNG (Giọng ca Cẩm Vân)

Bâng Khuâng (sáng tác Linh Phương- Nguyễn Túc)

**Và giới thiệu trên 30 Albums CD, Sách nhạc, và
các sáng tác của Nhạc sĩ Linh Phương. Xin Mời ghé
trang nhà :**

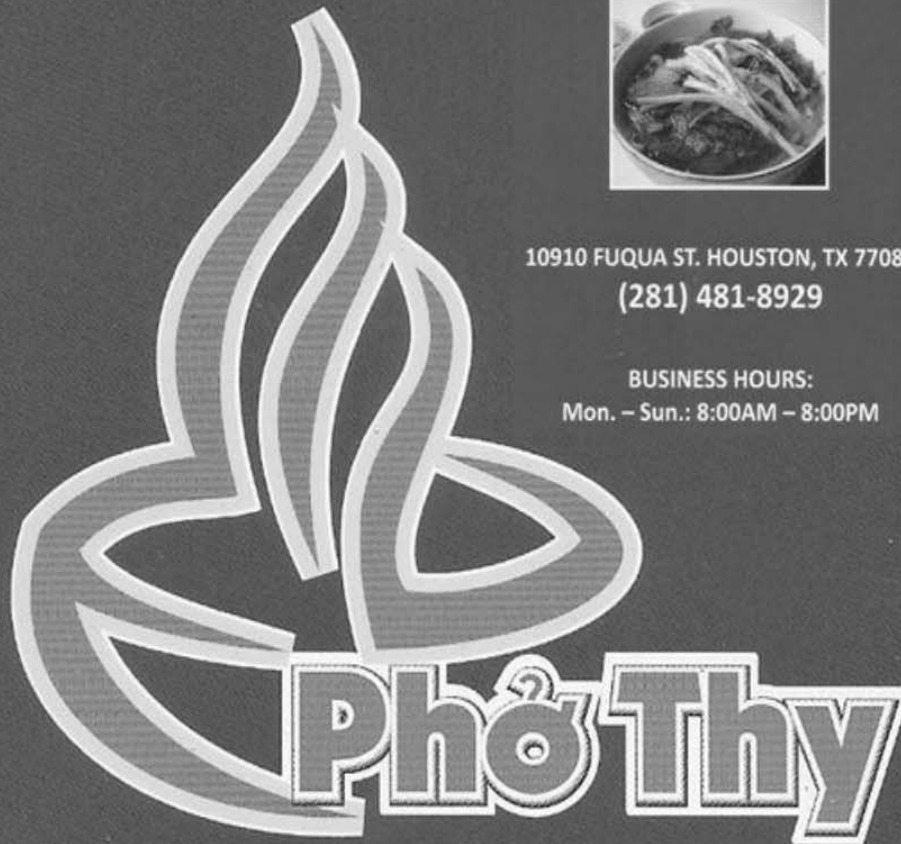
Linhphuongproductions.net.

Phone : 832-512-4764



10910 FUQUA ST. HOUSTON, TX 77089
(281) 481-8929

BUSINESS HOURS:
Mon. – Sun.: 8:00AM – 8:00PM



KHAI TRƯƠNG THU BAY NGAY 2 THÁNG 2 NĂM 2013

281-481-8929

Chuyên Phở Bắc gia truyền do chính người Nam Định nấu

Có Tái-ức HƯƠNG VỊ ĐẶC BIỆT

ĐẶC BIỆT: Nạm - hương vị thơm ngon.

Bún Bò Huế - Gà đi bộ khó quên

Giới mở cửa: 7 ngày một tuần
từ 8AM - 8PM

Cần nam, nữ nhân viên chạy bàn. Xin liên lạc: 832-310-0764 (Bác Tĩnh)

Trong thời gian khai trương:

FREE TRÀ ĐÁ
NƯỚC NGỌT
(SOFT DRINKS)





CAO
Nails & Spa
Wholesale
Elegant Design

NAILS BEAUTY & SPA WHOLESALE
NƠI CUNG CẤP NHỮNG MẶT HÀNG MỚI NHẤT
ĐẦY ĐỦ TRANG THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGÀNH NAILS
HÀNG HIỆU GIẢ HỮU NGHỊ
CHỖ SPA DANH TIẾNG, MUA HÀNG SẼ CÓ QUÀ TẶNG

Địa điểm 1: 6787 Wilcrest Dr. #A Houston TX 77072
Địa điểm 2: 9820 Gulf Fwy Ste C3-4 Houston TX, 77034
Phone : 281-575-0678 (inside Hongkong 5)
Fax: 832-778-5046 Phone : 713-910-3899

Find us online
[www..caosupply.com](http://www.caosupply.com)



LOVE'S MARINA INC.

BOATING, FISHING, CAMPING, PICNICKING

Bạn đang ở Houston
Bạn là du khách từ xa đến

Nếu chưa đến thăm
LOVE'S MARINA PARK

là bạn chưa biết mùa hè rực rỡ
của Houston Hữu tình



211 Hwy 90 (old hwy 90)

CROSBY, TX 77532

Tel: 281-328-2159

